

TỪ TRÊN THẬP TỰ

Nguyên tác: What Jesus Saw From The Cross

Tác giả: Fr. Sertillanges, OP.

Dịch giả: LM Thomas Túy, O.P.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

Chương 1: ĐIỂM QUAN SÁT

Chương 2: SION

Chương 3: NHÀ CHA NGÀI

Chương 4: PHÒNG TIỆC LY

Chương 5: NÚI ÔLIVÊTÊ

Chương 6: KHÁCH BÀNG QUANG

Chương 7: NGƯỜI THÂN YÊU

Chương 8: KẼ THÙ

Chương 9: NGÔI MỘ

Chương 10: THIÊN ĐÀNG

Chương 11: LỜI BẠT

LỜI MỞ ĐẦU

Thánh Phaolô khuyên nhủ tín hữu thành Roma: "Anh em hãy mặc lấy Đức Kitô" (13, 14). Tư tưởng này rất quan trọng cho đời sống thiêng liêng. Đó là ý nghĩa thánh nhân hiểu. Nhưng còn một ý nghĩa khác không kém quan trọng mà chúng tôi đề ý tới và đề nghị cùng độc giả trong cuốn sách nhỏ này. Nó không phải là hoàn toàn bất khả thi cho những ai thành tâm yêu mến Chúa Cứu Chuộc: Hãy mặc lấy Đức Kitô cụ thể như khi Ngài chịu khổ hình trên thập tự.

Nghĩa là chúng ta dùng tưởng tượng mà mặc lấy Ngài, cũng chịu treo giữa trời và đất với Ngài, không bên cạnh, không ở dưới. Nhưng có cái đầu đội mào gai gục xuống dưới hàng chữ bản án, chân tay bị đánh sắt đâm thấu qua, thân xác gắn chặt vào cây gỗ ngang dọc, máu xối ra từ khắp thân thể, nhất là từ các vết thương bả vai, các lỗ đinh. Từng cơn sốt rét, sốt nóng hành hạ, thời tiết khắc nghiệt, đúng như tình huống của Chúa khi xưa. Điều này cho chúng ta khả năng cảm nghiệm những

chi Ngài đã chịu đựng trên thác xác, trong trái tim và suy gẫm trước quang cảnh chung quanh mà Ngài xem thấy từ trên cao. Nghĩa là chúng ta thay chỗ cho Chúa ngõ hầu không phải chúng ta sống mà Đức Kitô sống trong chúng ta (Gl 11, 20). Và rằng không phải chúng ta trông thấy nhân tình thế thái, mà chính Chúa Giêsu qua con mắt, miệng lưỡi, trái tim, lỗ tai của chúng ta. Sau đó chúng ta được khả năng tưởng nhớ, cảm nghĩ, phán đoán, dự phóng tương lai như Chúa. Thiết tưởng đây là công việc đáng làm. Ý tưởng này nảy ra nơi tôi vào một buổi chiều khi tôi theo thói quen đứng suy ngắm trên một vị trí thuận tiện ở Giêrusalem.

Vị trí là trên sân thượng Hy-Lạp, trông sang tiền đường nhà thờ Mồ Thánh, vài bước cách xa cái vòm tròn lớn là một vòm mái nhỏ bằng đá, bên trên có cây Thánh giá. Bạn có thể đi tới đó dễ dàng và đứng quanh quần ở đây. Bây giờ, nếu bạn quay mặt nhìn về phía thành thánh Giêrusalem, đang trải rộng trước mắt, thì bạn đối diện với toàn cảnh, có thay đổi chút ít theo thời gian, như cái nhìn của chính Thầy Chí Thánh. Theo sự tính toán kỹ lưỡng nhất của cha H. Vincent và cha F.M. Abel dòng Đa Minh, giáo sư kinh thánh trường Giêrusalem và nhà khảo cổ học uy tín, thì cây thánh giá bạn đang sờ tay vào đứng đúng chỗ của cái giá gỗ xưa đã mang thân thể Chúa Giêsu, chỉ sai trệch vài phân về chiều cao và vị trí (*Jérusalem: Recherches de topographie, d'archéologie et d'histoire*). Thật cảm động phải không nào? Vì thế, thánh Cyrilô thành Giêrusalem một lần đã giảng trong nhà thờ Mồ Thánh: "Những người khác chỉ được nghe về, còn chúng ta, chúng ta được điểm phúc xem thấy và đụng chạm vào".

Ngày nay quang cảnh nơi Chúa chịu đóng đinh đã hoàn toàn đổi khác, rất khó nhận ra. Nguyên việc mô tả địa điểm quan sát của tôi đủ để chứng minh điều này. Nhưng người ta vẫn có thể thiết lập lại không mấy khó khăn. Chỉ còn một vài điều là chưa chắc chắn. Những điểm nghi ngờ là: Thật khó mà hòa hợp quan niệm sẵn có của chúng ta với sự kiện đáng tiếc là chúng ta không thể tìm ra dấu vết của Đàng Thánh Giá. May mắn thay quang cảnh tổng quát còn lại y nguyên. Đường nét chung chung chỉ dẫn cho chúng ta rằng các đồi núi chung quanh Golgotha, các thung lũng, các gò nổi phần nào đã được lấp đầy hoặc san bằng nhưng vẫn còn có thể phân biệt được. Người ta có khả năng mừng tượng ra các con đường nhờ hình thể mặt đất và phương hướng cố định. Đây đó còn trông thấy các đống đổ nát của dấu vết đào bới khảo cổ. Sự so sánh giữa các bản vẽ và hiện trạng cụ thể cho phép chúng ta tái thiết toàn cảnh của biên cố xưa, nhờ vậy chúng ta có cảm giác choáng ngợp của thực tại đau xót nhất nhân loại.

Vậy không nên trì hoãn hơn nữa, nhưng mở rộng đôi mắt với Chúa Giêsu Kitô: Đôi mắt xác thịt và đôi mắt linh hồn. Khi "mặc lấy" Chúa như vậy rồi, chúng ta hãy kết hợp với tâm trí và trái tim Ngài, ngõ hầu thế giới thiêng thiêng mà linh hồn Ngài di chuyển cũng hiển hiện rõ ràng cho chúng ta ngày nay. Ước mong mỗi người được ơn hiệp nhất với Ngài thấm thiết hơn.

Giêrusalem, chiều thứ Năm Tuần Thánh.

Fr. Sertillanges, OP.

CHƯƠNG I

ĐIỂM QUAN SÁT

Đức Giêsu rời dinh quan Philatô phòng 12 giờ trưa. Thời tiết ở Giêrusalem lúc này ngột ngạt nhất trong ngày. Năm tháng thì vào khăng 20 tháng 3 dl, muộn nhất là 17 tháng tư, nghĩa là vào giữa mùa xuân. Mùa này ở Palestine thời tiết thất thường. Ngày hôm trước đẹp trời, hôm sau nóng bức hoặc tuyết rơi. Dân địa phương gọi là mùa Khamsin, tức gió mùa tây nam.

Đức Giêsu phải vác lấy giá gỗ của mình. Cổ đeo lưng lẳng tẩm bằng sơn trắng nêu rõ tội danh. Bảng hình chữ nhật rộng chừng hai mét vuông, và sẽ được đóng vào giá gỗ phía bên trên đầu nạn nhân. Đi trước mở đường là đoàn kỵ binh. Hai bên là đội binh đầy đủ vũ khí gươm đao. Cùng bị điệu đi xử tử với Đức Giêsu là hai tên trộm cướp đúng như Phúc âm mô tả. Dân chúng ùa theo sau, người nguyên rủa, kẻ chửi bới, thù hằn hoặc chỉ đơn giản vì tò mò.

Con đường qua các phố xá chật hẹp, nếu tính thẳng như chim bay thì phỏng chừng 200 mét, nhưng thực tế ngoằn ngoèo lên đồi xuống dốc khoảng 500 mét. Đoàn diễu hành tiến ra ngoại thành bằng cổng Ephraim, bình dân gọi là cổng vuông, vì cổng xây vuông góc với tường thành phố Giêrusalem, sau này cổng được gọi là chợ Roma (Forum Roman).

Cổng Ephraim hình cái răng cày nhọn hoắt, nhô ra phía ngoài, người ta chỉ có thể vào cổng từ phía bắc xuống phía nam và ra cổng từ hướng đông sang hướng tây. Ở một tu viện Hy-lạp gần đây còn giữ được một bậc đá cổ, tương truyền Chúa Giêsu khi vác thập tự đi ra Calvario đã giẫm lên. Ngay sau khi vượt qua ngưỡng cửa cổng thành, Chúa đã đối diện với ngôi mộ sẽ giữ xác Ngài ngày hôm sau.

Tuy nhiên, đó chẳng phải là điếm gỗ, vì mộ chí là dấu hiệu đặc trưng của các gia đình giàu có, nhà cao vườn rộng. Cái cổng khác giữa Ephraim và Jaffa được gọi là cổng các thửa vườn vì nhìn ra nhiều vườn trồng trước mặt. Thực tế, hiện nay các triền đồi Gareb, quả núi đối diện, đang được đào bới. Ôliva là cây trồng chủ yếu ở vùng này, nhưng cũng có các loại cây xanh khác như vâ, lựu, dẻ. Trên cành chúng đủ mọi thứ chim trời đến làm tổ: Chích chòe, chào mào, cú cu, sẻ, sáo, dẻ quạt, bồ câu đá... chúng líu lo vui vẻ và nhộn nhịp vào mùa xuân. Hoa lá cũng không thiếu. Mặt đất được trải thảm bằng cỏ xanh, hoa dại mọc hoang trên các triền đá sỏi như lưu ly, thủy tiên, loa kèn, thực dược, mồng gà, huệ, đồng tiền, nhiều nhất là chân ngỗng ba lá xòe, hoa đỏ. Kinh thánh nói bông huệ đồng nội ghen tương với vẻ sang trọng của Salomon, đây là loại hoa rất đẹp, lấp lánh dưới ánh sáng ban mai, muôn hồng nghìn tía như những cửa sổ kính màu nhà thờ.

Cũng có một loại hoa danh tiếng khác mọc ở đồi Calvario, đài hoa bé xíu như chiếc cúc áo, nhưng xem ra chẳng bao giờ tàn tạ, bởi chiếc hoa hôm sau mọc đúng vị trí bông hoa hôm trước. Chúa Giêsu yêu mến loại hoa này, nên đã nhuộm chúng bằng máu đào của mình. Con chào mào đỏ ngực của câu

chuyện hoang đường, con bò câu đá rên rỉ của Thánh vịnh, và có thể cả con cú thông thái của bóng tối đã ru Ngài vào giấc ngủ của cõi tử thần.

Vào một buổi chiều Thứ Sáu Tuần Thánh, tôi đang đứng trầm ngâm suy tư ở địa điểm yêu thích nói trên thì bất thần đàn chim én ở đâu bay về đen nghịt cả bầu trời, vừa bay vừa kêu ét ét vây quanh cây thánh giá bằng thép nhỏ trên vòm bằng đá, thế chỗ cho thập tự Đức Kitô. Chúng bay như mắc cửi qua lại, cây thánh giá tưởng chừng như bị vướng mắc vào mạng lưới của chúng. Tiếng kêu run rẩy, sắc nét, thảm thiết. Hình như đó là một dạ hội quen thuộc của chúng. Dạ hội nhắc nhớ cái chết oan ức và đau thương của các tử tội còn phảng phất từ ngàn xưa. Có lẽ Chúa Giêsu cũng đã chứng kiến và lắng nghe các con én này khi Ngài hấp hối. Ngài mỉm cười buồn bã đón chào tiếng chim như một bài ca từ già.

* * *

Chúng ta vừa nói đến địa danh Calvario. Tuy nó chiếm một chỗ quan trọng trong não trạng Kitô hữu, nhưng định vị được nó thật là việc khó. Các khách hành hương nếu không được bảo cho biết trước thì vô phương tìm kiếm. Theo tính toán của tôi và các chuyên gia thành thạo thì "quả núi" nằm ở gần sân "trung cổ" có các cột đỡ vây quanh. Thực tế Calvario không phải là "quả núi", cũng không phải là đồi trọc, trừ phi bạn gọi như vậy vì lòng tôn kính. Nó là một gò nhỏ như mọi gò khác nổi lên giữa cánh đồng. Nếu khu đất không rộng lắm, cách xa cổng Ephraim chừng 60 mét và chưa được san bằng, thì đường lên Calvario không khó khăn. Cái gò đất vôi này cao hơn mấy con đường chung quanh chân nó chừng 5 hoặc 6 mét. Phía tây nhô lên một cách bất ngờ, phía đông nam thoải thoải. Tuy nhiên vị trí quan sát của Chúa nhìn về thành Giêrusalem thật tổng quát và rõ ràng. Bởi lẽ khi giá gỗ được dựng nên ở điểm cao nhất, thì khoảng ba bốn mét, cộng với chiều cao của "quả núi" thì chừng tám chín mét, như vậy nhìn thấy chân trời phía đông qua thành phố. Ngay trước mặt là cổng Ephraim, xa chừng sáu bảy chục thước, đền thờ chừng 400 mét, đồn binh Antonio chừng 350 mét, góc đông nam cao nhất chừng 650 mét. Góc đông nam cao "vòi vọi" này là nơi thằng quỷ cám dỗ Chúa gieo mình xuống đất.

Từ điểm cao ấy Chúa có thể trông thấy toàn cảnh thành phố, xa đến tận các miền quê, làng mạc, núi đồi phía đông gồm cả nam và bắc như người ta đứng trên đỉnh trên đỉnh núi vậy. Từ hướng bắc, đông đông bắc là triền núi Nabi-Samouel, phần cao nhất của dãy Gabaon. Nơi đây, bà Respha xua đuổi các con kên kên rìa xác các con bà. Nơi đây, vua Salomon có giấc mơ về sự khôn ngoan. Rồi đến Maspha, nơi các anh em Macabeo thờ lạy Đức Chúa trước khi tấn công Giêrusalem. Còn đứng hướng đông, trước mặt Chúa Giêsu là dãy Scopus, nơi đại đế Alexander có lần phải suy sụp trước oai phong của Đấng Tối Cao. Cũng nơi đây các tướng Cestius Gallus và Titus của Roma đóng quân để tàn phá Israel khi thời của nó đã hết hạn. Sau này đến lượt binh lính Godfrey de Bouillon oai hùng tiến vào thành thánh mà Nabuchôđônôô, Sennacherib, Tiglath-Palasar đã từng khao khát.

Về phía đông là núi Olivê-tê (Olivetum), ngọn núi giữ vai trò quan trọng trong cuộc đời Chúa Giêsu, vì những ký ức về nó. Ngọn núi không cao, các triền ngọn thoải thoải, quang cảnh chung quanh đẹp,

gồm các làng mạc, thôn xóm, đường đi lối lại nhiều. Chúng ta sẽ bàn về nó sau này. Bên phải qua núi, ngang qua thung lũng Cedron là giải đất luôn âm ỷ chấy, nơi đồng hoang khô hạn, xa hơn giải đất cằn cỗi này người ta có thể nghĩ thấy hơi mặn của biển Chết và đường viền không dứt quãng của dãy Moab, đầy khói sương ở phía chân, nhô lên từ biển Đen. Đây là hoang địa "Ăn chay 40 đêm ngày" của Chúa Giêsu, sau khi Ngài lãnh nhận phép rửa của Gioan ở bờ sông Giođan và tiếng phán ra từ trời. Đây cũng là ngọn Nêbô, ông Môsê đứng đó nhìn đất hứa từ đàng xa. Nơi này cũng là địa điểm Machaerus với chiếc đầu lâu Gioan Tẩy Giả đặt trên đĩa, như thể đội hào quang cho ông. Ở nơi này có nhiều hang động lánh nạn của các con dê té thần. Chúng bị đuổi đi vì tội ác của Israel, giống như Chúa Giêsu sau này bởi tội lỗi nhân loại.

Vẫn về phía đông, nhưng gần hơn, là núi Moriah, tức cái bệ khổng lồ của thành thánh Giêrusalem và đền thờ. Ngọn núi chạy dài xuống phía nam giáp gianh với thung lũng Tyrôpaeon, đồng bằng Giôsaphát rộng lớn, nơi có thành Đavít tọa lạc. Xa hơn về phía chân trời là Siloe, mảnh đất bất tử, nơi chôn cất của người Do thái cổ. Phía sau làng này là dãy "gương mù" (Scandal mount) nơi gợi nhớ những điều "gớm ghét" (abomination) thuở xưa. Về hướng tây là ngọn đồi cao ngăn cản tầm nhìn, bây giờ gọi là núi Sion, chạy chung quanh thung lũng Hinnon còn gọi là Gehenna (hỏa ngục). Đó là tất cả phong cảnh mà Chúa Giêsu có thể trông thấy từ cây thập tự.

Vào lúc này (tức phỏng 3 giờ chiều) thời tiết còn đẹp đẽ, dễ chịu nhưng chẳng bao lâu nữa các đám mây đen nghịt kéo về, bao trùm cả không gian. Về mùa hè, đêm xuống rất bất ưng, chỉ vài khoảnh khắc sau giáng chiều rực rỡ. Khi gió nổi lên thì những đám mây đen khô khan khó chịu kéo đến. Người ta truyền tụng rằng đó là bộ cánh của quỷ sứ Styx miền Assyria giương ra để kịch chiến với âm ứot của thần Nedjet từ phía tây thổi đến. Màn đêm tối đen buông xuống nhanh, che phủ cả mặt đất. Hình ảnh rợn người của thần chết do Thiên Chúa sắp đặt, vào giây phút xảy ra cái chết vĩ đại này.

* * *

Bây giờ chúng ta đề cập đến cây thập tự. Nó là khổ giá của người Roma ưa dùng để hành quyết các tội phạm nguy hiểm, ngõ hầu nêu gương cho kẻ khác. Chúa Giêsu đã ám chỉ tới nó khi tuyên bố: "Khi nào bị treo lên cao, Ta sẽ kéo mọi sự lên cùng Ta" (Ga 12, 32). Điều mà loài người chủ ý dùng để hạ nhục Ngài, thì Ngài sử dụng như khí cụ vinh quang. Nó là một cây gỗ dài chừng hơn ba mét, được bào vuông. Chiều dài và sức nặng được tính toán để phạm nhân có thể vác bồng lên vai đi ra pháp trường. Không có chuyện kéo lê thân cây dọc theo đường phố. Đòn ngang bên trên cũng phải được tính toán hợp lý. Như vậy cây khổ giá có hình chữ thập, di chuyển dễ dàng, nhưng phải đủ cứng cáp để có thể chịu đựng một thân xác vài chục kilô và đứng vững lâu dài.

Có giả thiết cho rằng trên thân đứng, cách mặt đất một khoảng có cái bệ để nạn nhân ngồi, đỡ cho chân tay khỏi xệ xuống khi dựng giá gỗ lên, từ đó phát sinh tranh cãi về cụm từ Latinh "equitare crucem" (cỡi thập tự). Nhưng chi tiết này không chắc chắn lắm. Và đôi khi người ta trông thấy nhiều tranh ảnh vẽ hai chân Chúa Giêsu đặt lên hai miếng gỗ, nhưng cũng là tưởng tượng. Có lẽ lý hình

kéo chân Chúa cong lên một chút, ngón hầu gan bàn chân nằm bằng phẳng trên thân gỗ, rồi mới đóng đinh. Chi tiết này là khả dĩ nhất, mặc dù xem ra ghê sợ.

Còn gỗ thì thuộc loại cây nào? Có rất nhiều truyền thuyết hoang đường. Có người lý luận phải là loại quý báu, để mang lại hoa quả tốt lành cho nhân loại. Khả năng đúng nhất là loại gỗ thông, thường mọc đầy trong vùng ấy. Thông vùng Palestine có nhiều chủng loại, người ta vô phương xác định giá gỗ Chúa Giêsu thuộc chủng loại nào? Có chuyện còn nói rằng cây đó được đốn ở thung lũng phía nam thành phố Giêrusalem, bây giờ thuộc phạm vi tài sản của tu viện Hy Lạp gần đấy gọi là tu viện Thánh Giá. Nhưng cũng chỉ là chuyện để mà nói. Còn nhiều giai thoại nực cười khác về thung lũng này, chẳng ai dám nhận mình có thẩm quyền xác định. Có hàng lô sưu tập thập giá ở Giêrusalem, nhưng không có chỉ dẫn chúng ở đâu tới. Phụng vụ Hội Thánh đặt bài ca đầy ý nghĩa thiêng liêng cho thập giá Chúa Giêsu:

*Ta tin thật muôn rùng cây chẳng thấy,
Một cây nào cành, hao, lá, như người.
Mấy mũ đĩnh nhẹ quá thập tự ơi,
Sao mang nổi tám hình hài vô giá.
Rủ cành xuống hỡi cây cao bóng cả.
Giãn thớ ra cho thân cứng hóa mềm.
Như chiếc giường vừa trái mệm ấm êm,
Cho vua cả đến đặt mình nằm xuống.*

(Kinh sáng, thứ sáu tuần thánh).

Các câu thơ trên có lẽ còn tốt hơn mấy truyện tưởng tượng, thí dụ người ta truyền khẩu ông Lót trồng cây, vài nghìn năm sau bà hoàng hậu Seba đốn xuống làm ngưỡng cửa đền thờ Giêrusalem. Nếu nói về thánh giá như cây gỗ, chúng ta không nên tò mò quá quắt xem nó được trồng ở đâu, khi nào. Tốt hơn nên nghĩ nó được dựng nên ngày thứ sáu tạo dựng trên khắp mặt đất. Và từ thời Chúa Giêsu, nó tồn tại trong ký ức mỗi tín hữu như phương tiện vô giá cứu vớt nhân loại. Các tín hữu phải liên kết với Chúa qua khổ giá: "Những ai muốn làm môn đệ Ta, thì hãy vác thập tự mình hàng ngày mà theo". Thật hạnh phúc cho những linh hồn nào biết trả giá cho nó, và những đất nước nào biết tôn thờ nó.

Vấn đề kế tiếp là cây thập tự của Chúa Giêsu quay mặt về hướng nào? Những nhà mô phạm tây phương thì nhất định là hướng tây. Nhưng ý đồ này chỉ phục vụ cho mục tiêu ích kỷ, võ đoán của họ. Họ nghĩ họ ở phương tây nên Chúa phải quay mặt về phía ấy để nhìn và cứu vớt họ. Cái nhìn của Ngài sinh ơn ích vô cùng nên họ phải được hưởng, đồng thời Ngài quay mặt đi khỏi lệ luật cũ và Israel. Tuy vô căn cứ nhưng lý luận xem ra dễ nghe, phục vụ cho lòng đạo ích kỷ của người tây phương. Còn nếu quan sát địa hình địa thế của Calvario thì hướng tây quả là bất tiện, không hợp cảm tính chung. Và mục tiêu răn đe của Roma trở nên vô hiệu.

Khi bước ra khỏi cổng Ephraim người ta đối diện ngay với rặng núi Gareb mà Calvario chỉ là gò nhỏ vệ tinh, nổi lên ở chân núi như bao gò khác. Quay mặt về hướng ấy có nghĩa là quay vào triển đồi, chẳng ai trông thấy diện mạo các phạm nhân, trừ phi đi vòng từ sau ra phía trước cây thập tự. Những người nhàn rỗi trước cổng thành hoặc dạo chơi ở khu đất trống, các dân cư mọi nơi tụ họp về Giêrusalem mừng lễ Vượt Qua cắm lều trại ở tường thành, các khách qua lại ngã tư đường chẳng xem thấy chi cả. Nhiều lắm thì nhìn thấy phía sau lưng các nạn nhân. Như vậy mục tiêu răn đe chẳng có tác dụng chi. Ngoài ra, địa thế đóng đinh, đưng giá gỗ cũng khó khăn vì mặt đất soãi về phía đông. Sắp xếp như trên là không hợp lý.

Cho nên phải chấp nhận Chúa quay mặt về phía cổng thành, nơi mà Ngài vừa bước ra để chịu hành hình. Lúc ấy các kẻ thù của Ngài tha hồ nhạo báng, hoặc khách hiếu kỳ thả sức bêu môi. Ngài kiên nhẫn và khiêm tốn chịu đựng tất cả, không kêu la mắng chửi hay nguyền rủa bản thân, như thói quen các nạn nhân thường làm. Do vậy quan trưởng đội Roma phải kêu lên: "Đúng Người này là Con thiên Chúa" (Mt 27, 57). Nhiều tác giả bên vực hướng đông còn đưa ra lý do xứng hợp: Con "người mới" khởi đầu. Ngài nhìn thấy trước nguồn mạch khai sinh ra ánh sáng mới và nền văn minh mới, thánh thiện, lành mạnh. Ngài ngắm nhìn đền thờ, nhà của Cha Ngài và trong cô đơn Ngài nhắc đến Người Cha thân yêu: "Lạy Cha nhân sao Cha bỏ con?". Gần hơn nữa là thành lũy thế giới tội lỗi mà Ngài vượt qua, nhưng chẳng bao giờ quên nó. Ngài thở dài buông một tiếng từ già: "Mọi sự đã hoàn tất" (Cosummatum est) thật thảm thương. Nhưng cũng từ hướng đông mặt trời mọc, khởi sự một ngày mới, ngày của Chúa Kitô khai hoàn.

Xác định xong phương hướng, chúng ta nói đến giá gỗ được kéo lên thế nào? Đơn giản chỉ cần vài quân nhân góp tay dựng lên, cho đúng hô sâu, xoay đúng hướng và chèn đá là xong. Phía cao, trên tấm bảng viết mấy chữ nội dung bản án. Trường hợp Chúa Giêsu là: Giêsu người Nazareth, vua dân Do thái, bằng ba ngôn ngữ: Do thái, Latinh, Hy Lạp. Ngày nay chúng ta thấy chữ Latinh viết tắt: INRI: Jesus Nazareth rex Judeorum. Trước khi đóng đinh, lý hình thường lột hết quần áo của phạm nhân, trói chặt vào khổ giá, rồi mới đóng đinh. Đầu Chúa Giêsu vẫn đội mào gai để thêm phần sỉ nhục. Nhưng sự thực, là biểu tượng được tôn vinh làm vua vũ trụ, vua yêu thương mọi linh hồn.

Giá gỗ rớt xuống hố, đưng mạnh vào mặt đất làm rung chuyển thân xác đã bị nhừ đòn đêm qua không thương xót. Cửa lễ hiến tế đã được treo lên giá, đọi lửa toàn thiêu, tức cái chết. Vì cú sóc của giá gỗ, thân xác rung động chùng xuống, máu ở các vết thương xối ra, nhất là từ các lỗ đinh chân tay. Máu cũng xối trào từ chân các gai nhọn thấu vào da đầu. Các vết cắt trên thân thể lộ rõ vì dòng máu mới. Vàng trán và mặt mũi vậy đầy máu khô. Sách Isaia tả đúng: "Người chẳng còn hình dạng như trước nữa". Tuy nhiên nạn nhân không thể cử động hay giẫy dụa vì chân tay đã bị ghim chặt vào giá gỗ. Thật quá đau đớn. Tại sao loài người lại có thể tàn nhẫn với nhau như vậy được? Dầu sao, linh hồn nạn nhân vẫn được tự do và những cơn đau khiến khả năng trí tuệ trở nên sắc bén hơn.

Nhưng hãy còn một chút sức lực trong con người mà cuộc hy sinh vĩ đại vì tội lỗi đã tiêu hao gần cạn. Cuộc sống tuy bị trói buộc vào mảnh đất nhỏ bé Palestine nhưng thực chất ôm trọn vũ trụ. Sau vài tiếng rên rỉ, đúng hơn vài lời than thở thống thiết cùng Thiên Chúa trời đất thương cảm. Thương

cảm của trời đất để được xót thương tha thứ lỗi lầm. Thương cảm để ban cho nhân loại phúc lành. Rồi đến cái liếc nhìn thấu suốt xuyên qua mọi sự. Cái nhìn xa bao nhiêu có thể, qua tầm nhìn của mọi thọ tạo. Bởi vì nó đi từ hữu hình sang vô hình, thấm nhập mọi nguồn mạch, tới chiều sâu của Thiên Chúa.

Vừa khi khổ giá được dựng lên, Calvario chìm ngập trong giây phút yên lặng. Người ta nín thở đến chết cứng, bất động đến rợn người trước cảnh tượng đau đớn tột cùng của các nạn nhân. Hiệu quả không tránh khỏi của nó ảnh hưởng đến cả các lý hình mà vừa đây đã mất tính người. Nhưng trước hết đến Đấng chịu đóng đinh. Sau cái lắc mạnh của thập ác lọt vào vị trí, thân thể nạn nhân quặn đau mà không thể cựa quậy, là giây phút hấp hối. Trời đất ảm đạm như sắp tới cơn mưa bão, nhưng nắng vẫn chói chang trên triền núi. Chẳng bao lâu nữa cái chết sẽ ập tới.

Tiếng động ồn ào từ thành phố vẫn vọng ra, hòa vào những lời sỉ nhục, nhạo báng, chê cười, tiếng nguyên rủa của hai nạn nhân bên cạnh, tiếng chân lừa đập nặng nề trên mặt đường lát đá. Chúng lầm lũi bước đi vì chờ nặng. Tiếng lạc đà hí, chuyên chở hàng hóa đi xa, có lẽ tới Jaffa hay Damascus. Xa trên các đồi cát, gió nóng khô khan bắt đầu nổi lên. Dãy Moab khoác màu sương xám. Các cây và tỏa hương thơm ngọt ngào như mật ong. Trên nền đất pha vôi dưới chân giá gỗ nụ hoa calvario mọc nhanh và lan rộng. Sau giây phút lưỡng lự, bàn tay tử thần bóp chặt lồng ngực Đức Giêsu Kitô không chút xót thương.

Thầy Chí Thánh mở to đôi mắt.

CHƯƠNG 2

SION

(Tên cổ là Moriah. Tương truyền ông Abraham đã sát tế Isaac ở đây. Bây giờ là thành phố Giêrusalem. Đức Giêsu chịu đóng đinh trên cái gò nhỏ Golgotha, ngoài tường thành).

Mọi sự trước mắt Đức Giêsu trong cái nhìn đầu tiên trên giá gỗ bày tỏ công việc của Cha Ngài, đồng thời ký ức về thuở ban đầu Ngài đã trải qua. Nhưng tôi nghĩ tới một nơi đặc biệt đầy bí ẩn lôi kéo con mắt Ngài. Bởi nó là khởi điểm của muôn thế hệ: Núi Sion. Nó là một giải đất hẹp thẳng dốc, gọi là Ophel (đồi hay gò) nằm xa hơn hào lũy tường thành và khoảng đất trống của đền thánh, ngày nay là giữa nhà thờ Hồi Giáo El- Akasa và Gehenna. Nó rộng khoảng gần chục hectars, trong đó phông 5 hectars chạy từ chân đồi cho tới Gihon, giếng trinh nữ hiện nay. Mảnh đất cuối cùng này, đúng hơn phần lớn của nó là một đồn lũy bảo vệ gọi là Sion, cái tên của ba ngàn năm trước và được an bài để vươn tới tận cùng trái đất. Như vậy theo ý nghĩa nào đó nó có tầm quan trọng đời đời.

Vâng, thành của Đavít như người ta gọi sau chiến thắng của ông Gioab, hay muộn về sau thánh Gioan Kim Khẩu gọi là "Kinh thành của vua muôn thuở". Chiều rộng nội vi là chừng ít hơn 200 mét.

Nguồn nước duy nhất của nó là mạch Gihon. Nhưng mạch nước này nằm ngoài gianh giới đồn lũy, cho nên để bảo đảm có nước dùng trong trường hợp bị vây hãm, thì người ta đã đào một đường dẫn ngầm, gọi là Sinnor hay kênh dẫn bí mật. Bằng đường dẫn này một người đàn ông do Đavít dụ dỗ, đã thành công xâm nhập và đòùng chiếm đồn lũy, nơi tưởng chừng như chẳng bao giờ đột nhập được.

Đôi khi, những điều rất nhỏ lại mang những tên vĩ đại: Địa danh Sion thuộc trường hợp này. Lúc đầu nó chỉ là một đồn lũy bé xíu, rồi lan ra cả quận huyện, nếu như bạn muốn gọi 5 hectars giêo đất là quận huyện. Thực tế nó chỉ có một số dân cư ít ỏi sống trong những chiếc lều lụp xụp dựng theo triền núi dốc. Một số là chòi thấp lè tè trên nền đất xám, trông xa giống như những tổ kiến trợ trụ, không cánh đồng xanh tươi.

Độc giả chẳng cần ngạc nhiên hay thất vọng về cuộc sống của những thời buổi xa xưa. Ngay cả hiện tại, nhiều vùng miền trên hành tinh còn quá hoang dã đối với trí óc tưởng tượng của nhiều người thuộc văn minh tây phương. Họ sống chủ yếu ngoài trời, gặp nhau mua bán ở công làng xóm, làm việc rải rác trên triền núi hay thung lũng hoang sơ, ngủ dưới trăng sao, tìm trú ẩn trong các hang động tự nhiên của vách đá, ngay cả mồ mã cũ bỏ hoang, hoặ hoãn lăm họ mới chịu vào lều gọi là nhà khi thời tiết quá khắc nghiệt. Lúc ấy họ vây kín mọi lối chui ra chui vào.

Những tiện nghi theo nghĩa tân thời chỉ dành riêng cho thẩm quyền xã hội và thần linh. Những người này cư ngụ trong thành lũy. Nó vừa là đền thờ vừa là cung điện. Như vậy thành trì không cần rộng lắm. Thời tiết thuận lợi và thiên nhiên ưu đãi như phần đất này, thì những tiện nghi ngoài trời tốt hơn cả. Nhà cửa chỉ còn là nơi ẩn náu hơn là trú ngụ. Cánh đồng thoáng rộng và như vậy lều trái được thu gọn vào mức tối thiểu, vì ít khi sử dụng. Hoang địa bao la, cho nên chỗ chui ra chui vào chỉ cần bé nhỏ.

Bởi vậy, thưa Thầy Chí Thánh, xin hãy ngắm nhìn giải đất đã bắt rễ cây Giê-sê mà Ngài đã nảy sinh từ đây. Bây giờ xin nhìn nó ẩn mình khiêm tốn dưới những lâu đài của Hê-rô-đê.



Lịch sử bắt đầu từ đây còn phải vươn tới bất tận. Trong dòng chảy của nó bao gồm cả giá gỗ của Ngài mà nó sẽ cuốn đến tận cùng cõi trái đất, thậm chí đến chính Đấng Tối Cao. Chúng con làm dấu thánh giá nhân danh Thiên Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Linh. Thập giá xếp đặt lịch sử thế giới vào hướng đi của Thiên Chúa.

Đúng vậy, ngọn đồi nhỏ xíu lại có tính vĩ đại riêng của mình. Giống như cử chỉ của Đavít, cử chỉ trẻ con quăng ná

mà giết chết thẳng không lờ. Từ điểm nhỏ bé Sion, một tiếng động sẽ vang ra và nó sẽ lan đi toàn bộ không gian và thời gian.

Sự vĩ đại không chỉ được đo bằng dài rộng. Đền Pantheon của Agrippa, Cour des Lions, Sainte Chappelle đâu có lớn lao gì? Cuốn "Pensées" của Pascal chỉ chiếm một chỗ khiêm tốn trên giá sách. "Thị kiến Ezekiel" của Sanzio là một bức tranh diện tích 88 cm² vậy mà nổi danh khắp hoàn cầu. Sion đã trở nên thành phố của vũ trụ và điểm hội tụ của trái tim tôn giáo qua mọi thời đại, từ giây phút con loài người được tiên báo ở đó, từ khi thánh giá và "cái gánh nặng dịu dàng" giải bóng trên nó.

Hỡi giải đất nhỏ bé nhưng lớn hơn thế giới, người đã tích chứa và ban tặng cho chúng ta vĩnh hằng.

* * *

Từ bất cứ địa điểm nào của "thành vua Đavít", có núi Moriah ngự trị và các sân thượng Salomon, người ta có thể xem ngôi nhà của Giavê, tương tự như từ tảng băng dãy Alps bạn có khả năng nhìn các ngọn núi cao vợi vợi đội trên đầu các đỉnh ngất ngưỡng. Nói về Sion các người Do Thái đạo đức thường nhắc lại lời Thánh vịnh 45,6 "Thiên Chúa ngự giữa thành, thành không lay chuyển". Và giống như khi con của Giêxê chiếm giữ, người ta gọi nó là "thành của Đavít". Thế nên tác giả thánh vịnh hô hào tung hô: "Núi thánh Người thật nguy nga hùng vĩ, là niềm vui cho toàn thể địa cầu. Núi Sion bỗng lai cực bắc, là kinh thành của đức Đại Vương" (Tv 47,3).

Israel luôn ý thức mình là dân riêng của Thiên Chúa, được vinh dự thêm nhờ những lời hứa, nhưng luôn hiểu sai, tức giải nghĩa chúng theo cái nhìn vật chất. Chỉ những tâm hồn đạo đức, đôi lúc gồm cả những thân phận nghèo khó, có khả năng thoáng nhìn thấy ý nghĩa tinh thần.

Đây là chìa khóa của lịch sử Do thái. Nó nói lên rằng nghịch lý của một dân tộc nhỏ bé lại chiếu tỏa năng lực khắp địa cầu. Ngay cả những kẻ không tin cũng cảm thấy khó mà tránh né mâu nhiệm của Israel. Nó là câu chuyện được hướng dẫn dần tới mục tiêu chưa biết, xuyên suốt qua dòng chảy thời gian. Nó không biết mình đi đâu, nhưng khi tiến hành nó cho chúng ta biết mình sẽ vươn tới đâu. Tuy nhiên nó chẳng hiểu hết ý điều mình tiên báo. Trong lịch sử này một biến cố khiêm hạ lại đảm nhận nghĩa luân lý cao cả, đến nỗi Israel trở thành một biểu tượng đời đời. Nơi đó thiên giới và hạ giới liên tục gặp nhau. Cái trẻ con và cái độc ác mà chúng ta gặp thấy ở mỗi ngõ quặt lại liên minh với cái cao cả và lạ lùng. Và ngay cả khi trong mọi khía cạnh nó xem ra chìm xuống vực thẳm kinh hoàng, thì lại là một lịch sử thánh thiêng.

Tất cả mọi nghịch cảnh người ta đều tìm thấy trong đây những biến cố loại này. Bởi chung chúng là thành phần của cuộc sống nhân loại, mà Thượng đế thường sử dụng như khí cụ, và bản chất của nó Ngài không hề thay đổi. Đối với Israel bản chất ấy là một dân tộc không biết sợ hãi, đồng thời yếu hèn, bạo lực, bất ổn, nhiễu nhương, đầy sóng gió. Một quốc gia của những kẻ phản loạn, cùng lúc của những người đầy lý tưởng cao siêu. Một quê hương của các thương gia và tư tế, của các anh

hùng và kẻ cho thuê tiền ty tiện. Một dân tộc vương giả và nô lệ, của các nhà thám hiểm miền đất mới, đồng thời của những kẻ an phận thủ thường, của những người thực dụng nhưng chinh phục địa đàng, hẹp hòi vậy mà muốn trải rộng thế giới, nhóp nhúa vậy mà lại che chở các thân phận yếu hèn tiên tri, có bản chất tiên tri nhưng giết hại các ngôn sứ, tôn thờ sấm ngôn, nhưng tiêu diệt những ai thoát ra chúng, vô tín nhân danh đức tin không thay đổi trong định mệnh của mình. Thường tỏ ra thân thiện với kẻ thù nhưng luôn trừ khử bạn hữu. Dân tộc Do thái là như thế đó.

Có lòng tin sắt đá nhưng táo bạo trong sứ mệnh cao cả, Israel thường luôn phản bội ơn gọi đó. Khẳng khái đến mức độ anh hùng nhưng chẳng dân tộc nào nô lệ hèn hạ hơn Do Thái. Về cốt lõi Israel là một dân tộc cực kỳ bảo thủ, nó không ưa phát triển, nhắc đi lặp lại cùng một giáo điều, cùng một cử điệu, thu gom những lời nói trái ngược lại với nhau, hơn là để thiếu một câu một chữ trong sách vở của mình, luôn luôn sử dụng cùng một nghi thức riêng tư hay công cộng, được hướng dẫn bằng tình cảm nghèo nàn. Nhưng lại không bị lôi kéo nguyên vào quá khứ vàng son mà vươn tới tương lai tươi sáng. Hy vọng đó gây nên hứng khởi cho các hành động anh hùng và những bài ca tuyệt tác.

Israel nhiệt thành canh giữ tôn giáo độc thần, nhưng cũng thường rơi vào thờ phượng ngẫu tượng, chơi đùa với những nghi lễ của các dân tộc xung quanh mà các ngôn sứ hết lời kết án, vì ý thức rằng sự cứu vớt luân lý, xã hội chỉ lệ thuộc vào Thiên Chúa mà thôi. từ thời Salomon, vì dung túng cho ông vua sắc dục này mà Israel đã cho phép xây dựng các trung tâm thờ cúng ngoại giáo gần nơi chôn cất của mình. Núi "Gương Mù" còn tồn tại cho đến ngày nay là một bằng chứng. Ở đó (bất chấp những lời phản đối của các tiên tri), là những ngôi vườn thánh thiêng với những bia đá ghi lời cầu nguyện ngoại đạo, những cây cổ thụ mê tín với những hang động trong hốc đá mang hình ảnh ngẫu tượng.

Vậy mà bất chấp dấu vết phiếm thần, đa thần và phù phép bùa ngãi tứ phía, Israel vẫn bảo toàn được đức tin vào một Thiên Chúa chân thật. Nó chuyển giao đức tin tinh tuyền cho hậu thế mai sau. Tính bấp bênh của nó chỉ phục vụ thêm điểm nhấn cho sứ mệnh mà nó phải chu toàn, chỉ gây ra những tuyên bố rõ ràng hơn, dứt khoát hơn từ các phát ngôn viên. Nó ban hành lề luật, hứa hẹn và hy vọng. Ý thức về giao ước, rồi phá vỡ về giao ước, canh tân giao ước và cuối cùng bất trung, nhưng Israel lại là trung gian của hoà ước muôn thuở, mà sau khi đã hòa tan nó vào phần còn lại của nhân loại, nó được an bài để bao trùm toàn thể thế giới.

* * *

Điều lạ lùng là toàn bộ lịch sử của cây thánh giá và các hậu quả của nó được ghi đầy đủ trong qui điển kinh thánh của Do Thái. Sion không chỉ là địa chỉ sửa soạn mà còn là lời tiên báo. Israel nhìn thấy trước và loan báo trước. Tôn giáo của nó là thần đồng, Thần Khí của nó không hề bị thời gian trói buộc. Giavê của nó nói tỏ vào tai nó.

Dưới ngòi bút của các ngôn sứ, các tác giả Thánh vịnh, sử ký gia, các nhà thông thái, luật gia, lịch sử của ngày hôm nay, của tương lai muôn thuở, đã được tham dự trước và liệt kê rõ ràng từng câu, từng chữ, không cần mạch lạc, hoặc bố cục, đến nỗi khi sự việc xảy ra, gợi nhớ lại các ký ức và sắp xếp chúng với nhau, thì nội dung được mô tả đầy đủ và rõ nét đến choáng ngợp để giải oan cho những tiếng nói xa xưa.

Việc đức Thiên sai xuất hiện, tính chất của Ngài, công việc, cuộc sống, cái chết, phục sinh, lên trời, vinh quang, vương quyền muôn thuở trên các người lãnh thánh, đều được mô tả rõ ràng từng chi tiết trong các câu các chữ vôi vàng. Dưới đây xin trích dẫn vài đoạn để minh họa:

"Vương trượng sẽ không rời khỏi Giuđa, gậy chỉ huy sẽ không lìa đầu gối nó, cho tới khi người làm chủ vương trượng đến, người mà muôn dân phải vâng phục" (St 49,10).

"Phần người, hỡi Belem, Ephratha, người nhỏ bé nhất trong các chi tộc Giuđa, từ nơi người, Ta sẽ cho xuất hiện một vị có sứ mạng thống lãnh Israel. Nguồn gốc của người có từ thời trước, từ thuở xa xưa" (Mk 5,17).

"Này đây, người thiếu nữ mang thai, sinh hạ con trai, và đặt tên là Emmanuel (Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta)" (Isaia 7,14).

"Vì một trẻ thơ đã chào đời để cứu ta, một người con đã ban tặng cho ta. Người gánh vác quyền bính trên vai, danh hiệu người là Cố vấn kỳ diệu, Thần linh dũng mãnh, người Cha muôn thuở, Thủ Lãnh hòa bình". (Is 9,5).

"Này Ta sai sứ giả của Ta đến dọn đường trước mặt Ta, và bỗng nhiên Chúa thượng mà các người tìm kiếm, đi vào thánh điện của Người. Kia, vị sứ giả của giao ước mà các người đợi trông đang đến, Đức Chúa các đạo binh phán" (Ml 3,1).

"Dân đang lần bước giữa tối tăm đã thấy một ánh sáng huy hoàng" (Is 9, 1).

"Bấy giờ mắt người mù mở ra, tai người điếc nghe được. Bấy giờ kẻ què sẽ nhảy như nai, miệng lưỡi người câm sẽ reo hò" (Is 35, 5-6).

"Đây là người tôi trung Ta nâng đỡ, là người Ta tuyển chọn và quý mến hết lòng. Ta cho Thần Khí Ta ngự trên nó; nó sẽ làm sáng tỏ công lý trước mặt muôn dân. Nó sẽ không kêu to, không nói lớn, không để ai nghe tiếng giữa phố phường. Cây lau bị đập nó không đành bẻ gãy, tim đèn leo lét, cũng chẳng nỗ tắt đi" (Is 43, 1-3).

"Nào thiếu nữ Sion, hãy vui mừng hoan hỷ, hỡi thiếu nữ Giêrusalem, hãy vui sướng hò reo! Vì kìa đức vua của người đang đến với người. Người là Đấng chính trực, Đấng toàn thắng, khiêm tốn ngồi trên lưng lừa, một con lừa con vẫn còn theo mẹ" (Der 9, 9).

"Cả bạn thân con hằng tin cậy, đã cùng con chia cơm sẻ bánh, mà nay cũng giờ gót đạp con" (Tv 40, 10).

"Họ tính công cho tôi là ba mươi đồng bạc. Đức Chúa liền phán bảo tôi: Ném số tiền đó vào kho bạc đi! Chúng đánh giá Ta chỉ có bấy nhiêu thôi! Vậy tôi đã đem ba mươi đồng bạc mà quăng vào kho bạc nhà Đức Chúa" (Dcr 11, 12-13).

"Bọn chúng nhân giả dối đứng lên, hạch hỏi tôi những điều tôi chẳng biết. Chúng lấy oán đền ơn" (Tv 34, 11-12).

"Tôi đã đưa lưng cho người ta đánh đòn, giờ má cho người ta giật râu. Tôi đã không che mặt, khi bị mắng nhiếc phỉ nhổ" (Is 50,6).

"Thay vì đồ ăn, chúng trao mật đắng. Con khát nước lại cho uống dấm chua" (Tv 68,22).

"Thấy con ai cũng chê cười, lắc đầu bĩu mỏ buông lời mỉa mai: Nó cậy Chúa mặc Người cứu nó. Người có thương giải gỡ đi nào... tưởng mình như tan dần ra nước, toàn thân con xương cốt rã rời... quanh con bày chó đã bao chặt rồi. Bọn ác đó trong ngoài vây bủa, chúng đâm con thủng cả chân tay. Xương con đếm được vắn dài. Chúng đưa cặp mắt cứ hoài ngó xem, áo mặc ngoài chúng đem chia chác, còn áo trong cũng bắt thăm luôn" (Tv 21, 8-19).

"Sự thật, chính Người đã mang lấy những bệnh tật của chúng ta, đã gánh chịu những đau khổ của chúng ta, còn chúng ta, chúng ta lại tưởng Người bị phạt, bị Thiên Chúa giáng họa, phải nhục nhã ê chề, chính Người đã bị đâm, vì chúng ta phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm, người đã chịu xử tử để chúng ta được bình an, đã phải mang thương tích cho chúng ta được chữa lành" (Is 53, 4-5).

"Vì Chúa chẳng đành bỏ mặc con trong cõi âm ty, không để kẻ hiểu trung này hư nát trong phần mộ, Chúa dạy con biết đường về cõi sống" (Tv 15, 10-11).

"Vì thế, Ta sẽ ban cho nó muôn người làm gia sản, và cùng với những bậc anh hùng hào kiệt, nó sẽ được chia chiến lợi phẩm bởi vì nó đã hiến thân chịu chết, đã bị liệt vào hàng tội nhân" (Is 53,12).

"Đứng lên, bừng sáng lên, hỡi Giêrusalem, vì ánh sáng của ngươi đến rồi. Vinh quang của Đức Chúa như bình minh chiếu tỏ trên ngươi, kìa bóng tối bao trùm mặt đất, và mây mù che lấp chur dân, còn trên ngươi Đức Chúa như bình minh chiếu tỏ, vinh quang Người xuất hiện trên ngươi. Chur dân sẽ đi về phía ánh sáng của ngươi, vua chúa hướng về ánh sáng bình minh của ngươi mà tiến bước. Đưa mắt nhìn tứ phía mà xem, tất cả đều tập hợp kéo đến với ngươi" (Isaia 60, 1-4).

"Trong những thị kiến ban đêm, tôi mãi nhìn thì kìa: Có ai như một Con Người đang ngự giá mây trời mà đến. Người tiến lại gần bên Đấng lão thành và được dẫn tới trình diện. Đấng lão thành trao cho người quyền thống trị, vinh quang và vương vị, muôn người thuộc mọi dân tộc, quốc gia và

ngôn ngữ đều phải phụng sự Người. Quyền thống trị của Người là quyền vĩnh cửu, không bao giờ mai một, vương quốc của Người sẽ chẳng hề suy vong" (Đn 60, 1-4).

Khi chịu treo trên giá gỗ chắc chắn Đức Giêsu đã nghĩ về những điều này. Ngài kiệt sức kêu lên: "Lạy Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?" là câu thứ nhất của Thánh vịnh dài 21 mang tính tiên tri mà chúng ta vừa trích một số đoạn ở trên. Đức Giêsu đã sống bằng những sấm ngôn cổ xưa này. Ngài công bố chúng, bình giải về chúng trong các hội đường, giải nghĩa chúng cho các môn đệ và với hai người đi làng Emmaus Ngài đan dệt chúng thành một diễn từ. Và giống như Ngài liên kết mình với những lời tiên báo mà sứ vụ của Ngài là sự ứng nghiệm thì Ngài cũng nhìn trước vào các màu nhiệm của tương lai. Vì tương lai đối với thần tính Ngài đều là hiện tại. Nơi Ngài tương lai và quá khứ chỉ là một khi Ngài tiến bước trên các nẻo đường của mình, đường ghi dấu ấn vĩnh cửu. Tất cả những gì Ngài phải thực hiện, hoặc chịu đựng thì đã được ghi chép sẵn trong sổ sách của Thiên Chúa, và loài người cũng đã ghi chúng trên giấy tờ. Những hậu quả phải xảy ra cũng



không phải là không nhìn thấy trước. Bằng Thần tính Ngài đã xem thấy tất cả, rồi đến lượt mình Ngài công bố những điều sẽ xảy đến.

Họa sĩ Jacob Tisserand trình bày sự thật này khi ông vẽ Đức Giêsu Kitô chịu treo trên thập giá như một người đang trong cơn ngất trí. Chung quanh Ngài là một vòng tròn các tiên tri, cầm cuộn giấy Papyrus, trong đó có hai nhân vật nổi tiếng của núi Tabor, Môsê và Elia đang đàm đạo với Ngài về biến cố chẳng bao lâu nữa sẽ được hoàn tất. Những nhân chứng này hình như muốn nói: Coi đây, sự kiện am hợp với lời nói, thời gian trung tín với thời gian. Đáng quan phòng tuyên sấm và được ứng nghiệm, Thiên Chúa đến gặp Thượng đế.

Và lúc này Đức Giêsu dịu dàng nhìn Sion, sự nối kết màu nhiệm giữa hai thế giới. Sion bây giờ quá khiêm tốn và có lẽ đã cảm nhận mình lạc lõng.

Ngài nhìn thấy ở đó khởi đầu của mình, vì Sion đầu sao cũng là chiếc nôi của dòng giống Do thái, cho nên Ngài trông thấy bóng dáng mình như vị vua tinh thần muôn thuở trong con người chinh phục và thống trị giải đất biểu tượng bé nhỏ, trong cậu thanh niên tiêu diệt tên khổng lồ Goliat, trong người cha đau khổ và đầy xót thương của Absalom, trong kẻ cổ xúy nhiệt thành phụng vụ thánh thiêng và phát ngôn viên cao siêu của các linh hồn đạo đức thuộc muôn thế hệ.

Ở hai đầu của dây gia phả này mà hoa quả là cây thập giá, xuất hiện Đavít và Đức Giêsu, một bên là biểu tượng, bên kia là thực tại, một bên tiên báo của lễ, bên kia của lễ hoàn tất. Điều mà tác giả sách Thánh vịnh (vua Đavít) vui mừng loan báo trong hân hoan thì Đức Giêsu hoàn thành trong đau đớn.

CHƯƠNG 3

NHÀ CHA NGÀI

Đối với những người Do thái nhiệt thành khi chiêm ngưỡng Giêrusalem thì chỉ trông thấy đền thờ Thiên Chúa, cho nên chúng ta phải chấp nhận rằng Đức Giêsu khao khát vinh dự cho Cha Ngài, và đã từng nhiều lần phủ phục trong đền thánh trước tôn nhan Đấng Chí Tôn. Lúc này trên giá gỗ Ngài cũng dăm dăm nhìn đền thờ, nhà của Cha Ngài, với hết tâm tình mến yêu, pha trộn cùng thân xác đang chịu đau đớn cực độ.

Thập tự của Ngài ở phía tây thành phố nhìn về phía đông, cùng hướng với ngôi đền thánh. Như vậy Ngài chỉ trông thấy phần đầu của kiến trúc đồ sộ. Thừa nhận rằng trời đã về chiều và mùa sang hạ, thì cái bóng thánh giá nhờ mặt trời đang lặn ở phía tây, giãi thẳng vào thành Giêrusalem, bao trùm lên đền thánh và bàn thờ. Sự tính toán táo bạo này có thể dễ dàng được kiểm chứng tại chỗ, chẳng cần tưởng tượng nhiều.

Nhưng lúc này, bàn thờ đích thực của vũ trụ đã được dựng lên và lễ vật chân chính, sau nhiều lần được biểu tượng trong đền thánh, cuối cùng đang hiển thị, có thể vươn tới và hoà lẫn với các hình ảnh thuở xưa. Điều được gói ghém và dấu kín trong đền thánh bằng những biểu tượng, thì nay tỏ lộ rõ ràng và công khai. Điều được tiên báo bằng bí nhiệm thì nay hiển hiện minh bạch cho thế giới. Đạo khúc thiêng liêng đã chìm vào yên lặng để báo trước một bài ca vĩ đại muôn thuở. Pháo đài tôn giáo của Israel bấy lâu nay đứng vững trên đỉnh cao của lịch sử thánh thiêng thế giới, thì lúc này dần dần nhường chỗ cho sức nặng của cây thập tự khiêm nhường và không cưỡng lại được.

Người ta có khả năng giả định rằng cái kinh thành của đức đại vương lúc này trở nên thành phố từ thần đối với Ngài. Và đối với thế giới tôn giáo thì chỉ còn là đồ nát hoang tàn, đang làm dấy lên trong tim Ngài tình cảm khinh bỉ và khước từ. Một vài học giả có ý kiến như vậy. Theo họ, người mục tử tối cao bây giờ chối bỏ cái địa điểm mà đàn chiên của Ngài đầu tiên được thiết lập. Tân Ước lia bỏ Cựu Ước mà chính mình đã bắt rễ. Thiên Chúa trong ngôn vị Giavê từ bỏ Thượng đế trong ngôi vị Đức Giêsu Kitô. Vĩnh biệt những ảo tưởng.

Sự thực rằng đền thờ Giêrusalem bị kết án, lề luật cũ bị bãi bỏ. Tây phương thay thế phần lớn vai trò mà Đông phương nắm giữ. Nhưng liệu Đức Giêsu có quên nỗi phần đất ấy của thế giới ? Phần đất tuy tỏ ra mình vô tín, mắc tội sát hại Thiên Chúa Làm Người, nhưng hàng nhiều ngàn năm về trước đã là "lều tạm" của Thượng đế cư ngụ giữa nhân loại? Thành lũy bảo vệ chủng tộc loài người và nhà che chở, được Đấng Tối Cao chỉ định cho nhân loại trên bước đường tiến về định mệnh?

Và chính Ngài, Con Loài Người, liệu có mắc nợ gì với chôn linh thiêng mà Ngài thường lui tới nhiều lần khi còn thanh xuân? Nơi Ngài chỉ bảo bài học đầu tiên cho các nhà thông thái lúc mười hai tuổi? Nơi Ngài đã chu toàn lề luật từng chữ, bắt đầu lúc mẹ Ngài mang Ngài đến cổng Nicanor, bước lên

15 bậc vòng để dâng hiến cho Thiên Chúa và chuộc lại cuộc sống Ngài với cặp chim gáy hay đôi bò câu con?

Quá nhiều lần Ngài đã bước qua hành lang Salomon, dãy cột bóng loáng của nó lúc này hiện ra trước mắt Ngài, vỉa hè lát đá hoa cương lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời giữa ngày. Chính nơi đây Ngài đã từng dạy dỗ với "thảm quyền". Tiếp nhận các câu chất vấn hoặc bác bỏ các luận cứ các nhà thông luật đặt ra. Đôi lúc Ngài cũng ngồi bệt trên mặt đất, thính giả vây quanh theo kiểu cách quen thuộc của các Rabbi. Lúc khác Ngài đến ngồi ở hành lang phụ nữ, gần nơi sửa soạn lễ vật dâng tiến đền thánh, và nơi các thành viên hội đồng Sanhedrin đi qua đến phòng họp, có lúc mang theo cả những phạm nhân, tỳ như trường hợp chị phụ nữ bị tố cáo ngoại tình mà Ngài đã cứu thoát?.

Chắc chắn Ngài đã từng cầu nguyện nhiệt thành ở nơi thánh thiêng của dân tộc mình. Vì Ngài đã định nghĩa nó là "nhà cầu nguyện", và hàng năm lên đó để tham dự các ngày lễ lớn, chu toàn lời khấn hứa cùng Đấng Tối Cao? Giống như mọi tín hữu Do thái khác Ngài coi nó như hình ảnh thiên đàng. Ngài cũng ban cho nó tên đó mỗi khi Ngài rao giảng về nhà của Cha Ngài và liệu người ta lập tức hiểu về nó như vậy hay về nơi vĩnh cửu mà Ngài đã ở trước?

Hành động Ngài đuổi con buôn ra khỏi đền thánh mà nhiều người coi chỉ là cử chỉ của giận dữ, thì đúng như vậy. Nó phát xuất từ tức giận nhưng là nóng giận vì yêu mến, nguồn gốc là lòng kính trọng đối với Cha Ngài. Hàng ngày Ngài đã đến đây với tư cách một tôn sư, nhưng hôm đó như thẩm phán và chủ nhân ông. Ngài thanh tẩy nó và sắp xếp nó vào trật tự, liệu không phải vì yêu mến nó ư?

Xin đừng nghi ngờ nữa: Đức Giêsu yêu mến "núi Tabor" bằng đá này nơi Cha Ngài từng xuất hiện trong vinh quang trước mắt ba mươi thế hệ rồi, tương tự như Ngài biến hình trên núi thánh?

Những viên đá đền thờ lấp lánh nhiều giờ dưới ánh nắng chói chang, những tấm bảng đồng đổi màu rêu xanh sau nhiều trận mưa to như trút nước và rồi biến thành màu nâu do nóng nực mùa hè, lúc này coi tuyệt đẹp trước đôi mắt của Đức Giêsu trên giá gỗ như nó đã từng quyến rũ khách hành hương được hạnh phúc về đền thánh dự những lễ Vượt Qua. Vẻ huy hoàng của chúng làm Ngài thêm đau xót. Ngài sẵn sàng phủ lên chúng một tấm màn tang tóc, như chúng ta bao phủ cây thập tự vào thứ Sáu Tuần Thánh. Ngài yêu mến tất cả và cảm thấy buồn. Vì không thể so sánh vẻ ngạo nghễ hiện thời với tại họa và nhục nhã của ngày mai!

Đức Giêsu công nhận toàn bộ cơ chế tổ chức tôn giáo của dân Ngài, trước khi từ bỏ nó vì lý do cứng cổ của nó. Ngài nói: "Các Kinh sư và Phariseo ngồi trên toà Môsê. Vậy tất cả những chi họ dạy dỗ thì hãy giữ hãy làm còn những việc họ làm, thì đừng có làm theo" (Mt 23, 2-3). Về việc quản trị Ngài nói: "Đừng nghĩ Ta đến để phá huỷ lề luật và các ngôn sứ. Ta đến không phải để phá huỷ, nhưng để kiện toàn" (Mt 5,17).

Một cơ chế được kiện toàn khi nó phát triển, kể cả khi việc phát triển đó vượt qua chính mình. Chủ nghĩa Do thái đang trong tình trạng không thể tồn tại được nữa, chính xác vì con đường của nó sai

hướng. Một khi Đức Thiên Sai ngự đến, bổn phận của nó không còn nữa, phải nhường bước cho Đức Kitô và canh tân chính mình theo tinh thần và giáo huấn của Ngài, như vậy nó phải đổi theo con đường mới đồng thời ở nghĩa nào đó phải giữ tính liên tục với quá khứ như con sâu trong tổ kén nở thành con ngài hay bướm bướm. Sự biến đổi đồng nghĩa với cái chết, nhưng là một cái chết vinh hiển, nếu bạn muốn gọi như vậy. Cái chết thực chất là sự sống còn mà mọi linh hồn phải tự do tuân theo. Mọi thẩm quyền phải chấp nhận lột xác để được đội triều thiên vinh quang của vương quốc cao hơn và sang trọng hơn.

Người ta có giả định rằng Israel chấp nhận Đức Giêsu với hò reo phấn khởi. Các quyền bính dẫn đầu đi trước, các tư tế vận phẩm phục của giao ước mới, hội đồng Sanhedrin trở thành ban tư vấn giống như Phaolô. Các tiến sĩ, kinh sư trở thành thầy dạy Phúc âm và tông đồ cho nhân loại. Tất nhiên đền thờ được thánh hiến bằng nghi lễ mới, đảm nhận chức vụ rộng lớn hơn, được nâng lên địa vị Giáo hội tiên khởi của các tín hữu Chúa Kitô. Như vậy nó mang ý nghĩa đầy đủ nhất của từ ngữ đền thánh. Dĩ nhiên chốn cực thánh thì sau khi bỏ trống như một phòng mặc áo hoang phế bây giờ trở nên gia đình của Đức Giêsu, đáng thánh của Thiên Chúa.

Liệu chúng ta nghi ngờ đây là lý tưởng của Đức Giêsu trong những năm tháng khi Ngài có mặt ở Giêrusalem? Ngài đã chúc phúc nó với sự hiện diện của mình mà nó chẳng hề hay biết? Đùng vậy, đền thờ đã được hiến thánh khi Ngài ở đó. Nó chỉ còn bổn phận bảo tồn sự thánh hiến ấy, nó chỉ còn cho phép sự hiện diện vật lý của Ngài để ghi dấu ấn tín bí tích cho mình, ngõ hầu đạt tới mục tiêu của tiến trình khởi sự từ khi ông tổ Giacob xúc dầu cho viên đá ở Bết En (St 28,19) và tột đỉnh bằng bàn thờ công giáo.

Khi ấy thế giới công giáo có một Giêrusalem vinh hiển biết bao! Ngày nay người ta chẳng phải thương hại nó. Dân tộc Do Thái và toàn thế giới được vinh hiển và danh dự! Đã chẳng có đền thờ hội giáo Omar được xây dựng trên nền móng lâu đài Salomon. Những hành lang thiêng liêng là những lối đi rước kiệu thánh thể. Nơi mà ngày xưa khói đen bốc lên vì người ta đốt của lễ hiến tế, thì bây giờ khói hương mù mịt thơm tho dâng tiến Thiên Chúa.

Nhiên hậu, Giêrasalem đã chẳng bao giờ bị phá huỷ. Sự tàn phá của nó đã từng được báo trước như một sự trừng phạt của Đấng quan phòng. Con "gà mái" đã có thể tự hạp con mình dưới cánh và bảo vệ chúng. Phụng hoàng Roma hay bất cứ điều hâu nào khác đi kiếm mồi cũng không thể cướp chúng đi được.

Nhưng than ôi, điều ấy chỉ là giấc mộng, Giêrusalem giống như thẩm quyền tôn giáo, xã hội khác, đã từ chối phát triển. Thành thánh đã thất bại trong vai trò của mình, ngoại trừ số ít cư dân nghèo khổ, vô danh tiểu tốt, nhận ra những điều liên quan đến hoà bình của nó. Thành phố trở nên miếng mồi ngon cho ngoại bang xâm lược. Việc khước từ của nó là chữ ký cho số phận ghê sợ sau này. Đấng Chí Tôn từng ngự trong đền thánh của mình bằng các biểu tượng, lúc này bằng chính ngôi vị, nhưng bị xua đuổi. Thì thực tế ngôi nhà Thiên Chúa chỉ còn chờ đợi bị phá huỷ hoang tàn. Kẻ đã đang tâm tầy chay Thượng đế, thì định mệnh là tiêu vong.

* * *

Giống như những người sắp qua đời thường làm: Chúa Giêsu chịu treo trên giá gỗ nhìn ngôi đền thờ cũng hồi tưởng lại lai lịch quá khứ trong tâm trí mình. Lịch sử ấy dù thật dài, cũng sắp kết thúc với việc phá huỷ đền thờ danh tiếng này. Việc phá huỷ đền thờ từng xảy ra tới không kém ba lần, nhưng đều trở dậy với các hình thức của cuộc sống mới. Đầu tiên là đền thờ Salomon mà Đavít hằng mơ tưởng tới, rồi đến đền thánh Zorobabel xây dựng sau cuộc lưu đày Babylon, và bây giờ là đền thờ Hêrôđê cả xây vào thời gian Israel đã bị Roma chiếm đóng, đền thờ này chẳng bao lâu nữa cũng sẽ chung số phận với hai cái trước và đất nước sẽ trở thành nô lệ cho mọi người. Trong mọi thời kỳ, đền thờ vốn là biểu tượng của Israel vinh quang và nhục nhã, trung thành và phản bội.

* * *

Khi thành lũy cổ Giêbus trở thành "thành của Đavít" thì có một sự thay đổi lập tức về cơ chế tôn giáo của Israel. Cho tới lúc ấy dân Do thái chẳng được mấy vững bền. Giavê ngự trong lều sách tay gọi là lều linh thiêng hay "nhà tạm" hoặc lều "hội ngộ" (chỗ gặp gỡ của Giavê với dân riêng) hay lều "giao ước". Vì lý do những chiếc bia đá khắc ghi lề luật đặt trong đó.

Nhưng giờ đây, Israel đã được thiết lập vững chắc với thủ đô riêng, vua chúa đã có nhà cửa bằng gỗ bá hương. Vậy nếu Giavê còn ngự trong thành Giêrusalem như một kẻ lang thang thì quả là không xứng hợp. Lều tạm xưa phải có một địa điểm cố định và được xây cất hẳn hoi trên ngọn núi và tính bền vững của nó phải bảo đảm cho tình hình vững vàng của dân tộc.

Vậy vua Đavít đã tìm kiếm một "chỗ cao" để có thể xây dựng đền thánh. Ông đã mua chiếc sân đập lúa của Ornan, người Giêbút và lập tức dựng một bàn thờ ở đó.

Đây là một tiến bộ lớn đối với các cung thánh đông phương. Dân đông phương cổ vẫn bằng lòng với nơi thờ phượng gọi là Haram, một khu đất thiêng được rào kín, ghi dấu cẩn thận làm tài sản của thần linh, thường thường là tường xây thấp hay hàng rào chắc chắn. Ở đó chẳng cần làm gì thêm, chỉ cần dựng lên một tảng đá thiêng. Dĩ nhiên thế đất phải có điểm đặc biệt như cao hơn chung quanh, có nguồn suối nước hoặc một cây cổ thụ. Nhưng chưa hề có kiến trúc nào cả. Việc thiết lập một bàn thờ đã là bước thứ nhất để xây dựng đền thánh che chở bàn thờ.

Vào thời buổi Đavít sửa soạn sân đập lúa của Ornan thành đền thờ, nhà tạm và bàn thờ lễ toàn thiêu vẫn còn ở Gabaon, dù hòm bia giao ước đã ở Giêrusalem trong tư gia tạm thời. Mãi cho tới năm 1013 trước tây lịch, dưới thời vua Salomon, sấm ngôn của Nathan mới được thi hành và đền thờ thứ nhất được khởi sự xây cất.

Vua Salomon không có đủ phương tiện để kiến thiết một ngôi đền lớn. Ông chỉ có vàng bạc, đàn gia súc, có mùa màng và lòng kiêu căng nhưng không có vật dụng hảo hạng, thợ lành nghề và ý niệm

nghệ thuật xây dựng. Vì vậy ông phải nhờ đến các người Tyrians, họ có đủ tài nguyên cần thiết và quan niệm kiến trúc cơ bản cộng với nghệ thuật của Ai cập và Assyria.

Trong vòng bảy năm từ 1013 tới 1006, nhà của Giavê được hoàn thành. Giống như các đền đài Ai Cập, phần căn bản của nó là Pylon hay tiền đường mặc áo, cung thánh ngoại vi hay nơi thiêng liêng, phần bên trong linh thiêng hơn, nơi cực thánh không ai được đặt chân vào ngoại trừ các thượng tế, một năm một lần. Một số các phòng phụ cận dùng vào việc phục dịch đền thờ. Toàn bộ kiến trúc được dầy cột bao quanh gọi là hành lang có mái. Phần này được hoàn tất muộn về sau.

Bên dưới Haram của Salomon là các hồ chứa nước dùng cho các nhu cầu của nhân viên phục vụ đền thánh và việc tế lễ. Còn việc tắm rửa thì đã có một bể bằng đồng lớn gọi là "biển đồng" (the sea of Bronze). Nó bắt chước các chậu tắm của Susa và cuối cùng là cung điện vua thượng vị với hoàng hậu của ông ở. Ông cư ngụ bên cạnh Đức Chúa của mình.

Như thế, Salomon hoàn thành công trình thật tráng lệ, tuy sau này nó sẽ bị vượt qua. Cũng xin lưu ý là các kích thước cùng với hình thể, hoa văn, phù điêu, chữ nghĩa là phổ thông nơi nào trạng Ai cập. Chiều kích của từng phần và các chi tiết được trừ liệu như các yếu tố của một bài toán mà lời giải là toàn thể kiến trúc. Nền cao bên hông tam giác đều, phía trước là tam giác vuông - mà theo Platô tam giác đẹp nhất, hoàn thiện nhất là tam giác vuông góc các cạnh được đo như sau 3,4 và 5.

Việc trang trí gồm có các tấm phù điêu dát vàng theo như thói quen người Babylon. Sàn nhà làm bằng gỗ bá hương và thông già, gồm luôn cả vỉa hè. Các bình thiêng thánh gần như bằng vàng ròng toàn khối. Các bàn lễ vật, các chân đèn, các cánh thiên thần Cherubim khắc bằng gỗ dát vàng. Các dụng cụ tùy tùng khác được trang trí hào phóng.

Ngôi đền này đứng vững không thay đổi chừng hơn bốn trăm năm và dân tộc Israel hãnh diện về nó tới mức độ chúng ta chẳng thể quan niệm nổi. Đức Giêsu trông thấy nó như "niềm vui của toàn thể địa cầu" và những người nhiệt thành pha trộn kiêu hãnh quốc gia với cảm giác hạnh phúc khi xem thấy Đức Chúa của họ được tôn vinh như vậy. Đúng thế họ sẵn sàng đồng hóa tình yêu đền thánh với lòng sùng mộ Đức Chúa: "Lạy Đức Chúa các đạo binh, cung điện Ngài xiết bao khả ái, mảnh hồn này khát khao mòn mỏi, mong tới được khuôn viên đền vàng. Cả tấm thân con cùng là tác dạ những hương lên Chúa Trời hằng sống mà hớn hờ reo mừng" (Tv 83, 2-3).

Nhưng vào năm 688 trước tây lịch, ông vua người Candê tên là Nabucôdônôso làm ô uế và phá hủy ngôi đền lạ lùng này. Năm mươi năm sau, hoàng đế Cyrus tha cho dân Do thái trở về quê cha đất tổ và vua Zorobabel xây dựng tạm đền thờ lại trên đồng đồ nát. Nó được đặt trên nền cũ nhưng nhỏ hơn chút ít. Phải hai mươi năm nữa (536-516) mới hoàn thành. Năm 445 Nehemia xây tường lũy bảo vệ chung quanh.

Ngôi đền thứ hai tồn tại cho đến khi Ponpey của Roma thôn tính Giêrusalem và Hêrôđê cả tự phong mình lên ngôi vua ở thành phố. Ông vua tiếm vị và sát nhân này cho xây lại đền thờ Zorobabel, để

hoà giải với dân tộc Do Thái, nhất là giai cấp tư tế và đền bù muôn vàn tội lỗi đã xúc phạm đến dân tộc ấy. Ông cần tới ba năm để thu gom vật liệu cần thiết, và bám sát vào đồ án trước đây, chỉ tôn tạo dấu vết cổ xưa, cố gắng dựng lại cách sắp xếp thờ ban đầu, mặc dù chủ yếu dùng kỹ thuật Hy Lạp - Roma.

Khi mọi sự đã sẵn sàng, Hêrôđê bắt tay vào việc. Mười ngàn thợ tốt được sử dụng dưới sự giám sát của một ngàn tư tế. Chỉ những tư tế này mới được làm việc nơi cung thánh và cực thánh. Trong vòng 18 tháng, phần "Naos" (nơi cực thánh) được hoàn tất và cung hiến. Tám năm nữa để xây dựng tiền đường và hành lang. Nhưng những công việc phụ kéo dài đến thời Agrippa, phòng năm 64 sau công nguyên nghĩa là cho tới chiều hôm trước ngày lại bị tàn phá.

Xét theo tổng thể, thì ngôi đền Hêrôđê để lại, thể hiện quan niệm kiến trúc tinh tế. Các cột hành lang quay quanh một dinh cơ đồ sộ, cái nọ chông lên cái kia, gọi là hiên hàng cột mà tuyệt đỉnh là chính cung thánh nằm ngay trên đỉnh đồi.

Coi từ phía xa, và trong nguồn ánh sáng thuận lợi, nó có một hiệu ứng ánh sáng kỳ diệu, tường đá cẩm thạch trắng, trang trí vàng bạc giống như một khối tuyết lỏng lánh. Nhìn từ phía núi Olivê, khi mặt trời mọc nó sáng chói với các mái vòm mạ vàng, các cổng, các hoa văn, các dây leo to tướng bằng vàng ròng ở cổng chính lấp lánh dưới ánh mặt trời lung linh. Trước quang cảnh rực rỡ đó, lòng khách hành hương không khỏi bùng lên một ngọn lửa kiêu hãnh, ông ta thì thầm lời Thánh vịnh: "Tại Sion, cảnh sắc tuyệt vời, Thiên Chúa hiển minh" (Tv 59,2).

Nhưng khi thiên hạ tiến đến từng đoàn lũ từ khắp nơi để tham dự các lễ hội lớn, xô lấn nhau vào cổng, tràn ngập các sân. Khi các tư tế lẳng xăng đây đó để chu toàn chức vụ. Khi các tiến sĩ tranh luận lề luật, chung quanh là học trò vãng lai hay thường xuyên. Khi hội đồng Sanhedrin nhóm họp để cân nhắc. Khi các chiên cừu, bò lừa, chiên dê được dẫn qua cổng để làm lễ hiến tế, khi các cùi hủi đến để được tẩy sạch, khi các người chồng lo lắng dẫn vợ tới chịu phép thanh tẩy bằng nước "cay đắng", khi những người đói tiền, những lái buôn bò cừu và bánh tiến, thực hiện dịch vụ ồn ào, thì kiến trúc khổng lồ này trở nên náo nhiệt, sống động, diễn tả sức sống của tất cả những thứ mà nó đứng làm tiêu biểu.

Lúc ấy toàn bộ nơi chốn uy nghiêm này đầy ắp tiếng lách tách của lửa cháy, tiếng rống của súc vật bị giết, tiếng nói, giọng cười, tiếng chân bước và kèn đồng thúc giục. Thì nền móng thực sự của nó không còn là đền thờ Haram hay núi Moriah nữa, ngay cả cũng không còn là Giêrusalem hay Palestine nữa, mà là toàn thể thế giới Do thái, ở quê hương hay hải ngoại. Người ta tìm thấy trong đền thánh này tột đỉnh tinh thần, là thành lũy tôn giáo, chính trị, dân sự, kinh tế và trí thức.

Tiên tri Aggeus đã nói về ngôi đền thánh thứ hai: "Vinh quang của đền thờ lúc này sẽ rạng ngời hơn khi trước" (Ag 2,9). Chính vua Hêrôđê nghĩ mình phải làm tròn lời sấm ngôn đó. Nhưng vị ngôn sứ thêm: "Tại nơi này Ta sẽ ban bình an". Về phần này thì Đức Giêsu sẽ ứng nghiệm lời hứa. Ngài mua bình an cho chúng ta bằng cái giá đau đớn của mình.

* * *

Đấng Cứu Chuộc đang chịu đau khổ đã nghĩ gì khi lần cuối cùng nhìn xem ngôi thánh đường vĩ đại với tất cả những biểu tượng và hình thù của nó? Một đề tài ước đoán vô tận!

Hiện thời trong đền thờ khói hương nghi ngút, bốc lên không khí cơ man làn hương thơm ngào ngạt, âm thanh nhịp nhàng, các nghi lễ tung bừng từng phản ánh cuộc sống màu nhiệm của Ngài, thì lúc này lại trống rỗng, không mang ý nghĩa nào nữa. Đức Giêsu đã khước từ chúng. Tuy chúng là sự phong phú thu gom từ mọi nguồn khác nhau của đất nước, nhưng lúc này mất hẳn vẻ rạng ngời của ý nghĩa tôn giáo truyền thống mà trở nên một đền đài khoe khoang, vênh váo, loè loẹt với bộ mặt giả hình trơ trẽn. Những phiến đá hoa cương trắng muốt chỉ còn mang dáng vẻ mờ mả tô vôi, đầy xương cốt hôi hám bên trong. Với phe Phariseo nó biến thành địa điểm kinh doanh kinh địch và tranh luận ương ngạnh. Với người khác, trung tâm buôn gian bán lận như "hang trộm cướp".

Mục tiêu nó được thiết lập là làm tiền thân cho một đền thờ chân thật, đúng như ở thời đại phát triển phồn thịnh, là tiền đường cho kỷ nguyên Kitô giáo. Nhưng vì bất trung với ơn gọi, nó đứng đấy để lãnh án phạt trầm luân.

Israel đã từng được cảnh báo, các biến cố đã từ lâu nói lên bản án. Các ngôn sứ đã thường nói đến điều mà một đại diện của họ hô lớn cách mạnh mẽ: "Ngay cả như vậy" Giêrêmia vừa nói vừa đập bẻ chiếc bình sành trước mặt tư tế và trưởng lão, "Ngay cả như vậy, Ta sẽ phá huỷ thành phố này như chiếc bình thợ gốm, mà chẳng chữa lành lại được!" (Gr 19,11). Rồi đến Gioan tiền hô ở buổi hoàng hôn giữa tiên báo và ứng nghiệm: "Chiếc riều đã đặt sẵn dưới gốc cây" (Mt 3,10). Lời khuyên cuối cùng là từ Đức Giêsu, một tuần trước tai họa, Ngài đã cảnh cáo các môn đệ. Tính nghiêm trọng của lời cảnh báo đó, tôi nghĩ lúc này, được biểu lộ qua nét nhìn buồn rầu của Ngài cộng với chút thương xót nhẹ nhàng. Vì liệu có thể giận dữ, thô bạo với kẻ đã bị kết án huỷ diệt?

Một hôm sau những ngày tranh luận mệt nhọc, Ngài lui về Betania nghỉ ngơi kiếm chút yên tĩnh, thì một trong nhóm 12 lời kéo sự chú ý của Ngài vào vẻ đẹp sang trọng của ngôi đền. Ông vừa nói vừa chỉ tay về ngôi nhà đồ sộ: "Thưa Thầy, Thầy xem: Đá lớn thật: công trình kiến trúc vĩ đại thật. Đức Giêsu đáp: "Anh nhìn ngắm công trình vĩ đại đó ư? Tại đây sẽ không còn tảng đá nào trên tảng đá nào, tất cả đều sẽ bị phá đổ" (Mc 13, 1-2).

Những lời đó rơi vào tai người nghe như một tiếng sét đánh. Môn đệ ngỡ ngàng chẳng nói nên lời và không thêm chi nữa, các ông xuống dốc Cedron rồi leo lên núi Olivê-tê. Khi gần tới đỉnh, Đức Giêsu đột nhiên dừng lại quay mặt về phía các ông, truyền các ông ngồi xuống, ở đó, giáp mặt với núi đá, có dáng vẻ bền vững muôn đời, Ngài lột sạch tấm màn lừa lọc của vinh quang mà mặt trời đang lặn trang hoàng đền thánh, Ngài cất đi chiếc triều thiên mà bầu trời sáng rực đội cho ngôi nhà của Cha Ngài: "Anh em hãy coi chừng kẻo bị người ta lừa gạt" (Mc 13,5). Ngài nói tiên tri về số phận đền thờ đã đến ngày tận cùng.

Lời mô tả là chi tiết và đúng thực chất. Các thánh giả được chỉ cho biết chính màn kịch với các yếu tố đi trước và theo sau: Dấu chỉ, biến cố và hậu quả - mọi sự đều được báo trước, nhưng chưa xảy ra. Và như vậy lời tiên tri của Ngài thật dễ sợ. Tuy nhiên nó còn được dùng như biểu tượng một tai họa lớn hơn, dứt khoát hơn, đó là tận cùng của thế giới.

"Khi nào tận thế xảy ra thì không ai được biết cả, ngay đến Con Loài Người" (Mt 24,36) cũng không hay. Còn về sự sụp đổ của thành phố Giêrusalem và sự tàn phá của đền thờ thì không bao lâu nữa: "Thế hệ này sẽ chẳng qua đi, cho đến khi mọi điều xảy ra" (Mt 24,34). Không tới bốn mươi năm sau, chiếc kiềng trần mà Đavít đã xem thấy trong tay thiên thần ở sân đập lúa của Ornan khởi sự hoạt động công việc ghê sợ: nó vun vút hủy hoại tất cả những chi có hình dạng ngay cả sự sống, trong thành phố nổi loạn Giêrusalem.

Trở trêu thay, chính bàn tay của người Do thái giúp sức vào việc phá hoại này, sự tấn công trước nhất là cuộc nội chiến giữa Eleazar, Gioan Giscala, Simon người Indumea. Người Roma chỉ đến sau. Nhưng họ phá hủy hoàn toàn ngôi đền. Búa rìu và ngọn đuốc của họ san bằng từ nền móng vững chắc của thành. Giulianô phản đạo cố gắng xây dựng lại, nhưng vô ích, chỉ tổ làm cho nó tan hoang thêm và ứng nghiệm đúng lời Chúa Giêsu: "Chẳng còn tảng đá nào nằm trên tảng đá nào".

Từ trên thập tự Chúa Giêsu nhìn thành phố lần cuối cùng với quang cảnh nao nhiệt phát đạt của nó, cùng các hàng hiện lợp mái, các tháp cao, thì chạnh thương biết bao! Ngài nhìn thấy rõ ngày mà đồng bằng và hai dãy đồi trên đó thành phố được xây dựng, bị bỏ hoang. Ngày mà tất cả những vẻ đẹp để huy hoàng, lấp lánh hiện thời, chỉ còn là cảnh điu hiu lộng gió. Ngày mà những gì còn lại của Sion sau thánh điện ngạo nghễ là một thành phố bị đào sới, đất màu lộn lên mặt nền và dưới đó chẳng còn chi ngoài lỗ hồng, hang côn trùng và mồ mả: im lặng, tro tàn, chết chóc:

*"Tôi nhìn xuống đất toàn là đất trống.
Tôi ngược lên trời, chỉ thấy trăng sao.
Tôi nhìn núi non, núi run lấy bầy.
Mọi đồi cao đều chuyển động rung rinh.
Tôi đưa mắt nhìn đâu còn ai nữa?
Chim chóc trên trời cũng trốn biệt tăm.
Tôi đưa mắt nhìn, đồng xanh đã thành sa mạc.
Mọi đô thị đều tang hoang trước mặt Đức Chúa.
Trước cơn thịnh nộ bùng cháy của Người"*

(Gr 4, 23 - 26).

Tương tự sắc dân Hai thời Giosuê, Giêrusalem sẽ thành "đống tro tàn" (Giosuê 8,28). Và thung lũng đền thờ sẽ là nơi chôn vùi tử thi. (Gr 31,40). Chính đền thờ sẽ biến thành nấm mồ khổng lồ chung quanh là các mồ mả nhỏ khác trải dài cho đến chân các đồi núi vây quanh: Lốp lốp mồ mả, trùng trùng người chết, cuồng phong tro bụi...

Mọi thứ náo nhiệt nơi hành lang các cột sẽ tan đi, trở thành yên lặng chết chóc. Thay vì ồn ào bận rộn sẽ là lặng lẽ ảm đạm của đám tang. Cỏ dại sẽ mọc tứ phía, cả từ trên vĩa hè mòn đến nơi cực thánh. Trên tảng đá hiện nay là bàn thờ đốt của lễ toàn thiêu, thì mai ngày sẽ là đền thờ Hồi giáo, như một lời cảm đoán ngạo nghễ: "Israel không còn được thờ phượng ở nơi mà nó đã phản bội".

Tuyển dân sẽ bị thu gọn vào số phận than khóc trên đồng đồ nát của bức tường ngoại vi. Bức tường định mệnh này là niềm an ủi duy nhất của tuyển dân, trong khi khách tham quan nở nụ cười khẩy trước dấu vết tan hoang của một thời Sion vàng son, thánh thiêng.

Cùng lúc đó, Người chịu đóng đinh, Đấng đang ngắm nhìn thành phố với đôi mắt đầy máu, Đấng đang rên rỉ trong đau đớn, Đấng đang chịu đựng từng cơn ngất đi và đang đón chờ đêm tối ập xuống, sẽ trở thành vĩ đại. "Cây" trồng trên gò đất khiêm nhường này sẽ đâm rễ sâu xuống trung tâm trái đất, sẽ vươn tới thiên đàng và sự vĩ đại của Israel chẳng bao lâu nữa sẽ trôi qua, sự vĩ đại vật chất đầy lừa lọc và mưu mẹo sẽ nhường bước cho sự vĩ đại tinh thần mang ơn phúc xuống cho toàn thể vũ trụ.

Đức Giêsu là viên đá góc tường của ngôi đền thờ mới "không bởi tay phàm trần làm ra. Viên đá mà những người thợ xây loại bỏ lại trở nên viên đá chủ chốt (Cv 4,11) của toà nhà mới mà không ai có thể đặt nền móng nào khác, ngoài nền móng đã đặt sẵn là Đức Giêsu Kitô" (1 Cor 3,11).

CHƯƠNG 4

PHÒNG TIỆC LY

"Đức Giêsu biết giờ của Người đã đến, giờ Người phải lià bỏ thế gian mà về với Đức Chúa Cha, Người vẫn yêu thương những kẻ thuộc về mình còn ở thế gian, và Người yêu thương họ đến cùng" (Ga 13,1). Lời mở đầu cao siêu này của thánh Gioan dẫn vào cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu và mãi mãi là một nhập đề xứng hợp, để dùng cho mọi suy tư về các biến cố của Thứ Năm Tuần Thánh hoặc về bất cứ sự kiện nào xảy ra trong nhà tiệc ly liên quan đến phần rỗi chúng ta.

Thiên hạ thường gọi gian phòng Chúa Giêsu ăn bữa tối sau hết với các môn đệ là phòng "tận điểm của tình yêu". Nó là "gian phòng trên lầu" tại ngọn núi Sion, ngay phía nam của Calvario, và khi Chúa chịu đóng đinh, thì ở phía tay phải của Ngài, xa chừng gần cây số.

Các truyền thống công giáo tiên khởi cho rằng chủ nhân là một môn đệ của Chúa, trong nhà ấy Ngài đã thiết lập bí tích Thánh Thể và cũng nơi ấy Thánh Linh ngự xuống trên Đức Mẹ và các Tông Đồ.

Một số học giả biện luận rằng hai biến cố không thực sự xảy ra ở cùng một nơi. Nghi ngờ ấy có chút cơ sở, vì Phúc âm không rõ ràng về điều này. Tuy nhiên, chứng cứ có khá đầy đủ cơ sở để bác bỏ ý kiến ấy, và chấp nhận sự thật là cùng một địa điểm.

Trước hết, Chúa Giêsu và các môn đệ dùng bữa vượt qua phải ở nơi quen thuộc để có thể hành động



tự nhiên, thoải mái. Bất cứ lúc nào họ lui tới cũng được đón tiếp tử tế. Và tại Giêrusalem họ không có nhiều địa chỉ như vậy, vì con chồn có hang, con chim có tổ, Con Người không có chỗ ở. Hơn nữa, căn phòng sau này sẽ là ký ức sâu đậm nhất cho các môn đệ, bởi lẽ nó đã chứng kiến lời nói cuối cùng của Thầy Chí Thánh, lời bày tỏ tình yêu tội độ cho họ và chứng kiến việc thiết lập bí tích Thánh Thể, màu nhiệm cao nhất mà thế giới được biết tới.

Chắc chắn Đức Giêsu ao ước rằng hai biểu hiện sản sinh một hiệu quả ấn tượng mà người ta có thể nghĩ tới, rằng nếu Ngài tách biệt hai sự kiện ở hai nơi, sự kiện nói lời cuối cùng trong bữa tiệc ly, tức bữa tiệc tạ ơn và từ giã một nơi, nơi khác lời hứa ban Thánh Thần và việc Ngài trở lại, thì đương nhiên Ngài làm suy giảm ấn tượng Ngài muốn có.

Chúng ta còn có thể thêm lý do thứ ba mang tính liên kết tôn giáo giữa hai biến cố: Việc thiết lập bí tích Thánh Thể và Đức Thánh Linh hiện xuống, phải xảy ra ở cùng một địa điểm, bởi vì đều có một ý nghĩa, một thực tại: Chúng là hai bí tích phát sinh chung một hiệu quả. Chúng là hai luồng gió của một hơi thở. Thịt và Máu Đức Kitô chỉ ban sự sống đời đời, khi ban Thần Khí của Ngài cho chúng ta - "Xác thịt nào có ích chi?" - Thần Khí ban sự sống cho những ai kết hợp với Minh Máu Thánh Chúa. Sự hợp nhất màu nhiệm này là hiệu quả của hiến tế Vượt Qua.

Sách "Didascalia các tông đồ" còn đưa ra luận cứ thứ tư cũng theo quan điểm của Hội Thánh. Sách viết: "Giống như Màu nhiệm Minh Máu Chúa đã được cử hành lần đầu tiên ở phòng trên lầu, sau đó lan tràn toàn thể thế giới thì cũng vậy từ phòng trên lầu khởi sự việc rao giảng phúc âm của Ngài, rồi truyền ra khắp vũ trụ".

* * *

Tương tự như ngày xưa thời còn ăn manna Israel đã dựng lều ở dưới bầu trời thì ngày nay, thế giới sẽ thiết lập nơi cư trú tinh thần của mình tại nhà tiệc ly, chẳng cách bao xa ở phía bên phải thánh giá. Đúng vậy, căn phòng này đối với Chúa Giêsu là khởi điểm công trình của Ngài giống như ngôi làng

nhỏ bé Bethlehem là nơi chôn nhau cắt rốn. Do đó phòng tiệc ly là Bethlehem thứ hai tức chiếc lò bánh thứ hai (Bethlehem có nghĩa là lò làm bánh).

Bàn tiệc thịnh soạn của vũ trụ đã được dọn ra ở đây trong một buổi chiều vàng. Từ bàn tiệc này, ít ngày nữa, quyền năng Thần Khí sẽ bùng ra hành động. Phép lạ vô hình của chiều thứ Năm Tuần Thánh sẽ là khúc dạo đầu của những kỳ quan hữu hình. Nhưng nào ai có thể nói được cái phép lạ vô hình đó lại chẳng sản sinh hiệu quả lạ lùng hơn sao? Phải chăng Thiên Chúa không từng thực hiện các công trình của Ngài qua trái tim Con Người?

Đang khi chịu đựng khổ hình, Đức Giêsu không cần phải quan tâm đến tương lai trực tiếp của Giáo Hội. Bởi vì thiên đàng sẽ làm việc ấy. Ngay cả hiện tại, lương thực đã được cung cấp. Bánh của tương lai đã dọn sẵn sàng rồi! Các lưỡi bằng lửa đã ẩn dấu dưới chiếc vòm tròn của nhà tiệc ly. Gió mạnh còn đang âm iu trong đó. Các bàn chân đang chờ đợi để chạy khắp hang cùng, ngõ hẻm của thế giới. Các trái tim đang bùng bùng đốt lửa thế gian. Tiềm lực đang ém nhem chung quanh giá gỗ mạnh mẽ biết bao!

Có lẽ điều gây choáng nhiều nhất về cuộc Khổ Nạn là sự quán quýt của hai luồng màu nhiệm. Thứ nhất mang tính hiện tại đầy đau đớn đến tột đỉnh. Thứ hai sắp xếp tương lai, gieo vãi hạt giống sự sống đời đời vào thế giới các linh hồn. Nghĩa là trong khi tòa án Caipha và hội đồng Sanhedrin đang bàn tính giết Đức Giêsu thế nào, thì Ngài, chỉ cách xa vài chục mét, đang trù liệu phương thế để tồn tại vĩnh viễn trên mặt đất. Trong khi từng giây phút trôi qua là từng giây phút Ngài xem ra tiến đến bị sập bẫy của Giuđa, thì Ngài lại làm chủ cuộc đời mình cách trọn vẹn hơn. Ngài trù tính lấy cách thức làm hiển tế ra sao, việc tưởng nhớ đến Ngài thế nào và vai trò các tín hữu tham dự vào hiến tế đó cho đến muôn đời.

Bề ngoài hình như hai sự kiện, hai kế hoạch độc lập. Nhưng thực tế chỉ là một, việc nọ lấn át việc kia, kế hoạch nọ bao trùm kế hoạch khác và Caipha chẳng phải là kẻ quyết định chương trình. Thiên Chúa thành công, loài người chỉ là khí cụ. Cố gắng của Caipha và Sanhedrin chỉ để phục vụ mục tiêu của Thiên Chúa. Thánh Leo nói: "Đây là lý do tại sao Đức Kitô không ngăn cản Giuđa tiến hành tội ác hèn hạ của hắn. Rõ ràng việc này soi rọi ánh sáng chói chang vào tính siêu việt của các hoạt động thần linh và vào sự thực thi chương trình Ngài quan phòng kỹ lưỡng"?

Một số người thắc mắc tại sao, khi tìm kiếm nơi ăn mừng lễ Vượt qua, Ngài không chọn nhà ông Lazarô? Ở đây thật tiện lợi cho Ngài và các môn đệ về nhiều mặt? Xin thưa là vì lễ Vượt qua theo tục lệ, phải được ăn mừng ở trong thành thánh. Người Do thái, chứ không riêng gì thầy trò Chúa Giêsu, từ khắp mọi nơi trên thế giới, có điều kiện, đều tụ tập về thành thánh Giêrusalem để ăn mừng. Liệu thầy trò Chúa Giêsu hà tiện chút cố gắng để chu toàn thói tục?

Ngoài ra, lúc này Ngài còn có ý định ban lời dạy bảo cuối cùng như là giao ước mới của mình. Vậy sự có mặt của kẻ lạ thật bất tiện, cho dù những kẻ ngoại cuộc đó đã được thâm nhập vào hàng thân tín như Maria Macđala, Martha, Lazarô. Có một ngày khi Ngài đang giảng, ai đó đã mách Ngài mẹ

và anh em Ngài đang tìm cách gặp Ngài, Ngài chỉ vào các môn đệ và nói: "Đây là mẹ tôi, đây là anh em tôi" Như vậy họ hàng thiêng liêng quan trọng hơn. Thiết lập hy lễ hiến tế, chức tư tế mới, công bố giới răn mới, lời hứa ban Thánh Thần đến tăng sức mạnh cho Hội Thánh, những lời tâm huyết giữa từ - tất cả đều cần đến một bầu khí riêng tư đặc biệt và chúng ta có thể gọi được là sự thân thiết chính thức, vì tính dịu dàng của hoàn cảnh. Ngài chẳng thể nhận vào trong vòng thân cận riêng biệt này bất luận ai, ngoại trừ những kẻ Ngài đã chọn lựa cộng tác với chương trình của mình, tức các bạn hữu theo ý nghĩa pháp lý, những nhà rao giảng, các giám mục tương lai.

Do đó, Đức Giêsu sai hai môn đệ từ núi Olivê-tê vào thành phố. Họ sẽ gặp một người mang vò nước. Có lẽ hai môn đệ đã biết mặt người đàn ông này, nên mới có thể nhận ra ông ta. Dầu thế nào đi nữa thì họ cũng phải theo ông ta về nhà, nói với ông rằng: Thầy bảo căn phòng Thầy muốn ăn mừng lễ Vượt qua cùng các tông đồ ở đâu?"

Căn phòng nói đây, theo cách bố trí của người Do thái là để tiếp tân. Gia đình khá giả nào cũng có, và dành riêng cho khách khứa. Bây giờ được gọi là "đi-văng" (divan). Những lối hành lễ đường hay khách của gia đình nghỉ ở đây. Trong Tin mừng Luca Chúa Giêsu gọi nó là phòng "trên lầu" (22,12). Khi Chúa phục sinh và khi Thánh Thần hiện xuống trên các tông đồ, căn phòng được gọi là nơi tụ họp: "trở về nhà, các ông lên trên lầu, là nơi các ông trú ngụ" (Cv 1,13). Như vậy cũng cùng một nghĩa.

Đó là phần cao của ngôi nhà, người Do thái quen dùng vào những dịp hội họp lớn, đặc biệt để tiếp đãi khách khứa. Gia đình gọi là phòng tốt nhất. Thường thường người ta đi vào phòng từ phía bên ngoài để tránh làm phiền những người ở trong, vì phải đi qua những phòng có người hay phòng ngủ ở tầng trệt, người vào phòng trên lầu phải đi qua sân thượng và có các cửa sổ rộng, trừ phi được mở ra sân.

Căn phòng Chúa Giêsu và các môn đệ sử dụng, khá rộng (tiếng Hylạp là Mêga). Lại một chứng cứ khác ủng hộ ý kiến nó cũng là phòng Đức Thánh Linh hiện xuống, trong đó chứa được tới 120 người (Cv 1,15). Phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế, gối nệm, thảm sàn.

Khi chỉ đạo cho hai môn đệ với các chi tiết chính xác về những điều họ sẽ nhận được, Chúa Giêsu biết rõ đáp ứng của chủ nhà. Dầu sao đi chăng nữa thì theo thói tục ở Giêrusalem vào các dịp lễ lớn, mọi căn phòng chưa có người chiếm hoặc chưa cho thuê, thì đều được coi là của chung. Bất cứ ai đến trước, đều có quyền sử dụng, không loại trừ. Dĩ nhiên, các khách phải tự lo liệu lương thực, thực phẩm. Đức Giêsu đã đồng ý làm như vậy không những vì tục lệ mà còn vì có lẽ Ngài muốn bảo đảm tính riêng tư mà Ngài muốn có với các tông đồ mà không bị người lạ quấy rầy.

Thời cổ xưa, người Do thái đứng ăn lễ Vượt Qua như trong sách Xuất Hành mô tả (Xh 12,11). Nghĩa là thất lưng tay cầm gậy, chân đi dép và ăn vội vã, ám chỉ việc trốn thoát khỏi Ai cập. Tuy nhiên vào thời Chúa Giêsu tục lệ được đổi lại. Các thầy Rabbi cắt nghĩa và chỉ định vị thế ăn mừng lễ cách khác. Các người tham dự nằm nghiêng bên phải ông chủ để ám chỉ nền tự do. Ngay cả các nô lệ,

thường ngày bị cấm, nhưng vào dịp Vượt Qua họ cũng được phép làm như vậy để tỏ rõ cuộc giải phóng của dân tộc Israel.

Do đó, các khách ăn chiên mừng Vượt Qua lúc này nằm trên các thảm hay chiếu trải trên mặt đất với cánh tay trái dựa trên gối đệm, tay phải tự do bốc thức ăn. Thực phẩm được đựng trong một hay nhiều đĩa đặt trên cái bàn thấp, ngõ hầu mỗi người với tới dễ dàng. Thực phẩm lần lượt truyền qua tay các khách ăn. Mỗi người tự lấy hoặc chấm bánh vào đĩa chung khi cần làm như vậy. "Kẻ cùng chấm bánh với Thầy trong một đĩa..." Sau này Đức Giêsu nói với các môn đệ như thế. Nói một cách chặt chẽ, chúng ta có thể ước đoán người ta đã dùng bàn cao, giường cao hơn như trong "Triclinium", nhưng chưa phổ thông lắm ở miền Trung Đông.

* * *

Xem ra Đức Giêsu không nghĩ rằng ý định thiết lập Bí tích Thánh Thể miễn trừ Ngài khỏi cử hành lễ Vượt Qua Do thái. Chính lễ Vượt Qua truyền thống mà các môn đệ nói tới và Đức Giêsu không hề sửa sai họ. Khi truyền lệnh cho hai ông đi sửa soạn phòng ốc thì chính Đức Kitô cũng đã nhắc tới lễ Vượt Qua đó. Mọi sự chuẩn bị là nhằm lễ Vượt Qua truyền thống. Như vậy Ngài không hề có ý định bãi bỏ ngày lễ của dân tộc, cũng chẳng biến nó thành trống rỗng! Ngài đã sát nhập nó vào kế hoạch của mình, và như vậy là cho nó một ý nghĩa tiên tri, nói trước nghi lễ mới. Việc này xảy ra giống như chiếc công Ephraim, vào ra bằng các hướng khác nhau. Tín hữu bước vào như người Do thái, và đi ra như Kitô hữu.

Các Rabbi trong nghi lễ Vượt Qua ngồi ở chỗ danh dự, thì Chúa Giêsu cũng chiếm chỗ đó. Nhóm mười hai - gồm luôn Giuđa - xếp thứ tự hai bên tả hữu Thầy. Gioan ở chỗ thứ hai, bên phải Chúa vì vậy ông có thể dễ dàng dựa đầu vào ngực Chúa. Phêrô ngay bên Gioan nên nói thắm được với Gioan. Giuđa không xa lắm, vì chỉ một mình hắn ta nghe được lời cảnh cáo của Chúa Giêsu. Phải chăng hắn ở chỗ thứ hai danh dự bên trái?

Đức Giêsu bắt đầu mở miệng và lời nói đầu tiên là: "Thầy những khao khát ăn lễ Vượt Qua này với anh em, trước khi chịu khổ hình". (Lc 27,15). Nó như tiếng thở dài của trái tim, khi Ngài khởi sự bữa tiệc và Ngài chờ đợi bữa tiệc sẽ nảy sinh nhiều hiệu quả to lớn. Nó là khúc dạo đầu của bản hòa âm đàn Harpsichord (tiền thân của dương cầm). Trái tim Thầy Chí Thánh đầy ắp rung động, chỉ cần một cử chỉ nhỏ là biến nó thành bản nhạc du dương.

Thông thường, Chúa Giêsu khó có thể bày tỏ trọn vẹn lòng thương yêu vì tính nghiêm khắc của các bài diễn từ. Nó quá trang trọng đến nỗi đôi khi Ngài phải kìm hãm bớt lòng mình kéo quá đà. Thí dụ: "Này bà, điều ấy liên quan gì đến tôi và bà? Ai là anh em tôi, là mẹ tôi?... Hãy để kẻ chết chôn kẻ chết!... Hỡi Satan lui ra đằng sau Thầy, anh làm Thầy vấp ngã". Nhưng những lời cứng cõi trên đây là bằng chứng Ngài hoàn toàn dấn thân cho ý định của Đấng Tối Cao. Và chỉ khi thuận lợi thì Ngài mới bộc lộ hết mức độ yêu thương dịu dàng.

Bây giờ Ngài sắp chết, tận cùng đời Ngài đã gần kề. Ý nghĩ Ngài sắp lìa bỏ những kẻ Ngài yêu mến khiến Ngài không kìm hãm nỗi sợ dịu dàng đang đè nặng trái tim. Ngài dốc hết tâm sự lòng mình ra! Thầy những khao khát mong mỗi ăn lễ Vượt Qua này với anh em". Bởi vì đối với Ngài đây là lễ Vượt Qua cuối cùng. Và đối với đạo Do thái cũng là Vượt Qua hợp pháp sau hết. Ngày mai Do thái giáo sẽ thành bè rôi. Tuy hôm nay vẫn còn mang tính ngôn sứ tiên báo.

Đức Giêsu nóng lòng ăn mừng lễ này, vì nó ở bên bờ Nước Trời. Ngày mai là Vượt Qua của kỷ nguyên mới mà Đức Giêsu chịu đóng đinh là thủ lĩnh. Ngài chính là Vượt Qua của nghi lễ mới. Dấu ấn của đêm nay và ngày mai là đau đớn, buồn rầu và âm đạm. Nhưng rồi sẽ trở thành thánh lễ của niềm vui.

Một niềm vui buồn pha trộn kỳ lạ. Nhưng người nghệ sĩ thần linh sẽ hòa hợp tất cả những tình cảm quá trái ngược nhau và đa dạng thành một khúc hoà tấu bất hủ. Trong thánh Luca cung điệu mạnh nhất là lòng khát khao được làm tròn đầy. Trong ba thánh sử khác là cung điệu sâu đau. Phần bội là nốt trung độ. Bóng thập tự che kín bàn tiệc bữa tối. Làm thế nào họ vui tươi đặng? Tuy nhiên không vui mừng sao được khi mà tình yêu đang bộc lộ đến mức tột cùng?

Thực tế, Đức Kitô đã cảm nghiệm mình vượt qua cánh cửa tử thần nên quyết định thiết lập bí tích để tưởng nhớ đến cuộc Vượt Qua ấy! "Bây giờ Thầy chẳng còn ở thế gian nữa" (Ga 17,11). Ngài cảm thấy mình đang ở trong cuộc sống vĩnh hằng và phân phát hoa quả của nó cho nhân loại. Trong cái chết Ngài được vui mừng quá đỗi!

Lễ Vượt Qua Do thái có thể khởi sự bất cứ lúc nào sau ba ngôi sao đầu tiên xuất hiện trên bầu trời. Thường thường người ta bắt đầu vào tiệc vài phút muộn hơn. Vì vậy trời đã khá nhá nhem và là lúc thuận tiện để bày tỏ nỗi lòng thân thiết. Họ chọn con chiên một tuổi, không đốm đen hoặc không tỳ ó. Nó đã được dâng tiến trên bàn thờ trong đền thánh, rồi được nấu nướng và dọn ra theo nghi lễ. Chúng ta còn tìm thấy dấu vết trong sách Michna.

Trong khi ăn thịt chiên, đứa trẻ nhỏ tuổi nhất trong gia đình đặt câu hỏi về ý nghĩa tượng trưng của bữa ăn và người cha trình trọng giải thích cho mọi người nghe: Con chiên tưởng nhớ việc cứu chuộc và giải thoát của Israel vào thời điểm mà thiên thần mang chết chóc đến cho mọi nhà Ai cập. Món hoa quả nấu chín trộn lẫn với nước chấm đỏ nhạt tượng trưng với vữa trộn làm hồ xây thành Pithom và Ramsét trong những ngày nô lệ ở Ai cập. Món rau đắng gợi nhớ sự kiệt sức vì lao động khổ sai. Món bánh không men chỉ ý nghĩa tổ tiên trốn khỏi kiếp làm than vôi vàng đến nỗi bột chưa kịp nhào men.

Dĩ nhiên Đức Kitô có đầy đủ quyền năng để ban cho những lời giải thích trên một ý nghĩa mới. Vì Ngài thực sự biết con chiên Vượt Qua là ai? Ngài sẽ giải phóng loài người khỏi kiệt quệ và nô lệ nào? Dân Israel mới sẽ được dẫn đi trên cuộc hành trình vôi vữa nào? Họ phải vượt qua cái ác để tiến tới điều tốt, vượt qua cái xấu xa để tiến đến điều tốt lành thánh thiện, vượt qua kiếp nô lệ tinh thần

để được tự do của con cái Thiên Chúa, từ vương quốc quỷ dữ đến vương quốc Đức Chúa Trời trên trái đất này, từ thế giới vật chất tới thiên đàng. Nhưng đây sẽ là nội dung của bài diễn từ chiều nay.

Sau khi người cha gia đình giải thích xong ý nghĩa các món ăn, thì đến phần Hallêl tức hát bài ca "tạ ơn". Bài ca này chọn lọc từ các Thánh vịnh 112 và 117, rồi đến đọc các đoạn văn sống động mô tả Đức Thiên Sai và các đau khổ của ông ta. Đặc biệt rõ ràng về công việc cứu chuộc và các hình bóng tiêu biểu trong lịch sử Do thái. Chén rượu được truyền tay bốn lần, cùng lúc người ta dùng lương thực, thực phẩm. Theo nghi lễ thì có sự thay đổi uyển chuyển từ Hallêl đến Schammai. Nhưng phần cuối cùng của Hallel vẫn là một bài thánh thi mừng chiến thắng để tạ ơn Giavê, được cất lên trước chén rượu thứ tư.

Chắc chắn Đức Giêsu và các tông đồ giữ đúng thói tục này, nhưng mục tiêu cuối cùng thì là một thực tại khác hẳn. Các trình thuật trong Phúc âm có vẻ vội vã trong việc mô tả bữa Vượt Qua Do thái để tiến nhanh đến biến cố thiết lập bí tích Thánh Thể. Chỉ có Thánh Luca là phân biệt rõ ràng hai giai đoạn trong bữa ăn, còn các Phúc âm khác lướt sơ qua bữa ăn Do thái về phần liên quan đến việc chuẩn bị. Khi tới phần ăn chính thức họ tả sơ sơ các điều sẽ qua đi, và chú tâm đặc biệt vào nội dung sẽ tồn tại vĩnh viễn.

Đức Giêsu để mặc hai môn đệ chuẩn bị các chi tiết cho nghi lễ Vượt Qua Do thái, còn phần mình, Ngài tiến hành việc sửa soạn riêng cho dự định quan trọng hơn. Và việc này chẳng liên quan đến phòng ăn, bàn ghế, gối đệm và lương thực. Ngài sửa soạn trái tim. Vì muốn để lại một thí dụ vĩ đại mà Ngài luôn dậy dỗ và như một tóm tắt học thuyết của mình, đồng thời cất nghĩa trước bữa tiệc như có tính chất hiệp nhất Ngài sắp thiết lập. Cho nên Ngài trỗi dậy khỏi bàn ăn, cởi áo ngoài ra, lấy khăn vải thắt lưng, cầm lấy bình nước dùng vào việc thanh tẩy, chậu hứng nước, quì hai gối xuống trước từng người có mặt và rửa chân cho họ.

Xin tưởng tượng sự ngỡ ngàng của các tông đồ! Sử gia Gioan mô tả bằng giọng văn trang trọng về thái độ từ chối của Phêrô, đồng thời cũng như lời giải thích: "Thầy mà rửa chân cho tôi sao? Chẳng đời nào Thầy sẽ rửa chân tôi". Nhưng Đức Giêsu biết rằng Chúa Cha đã trao phó mọi sự trong tay Người, Người bởi Thiên Chúa mà đến và sắp trở về cùng Chúa Cha (Ga 13,3) nên không gì có thể ngăn cản Ngài thi hành nhiệm vụ. Trình thuật của Gioan gói ghém hành động của Chúa với một ý nghĩa tôn giáo và đời đời.

Biểu tượng của tình yêu pha trộn với biểu tượng của trong trắng, ngõ hầu loài người học được rằng ở đâu có khiêm tốn và tình yêu chân thật, thì ở đó có cộng đồng các thánh. Đức Kitô chẳng cần thanh tẩy mình, Ngài tự hạ và yêu mến. Ngài nêu gương mọi nhân đức. Ngoài ra, bằng hành động rửa chân này, Ngài xác nhận rằng kẻ thù của yêu mến là kiêu ngạo và kẻ thù của mọi điều thiện hảo là từ chối mến yêu. Khiêm tốn và bác ái, lần lượt là nền tảng và triều thiên của tòa nhà tinh thần mà Ngài tính xây dựng cho từng cá nhân và toàn bộ loài người. Đến lượt thập tự cũng là trụ cột nâng đỡ tòa nhà đó. Dĩ nhiên thập giá chẳng sung sướng, vinh hiển gì. Trái lại đau đớn và nhục nhã. Nhưng khi công việc đã hoàn thành thì nó là vinh quang và hạnh phúc, là khí cụ của hợp nhất và nguồn mạch ngát

ngây. Mọi sự đều hiện diện ở đây, mọi sự đều ở nơi thánh giá, bởi mọi sự ở trong khiêm tốn và tình yêu. Việc rửa chân là sự tập dượt cho cây thập giá.

Những bàn chân đạp đất của chúng ta, cần được tẩy sạch biết bao! Tuy rằng chúng ta có lẽ đã thanh sạch trong ý nghĩ, trong tình yêu, trong hành động, trí tuệ, trái tim, cánh tay. Nhưng còn đôi chân thì sao? Đôi chân đã từng kéo lê trong bùn lầy hôi thối của những con đường chúng ta đi! Chúng ta vẫn cần bình nước sạch và bàn tay Đấng Cứu Chuộc để cho nên tinh tuyền, vẫn cần đặt mình trong ơn thánh, tẩy rửa cùng với sự khước từ và hối hận như Phêrô để được dự phần vào quà tặng mà Đức Kitô mang tới: "Nếu Thầy không rửa chân cho anh, anh chẳng có dự phần với Thầy" (Ga 13,8).

Vài phút sau, Đức Giêsu còn cho thấy một ý nghĩa khác của việc rửa chân. Ngài nói về các tông đồ, về phẩm chất hợp nhất mà Ngài sẽ thiết lập giữa các tông đồ và bản thân mình, một sự hợp nhất giống như Ngài đối với Chúa Cha. Ngài rửa chân cho nhóm Mười hai là để sửa soạn họ làm cuộc hành trình khắp thế gian. Thanh sạch và khiêm tốn là điều kiện của tình yêu. Tình yêu là linh hồn của sứ mệnh tông đồ. Thế giới sẽ bị chinh phục bởi những con người mà Đức Giêsu thuyết phục rằng đó mới là trật tự hợp lý của thế gian, và bởi những con người mà Ngài khởi động bằng quyền năng nhiều mặt.

Chúng ta có thể nói rằng vị Tông đồ Thần Linh, Đức Giêsu, qui rửa chân cho nhóm Mười hai, mà chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ sai vào thế giới, sẽ dẫn thân nhiệt tình và có hiệu quả trong công cuộc truyền giáo: "Đẹp thay trên núi đồi bước chân người loan báo Tin mừng, công bố bình an, người loan tin hạnh phúc, công bố ơn cứu độ" (Is 52,7). Chắc chắn Isaia nghĩ trong tâm trí mình về Đức Kitô. Nhưng nhiệm vụ mà Đức Giêsu tiếp nhận như sứ mệnh thì Ngài thông truyền hết cho các tông đồ. Cho nên lúc này Ngài qui xuống khiêm tốn trước mặt họ, như thể trước mặt các ân huệ từ trời cao!

Ngài mặc lại áo choàng và ngồi vào chỗ cũ, chỗ danh dự nhất và bắt đầu giải thích ý nghĩa việc làm vừa rồi. Giọng nói tràn đầy dạy bảo cao siêu. Rồi suốt buổi chiều hôm ấy Thầy Chí Thánh dốc hết tâm sự để diễn đạt tình yêu đối với họ, cùng với lời cảnh cáo, đôi khi trách móc dịu dàng. Ngài ban cho họ một chứng từ tinh thần trọn vẹn, đặc biệt chứng từ của lòng yêu mến. Thánh Anselmô gọi là: "Trận lụt tình yêu", đồng thời "thác đổ" của thực tại cao siêu.

Xin đọc lại diễn từ tuyệt vời của Chúa, như thánh Gioan ghi chép và kiếm ra tính tràn đầy tình yêu trong ngôn từ lạ lùng đó. Đức Giêsu an ủi nhóm Mười một vào buổi chiều đầy thử thách mà việc Giuđa bỏ đi chỉ là dấu chỉ báo trước. Đức Giêsu cảnh báo họ về những yếu đuối họ sẽ bộc lộ trước thử thách và kêu mời các ông duy trì trái tim tốt lành. Ngài biết rõ các ông sẽ bỏ Ngài một mình nhưng vẫn dịu dàng: "Đừng để trái tim các anh bối rối, hãy vững tin vào Thiên Chúa và tin vào Thầy". Ngài nói với họ: "Trong nhà Cha Thầy có nhiều chỗ ở". Ngõ hầu họ hướng dẫn các bước đi nghi nan của mình. Ngài đi trước để dọn chỗ cho các ông, như vậy có lợi hơn cho các ông. Nếu Ngài không ra đi, thì Thần Khí sự thật, an ủi không đến. Nhưng nếu Ngài ra đi thì Thần Khí sẽ ngự đến, hướng dẫn, ủi an, soi sáng, khích lệ các ông. Ngài không để các ông mồ côi, nhưng sẽ trở lại với họ

trong hình thức khác. Các ông biết Ngài ám chỉ màu nhiệm nào. Thứ nhất, Ngài ban bình an của Ngài. Ngài có mặt trong bình an ấy, nói cách khác bình an Ngài ban chính là bản thân của Ngài nên thế gian không thể ban được. Thế gian chỉ có thể ban bình an giả tạo. Bình an của Ngài cư ngụ trong linh hồn các ông mãi mãi. Màu nhiệm thứ hai, Ngài canh tân lệnh truyền yêu thương lẫn nhau. Ngài truyền các ông dùng nó như dấu chỉ và thước đo tình yêu của nhân loại đối với Ngài.

"Thầy ban cho anh em giới răn mới, là anh em hãy yêu thương nhau. Như Thầy yêu thương anh em, thì anh em hãy yêu thương nhau. Bằng dấu này thiên hạ sẽ nhận ra anh em là môn đệ Thầy, là anh em yêu thương nhau". Đức Giêsu nhấn mạnh giới răn yêu thương trong chính giây phút mà Ngài sẽ tỏ cho họ bằng chứng cụ thể. Đó là: "Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người hiến mạng sống mình vì bạn hữu."

Giữa bầu khí thân mật của bài diễn từ, cùng với thái độ khiêm tốn rửa chân, tình cảm của nhóm mười hai đã lên tới mức cao nhất thì đến phần chính của bữa tiệc. Phần này ban đầy đủ ý nghĩa cho các biểu tượng và nội dung cho các lời giảng dạy. Đó là giây phút thiết lập bí tích Mình Máu Thánh Đức Kitô.

* * *

Sau khi nói: "Thầy hằng ao ước ăn bữa Vượt Qua này cùng anh em". Thì Ngài thêm: "Bởi vì Thầy nói với anh em từ nay trở đi, Thầy sẽ không ăn nó nữa. Cho đến khi nó được trọn vẹn trong nước Thiên Chúa" (Lc 22, 15-16). Lễ Vượt Qua Do thái mà Đức Giêsu cùng các môn đệ đang cử hành phải được làm cho nên trọn, tương tự như các điều khoản khác trong lề luật Môsê mà Ngài đã nói: "Ta đến không phải để bãi bỏ, nhưng để kiện toàn".

Câu hỏi là: Trong triều đại Nước Trời nào, việc này sẽ xảy ra? Chắc chắn là ở ngoài thế giới hữu hình này, nơi Đức Giêsu đang tiến tới và các môn đệ sẽ theo sau. Nhưng theo ý nghĩa lời thánh Luca, thì cũng ở trong triều đại mà Ngài đang thiết lập trên trái đất, tức trong vương quốc mà bài diễn từ cuối cùng của Ngài thiết lập luật lệ.

Có hai giai đoạn: 1/ Lễ Vượt Qua Do thái biến đổi sang lễ Vượt Qua Thánh Thể. 2/ Vượt Qua Thánh Thể ngày nào đó sẽ sang Vượt Qua thiên đàng. Và đối với Đức Kitô, Đấng đang tham dự tiệc ly, việc biến đổi thứ hai sắp được thực hiện nơi chính bản thân Ngài.

Còn đối với các môn đệ và các cư dân Palestine, các tín hữu tương lai, bữa tiệc cuối cùng này xảy ra trong ánh sáng của việc tưởng niệm. Đức Giêsu nỗ lực hết sức để làm việc tưởng niệm mang tính cảm động và an ủi cao độ hơn là các hình ảnh có thể chuyển tải. Bởi lẽ để thêm vào đặc tính gọi lại quá khứ, Ngài hứa sự hiện diện đích thực và hiệu quả của mình. Như vậy trước khi rời bỏ họ, Ngài đã lấp đầy chỗ trống mà việc ra đi của Ngài tạo nên. Ngài ban niềm an ủi tương lai. Ngài không bỏ nhân loại mồ côi. Ngài vĩnh viễn hóa sự hiện diện của mình đối với những kẻ còn sống sót sau

Ngài. Ngài sẽ thiết lập chỗ ở đời đời của mình giữa họ. Và trong một bữa tưởng niệm khiêm tốn, trọn vẹn, thực tại thần linh sẽ là quà tặng quý báu cho các linh hồn.

Đức Giêsu cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra và đưa cho các môn đệ: "Đây là mình Thầy, sẽ bị nộp vì anh em. Hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy. Cũng giống như vậy lúc ăn tiệc xong, Ngài cầm chén rượu và nói: "Đây là chén, là giao ước mới trong máu Thầy, sẽ đổ ra vì anh em" (Lc 22, 19-20).

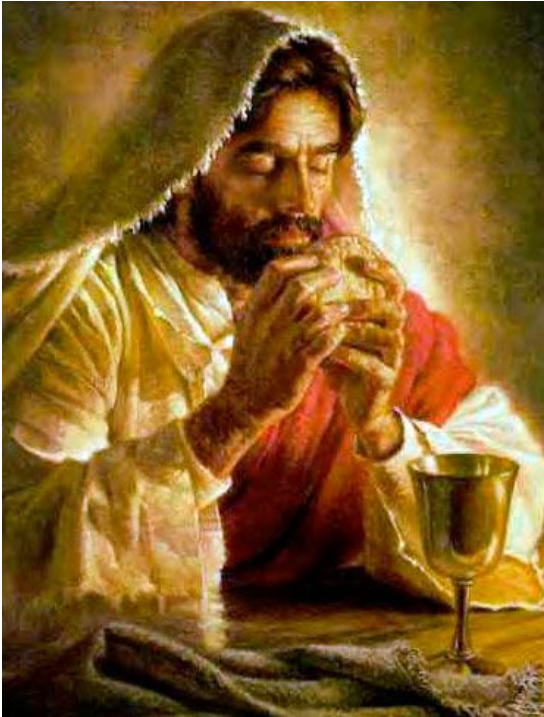
Ở đây có hai thực tại hòa hợp với nhau. Thực tại này giả định thực tại khác: Lương thực thiêng liêng do chính Đức Giêsu cung cấp. Hy lễ vĩnh cửu là cuộc khổ nạn sắp tới. Cuộc khổ nạn sản sinh hiệu quả cứu rỗi nhân loại.

Sách Aica (4,4) viết: "Đám trẻ nhỏ đòi ăn bánh, nhưng nào có ai cho?" Thực ra, đã từng có bánh trong tôn giáo Do thái: Bánh tiến trong đền thờ, bánh ở Cana, ở bên bờ hồ Tiberia, Chúa ban cho cách nhiệm màu nuôi sống hàng ngàn người. Nhưng tất cả những thứ bánh đó chưa phải là bánh đích thực ban sự sống đời đời. Bánh đích thực phải là bánh nhúng trong máu thánh Ngài. Được bẻ ra bằng cử chỉ hiển tế yêu thương, phân chia trong tình hiệp thông của một bữa tiệc đãi toàn thể nhân loại và dọn ra trên ngọn đồi báo trước Calvario, và cũng giống như núi Sọ, nó phải đứng vững muôn đời.

Đức Giêsu cầm bánh, đọc lời "tạ ơn". Đây là cử chỉ chúc phúc. Nhưng trong cả hai lần: lúc này và khi nhân bánh lên nhiều, lời chúc phúc của Ngài như Phúc âm mô tả là lời trịnh trọng. Công thức này cũng được nhắc lại trên chén thánh. Và khi thánh Phaolô thuật lại, thì ông nhấn mạnh lý do hiển nhiên là vì sự chúc phúc đặc biệt. Bởi lẽ theo truyền thống, chén rượu thứ tư của bữa tối Vượt Qua thực sự và chủ yếu là chén tạ ơn, nhưng chỉ khi nào được trao với tính cách trang trọng. Thánh tông đồ viết: "Khi Ta nâng chén chúc tụng mà cảm tạ Thiên Chúa" (1 Cor 10,16).

Nhất định phải có chi đặc thù trong cử chỉ Chúa phân phát thức ăn cho các môn đệ, bởi vì sau này họ nhận ra Ngài nguyên chỉ bằng cử chỉ ấy. Các con trẻ cũng vậy, thường thường chúng quen thuộc cách thức mẹ chúng phân phát bánh cho chúng. Chúng ta có thể mừng tượng ra cử chỉ của Chúa Giêsu bằng cách thêm tính nghiêm trang linh thiêng vào tình yêu dịu dàng của các bà mẹ.

Nhưng còn phải nói đến ý nghĩa luân lý nữa. Đúng là các tông đồ nhận ra Chúa khi Ngài bẻ bánh. Tuy nhiên chỉ có Ngài mới ban bánh nuôi dưỡng và kiện cường thiêng liêng, bánh của ngọt ngào và hy vọng phát sinh cuộc sống vĩnh cửu. Từ bữa tối sau hết đến tận thế, cánh tay Đức Giêsu đã vươn tới toàn thể loài người, ngõ hầu chúng ta nhận ra người bằng cách đó. Bánh của Ngài nhân lên vô tận tùy theo số, nhu cầu và khát vọng của nhân loại. Chén rượu của Ngài tuy là một, tức dấu chỉ sự hợp nhất, nhưng được chuyển tay toàn thời gian cho toàn thể địa cầu giống như khi nó được luân chuyển ở bữa tối trong phòng tiệc ly. Như vậy ngày hôm đó, Đức Giêsu đã dọn lương thực, thực phẩm cho mọi nơi, mọi thời đại. Trong Nước Chúa chẳng ai phải đói khát, trừ phi đương sự muốn như vậy. Và cho đến muôn đời, Đức Kitô sẽ được nhận ra trong nghi thức bẻ bánh giống như tại



làng Emmaus hay trên bờ hồ, khi Ngài phục sinh hiện ra cho Phêrô, Gioan và các tông đồ khác, Ngài sẽ hiện ra trong màu trắng của buổi sớm hôm đó, tức trên thiên đàng.

Bánh của lễ Vượt Qua Do thái phải được bẻ ra từng mảnh nhỏ, tượng trưng sự hy sinh của con chiên, thì rõ ràng Đức Kitô cũng bằng lòng chịu phân chia thành từng phần và cũng tượng trưng sự hiến tế của Ngài. Bởi lẽ chính Ngài ám chỉ khi dùng những từ ngữ như bị trao nộp, ban cho anh em. Thực tế tặng phẩm của Ngài là quà tặng cho đến cái chết.

Rượu chảy ra như những dòng máu, sự thực rượu của Ngài là máu huyết, cũng được ban tặng cùng một thể thức. Chính Đức Giêsu cũng uống rượu đó, tức uống máu của mình để biểu tượng sự hợp một hoàn toàn. Ngài đã

nêm thử chính hiến tế mình dâng lên Thiên Chúa Cha. Cho nên tôi ngộ ra rằng trên thập tự Ngài vui mừng nhỏ từng giọt máu từ huyết quản. Có lẽ chúng ta được phép nghĩ về Ngài như trong một bức vẽ cổ; Ngài làm đầy cái chén mà Hội Thánh dâng lên trước mặt Ngài, hoặc dùng hình ảnh khác, tuôn đổ dòng thác sự sống để mọi người được uống thỏa thuê!

Trong nghi lễ Hy lạp, vị chủ tế cầm chiếc đòng nhỏ đâm thẳng vào chiếc bánh thánh khi đọc lời từ sách Tin Mừng: "Một tên lính lấy giáo đâm cạnh sườn Người..." Khi chưa tắt thở, Chúa Giêsu trên giá gỗ đã nhìn thấy cây giáo của Longinus quơ qua khua lại trước mặt, liệu Ngài có nghĩ đến chén đắng và hồng phúc mà Ngài sẽ dốc đến giọt máu cuối cùng như dấu chỉ của tình yêu vô biên?"

Vậy trên thập tự Chúa Giêsu đã yêu nhân loại vượt qua cả giới hạn của cái chết! Và chắc chắn tại phòng tiệc ly Ngài đã dự cảm trước giờ phút này. Trên khổ giá Ngài hoàn tất lễ tế đẫm máu và hữu hình, nhưng trong bí tích Thánh Thể chiều nay Ngài ẩn dấu hy sinh đó với cả bản thân. Nhưng trong cả hai trường hợp cái chết là nguồn mạch sự sống. Mà bởi vì Ngài sẽ phải chết, cho nên Ngài thiết lập việc tưởng niệm cái chết của chính mình. Và bởi vì Ngài chết, cho nên sự tưởng niệm mang tính mạnh mẽ nhất, ngọt ngào nhất trong các nguồn mạch ban sự sống.

Ngài nói: "Anh em hãy làm việc này để tưởng nhớ tới Thầy" như vậy các tông đồ đã được ban quyền cử hành việc tưởng niệm đó. Nói cách khác họ là những tư tế của giao ước mới. Các tín hữu đời đời là những tham dự viên vào bàn thánh. Mỗi lần bánh thánh được dâng lên là một lần tượng trưng Đức Kitô được treo trên giá gỗ. Bánh thánh sẽ được bẻ nhỏ ra biểu tượng Đức Giêsu bị các lý hình đánh đập như tử. Bánh thánh sẽ được tín hữu vô tội rước lấy như thể thân xác Chúa Kitô được mai táng trong mồ mới.

Ôi, Lạy Chúa Giêsu, Đấng đang chịu treo trên giá gỗ. Ngài nhìn ngắm căn phòng đầy màu nhiệm này với lòng yêu mến biết bao! Ngôi nhà bé nhỏ trên ngọn đồi Sion toả sáng lấp lánh thoát khỏi các số phận hăm hiu đang bao trùm Moriah và vinh quang cổ xưa của nó! Mạch sống tràn trề đang tuôn ra từ ngôi nhà đó. Ngày mai nó sẽ là nguồn sáng rực rỡ và giây phút đã gần kề khi phòng tiệc ly, đền thờ và thập tự chỉ là một, khi nhà Cha Ngài sẽ là nhà của Ngài, nhà của tế lễ ban sự sống, của vinh quang ban cho thế gian.

Lúc ấy, căn phòng tiệc ly trên núi Sion không cần bảo trì các dấu vết cổ xưa nữa. Nó sẽ ở khắp mọi nơi, chúng con, con cái của Ngài là những ngôi lều tạm để cử hành nghi thức "bẻ bánh", ngõ hầu được canh tân tinh thần đến muôn đời muôn kiếp, ở đó chiếc bánh bẻ ra sẽ được chấp nhận trong tinh thần hy sinh, ở đó lương thực của Ngài sẽ được tiêu hóa, Thần Khí của Ngài sẽ được biểu lộ trong vinh quang của các việc lành thánh. Ít là chúng con hy vọng như vậy.

Lạy Chúa, bây giờ nếu Ngài muốn, xin hãy nói "mọi sự đã hoàn tất" bởi vì lúc này muôn việc đã sẵn sàng cho sự toàn thắng của tình yêu và công lý.

Đối với Đức Kitô, quá khứ và tương lai thực sự tách biệt nhau như chính bản thân chúng. Ngài nhìn vào chúng như chúng khác nhau và tách biệt. Nhưng khoảng cách của chúng chỉ là không gian và không ngăn cản được Ngài nhìn chúng bằng con mắt nhất lãm (một cái nhìn mà thôi). Từ đỉnh cao đồi Thiên Chúa xem thấy diễn tiến của thời gian chỉ trong một nháy mắt. Cũng vậy Đức Kitô Giêsu, kết hợp với Thiên Chúa tự đời đời, cho nên nhìn thấy mọi sự như Thiên Chúa và nhận biết mọi sự như một người thật, Ngài nhìn thấy tương lai của công trình mình. Và như vậy khi Ngài nhìn về núi thánh thì cùng một lúc Ngài nhìn thấy bữa tiệc già từ ngày hôm qua và ơn huệ dự trữ cho ngày mai.

Do đó, trước khi chết thật trên giá gỗ, Ngài đã chết trong tinh thần và cũng trong tinh thần Ngài đã trỗi dậy ra khỏi nấm mồ oan khiên. Với cái nhìn toàn năng, lúc này Ngài thăm viếng những nơi chốn Ngài sẽ hiện ra sau phục sinh và nơi Thánh Thần hiện xuống, như trước đây nhiều lần Ngài đã đi lại trên ngọn đồi Calvario mỗi khi thăm viếng Giêrusalem. Rợn rùng biết bao mỗi lần Con loài người ở lứa tuổi thanh niên qua lại cổng Ephraim và đi dạo trên nẻo đường Golgota đầy sắc hoa tím đỏ, Ngài có thể chú ý đến cái chỗ người ta sẽ đào để dựng giá gỗ vì mọi sự đã được chỉ định sẵn từ thuở đời đời.

Khi Ngài nhìn căn phòng tiệc ly của tương lai, trái tim Ngài phồng lên vì vui sướng và hy vọng. Ngài trông thấy rõ ràng công việc của Chúa Thánh Thần. Tuy thân xác quằn quại vì đau đớn quá mức, nhưng tâm thần rất lạc quan và đầy an ủi. Những dự cảm đầy huy hoàng tràn ngập tinh thần Ngài với niềm vui vô hạn. Bầu tâm sự được đổ ra trong bữa tối già từ chẳng qua là dấu hiệu bề ngoài của cảm quan vĩ đại hơn, công khai hơn, rằng Ngài sẽ thắng thế gian do công việc của mình. Vì vậy cái nhìn của Ngài còn lưu luyến đọng lại, và tiên tri mọi sự. Thập tự là cầu nối giữa hai kỷ nguyên và đối với chúng ta điểm hài hòa của chúng là đối tượng suy gẫm muôn đời.

Liên sau cái chết của Thầy, các môn đệ tuy hoảng sợ nay lấy lại được bình tĩnh. Họ tụ họp nhau, bàn tán về Ngài và cầu nguyện. Hai môn đệ đi làng Emmaus khi trở về Giêrusalem thì thấy họ còn đang tụ tập. Luca viết: "Ngay lúc ấy, họ đứng dậy, quay trở lại Giêrusalem, gặp nhóm Mười Một và các bạn hữu đang tụ họp tại đó" (24,33). Tương tự như vậy, các phụ nữ ra mồ trống về cũng tìm thấy "Nhóm Mười Một và các kẻ khác" nghĩa là những ai có liên lạc trực tiếp với các tông đồ và cùng nhau thành lập đoàn tùy tùng của Đức Maria.

Nơi họ tụ họp không phải là một chỗ bí mật. Chúng ta biết sau khi chứng kiến Chúa lên trời, họ trở về đâu. Công vụ kể: "Trở về nhà, ở các ông lên lầu trên, là nơi các ông trú ngụ" (1,13). Như vậy họ ở căn phòng tiệc ly "Cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria thân mẫu Đức Giêsu và với anh em của Chúa" (anh em họ) (Cv 1,14). Do đó, ngôi nhà này, nơi diễn ra bữa tối giữa từ ngày thứ Năm Tuần Thánh, nơi đón tiếp số còn lại của các môn đệ sau khi chiếc mồ chảm đứt tất cả, sẽ chứng kiến sự đoàn tụ lại của họ và là nơi diễn ra biến cố Thêm Sức cho đức tin giao động của các ông.

Trong khi đó trên thập tự Đức Kitô không hề bực tức về tính yếu đuối của những con người đáng thương này, Ngài trù liệu một phương tiện để thắng vượt nó. Ngài sẽ tỏ mình ra sống động cho những ai kém tin vào sức sống của Ngài. Vinh hiển cho những kẻ nghĩ Ngài thất bại. Yêu thương muôn thuở cho những ai tưởng mình sẽ bị khiển trách. Nhưng thực tế, Ngài sẽ khiển trách họ. Tuy nhiên, chiều nay ở giữa lúc họ sắp lãnh nhận sứ mệnh, thì chưa là lúc tính đến các yếu đuối của họ. Ngài sẽ trấn an họ bằng lời chào cổ hữu: "Thầy đây, đừng sợ, bình an cho anh em" (Lc 24,36). Và rồi thấy rằng sợ hãi của họ chưa được diu đi, nghi ngờ của họ còn vương vấn, bởi vì Ngài xuất hiện quá đột ngột "khi các cửa còn đóng kín", họ tưởng xem thấy ma quái, nên Ngài nói với họ như sau: "Tại sao anh em còn bối rối, tại sao nghi nan còn nẩy lên trong lòng anh em? Hãy nhìn xem chân tay Thầy đây. Chính là Thầy, hãy sờ và xem đây. Ma đâu có xương thịt như anh em xem thấy Thầy có đây? "

Tuy nhiên họ vẫn lưỡng lự, lần này vì vui mừng bất ngờ. Nếu hồ hởi sớm quá, biết đâu sẽ gặp thất vọng. Để bảo đảm sự thật, Ngài yêu cầu đưa cho Ngài chút thức ăn. Họ dâng Ngài tảng mật ong và ít cá khô. Ngài cầm lấy và chia sẻ với họ, như thể bữa tiệc vĩnh cửu mà Ngài đã nói trước ở tiệc ly bây giờ bắt đầu được thực hiện. Và chính họ là những thực khách.

Một trong nhóm họ, Thomas lại vắng mặt. Đó là một tính toán khôn khéo để giúp đỡ đức tin của họ. Thomas cứng lòng tin, nhiệt thành nhưng khá cứng cổ, còn yếm thế về tin vui mừng các tông đồ khác kể với ông. Ông thẳng thừng đáp: "Trừ phi tôi nhìn thấy lỗ đinh chân tay Thầy, và đặt bàn tay vào cạnh sườn bị đâm thủng của Thầy, thì tôi không tin" (Ga 20,23).

Thomas là hiện thân của những kẻ vô lý, của những kẻ không dễ thỏa mãn khi tiếp nhận tin tức từ người khác, của những ai khước từ qui luật liên đới, phương tiện thông thường để phổ biến kiến thức về sự thật như mọi phương tiện khác, và đòi hỏi tính hiển nhiên đặc thù cho riêng mình. Ông ước muốn một sự sắp xếp thần thánh cho lợi ích riêng của ông. Vì vậy Đức Giêsu khiển trách ông.

Nhưng nhượng bộ đòi hỏi của ông và cuối cùng Ngài chứng minh tình yêu của Ngài. Thomas hằng hái thưa lại: "Lạy Chúa, Lạy Thiên Chúa của con" (Ga 20, 24-29).

Từ lúc ấy trở về sau, và như hậu quả đầu tiên của bữa tối già từ, căn phòng trên lầu thay đổi tính chất. Từ căn phòng tiếp tân và ăn uống nó trở thành nơi cầu nguyện và trông mong niềm an ủi. Một thứ thánh điện tạm thời, chờ đợi "Mẹ của các thánh đường" đến thay thế và thánh hiến một nền phụng tự trang trọng dâng lên Đấng chiến thắng tử thần.

Đức Maria, các phụ nữ đạo đức, các tông đồ, thường lui tới đó để tôn kính ký ức thánh thiêng và sự hiện diện nhiệm màu. Quả thực nơi đây bây giờ là linh địa. Và từ thập tự, Đức Giêsu ngắm nhìn nó, tôn vinh nó lần nữa và thánh hiến nó như một đền thánh được chúc phúc, ngôi nhà của bánh mới và nơi cư ngụ của Thần Khí.

* * *

Đúng như lời Đức Giêsu phán: "Nếu Thầy không ra đi, Đấng an ủi sẽ không đến với anh em" (Ga 16,7) và thánh giá đã lập được công để đón nhận vị khách thần linh ấy cho nhân loại. Vì vừa khi Đức Giêsu trả giá xong, vừa khi các tông đồ được chuẩn bị đầy đủ, thì Ngài ngự đến, Đấng là sự an ủi và bảo trợ. Ngài đến để lãnh nhận nhiệm vụ quan trọng và vĩnh hằng của mình. Có những dấu hiệu hữu hình tháp tùng: cơn gió mạnh làm rung chuyển ngôi nhà, ngọn lửa hồng chia thành nhiều phần như lưỡi đuôi trên những người có mặt, một ảnh hưởng phi thường tự bộc lộ trong các ngôn ngữ khác nhau - tức biểu tượng cho sứ mệnh của các tông đồ và Giáo hội rao giảng Tin Mừng khắp thế gian. Nhưng nếu bên ngoài là như vậy, thì bề trong càng sinh động mạnh mẽ và hiệu quả hơn. Bởi Đấng là trạng sư thần linh được cảm nhận rõ nhất trong việc hướng dẫn các linh hồn.

Thánh linh trước hết là Thần Khí của sự thánh thiện. Chính Ngài tạo dựng Hội "thánh". Không phải trong ý nghĩa Giáo hội không vương mắc tỳ ố, hoặc làm cho các thành viên, kể cả cầm đầu, không hề phạm tội. Nhưng trong ý nghĩa Ngài là nguồn mạch sự thánh thiện. Giống như một dòng sông chảy xiết nhưng hai bên bờ nước vẫn trôi lơ lờ, thậm chí có quãng chảy ngược lại. Cũng vậy dòng suối thánh thiện trong Giáo hội cũng có những thiếu sót và nhơ bẩn. Với sự trợ giúp của Thiên Chúa mỗi chúng ta được phép lựa chọn bước đi như mình muốn. Điều căn bản là đạt tới dòng suối này.

Hỡi con cháu Adam, Evà, những kẻ tội lỗi, tự mình luôn vương mắc vào nguy hiểm tội khiên, luôn ân hận ở một mức độ nào đó, yếu đuối một cách đáng thương hại - xin hãy đến ! Ôn tái sinh đang chờ đón! Và cùng với ơn ấy là sức mạnh và sự chở che!

Thánh Thần còn là Thần Khí biết tổ chức. Trước khi Ngài tạo dựng Hội "thánh", thì Ngài phải thiết lập cơ cấu Giáo hội. Ngài phải trở nên "linh hồn" của cơ cấu ấy, kích hoạt nó sống động, xây dựng các tầng lớp lệ thuộc nhau, sắp xếp một nguyên lý hợp nhất về quản trị mà các thần học gia gọi là "chức thánh". Việc rút thăm lựa chọn Mathia vào chức vị tông đồ trong nhà tiệc ly là một bằng chứng cụ thể về vai trò của Đấng bảo trợ. Phẩm trật Giáo hội là một thể hiện vĩnh viễn vai trò này.

Chức thánh là ơn huệ mang tính xã hội, tặng phẩm tập thể từ Thiên Chúa, bởi nó, nhiều nội dung khác được phát sinh.

Thánh Linh còn là một nhân chứng. Thầy Chí Thánh phán: "Họ sẽ làm chứng về Ta". Và chứng cứ của Thánh Thần mạnh mẽ biết bao. Ngài làm chứng bằng lời nói, tử đạo, tài năng và nhân đức! Ngài làm chứng bằng đời sống từng cá nhân, cộng đoàn và xã hội. Ngài ban phép lạ vào những chứng tá đó. Phép lạ trong mọi thời đại của những ai cộng tác với Ngài. Ngài cũng làm chứng tá bằng thành phần của những chi Ngài ban tặng, thí dụ hoà hợp nội tại của các biến cố, các văn bản, tôi chưa hề biết chứng cứ nào mạnh mẽ và xác thực hơn.

Đời sống làm chứng cho đời sống, tồn tại cho tồn tại. Những chi viên mãn và phù hợp đều mang nhãn hiệu của Thượng đế. Hãy nhìn xem, Thần Khí Đức Giêsu là một sự sống tròn đầy, một hoà hợp không cung điệu sai lạc, một luận lý không thất bại và tính đơn giản của nó mạc khải tài nghệ sáng tạo.

Hãy nhìn xem tính đơn giản của Tin Mừng và giáo lý tinh tuyền, tính đơn giản của linh hồn Đức Kitô, của linh hồn các thánh. Tính đơn giản không thể diễn tả nổi, chứa đựng sự khôn ngoan siêu nhiên và tính trong sáng về thể thức mà Đấng khôn ngoan yêu thích tuôn trào. Nó rõ ràng trong suốt như nước nguyên chất trong ly thủy tinh. Thể thức ấy biểu lộ hoàn hảo một chiều sâu kỳ diệu.

Những ai cảm nhận được điều này sẽ bị nó thu hút không cưỡng lại nổi. Mà nhiệm nghiên nát tinh thần con người. Tuy nhiên tính tập trung và mạch lạc của các chân lý lại là một luồng sáng chiếu soi toàn khối. Chúng ta sẽ ngỡ ra chính đây là sự thật, bởi nó là duy nhất. Nhờ duy nhất, các sự thật chỉ là một. Từ đó nảy sinh tính chắc chắn khiến chúng ta được hưởng niềm hạnh phúc ngất ngây. Mà nhiệm quả thật là niềm vui sướng cho nhân loại chứ không phải gánh nặng của tư duy (tác giả mô tả về Kinh Thánh ND).

Chẳng học thuyết nào do loài người sáng chế ra lại có khả năng hoà hợp và thống nhất mọi biểu hiện của đời sống. Chỉ có tấm áo không đường may của Đức Kitô làm được chuyện này. Và đây chính là tấm áo trắng đó. Thánh Thần đã giới thiệu nó cho nhân loại, với các sợi vải lấp lánh tỏa ra từ nguồn sáng duy nhất.

Tiếng phán ra từ Thần Khí rõ ràng như tiếng đại dương về đêm. Chính trong đêm tối mà biển cả mênh mông khắp vũ trụ phát ra những âm thanh vang vọng từ một giọng quyền năng. Thần Khí Đức Kitô cũng làm như vậy. Thần Khí là lời giải thích mọi sự, giống như Ngài là toàn năng, là niềm vui vĩnh cửu, bởi Ngài chính là hạnh phúc chiếu tỏa bình an.

Xa hơn nữa, và như một hiệu quả, Thánh Linh còn là Thần Khí của chiến thắng. Ngài sẽ thổi hơi đến hang cùng ngõ hẻm của thế giới, Ngài sẽ lay động vũ trụ, như đã làm rung chuyển ngôi nhà bé nhỏ trên ngọn đồi khi xưa. Chính qua Ngài mà Con Người đang chịu treo trên giá gỗ sẽ kéo mọi sự lên cùng mình. Thánh Thần là ngọn lửa hồng làm tiêu tan mọi sự. Ngọn lửa mà ánh sáng của nó lan tỏa

khắp nơi, ngọn lửa đang giận dữ phá huỷ mọi xấu xa, ngọn lửa đốt cháy mọi núi đồi kiêu ngạo, thung lũng tham lam. Đức Giêsu phán: "Ta đến mang lửa xuống thế gian và hằng ước mong cho lửa đó cháy lên" (Lc 12,49). Để làm tròn khát mong đó của lòng nhiệt thành, Chúa đã tung các môn đệ ra toàn thế giới.

Công việc của Thánh Linh không giống bất cứ công trình nào của nhân loại, kể cả các thiên tài. Bởi vì công việc của loài người có giới hạn về không gian và thời gian, điều mà loài người dám nói: "Anh em hãy ra đi, và dạy dỗ muôn dân" phải chăng thế hệ kế tiếp sẽ cho là khoác lác?

Những danh nhân lớn trong lịch sử sẽ chỉ còn sống trong ký ức người ta, con cháu dòng giống anh hùng sẽ sống vô danh tiêu tốt, chóng qua và thường là bất trung. Họ không có quyền năng vô hạn như Đức Giêsu, để thông truyền tinh thần sống động cho hậu duệ mình.

Thí dụ: Aristote, Alexander, Michel Angelo, St. Louis từng nhìn thấy công trình mình bị phá huỷ bởi những người kế vị, hoặc học trò vụng về, đồ đệ tồi mà mục tiêu là thu quén thanh danh cho chính mình trên công lao thừa hưởng của người khác. Ngược lại, Đức Kitô duy trì công việc mình và làm cho nó sống động luôn, bởi vì chính Ngài cư ngụ trong đó vĩnh viễn. Ngài có phương tiện để nuôi dưỡng khởi hứng ban đầu. Ngài ban cho nó sức tươi trẻ ngàn thu. Ngài khiến nó thành mạch suối vọt đến cuộc sống vĩnh hằng mà Ngài đã đề cập đến khi nói chuyện với người phụ nữ Samaritana tại giếng Giacóp, Người làm như vậy nhờ Thần Khí.

Do Thần Khí này, Giáo hội phổ quát luôn là Giáo hội thật của Đức Kitô bất chấp sự đa dạng về nơi chốn, thời gian, văn hóa và các khuynh hướng bề ngoài. Giáo hội luôn thực hiện các lý tưởng làm "kiểu mẫu vĩnh viễn", cho phép các khác biệt về chủng loại sống. Nguyên lý hướng dẫn cơ bản luôn không thay đổi, và bất di bất dịch khi Giáo hội tiến bước vào mọi mặt trận, giống như một đạo binh dùng hết các thứ vũ khí nhưng chỉ có một chiến lược chỉ huy. Học thuyết của Giáo hội, quan điểm luân lý, kỷ luật, phụng vụ, phẩm trật giáo sĩ, giáo dân ngày nay về căn bản giống như thời tông đồ Phaolô và cũng y hệt trong căn phòng "trên lầu".

Phải công nhận có những bội giáo, có nhiều nữa, luôn cả một tập thể. Nhưng Giáo hội vẫn sống động mặc dù ốm yếu. Hội Thánh sẽ chẳng bao giờ là một xác chết, bất chấp các khủng hoảng cá nhân, tập thể hay cả một chức năng. Bệnh đó không đến nỗi chết đâu. Chúa nói về Lazarô, nhưng cũng chỉ về Giáo hội. Giáo hội không quen biết tử thần. Có lúc Giáo hội chỉ còn thoi thóp thờ. Nhưng chính thời đại đào ngũ lại là những lực đẩy kích thích Thần Khí hoạt động mạnh mẽ, kỳ diệu hơn.

Thời gian nhiều nhường là thời gian của chủ nghĩa anh hùng và nền thánh thiện cao độ. Trong mỗi thời kỳ xã hội suy vi thì đều có những nhân vật xuất chúng được an bài để nâng đỡ các sinh hoạt tinh thần của cộng đồng. Họ là muối men của tương lai. Phải chăng đây là công việc của Thánh Linh? Một ngọn lửa bên trong, sống động giống như linh hồn kích hoạt thân xác, giống như vị thần bản mệnh linh hoạt gia đình, xóm làng, thành thị?

Cuối cùng, khi nói Thánh Linh chinh phục, tổ chức, phải chăng là dư thừa nếu thêm Thánh Linh hợp nhất? Nhưng trước khi bàn chuyện này xin nêu ra vài nhận xét về tính chất phổ quát của hợp một: trong công trình tạo dựng vũ trụ, Thánh Linh siêu việt tất cả. Ngài là Thần Khí của mọi tinh thần, Thần Khí của mọi sinh vật. Mọi sự đều lệ thuộc vào Ngài, khi Ngài kích thích chúng ta trông chờ một chuyển động phổ cập.

Cho tới ngày Lễ Ngũ Tuần, thế giới là một khối hỗn loạn, và nếu nói nó có được chút tổ chức như trong các hội đường Do thái, thì cũng chỉ là tham dự trước vào hoạt động của Thánh Thần. Vậy thì ảnh hưởng của căn phòng tiệc ly có thể trở về tới những thời đại xa xưa. Nhưng ảnh hưởng vào tương lai mới biểu lộ quyền năng lớn nhất của Thánh Thần. Thần Khí qui tụ thế giới, qui tụ các thời đại. Ngài thu gom "nên một, con cái Thiên Chúa đang tản lạc khắp nơi" (Ga 11,52). Những ai tưởng mình trốn thoát được Ngài thì lại, cách này hay cách khác, làm tròn ý định của Ngài và phục vụ lợi ích của các kẻ được tuyển chọn.

Thế giới đã như xác chết, không có sự sống, giống hệt Lazarô trong các dây băng quấn quanh, nặng mùi thối rữa, vì các nguyên lý về năng lượng đang phân rã thâm thẳm. Và Thần Khí Đức Giêsu đến phục hồi nguyên tắc hợp nhất của sự sống, vũ trụ liền đứng thẳng dậy và bắt đầu sống động.

Sự hợp nhất phục sinh này được biểu lộ rõ ràng trong ngôn ngữ thế giới công giáo. Thế giới ấy luôn tỏ bày tính thống nhất, và đồng dạng về giáo thuyết mọi nơi, mọi thời. Giáo thuyết qui định luật pháp cho sự sống. Bất chấp đa dạng về cung giọng đó đây, ngôn ngữ Kitô Giáo luôn là một, thông qua mọi thời đại, dân tộc, nền văn minh, văn hoá. Có thể có rất nhiều chứng nhân, nhưng chỉ có một chứng từ. Giống như đã được ban cho thế hệ tín hữu tiên khởi, ơn ngôn ngữ bây giờ vẫn được đổ xuống trên học thuyết công giáo nguyên vẹn, khiến những thánh giả thuộc mọi tiếng nói, màu da hiểu được nó là một. Nó chiếu toả ánh sáng thiên đàng qua lăng kính nhân loại.

Chính nhờ Thần Khí mà sứ điệp của Đức Kitô mạc khải một thế giới khác và thế giới ấy cùng với thế giới lữ hành hữu hình chỉ là một. Vương quốc Thiên Chúa ở khắp mọi nơi. Thần Khí là ánh sáng của nó. Và như chỉ có một nguồn sáng, cho nên chỉ có một sự chỉ đạo, một hành động, một vấn đề hiện còn là vô hình lúc này, nhưng rõ ràng ở đời sau. Đó là sự sống vĩnh hằng.

Thánh Linh, như vậy là Thần Khí của vĩnh cửu. Nước hằng sống mà Đức Giêsu ban phát phải trở về nguồn mạch. Nó đến từ thiên đàng, thì phải trở lại thiên đàng để cư ngụ vĩnh viễn. Thiên đàng chỉ là bề mặt cân bằng của thứ nước đó. Nếu như Đức Kitô đã trỗi dậy và bây giờ không còn chết nữa... Nếu như Ngài ở đâu thì Ngài cũng muốn chúng ta ở đây với Ngài. Lý do vì Thần Khí của Ngài thổi hơi giữa Chúa Cha và Ngôi Lời. Và chính trong Ngôi Lời Nhập Thể và do Ngài mà chúng ta nhận được đời sống vĩnh cửu của ơn thánh.

Lúc này, giá gỗ ướt đầm máu chảy ròng ròng và vị Cứu Thế rên rỉ trong đau đớn. Nhưng Ngài giống như một công nhân đang lao động cực nhọc phải thở hổn hển. Khi hoàn thành công việc người ta sẽ

nhận ra phương tiện và mục tiêu tương xứng nhau và rằng Đấng là nhân chứng vĩnh hằng không hề đối trá.

CHƯƠNG 5

NÚI ÔLIVÊTÊ

Núi Ôlivê-tê giữ một vị trí nhất định trong cái nhìn của Chúa Giêsu treo trên giá gỗ tương tự với tầm quan trọng nó vẫn giữ trong cuộc Khổ Nạn và đời sống công khai của Ngài tại xứ Giuđêa. Nó là đầu hồi của khung cảnh tự nhiên chung quanh cây thập hình. Và sau khi là sân khấu cho thảm kịch hấp hối, nó là khởi điểm của sứ vụ tông đồ vinh hiển.

Vườn Gethsêmani nằm dưới chân quả đồi này, thấp hơn ngọn Calvario nên Đức Giêsu không thể nhìn thấy. Cái cổng Salomon che khuất nó đi, giống như các sườn của ngọn núi che khuất vực thẳm.

Các sách Tin Mừng cho nó tên gọi Ôlivê-tê, theo sử gia Josephus, là núi của vườn Oliva, hay đơn giản vườn Cây Dầu. Bình dân kêu là Olivê-tê, do tên Latinh Olivetum. Chòm núi chạy từ Giêrusalem sang phía đông. Cho nên cư dân thành phố có thể trông thấy nó ở bất cứ địa điểm trong thành. Và đối với những ai sống ở Giêrusalem nó có vẻ đẹp quyến rũ không cưỡng lại nổi. Bởi lẽ đừng kể tính nổi bật và tầm quan trọng của nó thì không điểm nào trong phong cảnh mà người ta không thường thức ý nghĩa biểu tượng của bản hợp ca ánh sáng tới mức độ tuyệt vời.

Vào cuối thu, phỏng bốn giờ ban sáng đã thấy vầng đông trải rộng trên ngọn núi. Tám màn ngũ sắc xanh, đỏ, trắng, tím, vàng bập bùng sống động, nhưng bình thản như nét mặt người chết lạnh. Trên tầng trời cao, qua những làn mây, là một vầng Kim cương lấp lánh lung linh như ngọn lửa lưỡi gươm tổng lãnh thiên thần, với tính mong manh không thể so sánh của một bầu sáng. Đó là ngôi sao Ban Mai, mà Đức Giêsu đã ví mình trong sách Khải Huyền.

Chúng ta đọc: "Chính Ta là chồi non và dòng dõi Đavít, là Sao Mai sáng ngời" (Kh 22,16). Nơi khác: "Ai thắng và giữ cho đến cùng các việc Ta truyền, Ta sẽ ban cho người ấy quyền cai trị các dân. Đó là quyền mà Ta đã được Cha Ta trao cho, Ta sẽ ban Sao Mai cho người ấy" (Kh 2, 26-28). Sao Mai nói đến ở đây chính là Đức Kitô (2P 1,19). Những người sống ở Palestine hiểu rõ ý nghĩa các câu trên, hẳn sẽ ngộ ra lý do ngôi sao này liên kết với sự thần thánh hóa thân xác hay chết của Đức Giêsu. Vào chính buổi sáng ngày 14 tháng Nisan, Đức Giêsu đã nhìn thấy ngôi sao, biểu tượng sự tinh ròng xuất hiện trước hừng đông của mặt trời. Ngài xem thấy nó duyên dáng lặn đi, giống như chính Ngài chẳng bao lâu nữa sẽ kính cẩn trao phó thân mình vào cách tay Thiên Chúa Cha yêu dấu.

Về ban chiều chỉ có ánh phản chiếu mặt trời lặn đọng lại trên triền núi. Nhưng lại là quang cảnh đẹp đẽ nhất. Chiều tà xem ra như bình minh bởi lẽ nó cũng thể hiện tính yên lặng và bình thản như lúc

ban mai. Đỉnh núi nổi bật màu xám xanh, trước toàn cảnh màu tím ngắt cắt ngang bởi những dải màu lá cây và vàng óng. Các lọn mây xám nhạt nhẹ nhàng bay lơ lửng trên không trung, để rồi tan biến về phía chân trời im lìm. Đêm ập đến như bất ngờ nhưng bầu trời vẫn sáng và khi trăng tròn lơ lửng, chẳng ai mô tả được bà nữ hoàng trinh tiết ấy, hình quả cầu bằng bạc, nằm nghỉ ngơi trên nền trời màu tím, chập chờn huyền ảo.

Trên thực tế, núi Olivê-tê đối với cư dân Giê-rusalem là địa điểm hội tụ của ánh sáng. Chúng ta yêu mến nó bởi vì nó chiếu sáng cho Đức Giê-su và lập thành vầng hào quang cho những ngày tháng của Ngài. Khi Ngài ra khỏi đền thờ bằng cửa vàng, Ngài xem thấy nó trước mặt. Về buổi sáng khi Ngài đến từ Bê-tania Ngài trông thấy đường viền rõ ràng của nó bập bùng màu đỏ, cho đến khi nó phục vụ Ngài như điểm cao từ đó Ngài có thể nhìn thấy các vòm thánh điện lấp lánh của thành phố.

Con đường giữa Giê-rusalem và Bê-tania sẽ dẫn tới Jericô. Nó cắt ngọn đồi Olivê-tê thành hai phần gần như bằng nhau. Một con đường khác không dốc lắm xa hơn về phía Nam dẫn tới sông Gio-danô. Con đường thứ ba đi miền Bắc. Nhưng con đường ở giữa thu hút chú ý của chúng ta hơn. Nhiều lần trong cuộc đời công khai, Đức Giê-su phải qua lại con đường này. Ông tổ của Ngài là vua Đavít đã trèo qua dốc của nó khi chạy trốn Absalom, chấp nhận những lời thóa mạ của Semei mà không trả đũa. Semei vừa đi vừa tung cát và ném đá vào nhà vua, thốt ra những lời chửi rủa thậm tệ. Đây là gương tha thứ của thập giá hàng ngàn năm được diễn tập trước.

Con đường cao này là nơi Đức Giê-su đi lần sau hết trên mặt đất. Nó cũng là con đường của người Samaritanô nhân hậu trong một dụ ngôn. Ông ta là hiện thân của Đáng Cứu Thế. Chính nơi vệ đường của con lộ này mà hai người hành khát mù, anh em của nhân loại được Chúa chữa lành. Ở cuối con đường, trong thành Jerichô, một người anh em khác, ông Giakêu tội lỗi, từ cây sung trèo xuống vui mừng đón tiếp Chúa, dẫn được sự tha thứ và bình an vào nhà mình.

Về phía đông rặng núi, ba con đường đều chạy về miền đất sợ hãi: hoang địa Giu-đêa bị chia cắt rồi chấp vá do các thung lũng tua ra khắp hướng, coi như những làn sóng nhấp nhô ngoài biển cả. Sự cô tịch ở đây thật trang nghiêm và thô kệch, tựa những lời rao giảng khó nghe của các tiên tri. Thí dụ Amos, thợ chăn cừu, ông ta tức giận quăng vạ tuyệt thông vào Thecoa, một phần của giải đất này.

Cũng từ hoang địa gió nóng thổi vào Giu-đêa, làm khô cháy đất đai như hơi thở của quỷ thần cần cõ vào các linh hồn. Người Do thái cổ coi hoang địa này như biểu tượng của miền đất tội lỗi. Quang cảnh chung quanh Biển Chết gợi lên trong trí óc họ Thiên Chúa đánh phạt. Đây là lý do tại sao hàng năm người ta đuổi vào đây những con dê té thần, chất đầy tội lỗi của Israel. Con vật khốn nạn bị nguyên rủa trước bàn thờ, rồi xua vào thung lũng Cedron. Ở đây nó sẽ bị quăng xuống vực thăm sâu hoắm, làm lễ hy sinh cho tuyển dân.

Từ trên khổ giá, Đức Giê-su nhìn về hướng này, không thể không suy nghĩ mình là con vật đó, ngày hôm nay bị đuổi khỏi thành phố, tách lìa thế giới, bỏ cho chết nhục nhã, bị kẻ vào hàng súc vật té thần. Trên miền đất khô cằn và hoang dã này, chẳng có chi mọc được, ngoài nắng cháy, gió lộng và

im ắng. Gioan Tẩy giả đã sống ở đây. Ông chu toàn vai trò Tiên hô cho Đấng Thiên Sai. Ông mở ra con đường tương lai cho dân tộc, vâng theo lời tiên tri thời cổ "Trong sa mạc hãy mở một con đường cho Đức Chúa, giữa đồng hoang, hãy vạch một con lộ thẳng băng cho Thiên Chúa chúng ta" (Is 40,3).



Vận áo lông lạc đà, một thứ vải thô người Bedouins dùng làm lều, ăn châu chấu cào cào rang và mật ong rừng, được Thần Khí thúc đẩy, Gioan đã đi qua mảnh đất này, tinh thần hồ hởi cách lạ lùng. Trong ông Tân ước tìm kiếm bản thân ở Cựu ước và Cựu ước sống bằng biểu tượng của mình. Như vậy, quá khứ đầy dẫy mong chờ, ngất ngây vì tương lai tươi sáng.

Ông là tiếng kêu trong hoang địa, dòng suối khao khát nước mát. Tiếng khẩn cầu của những người công chính thiên cận, nhân đức hẹp hòi, rập khuôn theo lề luật, kêu xin trời đất rộng mở tâm hồn và lòng thanh tẩy

sám hối để xứng đáng đón nhận tình yêu từ trên cao ngự xuống. Đó là Gioan Tẩy giả, tiếng kêu của ông đầy ắp Giudêa, giống như sau này âm thanh Tin Mừng tràn ngập thế giới.

Xin đừng quên, Đức Giêsu cũng muốn liên kết với thời gian chuẩn bị này. Và theo nghĩa đó, chính Ngài lại là tiên hô cho mình. Vì khởi đầu cuộc đời công khai Ngài đã vào sa mạc bốn mươi đêm ngày, ăn chay, cầu nguyện và trù liệu kế hoạch. Ngài sắp xếp tương lai, tiếp nhận và thích ứng hoàn cảnh, nhiệm vụ, chọn lựa nhân viên cộng tác, tất cả đều trong cô tịch, không ai chứng kiến ngoài phong cảnh thiên nhiên để khai trương Nước Trời.

Nơi ẩn náu của Ngài không xa sông Giordanô, bây giờ gọi là vùng "Bốn Mươi Ngày". Ngài làm bạn với chó sói, hổ báo mà ngày nay người ta còn trông thấy. Xem ra có lúc láng giềng của Ngài là những sinh vật vô hình, vì dầu sao Ngài cũng đã đến tuổi trưởng thành cần bạn bè thân thích. Bạn của Ngài có lẽ là các đạo binh thiên giới của Cha Ngài, những kẻ phải theo sát Ngài trên mỗi bước đường, Ngài khinh thường cô đơn, vì đã mang trong mình toàn thể vũ trụ.

Gần hơn trong tường thành, Đức Giêsu còn có một địa chỉ khác mang tính biểu tượng lúc mà Ngài cần thánh hiến. Đó là hồ Siloê. Tại hồ này Ngài đã chữa lành một thanh niên mù bẩm sinh. Anh ta sinh ra đã bị mù nghĩa là con người không thấy đường do thiên nhiên và Siloê có nghĩa là được sai đi, "Đấng Thiên sai" bắt đầu sứ mệnh tẩy sạch bằng nước tại đây, sau này bằng "máu". Xa hơn nữa,

nhưng cùng hướng nhìn là Machaerus, nơi Gioan Tẩy giả bị cắt đầu, và núi Nêbô, nơi chôn cất Môsê và hy vọng của ông ta.

Trở lại với núi Oôlivê-tê, chúng ta phải kể Bethphage, trên sườn phía đông của nó, dù Đức Giêsu không trông thấy, nhưng chỉ ngày hôm qua, Ngài đã chỉ thị cho hai môn đệ tháo lừa và chuẩn bị cho cuộc rước vào thành vinh quang. Cuộc rước đó vinh hiển trộn lẫn với nước mắt khóc thương thành thánh. Một sự vinh hiển chỉ đúng nghĩa khi nó quyết định cái chết của Ngài, và liên hệ chặt chẽ với sự sống lại của Lagiarô mà Ngài là nguyên nhân. Việc Lagiarô được giải phóng khỏi các dây băng báo trước Ngài sẽ chỗi dậy và ra khỏi mộ riêng một mình.

Ngày nay các du khách còn được chỉ cho xem Lagiarion tức chiếc mộ của Lagiarô, gần Betania, bây giờ được gọi là El-Azarieh- làng của Lagiarô. Làng này đã thay đổi vài lần, nhưng vẫn còn vẻ khá ấn tượng và gọi nhớ mạnh mẽ phép lạ kể chết bốn ngày được Chúa cho sống lại. Tại đây bạn có thể được trông thấy cái hang mà xác Lagiarô đã được đặt vào rồi chỗi dậy ngóc sau giấc ngủ thật dài. Lỗ hang còn y nguyên. Chỗ Đức Giêsu đứng không thay đổi mấy, chỗ hai chị ngồi cũng vậy. Bạn có thể xem thấy như họa sĩ Rembrandt đã xem thấy và vẽ trong bức tranh màu nước nổi tiếng của ông. Nhưng mang tính nghệ thuật cao khi liên quan đến hình dáng của Chúa Giêsu. Tuy nhiên không kém phần choáng ngợp và đầy vẻ nhiệm màu.

* * *

Cùng với Đức Giêsu, nhìn về phía Olivê-tê, chúng ta phải lưu ý đến ba điểm: Chân núi, vườn Gethsemani, triền núi, không xa ngọn quay về Gierusalem, nơi Đức Giêsu thường dừng chân lại trên đường đi Betania với các môn đệ, chỗ hãy còn vang vọng diễn từ cao siêu và cuối cùng, đỉnh núi, địa điểm lên trời.

Gethsemani có nghĩa gần như là "vừa ép dầu". Nó là phần vây kín của đồn điền Oliva rộng lớn. Đồn điền này bao phủ toàn bộ ngọn núi và như mọi đồn điền trồng nho khác, ở đây người ta thiết lập khu ép dầu, để ép các quả Oliva thu hoạch được. Bóng mát trong đồn điền thật ê hề. Cũng ở đây dưới bóng cây oliva, cành lá xum xuê màu bạc, người ta có thể nghỉ ngơi hoặc tìm kiếm chút cô tịch. Nếu thời tiết đẹp còn có thể qua đêm dưới bầu trời.

Địa điểm này có vẻ âm u, vì nằm ở dưới chân núi, như thánh Giêrônimô nói, nó chỉ cao hơn thung lũng Cedron chút ít, và bị các tường lũy Moria (Sion) trên cao ăn hiếp. Ngọn tháp của đền thờ. Đồn Antonia coi đe dọa từ đằng xa, phía bên trái là cánh đồng Giosaphat đầy mỡ mả. Khi cần nghỉ ngơi Đức Giêsu thường vào đồn điền Gethsemani. Quang cảnh âm u chung quanh làm Ngài thư giãn tinh thần, thể xác. Ngài cũng có thói quen cầu nguyện tại đây, xa lánh hẳn những quấy rầy. Vây quanh Ngài chỉ là số ít bạn hữu thân thiết và nếu muốn Ngài vẫn có thể giữ một khoảng cách với họ. Như vậy nhân tính Ngài được cơ hội ẩn náu trong thiên nhiên, cô tịch, bóng rợp âm u và nhất là trong Đức Chúa Cha.

Đôi lúc Ngài cũng quyết định ở lại qua đêm trong vườn. Thí dụ trường hợp rời thành phố muôn, khi cầu nguyện lâu giờ. Lúc ấy đồn điền cây dầu trở thành phòng ngủ cho Đấng Toàn Năng. Các môn đệ cũng được đặc ân hiện diện trước màu nhiệm Đức Giêsu rơi vào giấc điệp mê man, mặc dù tinh thần Ngài vẫn ở trong cõi đời đời. Thiên Chúa hạ mình nằm dựa trên một thân cây, lấy tay gối đầu, các môn đệ nằm ngủ rải rác chung quanh. Họ, những xác phàm hay chết chìm sâu vào cõi hư vô, trong lúc Thầy vẫn còn canh thức siêu nhiên. Chắc chắn tông đồ trẻ tuổi nhất, Gioan, nằm sát bên Thầy, má gối lên áo Thầy. Nhưng rồi sẽ đến ngày Đức Giêsu tỉnh giấc một mình, tâm can bồn chồn không thể chợp mắt vì linh hồn của nhóm Mười Hai.

Cao hơn, và không còn cách đỉnh núi bao xa, một địa điểm khác cũng quen thuộc. Nó chỉ là chỗ dừng chân, nhưng có thể lưu lại khá lâu trong một mái che, vì gần đây có cái hang. Truyền thống gọi nó là "hang dạy dỗ" (The cave of the teaching). Truyền tụng kể rằng, một buổi chiều trên đường về Betania, Đức Giêsu đã dừng ở đó và quay mặt về phía đền thờ, Ngài tiên báo sự sụp đổ của nó và rằng cũng trong dịp đó Ngài mô tả ngày tận thế, để kết thúc bài huấn dụ luân lý dài dòng của mình.

Còn về địa điểm Lên Trời, Kinh thánh không nói rõ. Thánh sử Luca đặt nó chung quanh Betania (Lc 24, 50-53). Tông đồ công vụ thì viết: "Bấy giờ các ông từ trên núi gọi là núi Oliva trở về Giêrusalem. Núi này ở gần Giêrusalem, cách đoạn đường được phép đi trong ngày sa-bát" (Cv 1,12). Từ đỉnh núi tính về đúng như mô tả trong đoạn văn. Chúng ta sẽ tìm hiểu thêm.

* * *

Như đã từng nói, Đức Giêsu chiêm ngắm mọi sự theo hai chiều kích: Tinh thần tiên tri và ký ức quá khứ. Ngài trông xem từ đỉnh cao đời đời. Những chi hiện tại, tương lai, quá khứ đều xuất hiện làm một trước mắt Ngài. Thí dụ cái nhìn vào nhà Tiệc ly Ngài xem thấy quang cảnh bữa tối già từ đã ở quá khứ và dịp lễ Ngũ Tuần ở tương lai. Về ngọn núi Olivête Ngài nhận ra vực thẳm: Một, của sâu đau hiện tại. Hai, của cao sang Thiên đàng.

Khi đã kết thúc bữa ăn trên núi Sion, tưởng nhớ quá khứ và khi đã dài dòng giải thích cho các môn đệ ý nghĩa việc Ngài vừa thực hiện, và khát vọng theo đuổi mục tiêu, thì Ngài nói: "Đứng dậy, chúng ta hãy rời bỏ nơi đây" (Ga 14,31). Ngài và nhóm môn đệ tiến về hướng Ophel, băng qua thành phố, lúc ấy hoàn toàn thanh vắng. Các ông bước xuống bậc dốc về phía hào lũy, ra ngoài thành bằng cửa Hồ Nước. Có thể ước đoán, nhưng không chắc chắn lắm, họ đã đi qua Siloe khi ra khỏi cửa Giếng Nước. Dầu sao đi nữa thì bất cứ con đường nào cũng dẫn xuống thung lũng Cedron, đến cánh đồng Giosaphat, các mồ mả, cuối cùng tới đỉnh mệnh Gethsemani, ở đây Chúa qua cơn hấp hối khủng khiếp.

Thời gian là vào khoảng 10 giờ đêm, phía đông trăng tròn đã lên cao, tỏa ánh sáng huyền ảo xuống mặt đất, các tảng đá lớn phản chiếu rõ mồn một, những nắm mồ trắng càng trắng hơn, những phiến lá Oliva màu bạc coi như dát kim loại. Các ngọn đuốc của đám vệ binh Đền thờ xem ra không cần thiết, tiếng lách cách gươm đao, lưỡi kiếm loảng xoảng trong đêm.

Bây giờ khách hành hương còn có thể đi theo con đường Đức Giêsu và các môn đệ đã đi trong đêm thứ năm định mệnh ấy hòa lẫn với tâm trạng nhóm Mười Hai khi xưa, cùng giờ giấc, cùng dưới ánh trăng mười bốn tháng Nisan, có thể vững bụng rằng họ đang giẫm lên những dấu chân của Thầy Chí Thánh và các tông đồ. Bởi vì làm thế nào mà họ tránh được những hòn đá lịch sử của một lối đi rất hẹp? Với tâm tình sùng mộ cao độ, họ khó mà kiềm chế mình cúi xuống hôn lên những viên đá in dấu chân thánh thiện của Thiên Chúa làm người. Xưa kia Absalom phản loạn đã gây nên cho chốn này lời nguyền rủa mà cho đến ngày nay mỗi lần người Do thái hay Hồi giáo đi qua đều ném đá vào tên phản bội, nhưng Đức Kitô đi qua cũng con đường này, Ngài không ném hòn nào cả và cũng không rủa một lời nào. Lời nguyền rủa đã chấm dứt. Xét theo hình bóng thì Absalom chết là chúng ta. Đức Giêsu đã tẩy sạch tội lỗi của nhân loại, và nước mắt chảy xuống đó dù là của Chúa Giêsu hay những kẻ ăn năn sám hối, không còn cay đắng nữa.

Chỉ cần vài bước lên khỏi thung lũng là Chúa Giêsu và các tông đồ đã ở dưới cái bóng to lớn của tháp đền thờ. Con đường đầy ánh trăng vì chị nguyệt đã lên cao. Bên phải Ngài là đường đi núi Mô-ab, sông Giođanô và Biển Chết. Toàn bộ miền triền núi này người ta trồng nho, có nhiều nắng và nho xanh tươi. Vì vậy, Đức Giêsu đã nhân cơ hội để ví mình như cây nho: "Ta là thân nho, các con là cành..." (Ga 5,15).

Bước các ngài chậm chạp, vì không cần đi xa lắm, và Đức Giêsu còn nhiều điều phải nói, có thể đôi lúc các ngài dừng lại nghỉ chân, khi ngồi trên đá, lúc trên các mỏm. Có rất nhiều chỗ ngồi tự nhiên dọc theo con đường này. Sau mộ của Absalom là các ngôi mộ khác giống như những kẻ bàng quan không lộ há hốc miệng ngắm nhìn khách qua đường ban đêm. Con đường bỏ lại thung lũng mỏm đá đằng sau và dẫn tới "vườn chân núi". Đây là vườn Gethsimani.

Rõ ràng đêm nay Đức Giêsu không có ý định đi Betania như thói quen. Ngài không đi đến đó nữa vì đang bị các kẻ thù đe dọa. Đêm cuối cùng Ngài không muốn gây phiền hà cho các bạn thân thiết. Cuộc Khổ Nạn đã bắt đầu. Ngày mai Ngài sẽ gặp cái chết và nấm mồ. Như lệ thường Đức Giêsu vào vườn với nhóm Mười Hai và lúc đầu xem ra mọi sự không có chi thay đổi, ngoại trừ Ngài chọn riêng ra ba tông đồ: Phêrô, Giacôbê và Gioan, những kẻ Ngài quý mến đặc biệt, mặc dù tất cả các tông đồ đều được Ngài yêu dấu. Ngài truyền các ông khác ngồi trên đám cỏ chờ đợi, như thể chẳng bao lâu Ngài sẽ trở lại với họ, và tiếp tục bài diễn từ hoặc đi tiếp lên đỉnh núi.

Nhưng lúc này linh hồn vĩ đại ấy, vốn vẫn dững cảm phi thường, thì lại rùng mình sợ hãi vì viễn tượng kinh hoàng trước mắt. Tấn kịch bi thảm sắp diễn ra làm Ngài chết điếng. Phúc âm thuật lại: "Người cảm thấy hãi hùng xao xuyên" (Mc 14,33). Ngài quẫn quại như không còn khả năng ở một mình với cơn ác mộng. Ngài tiết lộ nó cho các môn đệ, lo lắng như thể giải thích cho họ sự thay đổi đột ngột phong thái bình thường của mình: "Linh hồn Thầy lo buồn đến chết được". Đáng Toàn Năng như các tiên tri loan báo, cố vấn kỳ diệu, kẻ chiến thắng sự chết và tử thần, lại xem ra ngã quỵ trước viễn tượng khổ giá. Ngài yêu cầu các môn đệ giúp đỡ: "Anh em ở lại đây mà canh thức với Thầy". Ngài khẩn khoản họ (Mt 26,38). Nhiều lần Ngài từng dặn dò các môn đệ "canh thức", nhưng

chưa lần nào nói "với Thầy" như hôm nay. Cho nên vấn đề không phải là canh thức suông mà còn là lòng thương cảm của họ.

Rồi Ngài bắt đầu con hấp hối vượt khả năng hiểu biết của chúng ta. Điều này chẳng bao giờ tiết lộ cho loài người. Xin lưu ý là khi khởi sự cuộc sống công khai, cũng như khởi sự thương khó, Đức Giêsu luôn đi vào hoang địa. Nhưng hoang địa của linh hồn Ngài trần trụi và man dại hơn hoang địa của Gioan tiền hô rất nhiều, vì bị tước đoạt hết mọi ủi an.

Các tác giả Phúc âm không chỉ nói Ngài quì xuống đất mà dùng từ xấp mặt xuống hay ngã xấp xuống đất. Tức nằm phủ phục xuống đất. Một chén đắng mà Ngài không thể uống đã được Thiên Chúa đề nghị. Thân mình Ngài run rẩy khiếp sợ, đến nỗi nước mắt trào ra còn lẫn cả máu nữa. Ngài đã khóc với toàn bộ tồn tại của mình. Ngài khóc như một người rướm máu. Và đối với Ngài máu và nước mắt ấy là giọt sương của đêm cuối cùng trên trái đất. Câu nói: "Linh hồn Thầy buồn sầu đến chết được" chưa bày tỏ hết thực tế. Lo buồn của Ngài vượt qua giới hạn của cái chết, vì chết chỉ đụng đến thân xác, và thân xác chỉ chịu đựng được có giới hạn. Chúng ta biết rằng có những nỗi khổ đau làm tan nát trái tim. Nhưng nếu muốn Thiên Chúa có thể trợ giúp sự yếu đuối của linh hồn, ngõ hầu tinh thần có khả năng chịu đựng xa hơn. Lúc này đối với Đức Giêsu, thân chết đã đứng ngoài ngưỡng cửa của con hấp hối. Nhưng về phần linh hồn thì không có giới hạn như vậy. Chén đắng chồng chất chén đắng cho tới khi giá gỗ tới như một giải thoát. Ai có thể thâm nhập được vào những đoạn trường này? Sau những giọt nước mắt hòa lẫn máu ấy, ai có khả năng mô tả? Còn bao nhiêu máu và nước mắt nữa tắm gội linh hồn Đấng Cứu Thế? Nó giống như dòng thác đổ vào vực thẳm của đại dương?

Loài người chúng ta chẳng bao giờ có khả năng thấu hiểu viễn tượng khủng khiếp của Đức Giêsu, chỉ có thể phỏng đoán chút ít. Trên hiện trường thì là cái sầu khổ, đau đớn và cái chết. Đột nhiên hình bóng cây giá gỗ xuất hiện trước mắt Ngài. Cho rằng ý nghĩ về thập hình đã thường xuyên hiện diện trong tư tưởng của Ngài và Ngài đã chấp nhận nó ngay từ đầu. Ngài đã từng nói tới trong các bài thuyết giảng, thí dụ trong Gioan Ngài nói: "Chính vì giờ này mà Con đã đến" (12,27). Nhưng chúng ta không biết được tất cả sự hãi hùng bất ung mà viễn tượng mang lại cho Chúa, sau thói quen suy tư làm cho đường nét của nó trở thành lu mờ. Khi đau đớn thâm nhập toàn bộ thân xác, và toàn bộ tâm trí tập trung vào hình ảnh của khổ nạn, thì sự hành hạ vượt ra khỏi mọi giới hạn. Đó là tình huống của Đức Giêsu xét như con người lúc này. Thánh vịnh 54 (5-6) mô tả: "Nghe trong tim mình đau thất lại, bóng tử thần khủng khiếp chụp xuống con. Bao run sợ nhập cả vào người, cơn kinh hãi tứ bề phủ lấp'. Ứng nghiệm vào Đức Giêsu thật chính xác. Ngài bị đánh đòn trong tư tưởng và đóng đinh trong ý nghĩ trước khi sự việc xảy ra. Viễn tượng đó kéo lê Ngài qua mảnh vườn, dốc ngược lên nhà Anna, tới chỗ ở của Caipha. Cho đến đồn binh Antonia, dọc theo các phố xá, đến lúc chết và mai táng trong mồ. Ngài trông thấy tất cả, và có lúc Ngài bị ám ảnh rằng chẳng làm thế nào thoát được. Mặt úp xuống đất, tay giang thẳng, Ngài phải ném sự cay đắng tột cùng của kiếp người cô đơn.

Mở rộng sự đơn độc ra chút nữa và nếu không cho phép một suy tư về an ủi nào len vào trong sự đơn độc của Chúa, chúng ta thấy gì? Thấy không chỉ thập giá của Ngài mà muôn vàn thập giá khác

nữa. Giống như thung lũng Giosaphat, mồ mả nọ chồng chất mồ mả kia, hàng hàng lớp lớp chen chúc nhau dày đặc cả triền đồi, và những triền đồi bên cạnh. Cũng vậy thập tự trên ngọn Calvario của Đức Kitô và khắp miền lân cận. Thập giá chồng chất lên thập giá. Khổ hình chen chúc khổ hình, giá gỗ xô đẩy nhau, đủ mọi kích cỡ, đủ mọi loại gỗ. Cái thẳng cái cong, cái đứng cái nằm, cái khô héo, cái mục nát nằm la liệt tựa như những thân cây đọt mục nát. Một rừng rậm thập ác bao phủ khắp núi đồi, lấp đầy các thung lũng, vực thẳm. Các đại dương biển cả được chúng san bằng. Từng đoàn tàu bao la chạy trên nước mắt và tiếng thở dài.

Con người đến thế gian để cứu vớt nhân loại. Ngài mang lấy gánh nặng của anh em mình. Đau đớn Ngài gánh chịu không phải của riêng mình mà của toàn thế giới. Ngài sẽ thắng vượt đau bằng chịu đựng hy sinh, tương tự như chết để chinh phục tử thần. Ngài bám chặt vào buồn đau nhiều hơn là đau khổ bám lấy chúng ta. Nhờ đó, cho nên mọi nỗi buồn đau không còn vị đắng nữa.

Tuy nhiên, nếu như sự thương cảm của Ngài sinh ơn ích cho nhân loại thì Khổ Nạn của Đức Kitô còn phải chinh phục một chiến thắng khác nữa. Thế giới còn một điều ghê gớm hơn giá gỗ nhiều. Điều đó mới là nguyên nhân dựng thập tự lên tại ngọn đồi Calvario, thánh giá và đau đớn chỉ là hậu quả. Hình phạt cũng chỉ là điều theo sau. Chẳng ai dám chối bỏ sự thật ấy. Điều ghê gớm đó là tội lỗi, và loài người là những tội nhân.

Xin nhìn thẳng vào sự thật đau đớn này, đừng tránh né, đừng biện minh, hay bằng lòng giả tạo, nhưng hãy giải bày rõ ràng bản án này ra ánh sáng vĩnh hằng. Vĩnh hằng là quan tòa đích thực. Vĩnh hằng hiểu thấu thời gian là đáng giá nhưng vĩnh hằng kết án nó. Vì nhân loại đã đi lạc hướng. Tác giả thơ Gioan nói: "Tất cả thế gian đều nằm dưới ách thống trị của ác thần" (1 Ga 5,19). Cho nên không có chi lạ nếu như người trưởng tử của nhân loại, Đấng đã vui lòng gánh lấy tội lụy của chúng ta, cảm thấy khiếp sợ, đúng như Thánh vịnh nói: "Bấy tử thần ập xuống trên tôi" (Tv 17,6) khi Ngài trả món nợ tình thần trên cây gỗ cho nhân loại. Một mình Ngài gánh vác sức nặng của mọi tội khiên: "Ngài đã trở nên sự tội vì chúng ta" (2 Cr 5,21). Lúc này không phải Adam cũ đứng trước tòa án Thiên Chúa, mà là con người mới. Đức Giêsu là Đấng "nhìn thấu vực thẳm" (Daniel 3,55). Và vực thẳm vĩ đại nhất vũ trụ là cái ác luân lý. Ngài cảm nhận sức nặng ghê gớm của tội lỗi trong mọi thời đại, giống như người khổng lồ của một chuyện cổ dưới quả núi to. Gánh nặng tiêu hao hết sức lực của Ngài và cần phải có liên kết cố gắng của tất cả các linh hồn trung thành để nâng nhẹ nó lên.

Xin nhớ Đức Giêsu từng là vị y sĩ chữa lành mọi bệnh tật của chúng ta bằng đau đớn của mình. Nhưng cái bệnh khó chữa trị nhất là tội lỗi. Ngài có tầm nhìn mà chúng ta không có, sự yếu đuối của mỗi người bịt mắt họ không cho xem thấy cái nhìn của Đức Giêsu. Ngài trông thấy rõ sự quý giá và khôn nạn trong thế giới mà chúng ta mù tối. Nếu như chúng ta được xem thấy mọi cơn hấp hối, mọi gian ác lan tràn khắp thế gian như Ngài thì ai có thể sống nổi? Nếu như mỗi người nhìn thấy những tội lỗi lầm riêng của mình, mặt đối mặt, thì liệu còn dám giơ mặt ra cho thiên hạ coi? Khả năng tự lừa dối mình là vũ khí bảo vệ của chúng ta. Nhưng Đấng trông thấy hết, thấu suốt hết không sợ một sự che đậy nào, bao lâu mà Ngài chưa sử dụng quyền năng lướt thắng cái ác. Lúc này Đức Giêsu đưa mắt nhìn đến quyền năng đó, và cố gắng lấy chút an ủi khi nghĩ đến hậu quả của nó.

Ngài xuống trần gian từ thiên đường là để biến đời thế giới thành địa đàng. Nhưng liệu Ngài có cảm thấy mình đã quăng địa đàng vào vũng bùn nhân loại? Niềm an ủi của Ngài là cân bằng thánh giá với sức nặng của tội lỗi và đốn đau. Ngài hy vọng thánh giá đủ nặng để đối phó với mọi sự dữ. Nhưng giá dụ thánh giá là một thất bại?...

Dĩ nhiên chẳng ai cho phép như vậy! Nó là một vũ khí vô địch, luôn chiến thắng! Nhưng như chúng ta từng biết, lúc này Đức Giêsu chỉ cảm nghiệm đau đốn mà thôi, và trong tình trạng ấy làm sao thấy được chiến thắng? Cho nên vì tính tương đối của nó, thánh giá chỉ còn trong ý nghĩ như một tai họa!

Đàng khác, một tướng lĩnh sẽ chẳng bao giờ kinh nghiệm thắng trận khả hoàn nếu ông ta chỉ tính đến thương vong, tù binh, thiệt hại vật chất, vị trí chưa chiếm được, sức mạnh và cơ hội của kẻ thù để so với thành công nhỏ nhoi đạt được và chương trình còn lại bao la? Tính toán như vậy ông sẽ đánh mất hiệu quả thắng lợi. Nếu ông ta quá nhiều tham vọng về của cải, ông sẽ coi chiến thắng như một sự đảo ngược. Bởi lẽ ông phải trả giá quá đắt cho một thành công không cân xứng. Đó không phải là ý nghĩa của sự đảo ngược chiến thắng sao?

Tham vọng của Đức Kitô không có giới hạn. Nó vô biên, chẳng chi thỏa mãn nổi. Chỉ một linh hồn mà thôi, Ngài cũng sẵn sàng dốc hết máu mình ra, dốc hết trái tim ra. Chính vì lý do đó khi một linh hồn bị mất, dù chỉ một mà thôi, thì Ngài cũng cảm thấy phải bỏ lại 99 linh hồn khác để đi cứu vớt linh hồn thất lạc. Dụ ngôn Ngài kể nói lên chân lý ấy "Anh em nghĩ sao? Ai có một trăm con chiên mà có một con đi lạc, lại không để chín mươi chín con kia trên núi mà đi tìm con chiên lạc sao?" (Mt 19,12).

Và bao nhiêu con chiên đã đi lạc, thì như máu của mục tử đã đổ ra trên chiếc gậy của ông ta? Thập giá đã được trồng trên Núi Sọ như điểm qui tụ cho nhân loại, thì bao nhiêu đã tập hợp về, bao nhiêu ngoảnh mặt đi? Chẳng ai biết được! Nhưng hy vọng vẫn còn rộng mở. Bởi vì nếu có những người không ở trong đàn chiên hữu hình thì có thể đang tìm được chỗ ẩn náu trong đàn chiên vô hình! Có những kẻ còn tản lạc trong thời gian có thể sẽ qui tụ trong vĩnh hằng. Tận cùng của mọi tận cùng còn đang là một ẩn số đối với loài người chúng ta. Một bài toán không có lời giải đáp là liệu con số các linh hồn được cứu độ đông hơn hay nhỏ hơn kẻ bị trầm luân? Điều chắc chắn là hỏa ngục hiện hữu và có người ta ở đó, trong khi Đức Kitô ấp ủ một thiên đàng.

Hơn nữa, Đức Giêsu còn là người tổ chức trái đất, Ngài có kế hoạch cho đời sống các cộng đồng, cho thành thị, xóm làng, các nền văn minh, cho thế hệ tương lai. Không phải ở hình thức bề ngoài, nhưng cốt yếu là tương quan giữa các nhân vị tùy thuộc vào học thuyết luân lý, Ngài dạy dỗ và đưa vào mục đích mà Ngài chỉ định cho toàn bộ trật tự loài người. Chương trình này sẽ ra sao? Thập tự sẽ để lại dấu vết nào trong lịch sử nhân loại? Sĩ số tín hữu tốt hơn, đông hơn chư dân? Tất cả còn là màu nhiệm tối tăm. Công việc thì nặng nhọc, kết quả sờ mó được vẫn còn nhỏ bé và chậm chạp pha trộn với những thất bại và đảo ngược, đôi khi khiến người ta thắc mắc: Rồi ra hạ hồi kết thúc thế nào? Thật là một viễn tượng ghê sợ cho Đấng đem lửa ném vào thế gian!...

Cuối cùng, hãy nhân những khổ đau này với nhau và tưởng tượng thân xác Ngài đang chảy mồ hôi máu, linh hồn Ngài đang làm mọi cho mệt mỏi rã rời và linh cảm về khủng khiếp sắp tới, trái tim buồn đau vì con cái phản bội tình yêu Thần linh, sinh lực cạn kiệt vì cố gắng xem ra vô ích, để rồi bạn thấu hiểu được sự hành hạ của Ngài đi xa tới đâu. Ngài chìm sâu linh hồn vào biển đắng buồn sâu với thích thú tàn nhẫn và không để hy vọng giảm bớt. Bởi chính ngài là lý hình của riêng mình. Hơn một lần Phúc âm nhắc: "Ngài làm khổ mình". Ngài liên minh với toàn thể vũ trụ tấn công mình và thực sự linh hồn Ngài rơi vào tối tăm.

Tuy nhiên ở đây không thể có yếu đuối về luân lý. Ngài có ý chí để chịu đựng, đúng hơn, Ngài khiêm nhường gánh chịu đau khổ am hợp với chương trình cứu độ. Cho nên Ngài không quản ngại bất cứ đau đớn, buồn sầu nào, tất cả những chi kẻ thù Ngài phát minh ra. Tuy nhiên họ chỉ có khả năng đụng chạm tới thân xác, còn những chi họ không làm được thì chính Ngài áp đặt cho mình.

* * *

Mười hai tông đồ hiện thời ở đâu? Nhóm chính đông nhất đang nằm gần cửa vườn. Và vẫn còn ở đó cho đến khi quân thù tới để bắt Thầy đi. Còn ba tông đồ khác Phêrô, Giacôbê, Gioan được Đức Giêsu lựa chọn riêng ra để chứng kiến sự yếu đuối của nhân tính Ngài. Nhóm được ngài khiêm tốn cầu cứu trợ giúp yên ủi thì nằm một khoảng cách xa chừng "ném viên đá", tức phòng 4 mét, đủ để nghe thấy tiếng rên rỉ của Ngài và nhận ra sự kiệt quệ của Thầy Chí Thánh đang quần quai khổ đau, nhưng lại ngủ khi.

Pascal nhận xét: "Chỉ một lần trong đời Đức Giêsu yêu cầu trợ giúp và Ngài chẳng nhận được" (Le mystère de Jesus). Ba linh hồn Chúa liên kết mật thiết trong mọi bước quan trọng của quảng đời công khai, biến họ thành kẻ chia sẻ các bí mật, chứng kiến con gái ông Giarô sống lại, tham dự vào buổi biến hình trên núi, và lúc này cho họ được thâm tín bằng chứng cụ thể về sự đuối nhân tính, thì lại lãng quên bỏ mặc Ngài.

Chẳng những họ không chia sẻ những khắc khoải của Thầy Chí Thánh mà ngay cả chẳng hiểu biết chi. Toàn bộ tấn kịch đau thương được diễn ra đơn độc giữa Đức Giêsu và thiên giới mà thôi. Thực vậy ở giai đoạn khởi đầu, thế giới siêu nhiên đã bỏ mặc Ngài đối với chính mình, chịu đựng những dằn vặt: Xấp mình xuống đất, đứng dậy khấn cầu trợ giúp, lại phủ phục dưới đất, nhưng vô ích. Ngài chẳng tìm được nghỉ ngơi ở đâu cả, dù là ít ỏi nhất trong con cái loài người.

Và sự bỏ rơi này cũng là một phần của thảm kịch "chén đắng" mà Ngài phải uống. Bị nguyên rửa vì nhân loại, Đức Giêsu phải mang lời nguyên rửa một mình, có thể là thẳng phản bội canh thức, nhưng các môn đệ của Ngài ngủ cả. Như vậy, đối với Đức Giêsu, điều còn lại là hoàn toàn phó thác vào cánh tay Cha Ngài, bởi lẽ các tông đồ ngủ cả và kẻ thù đang tới gần.

Đó là điều Ngài thực sự làm, nhưng tâm trí Ngài còn bị quấy rầy vì giấc ngủ sai lầm của các môn đệ. Ngài gạt bỏ tư tưởng bất tiện ấy đi, cũng không nghĩ nữa về sự trợ giúp an ủi mong đợi ở các con cái

loài người. Ngài trở lại với họ và khiển trách dịu dàng: "Các con không canh thức được với Ta một giờ ư?" (Mt 26,40). Trong Phúc âm Marcô người ta đọc thấy Chúa trách móc thẳng Simon Phêrô: "Simon anh ngủ à? Anh không thức với Thầy một giờ sao?" (Mc 14,37). Chúa gọi Simon bằng tên cũ, lúc ông chưa được Chúa chọn, tức ông chưa là Tông đồ, chưa phải "Đá Tảng". Viên đá đáng thương. Simon khốn khổ luôn tự phụ và yếu đuối.

Một mình Marcô ghi lại chi tiết này. Các Phúc âm khác không gọi rõ rệt tên Phêrô, để làm đối tượng trực tiếp cho lời khiển trách. Liệu Marcô có dụng ý? Đúng thế, Phêrô khiêm tốn gọi tên mình qua người thư ký. Marcô không thương xót Phêrô, vì Phêrô đã không buông tha cho chính mình. (Cha J.Lagrange: L'évangile de saint Marc).

Một lần nữa và bằng giọng nói nghiêm trang như thói quen, Đức Giêsu thúc giục các môn đệ tỉnh thức. Nhưng lúc này vì lợi ích của họ chứ không phải của Ngài: "Anh em hãy tỉnh thức và cầu nguyện kẻo sa chước cám dỗ". Phúc âm Mattheu dùng cụm từ "kéo lâm vào", Luca cũng sử dụng từ "kéo sa vào" có ý nói: Cám dỗ là một cái bẫy nếu không tỉnh thức, ắt sẽ bị sập bẫy. Ngài còn thêm: "Tinh thần thì hăng hái, nhưng xác thịt lại yếu đuối". Cuối cùng sau khi đã hai lần rời bỏ họ, thì lần thứ ba Ngài trở lại dứt khoát. Hình như Ngài trộn lẫn trách móc với chút mỉa mai buồn rầu: "Lúc này mà còn ngủ nghỉ sao? Thôi đủ rồi. Giờ đã điểm, này Con người bị nộp vào tay phường tội lỗi" (Mt 14,41). Như thế Ngài muốn nói: Rõ thật những kẻ vô tâm, Thầy thế này mà còn ngủ được à? Các anh ngủ, trong khi Thầy đang trong cơn hấp hối! Phải chăng các anh cũng âm mưu với những tên tội lỗi mà đóng đinh Ta? . Như vậy lời trách móc có tính đời đời mà Đức Kitô dành cho mọi nơi mọi thời khi họ lãng quên cơn hấp hối vĩnh hằng của Ngài trong công trình và trong Thân Mình Mầu Nhiệm Ngài: "Đức Giêsu lâm cơn hấp hối vĩnh hằng cho đến tận cùng thế giới và chúng ta không được thiếp ngủ trong suốt dọc thời gian đó".

Lúc này thì Ngài tìm ra nguồn trợ lực mà Ngài cần. Ba lần con người của đau khổ gõ cánh cửa mà luôn mở ra cho một lời cầu khẩn chân tình. Ngài cầu nguyện và như Luca mô tả: "Ngài lâm cơn xao xuyến bồi hồi, nên càng khẩn thiết cầu xin" (22,44).

Theo thói quen Do thái, khi gặp khó khăn cực kỳ, người ta khẩn nguyện ba lần. Đức Giêsu làm đúng như vậy. Ngài cậy trông vào lòng dịu dàng của Cha Ngài: "Abba, Cha ơi!" và thêm: "Cha làm được mọi sự, xin cất chén này xa con" (Mc 14,36). Nhưng còn có điều kiện: "Nếu có thể được" (Mc 14,36). Nếu lời cầu xin không hợp lý thì Ngài hoàn toàn tuân phục Thánh Ý Cha Ngài: "Đừng làm điều con muốn, mà làm điều Cha muốn" (Mc 14,36).

Nói khác đi, Ngài thực hành nội dung "Kinh Lạy Cha". Chủ tâm của Đức Giêsu khi dạy dỗ nhân loại kinh ấy là cố gắng điều chỉnh ý riêng của mỗi người am hợp với Thánh ý Đức Chúa Trời, chứ không uốn cong ý Thiên Chúa vào ý định của mình. Và khi khuất phục linh hồn vào trạng thái tùng phục Thiên Chúa, Ngài được bằng an hoàn hảo. "Đứng dậy cả, ta đi nào". Đức Giêsu đã lấy lại được can đảm. Ngài trở về thượng giới và sau khi gạt qua sự yếu đuối của thời gian, Ngài lại hòa điệu với lệnh truyền của muôn thuở. Vì trong sự hoang dại của nội tâm Ngài đã nhận được thiên sứ viếng thăm.

Một thiên thần đã hiện ra với Ngài và giống như Môsê và Êlia trên núi Tabor, người anh em này nhắc nhở Ngài về vinh quang của cây thánh giá. Từ đó Ngài tỏ thái độ cứng rắn đối với tất cả những chi mang đến: Hãy mặc chúng bắt trời, Ngài đưa tay cho mà còng. Hãy để chúng ngược đãi, Ngài đưa má cho mà vả, đưa cằm cho giạt râu. Hãy mặc chúng kết án và xử tử, Ngài chỉ trả lời bằng yên lặng và kiên nhẫn. Sau Giuđa phản bội, bất cứ người nào cũng có thể hành hạ Ngài thể chất và tinh thần. Ngài sẵn lòng mang thương tích sau khi chịu đựng cái hôn giả dối của tên phản bội.

* * *

Bằng con mắt tâm hồn Đức Giêsu nhìn ngắm vườn Gethsimani và nơi tạm trú um tùm những lá từ trên giá gỗ. Con ác mộng đêm qua chiều nay thành hiện thực. Ngài can đảm chấp nhận và tâm trí được bình an. Ngài hẹn gặp mỗi người chúng ta tại khu vườn này khi giờ kinh hoàng của mỗi người ập tới. Ngài sẽ làm cho điểm gặp gỡ này rất cụ thể bằng cách cho phép một vài nhân chứng của con hấp hối xưa, còn tồn tại tới hôm nay? Thí dụ một số cây Oliva thế hệ này qua thế hệ khác bên cạnh thân cây đã trở thành thập tự đáng kính nhớ nhất toàn cầu? Chúng ta hy vọng như vậy. Rồi chúng ta tự nhủ: Ừ phải rồi, Đức Kitô đã ký thác nỗi sầu đau tội cùng của Ngài vào thân cây này. Có lẽ đây là một trong những cái rễ khổng lồ mà Đức Kitô đã phủ phục vào giờ định mệnh ấy? Những thân cây hóa đá này, sẽ trở thành những chiếc cột của đền thờ cầu nguyện và cành của nó làm mái che?

Nhưng điều chi là đáng kể sau tất cả những giả thiết đó? Nếu như "xác thịt nào có ích chi", thì cái vỏ của cây Oliva chẳng cần thiết nữa. Tinh thần có thể tìm ra được bất cứ nơi đâu mà nó chọn để theo đuổi điều ấy. Vườn Gethsemani ngay trong tim của người ta và chúng ta có thể tìm thấy dấu vết Máu Ngài đổ ra. Ở đây chúng ta cũng có thể ngắm xem bóng dáng Ngài in đậm cát bụi ẩm áp. Điều cần thiết là khóc như Đức Giêsu đã khóc.

* * *

Khi họ rời căn phòng mà Chúa đã hiện ra với họ. Đức Kitô phục sinh dẫn các môn đệ tới Betania và Ngài giơ tay lên chúc lành cho các ông. Đang khi chúc lành cho họ, Ngài rời khỏi họ và được đưa về trời (Lc 24, 50-51).

Khi nói: "Ta lên cùng Cha Ta, cũng là Cha các con, lên cùng Thiên Chúa Ta, cũng là Thiên Chúa của các con" (Ga 20,17). Ngài chẳng thể minh bạch hơn - Sự thực Ngài đã bày tỏ với các ông nhiều lần như vậy - Số phận của Ngài là số phận mỗi người chúng ta. Hiệu quả những đau buồn của Ngài cũng giống như chúng ta. Những lời Chúa nói lúc long trọng rời các ông dịu dàng biết bao! Nó giống như Ngài đang đứng bên bờ của các màu nhiệm thiên giới: "Cha Ta cũng là Cha các con, Thiên Chúa Ta cũng là Thiên Chúa các con!". Như thế, chính xác chúng ta và Đức Kitô chỉ có một Cha, rằng chúng ta là thành phần của gia đình thần linh, rằng Ngài không dùng hình ảnh biểu tượng khi nói Ngài trở về cung lòng Đức Chúa Cha là để chuẩn bị "chỗ ở" cho mỗi người chúng ta.

Như vậy mỗi người đều sẽ có một cuộc "lên trời" hay tối thiểu một chỗ ở được chuẩn bị sẵn! Trước hết là cuộc "thăng thiên" tinh thần. Rồi ở cuối thời gian, cuộc "thăng thiên" như Đức Giêsu: "Hoa quả đầu mùa của những kẻ phải chết" sẽ đưa anh em mình vào chuyến xe lửa tốc hành về thiên cung. Thủ cấp của Thân Minh Mầu Nhiệm đã lên trời thì tất nhiên các chi thể sẽ theo sau một ngày nào đó.

Xin chú ý đừng hiểu nghĩa của các từ: thiên giới, thăng thiên, rời bỏ quá thiên cận vật chất. Thật phù phiếm khi mơ tưởng những giấc chiêm bao khờ dại. Chỉ nên cố cho thiên hạ chê cười. Thực tại thiêng liêng chẳng liên hệ gì đến những thứ đó. So với vũ trụ thì ngọn núi Olivê-tê bé xíu mà Đức Giêsu trên thập tự đang ngó nhìn chẳng thấm thía vào đâu. Vậy lúc thăng thiên, Ngài sẽ đi về đâu? Và những người ở phía bên kia địa cầu ra sao? Hoặc các nhà thiên văn học há hốc miệng lạ lẫm trước quang cảnh bầu trời trắng sao?

Không thể hiểu theo nghĩa vật chất được! Ngôn ngữ Phúc âm dùng ở đây mang tính biểu tượng cao mà thôi. Đức Giêsu tiến vào thực tại trước mắt các Tông đồ, nhưng không phải theo nghĩa thăng bằng như dây dọi thợ nề. Ngài không hề chịu định luật thiên nhiên nào chi phối. Các đám mây trợ giúp Ngài chỉ trong khoảnh khắc. Ở vấn đề này không gian chẳng có ý nghĩa gì. Thiên đàng đúng ra không phải là nơi chốn mà là trạng thái. Nếu chúng ta chỉ tính riêng linh hồn, thì thiên đàng ở đâu? Và nếu chúng ta xét theo phần xác, hoặc linh hồn kết hợp với một thân xác, thì liệu Thiên Đàng đồng nghĩa với Nước Trời, trong đó chúng ta cùng hiển trị với Thiên Chúa?

Cho nên, nói theo vật chất thì thiên đàng là toàn bộ vũ trụ. Nhưng xét về tinh thần thì thiên đàng hay thiên giới là chính Đức Chúa Trời và trạng thái linh hồn được hợp nhất với Ngài. Chúng ta được hòa hợp với thiên đàng sống động đó bằng tình yêu và trí tuệ. Với loại thiên đàng khác tức là toàn thể vũ trụ, chúng ta có khả năng hòa điệu mình nhờ tặng phẩm mới, ân huệ mới, phẩm chất mới mà Đức Giêsu phục sinh bày tỏ rõ ràng trong thân xác Ngài. Cuộc sống vĩnh hằng khiến linh hồn và thân xác trở nên tinh thần tinh ròng. Người ta gọi là thân xác được tinh thần hóa. Thánh Phaolô đã nói về trạng thái này như một bằng chứng.

Vậy xin rũ bỏ mọi giấc mơ duy vật, ngay cả ở hình thức thần tiên mà xem ra có chút ít lôi cuốn tâm trí. Phụng vụ nói: "Đức Chúa Trời đẹp đẽ hơn các trăng sao, và oai phong Ngài vượt quá tầng mây". Đức Giêsu lên nơi Ngài đã ở trước, và mang chúng ta đi theo mình vào bên hữu Thiên Chúa Cha, nghĩa là vào cung lòng Thiên Chúa Ba Ngôi, sống thân mật với thần linh vĩnh hằng. Đây là số phận của trưởng tử trong các loài thụ tạo và cũng là số phận của toàn thể nhân loại.

CHƯƠNG 6

KHÁCH BÀNG QUAN

Phong cảnh chung quanh cây thập tự không chỉ gồm đồi núi, nơi chôn, dinh thự, đền đài, nhà cửa, tức những thứ bất động vô tri vô giác. Mà còn con người sinh hoạt ở những nơi ấy nữa. Chúng gây ấn tượng mạnh mẽ vào trí não Chúa Giêsu khi Ngài từ cây giá gỗ sinh ơn cứu độ quan sát chung quanh. Hình ảnh nội tâm gồm cả những cá nhân, đám đông, nhóm người, mà đối với chúng ta đang suy gẫm cũng rất quan trọng. Con người của khổ đau, Đức Giêsu, trước khi bị ghim chặt vào giá gỗ thì đã đi qua các phố xá của thành phố và lần sau hết từ dinh Philatô đến Núi Sọ, phô bày cho thiên hạ xem các vết thương của mình. Và nếu muốn thấu triệt ý nghĩa của Ngài thì chúng cần lần theo con đường Ngài đã đi.

Người ta giả định có ba con đường quân lính đã dẫn Chúa Giêsu từ đồn Antonia ra pháp trường Golgôtha. Chúng ta không nắm chắc con đường nào. Nhưng điều đó không quan trọng, bởi ba con đường đều khó đi và gồ ghề lởm chởm. Bất cứ con đường nào cũng cần đến hơn nửa giờ đi bộ, với tốc độ bình thường. Nếu gặp trở ngại thì thời gian lâu hơn.

Xin nhớ là chúng ta đang ở trong một thành phố đông phương. Theo lệ thường vào buổi chiều hôm trước các ngày lễ lớn, con số khách hành hương Đền thờ lên đến hàng chục ngàn. Các con đường đều đông nghẹt người và có nơi, có lúc, người ta chen chúc nhau không thể di chuyển. Khi ấy đoàn người đi như rước kiệu, bắt buộc phải dừng lại, đội binh lính dẹp đường dẫn lối tới. Họ mở đường đi bằng cách chỉ ngọn giáo vào súc vật hoặc người đang ngãng lối.

Tuy nhiên ở phương đông người, ngựa, đàn ông, đàn bà, trẻ con, các gia súc lớn bé đều đối xử hữu nghị hoàn hảo với nhau. Người trên ngựa, kẻ dưới đất xô đẩy chen chúc kiếm lối đi. Phu mang vác nặng nề, kẻ nhàn rỗi đi không, tất cả cùng trên một con đường nhỏ hẹp, tự sắp xếp theo thứ tự hợp lý nhất, chẳng có cảnh sát theo nghĩa tây phương. Tiếng la hét, còi thổi, tù và và kiên nhẫn là phương tiện điều hành duy nhất. Kiểu giao thông này làm cho người tây phương tân thời ngạc nhiên đồng thời khâm phục. Aristeus một kiều dân Do thái ở thành phố Alexandria (Ai Cập) đã mô tả quang cảnh trong một lá thư, vài năm trước Chúa Cứu Thế. Ông nói những con đường đất ở Giêrusalem, ở Jaffa cũng như ở bất cứ thành phố bận rộn nào miền trung đông đều giống như dòng sông chảy xiết nhấp nhô những đám người đôi khi náo nhiệt, có lúc bình thản. Ông đưa ra những nhận xét rất ý nghĩa đối với chúng ta về cảnh quan Lễ Vượt Qua. Ông nói: có những khách bộ hành chen lấn nhau, nhưng cũng có người khác cố tránh tiếp xúc với đám ô hợp. Họ giữ mình kiêu sa. Thái độ này gây hiệu quả là đẩy đám tiện dân vào tình trạng hỗn độn.

Cộng thêm vào cảnh lộn xộn của đám đông là những con diều hâu bán hàng rong xông xáo khắp nơi, chiếm phần lớn lòng đường, hô hoán rao hàng không hạn chế. Lại còn các xe bán nước thô sơ với những bình nước bằng da cừ. Người bán thịt khô ngọt, món khoai khoai của những ai yêu thích xa xỉ. Hoa quả tươi, khô cũng không hiếm. Hạnh đào, vả, Oliva bày trên các mẹt to hay xe hai bánh đầy

tay. Những người bán nước chanh đóng đưa bình nước, trên úp nắp mấy vại lớn. Hàng tạp hóa đầy đủ. Họ lợi dụng cơ hội để móc túi khách hành hương hào phóng trong mấy ngày lễ, ngõ hầu bảo đảm bữa ăn gia đình hàng ngày và thoả mãn lòng tham tiền bạc.

Ngày hôm sau là Sabbat vĩ đại. Nhưng lễ hội bắt đầu từ chiều hôm trước, khi mặt trời vừa lặn. Những ai phải giao hàng làm việc rất vội vàng. Vì hôm sau là nghỉ lễ. Thấy trước đám đông khổng lồ, nên các quan chức đền thờ lo việc tổ chức, phải kỹ lưỡng lập chương trình và bảo đảm các bước cần thiết để đối phó với tình hình. Những lái buôn lễ vật: trâu bò, dê cừu, chim cu lùa từng đoàn vật vào khu chuồng trại. Suốt ngày đêm khách hành hương đổ về thành thánh, từ khắp mọi ngã đường, linh kinh mang vác hành trang, lều trại. Họ cũng đem theo luôn súc vật để làm lễ hiến tế. Những bộ hành thường xuyên thấy đôi chân mình vướng mắc vào giầy dợ, súc vật và đàn vật cũng không kém phần bối rối. Đường xá lồi lõm, lồi lõm chồm đá nhọn, lên dốc, xuống đèo không thể giúp việc qua lại nhanh chóng. Chỉ một số rất ít phần đường được lát đá màu nâu nhạt giống như các phố xá sang trọng ở Roma. Các tảng đá lớn chút ít nữa sẽ được dùng làm bàn thờ cho những khách hành hương.

Khi bị dẫn ra pháp trường, quân lính đã lôi đức Giêsu qua những con phố này. Chúng ta tưởng tượng Ngài vai vác thập giá nặng nề, kiệt sức vì nhịn đói suốt đêm, trần đờn như tử cách đây vài giờ, Ngài tiến bước khó nhọc, đôi khi ở khoảng trời trống, đôi khi trong bóng rợp của công dinh thự, tường nhà cao. Thường khi vấp ngã vì mặt đường lồi lõm, lại bị đám đông chen lấn, xô đẩy, lúc vào trường, lúc xấp mặt xuống đất. Thập giá nặng nẩy lên dần xuống trên vai, gây những cơn đau đốn truyền khắp thân thể đầy máu me và mồ hôi, làm cho vết lõm trên bả vai trầy xước thêm. Hoặc nữa, những người mở đường hối hả dẹp đám va chạm vào thập tự gây thêm đau đốn. Những người mang vác nặng chèn ép Ngài, hoặc con lạc đà chở hàng lưng lẳng các hành lý nặng bên mình chậm rãi tranh giành lối đi gạt Ngài sang mé đường. Đúng là một cảnh tang thương, nhọc nhằn và nhục nhã.

Đức Giêsu chắc chắn kiệt sức lắm rồi. Nhưng quân lính nào để ý tới, họ đang cơn bức tức. Họ phải làm việc ngoài giờ, thường lệ là đứng gác. Tất cả chỉ vì đám dân Do thái nhiều sự và cứng cổ. Người La mã đâu đủ kiên nhẫn mà dính dáng vào những cuộc cãi cọ nhạt nhẽo? Đối với họ, ít là như vậy, đặc biệt khi phải kiên trì chịu đựng. Các binh lính có nhiệm vụ coi sóc trật tự và an ninh nên luôn phải chịu đựng khiển trách, khi ngăn cản lúc đàn áp người Do thái nổi loạn.

Tính vũ phu luôn là tiếng xấu gán cho binh lính của đồn Antonia. Lòng bức bối của họ đi dọc suốt đoạn đường cho tới đồi Calvario, còn kéo dài mãi cho tới chỗ hành hình. Ôi Chúa Giêsu, tất cả vì tội lỗi chúng con. Các thống khổ của Chúa lệ thuộc vào những điều tầm thường như vậy. Liệu sự mất kiên nhẫn của các binh lính đánh thuê có tăng thêm khổ nhục ngoại lệ cho Ngài không? Liệu Chúa phải trả giá máu huyết cho một chén rượu tội lỗi hay một gian lận bài bạc không?

Vâng, chúng con tin rằng Chúa chẳng lệ thuộc vào những điều vật vờ. Và cũng chẳng lệ thuộc vào ai! Chỉ lệ thuộc vào kế hoạch yêu thương của Đức Chúa Cha! Những thống khổ này là một phần của

kế hoạch ấy và được vâng phục với lòng khiêm tốn, tự do. Căn nguyên duy nhất là sự thôi thúc của tình yêu.

Khi Đức Giêsu tiến gần đến cổng thành, thì đám đông càng dày đặc. Họ biết rằng người ta đem tử tội đi hành hình. Biến cố lập tức gây nên háo hức. Ngày hôm qua đám đông hô to bản án đòi xử tử Ngài, hôm nay không thể dừng dung với việc hành quyết. Khi biết tin, những người liên quan vội vã chạy ra xem cảnh tượng. Các khách bộ hành dừng lại vì tò mò, đám đông tụ họp dần dần dọc theo các bờ tường, tất cả các bậc thang, công nhà, lối đi.

Cửa sổ của những nhà giàu có (chỉ những người giàu mới có cửa sổ) các tấm màn hoa được kéo lên, đầu người thò ra nhìn, hoặc những con mắt mở to kín đáo sau chấn song mắt cáo bằng gỗ. Các bà già ngó đầu ra cánh cửa mở rộng, nhiều bà còn dám tiến ra ngoài vài bước để nhìn cho tỏ. Mấy bô lão ngồi xôm trên ngưỡng cửa, tay chống cằm bật đứng dậy nhìn. Các chú nhóc len lỏi qua đám đông để tới gần nạn nhân hơn. Và ở khúc quẹo thì giải quyết thế nào với đám người qua lại? Rồi đến làn sóng người mới kéo đến từ khắp các ngã tư? Hẳn họ sẽ xô đẩy mạnh khi Thày Chí Thánh vác thập tự đi qua? Hoặc nữa nếu đàn vật lạc đà thương mại bất ưng tiến tới. Chắc chắn đám điều hành sẽ bị dẫm nát.

Trời đất, lại một cơn rùng mình vì đau đớn chạy khắp thân thể chịu nạn. Nhưng khổ hình chưa hết đâu, cuộc hành hạ còn đang ở phía trước. Chắc hẳn có tiếng rên rỉ vì đau đớn luôn buột ra khỏi môi miệng khô rát vì thiếu nước. Và nếu cú sốc quá mạnh thì đôi chân yếu ớt chẳng thể đứng vững. Ngã gục là không tránh khỏi. Chúng ta biết có những cú ngã như vậy. Lòng đạo đức của tín hữu không thể sai lầm. Lòng đạo ấy đã đếm chỉ ít ba lần. Điều này mang ý nghĩa tượng trưng vì yêu mến hơn là thực tế.

Bao nhiêu lần Ngài phải co người lại để đi qua cổng hẹp hay vòm phố. Ngài cố gắng thu mình càng nhiều càng tốt, xóa mình đi dưới sức nặng của cây thập ác tàn nhẫn và cố gắng tránh những cục đá nhọn dưới chân với lòng kiên nhẫn, để có thể chịu đựng sức nặng trên vai. Ngài được quyền nói như lời Thánh Vịnh: "Thân sâu bọ chứ người đâu phải" (Tv 21,7). Nhiều khi quá kiệt quệ Ngài phải bò dưới thập giá dọc theo lối đi hẹp đông người, lúc ra ánh sáng lúc vào tối tăm giống như một con kiến nực cười vác hạt thức ăn về tổ, nhưng tổ của Ngài là Golgotha bất nhân.

Ôi lạy Chúa Con, hèn hạ biết bao, nhục nhã biết bao, độc ác biết mấy hình phạt của loài người. Nó là một sự phản loạn cực kỳ đối với một trái tim diu dàng, con đường Ngài đi quá hạ tiện, quá ác độc! Con đường lên Calvario. Người tín hữu lúc này ước ao Chúa của mình biến mất hay mặt đất xé ra nuốt đi, để Ngài có chút danh dự và nghỉ ngơi. Hoặc nếu Ngài phải chịu đựng đau khổ thì tối thiểu phải giống như một anh hùng trong vở kịch bi hùng xứng đáng với ngôi vị! Liệu các bạn có thể tưởng tượng ra nỗi vị vua sầu bi loạng choạng cúi đầu bước đi giữa đám đông ô hợp trong ngày lễ lớn của dân Do thái? Giữa những tiếng la ó chửi bới, cười chê? Đúng là những con thú xô đẩy thập ác của Ngài, khiến Ngài loạng choạng trên đường dẫn đến cái chết! Lại còn những mùi hôi thối từ các cửa tiệm tạp hóa, các cống rãnh giữa trưa nóng bức. Phải chăng đó là hương thơm xông lễ toàn

thieu vĩnh cửu? Bạn có tưởng tượng nổi cảnh quan của biển cố này giữa mạng lưới lằng nhằng của đường phố Giêrusalem? Bạn có trông thấy Ngài kiên nhẫn chân ngay đá chân siêu và vụng về vấp ngã khi tiến đến cái chết mà hiệu quả là ơn cứu độ đời đời cho bạn?

Nhưng thôi, chúng ta hãy bỏ qua những lo toan này đi, nó chỉ đưa đến mong ước nghỉ ngơi trần tục. Cái vĩ đại thực sự không nằm ở đó, mà ở ý nghĩa luân lý của con đường đau khổ này. Nó là lòng thương xót cao cả, là tình yêu hải hà mà Ngài bày tỏ dọc suốt con đường này. Ôu đây chẳng có chút huy hoàng nào của bậc quân vương .

Và như thế là tốt hơn. Liệu có một tương phản gây choáng nào giữa con đường đưa đến cái chết và sự vĩ đại của công việc mà hoa quả là sự cứu độ của thế giới? Trên trái đất này ai có khả năng sắp xếp một cảnh quan có ích lợi cho hành động cứu chuộc hơn? Vĩnh cửu và vô biên không hề có chút biểu tượng nào trong biển cố này ! Ngài hoàn toàn trút bỏ vinh quang để mặc lấy thân nô lệ.

Điều tốt hơn là trí tưởng tượng của chúng ta nên thấm đượm các thực tại hiện thời. Về hoành tráng giả dối thường mang tính lừa đảo. Về tương phản cực kỳ này nhắc nhở chúng ta chân lý ấy. Bởi vì nó quá tầm thường đến độ đức tin của chúng ta phải hiểu ra rằng nó thật là bao la. Và chúng ta ngợi khen Thiên Chúa vì đã thực hiện con đường vòng vèo hữu dụng: Một biển cố không hề có chút khoe khoang! Thay vì triều thiên thì là mạo gai nhọn, trò chơi lấu cá lại trở nên tội ác tày trời. Cuộc khổ nạn là như vậy đó!

Thật hữu ích nếu chúng ta nhớ lại suy tư của Pascal về thứ tự của vĩ đại: Vĩ đại vật chất mang tính xác thịt, vĩ đại tinh thần hay trí tuệ và vĩ đại siêu nhiên tức lòng mến. Ông viết: Thật ngu xuẩn khi thấy Chúa Giêsu bị hạ nhục mà lấy làm gương mù, như thể việc hạ nhục này ngang hàng với sự vĩ đại thế gian mà Ngài đến để phá bỏ Ngài chẳng ban cho thế giới một phát minh nào cả. Ngài không trị vì như một ông vua (chúng ta có thể thêm: Ngài không cải lương hóa đau khổ) thực sự khiêm tốn, kiên nhẫn, thánh thiện. Thánh thiện tới mức thần linh. Các quỷ sứ ghê sợ. Ngài không hề phạm tội. Thực chất con mắt linh hồn nhìn thấy sự khôn ngoan thật mà Ngài đến với vẻ oai phong hoành tráng siêu phàm (Pensée art.17).

Suốt cuộc đời Ngài thế nào, thì trong cuộc khổ nạn vẫn như vậy. Sự vĩ đại của cuộc hy sinh không mang tính cục bộ, cũng không phải là chính trị hay thẩm mỹ. Nó là luân lý. Trong lãnh vực luân lý nó vĩ đại ở mọi ý nghĩa, đi xuống chiều sâu của gốc rễ sự lành và cái ác. Vươn tới chiều cao của công nghiệp vô cùng với một hiệu quả bao trùm tất cả và vượt mọi giới hạn. Con đường lên Golgotha có thể là rất nhỏ. Nhưng lối đi của Ngài là trong vương quốc vô hình. Núi Sọ có thể là bé, nhưng hiệu quả của nó lan xa khắp vũ trụ.

* * *

Đám đông ô hợp vây quanh Ngài trên đường đi Núi Sọ có thể chia làm ba loại. mỗi loại đứng đại diện cho một kiểu cảm tính. Nhờ đó chúng ta lượng định ý nghĩ riêng của mình.

Loại thứ nhất: các bạn hữu Chúa, công khai hay trong bóng tối. Cũng có các cảm tình viên, có thể là nhiều nhưng dè dặt và yên lặng hơn. Loại thứ hai: Dừng dưng, tò mò và diễu cợt. Cuối cùng, loại thứ ba: Kẻ thù chính thức hoặc các dạng khác, ở giữa một đám đông sôi động.

Các bạn hữu Đức Giêsu, chút ít nữa sẽ thấy họ đứng gần bên giá gỗ. Họ theo Ngài từ Galilêa, là những tín hữu đầu tiên đi dâng thánh giá. Phúc âm nhắc đến nhóm các bạn hữu này, không phải là quan trọng nhất, vì mục tiêu chủ yếu của Tin Mừng là giáo huấn, chứ không là lịch sử. Nhóm này là đối tượng để Đức Giêsu trao ban bài giảng luân lý cuối cùng.

Không thể thiếu các cảm tình viên. Có rất nhiều linh hồn không bị tiêm nhiễm bởi tuyên truyền thù nghịch của các Phariseô và quyền bính đền thờ. Họ thoáng thấy động cơ ghen tương đứng đằng sau, không cần khám phá xa hơn về căn do cuộc hành quyết. Họ trực cảm thấy tội ác bất công đang được thực hiện và thương xót số phận nạn nhân.

Các khách lạ đột nhiên thấy trước mặt một gã thanh niên mình đầy máu me, đang bị bọn côn đồ lôi đi hành hạ và nhận ra vài nét thanh tao, lịch sự trong gã xấu số, nên động lòng trắc ẩn. Con người ta dù độc ác đến mấy thì cũng có lúc còn tình cảm tiềm tàng nơi bản thân, không chai đá được mãi. Cho dù hấn chống lại hoặc kinh nghiệm chi về chúng. Hấn đơn giản cảm động và như vậy có thể kể vào loại bạn hữu tình cờ.

Còn đối với những kẻ dừng dưng lại là chuyện khác. Trước cảnh tượng đau đớn như vậy mà họ vẫn giữ thái độ lãnh đạm là bởi vì họ muốn đeo mặt nạ. Họ có khả năng trở thành thù địch hoặc đã là kẻ thù phần nào rồi. Trừ trường hợp lòng ích kỷ của họ quá lớn đến độ nó nuốt chửng tâm trí họ. Thí dụ các thương gia mà toàn bộ tham vọng của họ là những đồng tiền lấp lánh, hoặc muốn đầu tư lợi lộc. Các bà đom đống mà Thánh vịnh mô tả: "Đẹp như hình mỹ nữ tạc trên cửa đền đài" (143,12). Lúc này họ chẳng quan tâm đến tội phạm bao nhiêu nên không thù ghét, cũng chẳng thân thiện. Họ đi qua và tiếp tục hành trình ngay cả trước sự hiện diện của cái chết.

Vâng, Đức Giêsu lắng lặng nhìn đam mê của cuộc sống trên đường đi đến Golgôtha. Ngài biết chẳng có sự căm ghét ở thái độ ấy. Cũng chẳng có biểu hiện nào là đồng phạm vào cái chết của Ngài. Nhưng chúng ta biết rằng những ai tiếp tục chơi trò lãnh đạm khi Chúa đi qua thì đã là kẻ sát hại Ngài trong lòng rồi vậy.

Những lời thóa mạ được các Phúc âm thuật lại chỉ là tượng trưng. Thực tế còn nhiều và nặng nề hơn thế bội phần, vì óc tưởng tượng của người đời rất phong phú. Đàm tiếu bao giờ cũng lan ra rất nhanh trong quảng đại quần chúng cùng với những bình luận và thêm thắt. Chế giễu và thách thức liên tục quăng lên thập tự, nhằm thẳng vào Đấng chẳng còn chút khả năng nào tự vệ và vì vậy làm mỗi ngon lành cho tính dè tiện tự phát của đám đông.

Thí dụ: "Gã làm phũ phếp đang gặp kết thúc buồn thảm... Thày lang nổi danh dờm... Hấn cứu vớt người khác tại sao không cứu mình. Nếu Giavê thương hấn làm sao lại để hấn trong tình trạng này..."

hắn gọi Thượng đế là Cha, cứ để Ngài cứu hắn... Đây có phải kẻ phá huỷ đền thờ và xây lại trong ba ngày?... và muôn vàn sỉ nhục tương tự.

Nhiều người khác không mĩa mai đến vậy, cũng chẳng thêm vay mượn công thức của các tiến sĩ. Họ đơn giản nhún vai hỏi: "Cái chi vậy?" _ chẳng có chi, chi là một tên nô lệ phạm lỗi bị ông chủ trừng phạt. "Họ vội vã bước đi vì ngày mai là Sabbath". Hoặc "chà, đó là ông vua tướng tượng. Hãy đọc bản án hắn đeo ở cổ... Thầy lang dỏm... Mạnh thường quân giả hiệu... Nhà cải cách ám đầu... Một tay chuyên nghề sách động... Mô phạm lỗi thời... thọc gậy bánh xe nguy hiểm. Chi vậy thôi. Chẳng có chi cả!

Đúng thế, chẳng có chi cả. Chỉ một người làng Nazareth mà các ngôn sứ tiên báo, Môsê làm biểu tượng, các Thánh vịnh ca hát, Gioan Tiễn Hô chào đón khi Ngài tiến đến với ông. Chỉ một con người màu nhiệm mà muôn loài muôn vật phải khiếp sợ trước khi xúc phạm rồi một ngày nào đó phải run sợ. Chẳng có chi cả, chỉ là một Cứu Chúa của nhân loại. chẳng có chi cả, chỉ là Con Thiên Chúa hằng sống.

Có một lần các môn đệ nhắc: "Thầy xem đám đông chen lấn Thầy tứ phía". Họ có ý nói người ta vây quanh Thầy để được hưởng lòng tốt của Thầy. Nhưng lúc này thì khác, đám đông vây quanh bằng sự lạnh lùng đối với một tử tội bị lôi đi hành hình, hay bằng tính độc ác vì hận thù. Nếu chúng ta khước từ tình cảm thứ nhất này, thì liệu chúng ta chấp nhận ý nghĩ thứ hai?

Có khả năng rằng nhiều chức sắc trong đạo, ngoài đời đã vi hành ra núi sợ, lẫn trong đám đông với cận vệ. Ngay cả kích động dân chúng căm ghét tội nhân thêm nữa. Bởi lẽ chúng ta thấy họ có mặt trên đồi Calvario. Đi như vậy họ được hai điều lợi. Thứ nhất: Người ta chào hỏi kiểu như Chúa đã từng khiển trách họ với lòng nhân ái mong họ ăn năn. Thứ hai, làm nhục Chúa Giêsu hơn vì so sánh với vinh hiển họ đang nhận được từ dân chúng. Bởi thế, họ chẳng cần hà tiện lời chế giễu, chửi rủa. Họ đòi được kính trọng và giải phóng lòng khinh bỉ.

Do sự kích động của họ, những lời thoá mạ thả dàn ném vào Đức Kitô Giêsu không chút kiềm chế. Và chắc chắn họ quăng cát và đá vào Chúa như họ đã làm đối với Đavít khi xưa. Đây là đường lối phương đông bày tỏ lòng căm tức. Mấy dòng chữ viết trên bảng án gây nhiều thích thú hơn. Vua người Do thái đầy máu me, chẳng có chút binh khí nào bảo vệ. Khốn nạn cho kẻ quá nhiều tham vọng, chẳng làm thế nào chiếm được thế thượng phong. Một con chim bị nhốt lồng vừa ngã xuống đã làm môi cho các chim khác rúc rĩa. Ngay cả các chim trời bé xíu cũng dạy được con người về bài học tàn nhẫn! Trong khi đó đám diễu hành đã tới chân núi Sion và bắt đầu leo đồi Golgotha. Đức Giêsu gần như không cất nổi bước vì quá kiệt quệ. Ngài vấp ngã luôn và lão đảo từng bước chậm chạp, nặng nề. Rõ ràng Ngài không thể tiến xa hơn, nhất là phải leo dốc. Trong tình hình quá yếu ớt, suy nhược, nhần nhục và yên lặng, nếu gặp đàn cừu hoảng loạn ào ào chạy lướt qua bất cứ lúc nào thì tội phạm sẽ ra sao? Người ta nhớ lại lời tiên tri Isaia: "Nhu chiên bị đem đi làm thịt, như cừu câm nín khi bị xén lông" (5,7).

Đã đến lúc phải kiếm người giúp đỡ. May thay một nông dân bỗng dung đi làm về tạt qua ngõ xem. Binh lính liền túm lấy anh ta. Theo luật họ có quyền làm như vậy để có thể giúp tội nhân vác thập tự lên đỉnh đồi. Tội nhân đã quá yếu gần như không vác nổi giá gỗ đến nơi hành quyết và như vậy bản án không được thi hành trọn vẹn. Nạn nhân có thể vấp ngã và chết dọc đường, hẳn phải được giúp đỡ cách nào đó. Dịp may đã đến. Người nông dân tên là Simon quê thành Cyrêne.

Đúng thật là dịp may. Nó làm cho Simon và đồng hương trở thành biểu tượng muôn đời. Simon, Alexander, Rufinus được tôn kính như những vị thánh. Bởi vì Simon đã vui lòng ghé vai vác lấy cây gỗ ban ơn Cứu rỗi và thắm nhuần chất nhựa hằng sống. Khi các binh lính "bắt ép" ông ta ghé vai vác đỡ thập giá đằng sau Chúa, họ có biết đâu rằng mình ban cho ông ta một vinh dự đời đời. Người Roma coi đó chỉ là công tác dân sự nhỏ nhen. Người Do thái coi đó như thêm sức mạnh cho tử tội của họ. Nhưng hậu thế tìm thấy ở đây một đề tài để ca tụng, suy gẫm hết đời này qua thời đại khác.

Một họa sĩ cổ vẽ quang cảnh Simon giúp đỡ Chúa vác thập tự như thể đám rước của toàn bộ nhân loại xét về mặt tôn giáo. Thủ lĩnh của đám rước tổng quát này là Giáo hoàng, Giám mục, Viện phụ tất cả trong phẩm phục chính thức, cùng phụ giúp Đức Giêsu vác giá gỗ lên đỉnh sọ. Tuy nhiên họ chỉ là những đại diện. Trong ngôi vị họ tất cả chúng ta có mặt và đều là Simon Cyrêne và mỗi cá nhân phải làm tròn vai trò mình trong cuộc sống: Giúp đỡ Chúa, đúng như lời thánh Phaolô: "Mang vào thân xác cho đủ mức những gian nan Đức Kitô còn phải chịu" (1 Cor 1, 24). Nếu Thầy Chí Thánh lão đảo dưới sức nặng thì sự mạnh mẽ mà chúng ta nhận được từ Ngài chẳng thể được sử dụng tốt hơn trong việc phục vụ Ngài. Và cũng như trường hợp Simon, sự giúp đỡ của chúng ta sẽ được bù đắp lại gấp bội

* * *

Phúc âm còn nhắc đến một nhóm khác, không phải như Simon tình cờ đi qua đường, mà một số người đi theo đoàn diễu hành, hoặc ít ra nhập bọn với đoàn rước từ một ngã tư đường nào đó. Đó là một nhóm phụ nữ, không phải sau này đứng dưới chân thập tự, những kẻ theo Đức Giêsu từ Galilê cùng bọn với các môn đệ. Nhưng những người khác, có thể là đã bị lôi cuốn bởi giáo lý của Ngài, hay do ngôi vị của Ngài, nếu không thì là các bà đạo đức của thành phố Giêrusalem. Các bà này thường tự đảm nhận bốn phận đi theo các tội phạm ra pháp trường để làm một vài điều trợ giúp cần thiết như: Sửa soạn nước uống an thần, khăn lau mặt hay các nhu cầu lật vật khác. Sách Ngũ Kinh "Talmud" chỉ định vai trò này cho mấy phụ nữ khá giả của thành Giêrusalem và trong hoàn cảnh Đức Giêsu thì ước đoán này là đúng, mặc dầu Ngài từ chối phục vụ của họ. Chúng ta sẽ thấy sau:

Những phụ nữ đạo đức này chào đón Đức Giêsu đi qua khiến lời sách Nhã Ca có một ý nghĩa xót xa: "Thiếu nữ Sion hỡi, hãy ra chiêm ngưỡng vua Salomon. Người đội triều thiên hoàng thái hậu cho người ngày hôn lễ, ngày vui nhất của lòng Người" (Dc 3,11). Đúng là một triều thiên kỳ lạ mà Giêrusalem đội lên đầu vua của nó. Ngài phải được chào đón bằng than khóc như các vua thời cổ bằng hoan hô. Hàng chữ bản án mà Philatô truyền viết chắc chắn là để mỉa mai, nhưng cũng rất thích hợp.

Các phụ nữ đầm ngực than khóc Đức Giêsu khi Ngài đi qua. Tình cảm của họ ngay thật là điều tốt. Trong họ bác ái thực sự xuất hiện ở tình huống đầm máu này. Không, vị tôn sư của thế giới không bỏ lỡ cơ hội cuối cùng mà chẳng ban lời giáo huấn. Ngài yên ắng trước những kẻ chửi bới, chế giễu mình, những kẻ lãnh đạm dửng dưng, những tên tò mò. Các kẻ thù thường trông thấy Ngài uy nghi cao cả khiến họ bất đồng. Một nhà bình luận cổ đã viết: "Ngài chẳng thèm trả lời đồ chó má". Nhưng với những phụ nữ mà thái độ xem ra thân thiện thì Ngài bật nói:

Hình như Ngài không cảm thấy cây thập tự nặng nề nữa. Ngài có thể quay sang họ và ban vài lời. Xem ra các lý hình không ngăn cản. Trong bất cứ quốc gia nào, luật pháp cũng cho tử tội chút tự do để nói lời cuối cùng. Chỉ có hận thù man rợ mới cấm người ta làm như vậy. Và nếu căm ghét ngự trị các lãnh đạo Do thái, thì nó không mấy tác động đến các binh lính.

Đức Giêsu nói: "Đừng than khóc ta". Ngài không phản đối tình cảm chân thật của họ, nhưng phàn nàn về sự mù quáng chỉ nhìn vào hậu quả mà không xem thấy căn nguyên, thương hại một nạn nhân thanh cao mà không nghĩ đến số phận khủng khiếp của những tay sát nhân! Quên rằng những ai hành xịch Ngài là thân nhân của họ do một tương quan ruột thịt nhiệm màu nào đó. Tương quan quá gần cận đến nỗi đe dọa từng thành phần của nhóm khóc thương Ngài. Bởi lẽ những kẻ sát nhân này đầu sao cũng là con cái họ!

- Đừng thương khóc ta nhưng hãy khóc thương các người và con cái người. Ngài nói với họ về hậu duệ, như vậy chắc chắn đi sâu vào tâm hồn họ. Ngài nhắc nhở họ về tội ác tập thể đang được thực hiện ở Giêrusalem. Tội ác mà Giêrusalem sẽ phải đền trả bằng cuộc trừng phạt khủng khiếp trong tương lai.

- Nay sẽ đến ngày người ta nói: "Phúc cho đàn bà hiếm hoi, kẻ không sanh không đẻ, người không cho bú mớm". Nỗi khốn khổ sẽ cực lớn đến nỗi thiên hạ nguyện rửa mình: "Hỡi núi non hãy đổ ập xuống chúng tôi. Và gò nông hãy phủ lấp chúng tôi đi". (Lc 23, 28-30). Chúa chúng ta thêm: "Vì cây xanh tươi người ta còn đối xử như thế, thì cây khô héo sẽ ra sao?". Nếu như Thiên Chúa trong cơn thịnh nộ đã đốt cháy và trừng phạt bất kể công lành. Nếu Ngài chịu đựng để kẻ vô tội bị giết hại, thì Ngài làm chi với những kẻ có lỗi? Ta chết vì Ta muốn thế, để làm tròn bổn phận của Ta, và mục tiêu của bổn phận ấy là một chiến thắng vinh quang. Vậy không cần khóc thương Ta, một anh hùng chỉ ba ngày nữa sẽ ném hoa quả của vinh hiển thẳng trận. Nhưng hãy khóc và khóc hết khả năng cho chị em, là mẹ của những kẻ giết hại Thượng đế. Hãy khóc cho con cháu chị em đang ngạo ngược bên bờ thảm họa!

Lúc này chúng ta mở rộng tầm nhìn hơn và hãy hiểu rằng tại sao trước hết Chúa nói: "Chị em nên khóc thương mình" Rồi sau mới nói: "Và con cháu chị em?" Bởi vì Ngài nghĩ đến thứ tự của các biến cố. Từ đó phát sinh trách nhiệm của mỗi cá nhân. Ngài công khai nói đến tội giết hại Thượng đế của người Do thái. Nhưng cũng hàm ý những đồng phạm xa xôi khác là dòng giống họ và cả chúng ta nữa. Mỗi người phải lưu tâm đến lời khiển trách nghiêm khắc đầy yêu thương này.

Truyền thống còn nhắc đến hai phụ nữ khác nữa ở điểm này. Cũng là hai bộ hành: Vêronica với chiếc khăn lau mặt và Maria, Mẹ Đức Giêsu. Phúc âm không nói rõ về đức Mẹ ở giai đoạn này nhưng thật khác thường nếu chúng ta không ước đoán như vậy. Vì sau đó Phúc âm kể về Ngài đứng dưới chân thánh giá với các phụ nữ đạo đức khác. Vêronica, chẳng phải là quý danh thật của người phụ nữ lau mặt cho Chúa. Từ ấy chỉ có nghĩa "hình ảnh thật". Người đàn bà đầu tiên an ủi Chúa giữa những lãng nhục. Với đôi tay dịu dàng run run bà phục vụ Chúa theo truyền thống cha ông. Bà nhìn rõ khuôn mặt Đấng đã tuyên bố: "Ai xem thấy Ta là trông thấy Chúa Cha". Như vậy người phụ nữ lau mặt đầy máu me của đức Giêsu, kín múc ơn cứu độ từ nguồn mạch hằng sống của khuôn mặt ấy, người đàn bà mang khuôn mặt Chúa về nhà, và được xem thấy Đức Chúa Trời!

Sự hiện diện của Đức Maria ở lúc Chúa vác thập tự không phải là tông truyền, chỉ là ước đoán mà thôi, nhưng hữu lý và đúng với thực tế, mặc dù không có chứng cứ hiển nhiên. Thí dụ, việc Chúa phục sinh hiện ra với đức Maria hoặc đức Mẹ rước lễ trong bữa tiệc ly cũng làm chi có dấu vết truyền thông? Chúng ta nên hiểu rằng Phúc âm không phải là cuốn sách lịch sử trọn vẹn, việc chi cũng được ghi chép trong đó. Nhưng có những điều mà người ta được tự do tưởng tượng ra để làm đầy chi tiết, phát sinh do lòng sùng kính phổ thông, bao lâu mà tính khả tín của nó lịch sử không đòi hỏi. Người ta nên tôn trọng nó và chấp nhận nếu thấy ích lợi hơn là từ chối. Những ước đoán do cảm tính chung và được Giáo hội thừa nhận.

Rất khó mà tưởng tượng rằng Đức Maria không hiện diện suốt cuộc diễu hành từ dinh Philatô đến núi sọ. Mẹ vắng mặt cho đến khi binh lính dựng xong cây thánh giá? Liệu trái tim dịu dàng của người mẹ nào vô cảm khi nghĩ đến người con đang vác giá gỗ suốt con đường gian khổ dài hơn nửa cây số?

Những người đàn bà khác có mặt ở đây và đức Giêsu đã nói với họ, còn mẹ Ngài thì vắng mặt? Liệu mẹ không dám liếc mọi sự: xô đẩy, chửi bới, dọa nạt để ôm chầm lấy con? Liệu mẹ thà chịu đựng bị đám đông dẫm nát, trà đạp hoặc giằng co như cọng rom trước cơn gió mạnh chứ không để cho người ta hành hạ con mình như vậy? Tâm thân mẹ nào có kể chi? Nếu người ta nhận ra mẹ, chắc chắn thiên hạ sẽ cảm thương. Nỗi đau khổ của mẹ không phải để cho thiên hạ mạ lỵ. Giả dụ mẹ có vi hành đến đó, chắc hẳn mẹ con đã trao đổi những cái nhìn an ủi.

Quả thực Đức Maria mong ước làm một người Cyrênê và khát khao vác đỡ khổ giá cho con. Dĩ nhiên là chẳng được phép. Nhưng người mẹ ấy muốn thực hiện một điều bất khả thi.

Vào thời trung cổ, ở Giêrusalem có một đền thờ dâng kính Đức Maria gặp gỡ Chúa Giêsu trên đường khổ nạn. Nó được gọi là nhà thờ Đức Mẹ quận đau. Ngày nay còn dấu vết của ngôi nhà thờ thế kỷ thứ năm hay thứ sáu này, trong các di tích có một mảng kính màu vẽ một đôi dép. Có người kết luận rằng bàn chân đức Mẹ hay của Chúa Giêsu đã in dấu trên nơi đó.

Câu kết luận quá vội vã, vì vào thời cổ việc dùng dép để tượng trưng sự hiện diện của ngôi vị rất phổ thông. Và động cơ của nó không phải lúc nào cũng mang tính tôn giáo. Và ngay cả khi dùng cho mục đích tôn giáo đi nữa cũng không phải luôn ám chỉ phép lạ.

Tuy vậy, nếu gạt qua một bên tình tế thực tại, chúng ta có cơ hội lợi dụng hoàn cảnh để suy ngẫm về cái nhìn giữa Đức Giêsu và mẹ Ngài. Họa sĩ nổi danh Raphael để lại một bức tranh nhan đề Spasimo di Sicilia. Đức Giêsu ngã gục dưới cây thập tự. Các lý hình đánh đập tàn nhẫn, bắt đứng dậy. Ngài đau đớn cố gắng đứng lên, dáng điệu anh hùng dưới những cú đấm, cái tát. Đối diện với Chúa là mẹ Ngài té xỉu vì cú sốc tình cảm, bà giang rộng hai tay trong đau khổ. Toàn bộ cuộc sống Đức Maria diễn tả bằng hai con mắt long lanh sáng. Bức vẽ không oai nghiêm bằng bài ca Stabat Mater Dolorosa (mẹ sầu bi đứng dưới chân thánh giá). Chưa có lập bàn thờ, chưa có nghi lễ đẫm máu để biểu trưng Đấng đồng công cứu chuộc trong vai trò tư tế. Chỉ có tấm lòng dịu dàng của một bà mẹ mà Đấng Cứu Thế đáp lại bằng việc đồng ý cho mẹ chia phần vào hiến tế hy sinh. Bởi chung, phải chăng cuộc sống mà Đức Giêsu dâng hiến lên Thiên Chúa Cha cũng thuộc về Đức Maria?

* * *

Người ta giả định đức Mẹ gặp Chúa Giêsu tại một ngã tư đường trong thành phố Giêrusalem, nếu không thì ở cổng Ephraim. Nơi đây có khoảng đất trống rộng, cư dân thường lui tới và dễ dàng tránh được cặp mắt dò xét của thẩm quyền tôn giáo, ngay cả sự chen lấn của đám đông. Trong hoàn cảnh này chúng ta lại quá gần Golgotha và sự kiện lại nhắc nhớ đến "điểm quan sát" vừa nói ở trên. Chúng ta có cơ hội tiếp tục suy ngẫm về cảnh quan kẻ đi người lại từ trên cây giá gỗ!

Bên đông phương cổng thành phố, làng mạc, chủ yếu là nơi gặp gỡ của dân cư. Có rất ít khoảng trống trong nội thành. Vì người ta cố ý thu hẹp diện tích, bởi lý do kinh phí xây đồn lũy, tường thành để bảo vệ chống xâm lược. Còn thêm lợi về mặt tiết kiệm binh lính canh gác.

Như vậy, các cổng thành là nơi thuận tiện nhất để gặp gỡ, trao đổi, buôn bán. Những kẻ nhàn hạ sẵn đón tin tức, lái buôn, đều lấy cổng thành làm nơi lui tới. Những thương gia, ông chủ thuê mướn công nhân, kẻ bán lao động, môi lái đủ mọi loại như trâu bò, heo gà, ruộng vườn, nhà cửa, đất đai thậm chí cưới xin, hôn nhân đều được tiến hành ở cổng thành. Chợ phiên cũng họp ở đây vào những ngày nhất định. Hàng ngày thì là buôn bán, khế ước với những vụ thương lượng vô tận. Cũng ở đây các khế ước mua bán giao dịch được ký kết trước mặt bô lão, các cuộc tranh cãi chính trị, công lý được dàn xếp. Hơn nữa, cổng thành còn là dấu hiệu sức mạnh tự vệ và quyền uy vua quan trên cư dân. Thí dụ cổng vua, ám chỉ quyền lực nhà vua. Cổng quan, quyền lực tòa án. Người ta còn nói đến "cổng cao siêu". Khi ví Hội Thánh như một sức mạnh Chúa Giêsu tuyên bố: "Đà cửa địa ngục cũng không thắng nổi" (Mt 16,18). Ngài nói đến quyền lực ma quỷ không thắng được Giáo hội.

Phần lớn vấn đề chính trị, dân sự cũng được bàn cãi ở cổng thành dưới các vòm hay chung quanh. Thế lực đối kháng cũng góp phần mình. Các âm mưu được ấp ủ và phát triển ở cổng thành. Tin đồn cũng thổi đi từ các cổng. Lịch sử đã ghi lại Absalom sắp đặt cái bẫy lật đổ vua cha ở cổng thành.

Athalia cũng bị giết ở đây. Trong các thành phố của đông phương, cổng thành vừa là ngôi chợ vừa là công đường.

Hậu quả là tôn giáo, một sinh hoạt thân thiết của đời sống quần chúng, cũng thường xuyên liên kết với cổng thành. Tôn giáo phải dính liền với những nơi chốn có đông dân chúng. Khi Israel bắt trung với Giavê, nó dựng tượng đài cho các thần ngoại giáo ở những "nơi cao", tức trên nóc vòm cổng thành như ngày nay chúng ta đặt tượng Đức Maria vậy. Khi Israel trở về với Đức Chúa hay để giúp đỡ nó trở về, các ngôn sứ xuất hiện nơi cổng thành, ở các bậc cổng để tuyên sấm những lời tiên tri ngõ hầu mọi người đều nghe thấy.

Trong sách Châm Ngôn (1,21), đức khôn ngoan được mô tả như tiếng kêu ở cổng thành, cũng như ở ngã tư đường. Khi đến loan báo sự phá huỷ Sodoma, thiên thần gặp ông Lot ở cổng thành (St 19,1). Nhiều lần Chúa Giêsu chữa lành bệnh nhân và rao giảng Nước Thiên Chúa ở cổng thành. Hiện thời Ngài cũng bị lôi đến cổng thành để chịu giết chết. Bởi vì theo lý thuyết cũng như thực hành, cổng thành là nơi thực thi công lý, và hành quyết tội phạm. Nếu như công lý sau này được đưa vào dinh thự, tức công đường thì đó là vì tiện nghi của các vua quan, còn việc chuẩn nhận vẫn thuộc về công cộng. Bởi lẽ việc lớn không lưu tâm đến thi hành chi tiết. Ngoài ra nêu gương tội phạm cũng là chuyện rất quan trọng ở cổng thành.

Hơn thế nữa, các cổng thành còn là nơi cư dân tiếp xúc với các thành phố khác hay những vùng lân cận. Xét về mặt lưu thông bên ngoài, thì cổng Ephaim giữ một vị trí thuận lợi đặc biệt vì thế giá gỗ hành quyết tội phạm được dựng nên ở đây. Nó là điểm nối kết giữa bốn đại lộ đông người qua lại. Vài năm sau, tầm quan trọng của nó được tỏ lộ rõ ràng khi người ta thiết lập công đường Ealia Capitolina, Giêrusalem của đế quốc Roma. Các đoàn người vô tận lưu thông ở đây: Khách hành hương, lái buôn, doanh gia, người đưa thư và binh sĩ. Như vậy tầm nhìn của Đấng Cứu Thế không nhắm vào hoang địa.

Bây giờ chúng ta phóng mắt ra xa hơn: ngọn Gareb, ngọn Bezeth, xa hơn nữa núi Olivêê, núi Scopus, chúng đều được các lều vải và nhà tạm thời che phủ. Những người hành hương dịp lễ lớn trú ngụ ở đó. Họ đến từ khắp nơi trên thế giới những nơi có cư dân Do thái làm ăn sinh sống. Vì đối với người Israel lễ Vượt Qua là lòng sùng mộ phổ thông. Họ họp thành nhóm tùy theo bộ lạc hay gia tộc. Người Galilea với người Galiea tương tự như bây giờ chúng ta thấy người Hy Lạp với người Hy Lạp vào ngày lễ kính mộ đức Mẹ 15.8, tất cả đều cắm trại gần kề nhau. Những làng mạc tạm thời này tăng cường cho đội ngũ ghé góm của đám đông khổng lồ kéo về thành thánh.

Xin hãy tưởng tượng phong cảnh. Ngay ở cổng thành, dòng người tuôn chảy như thác đổ, ào ào náo nhiệt giữa hai bên bờ của con sông người, các kẻ buôn bán lưu động: xe hai bánh đẩy tay chất đầy hàng hóa. Kiốt cố định dọc theo dãy phố với các loại thịt ngọt, đồ uống, rượu mạnh. Hành khát đủ mọi lứa tuổi, đa phần là mù lòa, bệnh tật mà miền đất đầy nắng cháy này sở hữu: què, liệt, cùi, phong, cụt chân tay, đui đôi mắt phần được chữa lành nửa vùi, phần khác bết bít hơn. Những tiếng rên rỉ đều đều nổi lên khắp góc đường với những đôi tay run run cầm chiếc bát gỗ như bản.

Trong các vườn tược, người nhàn rỗi ngồi bệt xuống mặt đất hoặc đứng chống nạng dựa vào tường thành. Trên mặt lộ những người là người, lừa ngựa, trâu bò, dê cừu, xe cộ, các con lạc đà chở nặng đi chuyển chậm chạp. Các sườn đồi đầy đặc khách hành hương tụ thành từng nhóm sôi động bên các đống lửa, khói bay nghi ngút.

Xin mừng tượng quang cảnh và lắng nghe khi đức Giêsu vai vác khổ giá xuất hiện trước cổng thành. Truốt hết là tiếng ồn ào lớn vì bị kích thích, rồi tiếng la ó chửi bới và cười đùa chế giễu. Những tiếng này trong một lúc át hẳn cảm giác thương hại và suy nghĩ "Thấy con ai cũng chê cười, lắc đầu, bủn rủn miệng mỉa mai. Nó cậy Chúa mặc Ngài cứu nó. Người có thương giải gỡ đi nào?" (Tv 22,7-9). Hãy để Đức Chúa giải cứu những kẻ Ngài ưa thích. "Tất cả đều là thóa mạ phạm thượng. Đức Kitô đã nên như mục tiêu của lời khiển trách phạm nhân, chửi bới của quần chúng".

Nhưng giữa đám đông hỗn xược, cũng có những linh hồn ngay chính mắc nợ Ngài điều này điều khác, cũng có những người đã từng khâm phục Chúa. Thí dụ: Các hành khất què quặt, những số phận khốn nạn, ngoài lề quì dưới chân Ngài đầy lòng tin cậy. Họ đã tung hô Ngài là Con vua Đavít. Họ đã đến hôn gấu áo Ngài, chạm vào tua áo hay phủ phục trước nhan Ngài đợi một phép lạ hay lời ủi an vỗ về.

Nhưng lúc này họ quay lưng phản bội, chế giễu Ngài đúng như lời một Thánh vịnh thường đọc, kể lại toàn bộ cuộc thương khó - họ hát sau lưng khi Ngài đi qua cổng thành. Họ vừa uống rượu vừa ca: "Con đã nên trò cười cho thiên hạ, bọn ngồi lê đôi mách cũng gièm pha, quân rượu chè đặt về chàm chọc" (Tv 68, 12-14). Hay lời sách Aica: "Này tất cả những ai qua lại, hãy nhìn kỹ mà xem, có nỗi khổ nào so sánh được với nỗi khổ Đức Chúa giáng trên tôi?" (1,2).

Đúng vậy, lạ Thầy Chí Thánh, chẳng bao giờ có nỗi khổ nào bị lãng quên như vậy! Chẳng có nỗi cay đắng nào quá trọn vẹn như thế! Không phải chỉ ở Giêrusalem nhưng trong toàn thể vũ hoàn, không chỉ vào chiều ngày Sabbath vượt qua này khi người ta vội vã hành quyết các tử tội, nhưng vào mọi thời, mọi buổi. Liệu có bao nhiêu kẻ qua lại ngắm cảnh tượng ấy mà cảm động, mà ăn năn sám hối đâu?

Đức Kitô bị chế giễu hôm nay. Nhưng liệu Ngài có bị quên lãng rộng khắp không gian thời gian không? Cảm thương đã ít nhưng lòng sùng kính càng hiếm hơn. Khi chúng ta nói Đức Kitô không bị nhạo báng nữa chúng ta chỉ nghĩ đến ngôi vị của Ngài, mà thực ra ngôi vị ấy không quan trọng cho bằng Nhiệm Vụ Cứu Độ và việc làm của Ngài.

Liệu người ta có thể đếm nổi những lời lăng nhục thiên hạ đang quăng vào giáo lý, học thuyết, thực hành, lệnh truyền, tác vụ, lời nói, việc làm, hứa hẹn, cơ chế của Hội Thánh liên quan đến ngôi vị Đức Giêsu và công cuộc cứu chuộc của Ngài? Ở lãnh vực này nữa cũng có những bủn rủn lắc đầu, cũng có những kẻ uống rượu - thứ rượu phóng túng, dâm ô, buông thả, nguy hiểm - ca hát sau lưng Chúa khi Ngài đi qua.

Lễ Vượt Qua của nhân loại vẫn còn tiếp tục diễn tiến. Loài người vẫn còn nhỗ trại, di chuyển chỗ ở, vẫn còn uống rượu và nhảy múa, vẫn còn lo lắng buồn bán kiếm lời, vẫn còn mất hút vào hoan lạc nhục dục, vẫn còn yêu ghét, trung thành, phản bội - trong khi Đức Giêsu vẫn tòng teng trên giá gỗ! Đau khổ của Ngài chỉ toàn gặp khinh dể, bêu môi. Lời kêu gọi của Ngài, ơn cứu độ của Ngài gây nên toàn chê cười, thậm chí trả đũa. "Này tất cả những ai qua lại, hãy nhìn mà xem". Những người gặp Đức Giêsu ở công thành Ephraim trong dòng chảy đời bạn, bất kể là đang bận rộn hay nhiệt thành, bất hạnh hay phù phiếm: "Có nỗi khổ nào sao sánh được với nỗi khổ Đức Chúa giáng trên tôi?" Một nỗi khổ đầy ý nghĩa cho bạn, xứng đáng lòng cảm thông của bạn, tình yêu của bạn và hướng dẫn đời bạn?

Nếu như không có nỗi thống khổ nào như thế này. Nếu như người lữ hành tình cờ buộc phải chấp nhận và tuyên xưng, bất chấp bản thân rằng ở đây có điều chi siêu nhiên, có điều chi vượt xa mọi cuộc sống trên trần gian, thì hẳn nên dừng lại và nhập bọn với những người đứng gần cây giá gỗ (Juxta crucem) mà chúng tôi sắp nói đến sau. Những linh hồn dâng mình để được rửa sạch bằng hạt sương cứu độ, rơi xuống từ các vết thương Chúa chịu nạn!

CHƯƠNG 7

NGƯỜI THÂN YÊU

Tin Mừng theo thánh Gioan thuật lại: "Đứng gần cây thập giá Đức Giêsu, có mẹ Ngài, chị mẹ Ngài, bà Maria Cleophas và Maria Macđala" (Ga 19,25). Phúc âm Matthêu kể: "Xa hơn một chút có nhóm bạn hữu đứng nhìn và cả các phụ nữ đã theo Đức Giêsu từ Galilea để giúp đỡ người" (27,55). Như vậy có hai nhóm. Ông Gioan có mặt ở nhóm thứ nhất, nhưng không nói rõ tên. Sau này ông mới tiết lộ khi thuật lại việc Đức Giêsu trao phó mẹ mình cho ông: "Này bà kia đây là con bà, hồi Gioan này là mẹ anh" (Ga 19,27). Còn các tông đồ khác thì sao?

Khi Đức Giêsu trên cây thập tự nhìn từ chân trời xuống đám đông chung quanh, tìm kiếm xem những ai" vẫn gắn bó với Thầy giữa những lúc Thầy gặp gian nan thử thách" (Lc 22,28). Nhưng Ngài đã trông thấy chi? Một vài phụ nữ và một tông đồ mà tính tình Ngài so sánh giống họ. Còn những người khác thì cao chạy xa bay hết. Một truyền thống nói rằng họ trốn ở thung lũng Cedron giữa các mồ mả. Truyền thống khác bảo rằng họ trốn về phía bắc thành phố. Ở đấy họ co cụm lại với nhau trong góc nhà nào đó, đầy sợ hãi, thất đảm và chờ đợi tai họa.

Đối với họ, thế là tôn sư đã chết. Vương quốc không có vua, lớp học chẳng còn thầy dạy. Gia đình không có cha. Họ nhớ lại lời tiên tri trong Tin Mừng: "Ta sẽ đánh người chăn chiên, và đàn chiên sẽ tan tác" (Mt 26,31).

Trong vườn cây Dầu, họ thiếp đi và ngủ cả. Khi nhóm binh lính đến bắt Thầy, một người trong bọn họ liều lĩnh rút gươm chém đứt tai một kẻ thù. Sức phản kháng của họ chỉ đến mức ấy. Và Đức Giêsu can thiệp để họ được yên thân. Ngài ngăn cấm bạo lực, chỉ muốn lòng trung thành. Ngài nói với các binh sĩ: "Ta đây, nếu các người muốn tìm bắt Ta, thì hãy để cho các người này đi". Ngài muốn lời tiên tri của các ngôn sứ ứng nghiệm ngay cả ở ý nghĩa chữ đen: "Những người Cha đã ban cho Con, con không để mất một ai" (Ga 18,8). Và như vậy, các tông đồ được làm theo ý muốn. Con đường được mở ra khắp các phương hướng, trừ phương hướng dẫn đến cái chết. Liệu họ có bị khiển trách khi muốn bảo vệ thầy? Liệu họ có bị binh lính đánh lại và gây ra ẩu đả, và họ bỏ chạy? Hoặc đơn giản hơn: Họ thấy mình chẳng thể làm được chi nên tốt hơn bảo toàn lấy bản thân? Chúng ta không biết chắc chắn. Trong bất cứ tình huống nào sự chống cự của họ rất ngắn ngủi giống như sự bất đồng của họ vậy. Họ chạy biến khỏi vườn và nét hiền lành bình thản của Đức Giêsu trước kẻ thù là giấy thông hành cho họ đi.

Tuy nhiên, chỉ chiều hôm trước Ngài đã buồn rầu nói: "Này đến giờ - và giờ ấy đã đến rồi - anh em sẽ bị phân tán mỗi người mỗi ngả, và để thầy cô đơn một mình". (Ga 16,32) và như thể để bào chữa cho họ, Ngài thêm: "Nhưng Ta không ở một mình đâu vì có Cha luôn ở với Ta" (Ibidem). Rồi trong cơn đam mê dịu dàng Ngài kết luận: "Ta nói những điều này cho anh em nghe để anh em được bình an trong Thầy". Linh hồn Đức Kitô cư ngụ thật trong những lời yêu thương ấy. Nhưng liệu họ có trông thấy bốn phận phải đáp trả?

Ôi Phêrô! Viên đá. Ôi Simon nhiệt thành. Ôi André can đảm, ôi Giuda tức Taddeo, đầy nghị lực, ôi Giacôbê người anh em của Chúa, ôi Matthêu thu thuế, kẻ nhận ơn trở lại từ Thượng đế! Các anh đang ở đâu? Làm thế nào quý vị làm chứng nhân cho cái chết của Thầy? Liệu quý vị có danh dự xưng mình được dành riêng cho vinh hiển mờ thánh mà không cảm thấy xấu hổ? Liệu quý vị có phải là những con người của sự Phục sinh mà không phải của hy sinh?

Các tông đồ không hiện diện nữa. Duy chỉ có hai người, đó là Phêrô và có lẽ Gioan (Phúc âm không cho biết tên) sau cuộc trốn chạy tập thể lấy lại can đảm, dám theo dõi từ xa xa khi đám lính dong thầy lên dốc Sion, vào nhà ông Caipha. Ở đây họ gặp liều lĩnh nhỏ vì người môn đệ vô danh có quen biết thầy cả thượng phẩm và như vậy đủ lý do để có mặt (Ga 28,15). Còn Phêrô cũng vào nhà như người bạn cùng đi. Chúng ta biết Phêrô đã làm gì? Bóng dáng của hiểm nguy và lời nói của cô đầy tớ chủ nhà đủ khiến Phêrô chột dạ. Ông chối quách Thầy ba lần mà vừa đêm qua ông rút gươm bảo vệ. Chắc ông quên khuấy lời tuyên bố: "Con sẽ hy sinh mạng sống con vì Thầy" (Ga 13,27).

Đức Giêsu đã từng ban cho họ động cơ yêu mến Ngài một cách quảng đại và bền bỉ và Ngài đã chấp nhận họ thân tình biết bao, về cả hai mặt cuộc sống và ý nghĩa tình cảm. Sự hiệp nhất của họ với Ngài khăng khít đến mức đáng ngạc nhiên, dù cho rằng còn khoảng cách khiến họ xa lánh Ngài.

Bên tây phương, lối sống của thầy giáo với học trò không thân thiết như trong cùng một gia đình. Bên đông phương thì khác, nó thân mật hơn. Chúng ta có thể so sánh tương quan của họ với nhau, như những người trèo núi hay như những thành viên của đám thám hiểm Bắc cực hay một đoàn lạc

đà vượt xa mặc. Họ ăn uống với nhau ngoài cánh đồng, tựa một chuyến thuyền hay bên bờ con suối. Họ ngủ sát cạnh nhau dưới tảng đá lớn, hay dưới bầu trời đầy trăng sao. Họ túm tụm bên đồng lửa hồng nói năng không hạn chế và tư tưởng của họ giống nhau như thức ăn họ dùng hàng ngày.

Đức Kitô lúc ấy cũng giống như các Rabbi Do thái khác và khiêm nhường hiền lành trong lòng mà không người nào trong tuyến dân sánh kịp. Ngài đã sống cuộc đời thầy giáo đông phương không dè dặt. Ngài mở trái tim mình ra cho các môn đệ theo mức độ loài người có thể chịu đựng được. Ngài nói: "Anh em thì được hiểu màu nhiệm nước trời. Còn đối với các kẻ khác thì phải dùng dụ ngôn, để chúng nhìn mà không thấy, nghe mà không hiểu" (Lc 8,10). "Thầy không còn gọi anh em là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Nhưng thầy gọi anh em là bạn hữu, vì tất cả những gì thầy nghe được nơi Cha Thầy, Thầy đã cho anh em biết" (Ga 15,15).

Thực tế Đức Giêsu gọi các tông đồ bằng những lời yêu thương, như bạn hữu, các con bé nhỏ, đàn chiên nhỏ bé. Ngài tỏ lòng chiều chuộng như một người mẹ hiền. Kiên nhẫn và chú tâm như một thầy giáo dịu dàng. Họ nhận được tất cả đến nỗi Ngài có quyền nói: "Không phải anh em đã chọn thầy, nhưng chính thầy đã chọn anh em" (Ga 15,16). Họ được tự do tranh nhau chỗ nhất bên cạnh Ngài. Ngài không la rầy họ. Thay vì thế, Ngài đặt em bé lên gối mình, hôn nó và nói: "Bất cứ những ai khiêm tốn như em nhỏ này là kẻ lớn nhất trong Nước Trời" (Mt 18,4; Mc 9,35).

Ngài trông thấy trước những sai lỗi của họ, yên ủi họ trước, ngõ hầu họ ít bị lương tâm cắn rứt hơn. Ngài cũng làm như vậy đối với sự kiện họ bỏ mặc Ngài. Ngài nâng họ dậy trước khi họ vấp ngã. Nhưng phải chăng đây cũng vì lý do để họ trung thành hơn ? nên trước mặt nó trở thành một lời bào chữa.

Và họ có thể yên tâm hơn. Họ không cần cảm thấy bồn chồn trước tòa án thập giá về những bất xứng của mình. Họ sẽ không bị gạt ra ngoài như những kẻ vô tích sự hay như những kẻ bị trầm luân vì phản bội. Thầy Chí Thánh thấu hiểu họ hơn là họ hiểu biết Ngài. Ngài phân định lành dữ ngay trong trái tim họ mà họ thường xuyên mù quáng. Họ yếu đuối, dao động, ích kỷ, ngu tối và thiện thời lại còn hèn nhát. Nhưng họ đã từng tin vào Thầy và hiến trọn bản thân cho Ngài. Đó là điều bù đắp hết mọi sự.

Thực tế, những người bạn hữu này làm khổ Ngài trước khi Ngài chịu đựng các kẻ thù dày xéo. Họ đã hiểu lầm Ngài cách này, kiểu khác. Họ khiến Ngài thất vọng vì các đại đột và đòi hỏi của họ. Họ đã giẫm lên chân Thầy suốt hành trình rao giảng - những người bạn này - trừ một kẻ sẽ nộp Ngài - còn tất cả đều nằm sâu trong trái tim Đấng Cứu Thế.

Bởi lẽ, đối với Ngài, lòng ngay lành của họ là đủ rồi. Ngày mai Thần khí của Ngài sẽ biến đổi sự ngay lành này thành khả năng thực hiện những điếm thiêng liêng, dấu lạ. Ngài đã nhìn thấy họ trong nhà tiệc ly, Ngài đã nhìn thấy họ khi lựa chọn họ để theo Ngài không bao lâu trước đây. Những người này đã bỏ hết mọi sự để theo Ngài, kẻ này sau người khác. Và họ sẽ can đảm chấp nhận cái chết vì danh Thầy. Cho nên Ngài không lưu tâm lắm về lúc này họ vắng mặt. Ngài kể là tất cả đều

hiện diện trong một môn đệ đứng gần cây giá gỗ. Ngài ký thác tất cả, Gioan, chúng ta, chính bản thân cho Ngài Đức Maria, một người Mẹ đúng nghĩa hơn bất cứ người nào trên thế gian. Người mẹ ấy sẽ thu gom tất cả vào trái tim yêu thương của mình. Họ sẽ là hạt nhân của Giáo hội Ngài.

Họ xếp hàng trước nhan Ngài: André, anh của Simon Phêrô, con người sau này khi nhìn thấy giá gỗ của riêng mình đã kêu lên: "Ôi thập tự tốt lành". Giacôbê, con ông Giêbêđê, kẻ tuyên bố có thể uống nổi chén đắng. Đúng thế, chén đắng ông sẽ uống. Thomas, người chậm tin, ông nhất quyết được cảm nghiệm dấu đinh chân tay Thầy và chỉ chịu tin khi có bằng chứng cụ thể. Tuy nhiên ông là người đầu tiên hô lớn khi thầy trò đi lên Giêrusalem: "Chúng ta nhất định đi và cùng chết với Thầy".

Batolomeo hay Nathanael, "Trong ông người ta không tìm thấy gian dối", kẻ nhận ra Thầy trong đám vô danh: "Vua Israel". Philipphê người được Đức Giêsu tiết lộ: "Ai trông thấy Ta là xem thấy Cha Ta" và từ đây ông ngắm nhìn đầy đủ vào đôi mắt thần linh bằng con mắt đức tin của mình. Matthêu, người thu thuế bị dân chúng gán cho nhãn hiệu tội lỗi công khai (Publicanô), ông theo Chúa chỉ nhờ một tiếng gọi duy nhất, mặc dầu đang ngồi bàn thu lợi khổng lồ. Ông đã bỏ lại đằng sau hết mọi sự và vui mừng cử hành ơn gọi bằng bữa tiệc thịnh soạn. Thaddeo hay Giuđa, không phải Giuđa Iscariot, sử gia Gioan run sợ phân biệt như vậy cho khỏi nhầm lẫn, khi liệt kê tên các tông đồ. Và Simon người Cananea, gọi là nhiệt thành. Hai môn đệ này hoàn toàn mai danh ẩn tánh, cho đến khi chịu tử đạo danh tánh mới được sáng chói. Giacôbê tiền, người anh em với Chúa, ông sẽ là nguồn trợ lực đáng kính trọng của Giáo hội non trẻ, lính canh giữ lòng nhiệt thành của Giáo hội và là tấm gương đạo đức, cho tới khi người ta ném ông từ tháp đền thờ xuống, ông kêu lên như người anh em thần linh của mình: "Lạy Chúa, xin tha cho chúng, vì chúng không biết việc mình làm".

Cuối cùng là Phêrô. Khốn nạn cho Phêrô bội giáo. Có lẽ vì xấu hổ cho nên vắng mặt ở Calvario, chứ không thì sức mấy ông chịu thua Gioan, ông muốn sửa chữa lỗi lầm của mình hơn là lại hèn nhát chối Thầy một lần nữa! Lúc này ông muốn lấy nước mắt mà chịu phép rửa cho tội lỗi của mình. Phêrô của đôi mắt đỏ ngầu vì khóc lóc, đôi má lõm sâu từng ngày vì hối hận. Phêrô danh xưng đặc trưng của quang cảnh Palestine sỏi đá, bởi lẽ mỗi sáng khi nghe gà gáy ở Giêrusalem ai mà không nhớ đến tấm lòng tan vỡ? Cái liếc nhìn yên ắng của Thầy khiến ông khốn khổ lui vào đêm tối vì ân hận?

Trong bản nhạc bắt hủ của Bach: Cuộc Khổ nạn theo thánh Mattheo, nước mắt Phêrô thật cao siêu. Nhưng đối với Phêrô nó xem ra là một viễn tượng màu nhiệm khi ba giờ sáng gà gáy ở Siloe và trên núi Olivête gọi ánh ban mai trở về. Nó đứng biểu tượng cho tiếng gọi thần linh ăn năn sám hối và ánh sáng sự sống.

Giả dụ Phêrô có mặt ở ngọn đồi Calvario dưới chân thánh giá, chắc chắn ông sẽ bắt gặp ánh mắt của Đức Giêsu và cái nhìn vừa buồn vừa ngọt ngào khiến ông thức tỉnh khỏi tình trạng tội lỗi ông dần thân vào ở trong nhà Caipha. Và cũng trong cái nhìn đó ông nhận ra mình được Chúa thứ tha. Sự sa ngã dẫn ông đến lòng khiêm nhường chân thật, nhân đức đầu tiên của một linh hồn! Cái chết tử đạo của Phêrô, kết thúc một cuộc đời vĩ đại, và là bằng chứng lòng quảng đại của ông. Phêrô cũng bị

đóng đinh, nhưng vì lòng khiêm nhường đối với cây thánh giá của Thầy, ông xin đóng đinh ngược. Như vậy ông bày tỏ tính thấp hèn của bản thân và là một hiến tế hy sinh trọn vẹn.

Đức Giêsu hướng về Phêrô, mặc dầu ông ở rất xa, nhưng vẫn cảm được cái nhìn của Thầy, cái nhìn làm tan biến sự yếu đuối của trái tim con người, thâm nhập sâu vào tình yêu của nó và ban sức mạnh cho sự yếu đuối ấy. Tảng đá đã trao đảo. Nhưng chính trên tảng đá này mà nền móng của công trình đời đời được thiết lập. Nơi đâu mà xác thịt loài người tỏ ra yếu đuối, nơi đó quyền năng của Thượng đế được biểu lộ rõ ràng. Phêrô vấp ngã, nhưng ông là người thứ nhất tin rằng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa, rằng Ngài là Đấng Thiên Sai Thượng đế hứa. Thực vậy, chính nhờ Phêrô mà chúng ta có thể liên kết hai từ Giêsu và Kitô thành tên một Ngôi vị. Ông là người thứ nhất gọi đúng danh xưng Đấng Cứu Thế.

Như vậy trong tinh thần, các tông đồ có mặt tất cả, nghĩa là có mặt bằng đức tin, bằng trái tim mà họ đã dâng hiến để phục vụ Ngài, bằng ơn gọi mà Ngài chưa hề tuyên bố từ chối, bằng linh hồn trung tín với Ngài. Họ vắng mặt chỉ vì sợ hãi. Đức Giêsu chúc lành cho họ và khi chịu đóng đinh máu chảy ròng ròng Ngài trả giá đền tội cho mỗi người trong nhóm họ. Ngày mai Ngài sẽ gọi họ là anh em, đặt họ ngang hàng với mình để rằng nhiệm vụ chung sẽ được cụ thể ủy thác cho họ. Các dân tộc, các quốc gia sẽ được trao phó cho họ làm gia sản tinh thần. Và tất cả mọi thế hệ sẽ được trao phó cho hậu duệ của họ.

Họ sẽ làm chứng tá về Ngài. Trái tim họ sẽ là các bia đá ghi chép lề luật của Ngài. Công việc của họ là tổ chức Hội Thánh và trồng cây thập tự trên mọi phần của trái đất. Ngài sẽ biến họ thành nền tảng tòa nhà xã hội của Ngài, các cành của cây cao bóng cả, chân đèn tỏa ánh sáng khắp thế giới, mạch nước tưới gội địa cầu, luồng sáng trên bầu trời Công giáo.

Bởi vì người ta không thể từ chối công nhận rằng họ đã soi sáng thế gian làm cho nó sinh hoa kết trái và ngay cả hôm nay họ vẫn còn hướng dẫn thế giới. Một vài ngư phủ, một ông thu thuế, một bác thợ mộc chậm hiểu, hèn nhất mà ơn thánh sẽ biến đổi. Họ vắng mặt trong giây phút khủng hoảng lớn, vậy mà luôn hiện diện với chúng ta. Đó là tổ tiên chúng ta trong đức tin. Đây rõ ràng là phép lạ của cây thập giá. Nó cứu vớt ngay cả những ai trốn tránh nó, rằng trái tim họ không vong bản.

Các Tông đồ đều hiện diện, dĩ nhiên, không đầy đủ cả, còn thiếu một người. Người này đã trốn vào hoang địa sáng nay, khi người ta chính thức lên án Chúa và sắp trao nộp cho Philatô tuyên phạt tử hình. Hắn ta hoàn toàn cô đơn và ngơ ngác. Hắn nhìn chung quanh mình và khám phá ra mọi sự đều xua đuổi hắn. Hắn ném lời nguyện rửa cuối cùng vào tình yêu đã gọi và chọn hắn. Hắn lựa chọn một cây cao ngoài cánh đồng, treo thắt lưng mình lên một chiếc cành, buộc chặt nó vào cành. Rồi làm một cái thòng lọng, thò cổ vào và đu ra khoảng không vào vực thẳm kếp của cái chết.

* * *

Chúng ta hãy gạt sang bên ký ức buồn thảm này, và nhìn tới chân trời hạnh phúc hơn. Nếu chúng ta công bằng với các Tông đồ, ngay cả khi họ vắng mặt thì liệu chúng ta quên được công lao của những ai đứng cảm hiện diện? Những kẻ than khóc dưới chân Đức Giêsu?

Những phụ nữ vẫn đứng đó, lúc tiến lại gần, khi lui ra xa tùy theo đám đông và binh lính cho phép. Họ theo Đức Giêsu suốt hành trình của Ngài từ Galilêa. Lúc này Ngài cần ai đó để giúp đỡ vào giây phút cuối cùng. Sự có mặt của họ mang tính biểu tượng. Nó báo trước tương lai và vai trò nữ giới trong cuộc sống Giáo hội, như trong cuộc đời Đức Kitô.

Phụ nữ giữ một vai trò quan trọng trong cơ cấu Giáo Hội non trẻ. Rất sớm trong sứ vụ Galilea. Thánh sử Luca đã mô tả một đám phụ nữ đi theo Thầy Chí Thánh. Phêrô đứng hàng đầu, rồi đến 11 tông đồ khác giúp Chúa, cộng thêm là nhóm phụ nữ, một vài người trong họ đã được Chúa chữa lành khỏi những bệnh tật khác nhau, hoặc khỏi tà thần ám ảnh. Họ trợ giúp các Tông đồ từ nguồn tài chánh của mình hay chỉ đơn giản lao động phục vụ (Lc 8, 1-3).

Chẳng có chi khác thường trong việc này. Các Phariseo nhờ tiếng tăm đạo đức cũng thu hút số lớn các linh hồn phụ nữ đạo hạnh. Họ cũng nhận trợ giúp từ những phụ nữ ấy, và chẳng ai coi là gương mù. Tuy nhiên việc các phụ nữ Galilea đi theo Chúa Giêsu trong các hành trình rao giảng có lẽ là cách mạng, nhưng khó khăn được bác bỏ ở chỗ họ gắn bó với Đức Maria, Mẹ Ngài.

Các người đàn bà đạo đức này ngay từ đầu đã tận tụy với Đức Giêsu và kiên trì cho đến giây phút cuối cùng. Họ sẽ xức dầu thơm cho mộ Ngài, sẽ làm nhân chứng cho việc Ngài sống lại, sẽ có vai trò trong ngày Thánh Thần hiện xuống. Họ dâng hiến cuộc đời cho công việc cứu rỗi nhân loại, sau khi đã thờ lạy và làm vui lòng Ngôi vị Ngài. Trên ngọn đồi Calvario họ nhận lãnh chức vụ mà sau này sẽ truyền lại cho nữ giới suốt lịch sử Kitô giáo. Họ đang hiện diện dưới chân thánh giá. Như vậy họ đứng làm hình ảnh chính thức cho nửa phần nhân loại được thánh hiến.

Còn đối với nhóm Mười hai thì cũng có phẩm trật. Đứng hàng đầu là Phêrô, Giacôbê và Gioan. Phêrô là thủ lĩnh Như vậy các phụ nữ thánh thiện cũng có tương đương: Maria Macđal Martha - chị cô, Maria Cleopha (mẹ của Giacôbê và Giosuê bà Salômê (mẹ của Giacôbê và Gioan, vợ ông Giebedê) và Gioanna (vợ ông Chusa, quản lý của Hêrôđê). Đứng đầu danh sách này là Maria Macđala. Nhưng Đức Maria - Mẹ Chúa Giêsu nổi bật và là thủ lĩnh của nhóm phụ nữ.

Những trái tim dịu dàng này (chúng ta khoan nói đến Đức Maria) thấu hiểu tốt hơn đàn ông về tính dịu ngọt thần linh và sức mạnh siêu phàm của Đức Giêsu, Đấng Thiên sai và tử đạo. Sự vĩ đại của Ngài đã chiến thắng họ. Lòng nhân lành của Ngài lôi kéo họ đến bên cạnh Chúa. Nó làm cho họ ngất ngây. Về căn bản phụ nữ là người thích an ủi vỗ về. Quan điểm của họ về sự sống khiến họ dễ trở nên người trợ giúp. Bởi vì là người ban sự sống, cho nên phụ nữ ý thức rõ hơn đàn ông về tính mỏng dòn và yếu đuối của loài người. Và quyết bảo vệ những chị bà sinh ra ở trên thế gian này.

Những linh hồn đa cảm ấy vừa là bạn hiền vừa là học trò và trong nghĩa nào đó là các con gái, các bà mẹ hiền dịu dưới chân khố giá, khóc cay đắng cho số phận của Thầy mình. Họ nhìn lên Thầy với chút an ủi và khích lệ. Họ mời mọc Thầy chia sẻ với họ sự yếu đuối của thân phận làm người. Quý lạy tuyên xưng Ngài là Thiên Chúa, là Đấng cứu độ mình, kêu cầu Ngài ban ơn xuống cho mình và con cháu. Phần thưởng của họ là được ủy thác chôn cất xác Chúa. Nhưng chính giờ này xác Thầy đã là của họ. Một chị em đã xúc thuốc thơm cho thân xác Thầy trước rồi và ít lâu nữa họ sẽ vội vã đi mua dầu thơm trước khi bình minh thứ bảy lộ rạng (thứ 7 cấm đi xa), để có thể ướp xác bằng hương liệu ngọt ngào và đặt Chúa vào chiếc giường đá lạnh lẽo.

* * *

Và đâu rồi người phụ nữ dự phần trước chị em mình vào việc xúc thuốc thơm xác Thầy? Chị đã dùng lọn tóc mình làm khăn liệm đầu tiên ướp thơm đôi bàn chân Chúa? Chị đã đổ nước mắt ra như hương liệu dầu thơm mà rửa chân Chúa?

Chúng ta chẳng thể tưởng tượng một ai khác, ngoài người phụ nữ đang phủ phục dưới chân Đức Giêsu, hai tay ôm chặt lấy giá gỗ như thể tan biến vào nó, đồng hóa với nó, đón nhận những dòng máu tươi nóng chảy ra từ thân thể Chúa tưới gội trên đầu cô ta? Trong nghệ thuật người ta luôn vẽ cô như vậy trừ trường hợp cô nâng đỡ Mẹ Maria trong giây phút tệ hại nhất của con hấp hối.

Cô chẳng nói lời nào cả. Liệu có lời nào diễn tả hết những cảm nghiệm trong tâm hồn? Chưa chắc cô còn tỉnh táo để suy nghĩ ngay cả chịu đựng thống khổ? Chính Đức Kitô suy nghĩ và đau đớn trong cô. Cô không dám nói đến những điều đè nặng trên trái tim mình, bởi vì cô chẳng còn trái tim của riêng nữa. Những tiếng hỗn hển từng cơn trong lồng ngực Thầy Chí Thánh đã truyền sang lồng ngực cô. Cô chẳng còn máu huyết nữa vì máu huyết của Đấng tử đạo đang xối xả đổ ra. Cô chẳng còn tâm trí nữa, bởi vì cô đã hoàn toàn cống hiến cho Ngài, đối với cô mọi sự đã hoàn tất, bây giờ cô chỉ còn biết khóc và khóc. Khóc để bày tỏ cô yêu mến ngài biết bao. Cô đau đớn mà không biết rằng còn nỗi thống khổ nào lớn lao hơn không? Phải chăng hấp hối vì hoan hỉ hay hỉ hoan vì hấp hối?.

Mẹ Maria đứng dưới chân thánh giá vì chức vị đồng công. Madalena không có chức vụ này nên không buộc phải ở đó. Cô chỉ là một linh hồn đa cảm, yêu mến và khổ đau. Cô ngụp lặn vào thống khổ của Chúa, Thầy Chí Thánh dầu yêu của mình. Cô cố gắng chịu đựng ngang bằng với Thầy. Tình huống ở nhà ông Simon bây giờ được diễn lại. Nhưng ý nghĩa của nó rõ ràng hơn bởi vì chẳng còn chút vinh quang nào che đậy nó ở đây.

Một việc làm mang ý nghĩa hết sức to lớn. Một biến cố lạ lùng làm chấn động những ai không nhận ra tính biểu tượng của một bi kịch nào lòng! Giữa bữa ăn trang trọng, tiến hành sôi nổi, chủ nhà đang chìm sâu vào câu chuyện với thực khách thì một người đàn bà sụt sùi bước vào. Theo thói tục thì đây là chuyện bình thường, nhưng với hạng phụ nữ mang tiếng xấu thì cấm hẳn. Cô lên vào phòng với một bình dầu thơm quý giá. Cô tiến tới sau lưng Chúa, Đấng đang nằm trên một cái gối gần bàn ăn theo phong cách đông phương. Một mình cô với lòng yêu mến nồng cháy chẳng để ý đám đông đang

chăm chú nhìn, đập vỡ bình đồ dầu lên đầu Đức Giêsu, xúc hai bàn chân bằng hương liệu và lấy những lọn tóc bện lau chân Chúa. Nước mắt cô pha trộn với hương liệu lan tỏa khắp cả nhà.

Có lẽ chúng ta hiểu được hành động của cô và động lực khiến cô làm như vậy. Cô đã được Đức Giêsu cứu khỏi kiếp sống nhơ nhớp. Bầy quỷ đã rời bỏ cô, để lại cho cô một tâm hồn trong trắng như trẻ thơ, nhưng nhiệt thành hơn, tràn trề thông cảm và tình thương của Chúa. Qua Đức Giêsu, cô cảm nghiệm được thế nào là hạnh phúc chân thật. Qua Ngài, cô học được đam mê và sa đọa là gì. Và tình mến trong cô, bây giờ được tẩy sạch, dâng trào lên, mạnh hơn là trước kia đầy ngu xuẩn cần được cứu vớt.

Liệu qua những lỗi lầm nổi tiếng, cô cần bày tỏ lòng ăn năn hơn không? Đôi mắt đã từng khinh miệt thế giới vì thói xấu, liệu bây giờ cô đủ can đảm cho thiên hạ chứng kiến lòng khiêm tốn, đức tin và sự vĩ đại của mình? Vai trò của cô lớn biết bao khi làm biểu tượng cho sự phục sinh tinh thần, làm thánh bổn mạng cho những linh hồn tội lỗi ăn năn.

Nhưng còn một động lực nữa khiến cô hành động như vậy. Cô biết chắc chắn Đức Giêsu chết về tay thế lực thù địch. Trục giác của kẻ yêu mến mách bảo cô như vậy, trong khi thiên hạ không hề hay biết. Ở bên mộ Lazarô, thái độ của họ không thoát khỏi đôi mắt cô. Cô đã tin tưởng tuyên bố: "Nếu Thầy có mặt ở đây, thì em con không chết", nhưng bây giờ rên rỉ dưới chân Chúa: "Nếu không phải vì con, nếu con không bắt ép tình yêu dịu dàng của Chúa, thì có lẽ, lạy Thầy Chí Thánh, Thầy không phải chết".

Cô ý thức rằng có những lý do rộng lớn hơn, vì cái chết của Thầy là cơ hội, nhưng còn nguyên nhân thì sao? Đức Giêsu là nạn nhân không chỉ của người Do thái. Không chỉ vì bạn hữu mà Ngài hứng chịu cơn giận của kẻ thù, để thỏa mãn yêu cầu của các bạn. Nhưng là nạn nhân của toàn bộ loài người tội lỗi.

Đúng thế, Ngài là nạn nhân của từng linh hồn. Một ý nghĩ ghê gớm khác dành cho Maria Macđala. Một nỗi kiệt quệ khác đè bẹp linh hồn cô khi cô nghĩ về tội lỗi quá khứ. Trách nhiệm đời đời nặng nề biết bao! Chính vì tội lỗi của mình mà Thầy Chí Thánh phải trả giá rất đắt. Nếu tất cả những thống khổ của Thầy chỉ vì Thầy yêu mến cô, liệu cô có sẵn lòng đáp trả?

Cho nên cô đã xông vào khổ nạn của Thầy. Cô dự cảm trước các biến cố, chia phần với Ngài. Cô liên kết với Đức Giêsu trong sự hiểu biết về những điều sắp xảy ra. Mặc dù nơi Đức Kitô hiểu biết đó là vĩnh cửu. Macđala tuân phục, cô hạ mình xuống và khóc lóc. Cô tràn lòng biết ơn Chúa và giữa hai tình cảm này có một ý nghĩa bí mật về sự đồng cảm ngấm ngấm mà Đức Giêsu ám chỉ cách bóng gió: "Điều chỉ làm được thì cô đã làm. Cô đã lấy dầu thơm ướp xác tôi, để chuẩn bị ngày mai táng" (Mc 14,9).

Và như một hậu quả, dầu thơm cô đổ ra ở gian nhà ông Simon sẽ lan tỏa khắp thế gian, khi thân xác ấy chỗi dậy từ cõi chết nó sẽ làm đầy mọi nơi: "Tôi bảo thật các ông: Hễ Tin Mừng được loan báo

đến đâu trong khắp thiên hạ, thì nơi đó việc cô vừa làm cũng sẽ được kể lại, để nhớ tới cô" (Mc 14, 9).

Ngày hôm đó căn phòng của ông Simon giống như một tiền đường của nấm mồ mới, được dành riêng cho việc xúc dầu khi chết mà trái tim Macđala sau trái tim Đức Mẹ là nấm mồ tinh thần. Cô than khóc Chúa trước cả cái chết thật của Ngài. Cô khóc Chúa như một đứa trẻ mới sanh. Bởi vì đối với cô Ngài mới sinh ra trong linh hồn cô.

Thế còn chiếc bình? Chiếc bình dầu thơm quý giá với cái cổ cao? Cô đập vỡ ra, nó chẳng thể được dùng vào việc phạm tục nào khác nữa ngay cả dùng phục vụ Ngài lần thứ hai. Bởi lẽ Ngài sẽ chết. Ước chi cô được ném nó xuống mồ Ngài. Ở Canaan người ta hay tìm gặp các bình vỡ hoặc dụng cụ nào đó được chôn vùi theo người chết để tỏ lòng tôn kính.

Nhưng bởi vì Ngài sẽ chết và chết cho cô, phòng cô còn ở lại làm chi? Cô không thể bắt chước người Ấn độ, một khi chồng đã chết, người vợ cũng leo lên dàn hỏa thiêu để cùng chết với chúa mình và nắm tro được trộn lẫn với nhau. Nhưng cô có phương pháp tốt hơn: Thống hối, hoàn toàn đầu hàng để rằng mai táng chính mình khi chôn cất thân xác Đức Giêsu, Chúa của mình và cô tuân phục cho đến chết theo thánh ý Ngài.

Dưới chân thánh giá, cô canh tân ơn thiêng đã nhận được. Vì chính bản thân cô chứ không phải nước mắt hay máu huyết của trái tim mà cô dốc ra dưới chân giá gỗ của Đấng cô yêu mến đang chịu khổ hình.

Có lần cô cứ ngồi dưới chân Ngài nghe lời Ngài nói. Đây là "phần" của cô mà không ai cất đi được. Cô chỉ đứng dậy khỏi chân Ngài để đi đến nhà Simon xúc dầu thơm cho nó. Lúc này cô ôm những bàn chân ấy trên cây thập giá. Ngày mai cô lại ném mình xuống dưới chân Ngài. Cô chẳng thể rời đôi bàn chân ấy. Bởi vì cô nhận ra "chỗ" của mình chỉ có thể ở đây. Cô mặc sức giải phóng lòng khiêm nhường và yêu mến của mình. Maria Macđala luôn phủ phục, luôn khiêm tốn hạ mình. Bởi vì tình yêu đã chiếm hữu cô. Cô không còn sự sống riêng nữa.

* * *

Mẹ sầu bi đứng dưới chân thánh giá.
(Stabat Mater Dolorosa)

Mẹ đứng dưới chân thánh giá con yêu,
Tâm can nát tan Mẹ chết trăm chiều,
Gần bên Chúa trong giờ tử nạn.
Mẹ diễm phúc của Con một Cha,
Đấng tạo dựng đất trời,
Buồn thương và thảm thiết biết bao!
Đức Kitô chịu hành hạ trên cao,

Bên dưới Mẹ đứng nhìn xót xa,
Thấy Con chết anh hùng, tử đạo.
Hỡi những kẻ đi đường lơ đãng,
Hãy trông xem Hiền Mẫu chúng ta
Đau xót nào sánh bằng của Mẹ?
Trái tim ai chịu nổi được không?
Mà chẳng hề chia sẻ với Mẹ
Nỗi đau tày biển rộng trời cao?

(Phỏng dịch thơ Latinh).

Chỉ một mình phụng vụ thánh đủ khả năng khai thác tốt đề tài này và có thẩm quyền phổ biến cho mọi thời đại suy ngẫm vì lợi ích các linh hồn thánh thiện. Giáo hội yêu mến hình ảnh Mẹ Sầu Bi. Người ta có thể giải thích bài ca Stabat Mater (Mẹ đứng kề thánh giá) là phản ánh chính Giáo hội. Nó là bài ca về lòng mẹ hiền tan nát và khổ đau vinh quang.

Giáo hội lục lợi các lời tiên tri và hô lớn với ngôn sứ Giêrêmia lên tố phụ mình rằng: "Tai họa người mắc phải lớn quá rồi, lớn tựa trùng dương ai chứa nổi?" (Ai ca 2, 13). Hội Thánh áp dụng lời này cho Mẹ Sầu Bi, như khi nói về Đức Giêsu, Hội Thánh áp dụng thân phận cô gái héo hắt Sion: "Này tất cả những ai qua lại, hãy nhìn kỹ mà xem, có nỗi khổ nào so sánh được với nỗi khổ Đức Chúa giáng trên tôi?" (Ai ca 1, 12).

Quả thực Đức Maria là duy nhất trong mọi sự. Sau Đức Giêsu và trong Đức Giêsu, vì lý do tương quan với ngôi vị thần linh và với công việc của Ngài. Đức Mẹ vượt xa trên các thụ tạo khác trong liên hệ với định mệnh con người cả về công nghiệp, thống khổ và vinh quang tương lai. Đức Maria vừa là người Nữ đồng trinh, vừa là Mẹ và là Đấng Đồng công. Ngài là bông hoa chỉ mở cánh ra vì Thiên Đàng mà thôi, Ngài là mặt trăng chiếu sáng trần gian, là mạch suối tuôn trào đức trong sạch, là luống cày ban tặng bánh hằng sống cho nhân loại lớn lên. Lạy Mẹ, chính từ lòng Mẹ mà sự sống đời đời đã đến với thế giới. Bởi vì Đấng sinh ra cho chúng con đã chọn Mẹ làm hiền mẫu" (Kinh Ave Maris Stella = Kính chào Ngôi Sao Biển).

Điều tự nhiên là ở cương vị làm mẹ, Đức Maria trong lúc khốn khó này không thể tự tách mình ra khỏi Đức Giêsu và công việc của Ngài. Một thánh giáo phụ đã nhận xét: Đức Maria khi sinh hạ Chúa đã không phải chịu đựng đau đớn, thì khi Chúa chết Ngài phải chịu đựng. Ngày xưa Mẹ đã cảm thấy Chúa sống trong thân thể mình, thì bây giờ khi Chúa lìa đời Ngài cũng cảm nghiệm Chúa chết trong bản thân. Vào thời thơ ấu, lúc ẩn dật, khi ra giảng đạo tất cả đều thuộc về Đức Maria. Vậy thì khi chết, Đức Giêsu cũng thuộc về Mẹ mình hơn. Vậy việc Mẹ hiện diện dưới chân khổ giá là điều rất tự nhiên.

Nỗi đau đớn của Mẹ được đo lường bằng mức độ quý giá của Người Con Thần Linh đối với Mẹ. Người vừa là Thiên Chúa, vừa là thân xác bởi thân xác Mẹ. Ngài là một phần của Mẹ, đồng thời là

một trong Ba Ngôi. Mẹ đã nuôi dưỡng Chúa nhân danh trời và đất. Ngài chỉ sống vì Chúa, Đấng đã muốn có sự sống bởi Mẹ và cũng vì Chúa mà Mẹ được dựng nên! Mẹ đã trông thấy những giọt nước mắt đầu tiên của Con, mỉm cười vì lời nói thứ nhất của Con, tập đi cho Con, chấp chững như chúng ta vậy. Mẹ đã bồng ẵm trên tay mình kho tàng linh hồn Đức Giêsu, Đấng là tia sáng chiếu rọi vào xác phàm mà xưa kia chỉ là tăm tối, trong linh hồn ấy Thiên Chúa tỏ lộ chính mình.

Đức Giêsu đợi trông mọi sự từ Đức Maria, bởi vì Mẹ được Thiên Chúa tiền định để làm quà tặng cho Chúa. Trong nhiều năm trường Đức Giêsu chẳng hề rời bỏ Mẹ, sau này chính Mẹ lại theo Chúa từng bước. Chúng ta thử tưởng tượng tương quan Mẹ Con trong ba năm sau cùng. Nó là một màu nhiệm mà chỉ tình thân mật mới có khả năng thâm nhập và càng đi vào sâu thẳm, càng ngọt ngào! Bây giờ Đức Giêsu sắp lia bỏ Đức Maria. Chỉ trong một ngày Mẹ mất cả hai: Người con duy nhất và Thiên Chúa của mình. Nỗi đau của Mẹ mang tính chất nhân loại chỉ vì Mẹ là loài người. Nhưng đối tượng của nỗi đau ấy lại vượt xa mọi hiểu biết của bất cứ phạm nhân nào!

Vì vậy các thánh chiêm ngắm Đức Maria trên đồi Golgotha như đang chảy máu. Đúng thế, toàn thân Mẹ thấm đầy máu từ thân Con mình, Mẹ hôn lên các vết thương của Con. Thấm đầy máu từ cây thập tự, đôi môi Mẹ muốn uống cạn các dòng chảy. Thấm đầy máu như sương sa thấm mặt đất. Mẹ muốn quì hôn lên đó. Vẻ mặt vốn xanh xao nhợt nhạt lúc này lại vậy những máu biến thành một hình hài thâm thê. Một Niobe buồn sầu hơn Niobe huyền thoại (Niobe là nữ thần buồn đau của Hy Lạp). Nhưng dịu dàng, thanh sạch hơn nhiều. Và vì đặc ân vĩ đại, Mẹ dễ tiếp cận hơn mọi trái tim con cháu Eva.

Đặc biệt là trong tâm hồn Mẹ mà chúng ta phải nhìn thấy Mẹ rướm máu. Tuy Mẹ đứng dưới chân thập hình, nhưng thật ra trái tim Mẹ đã bị đóng chặt vào đáy và chia sẻ đớn đau vô cùng với Chúa. Đức Giêsu mang năm dấu đinh, nhưng Đức Maria mang bảy lưỡi gươm. Chúa bị đóng đinh, nhưng Đức Mẹ bị đâm thấu. Ngài chịu đựng khổ nạn, và Đức Maria đồng công. Cả hai đều là nạn nhân hiển tể, nên chỉ là một cuộc tử đạo.

Hai vị liên kết nên một bởi nỗ lực chung. Nó tôi luyện cả hai hòa hợp. Đức Giêsu trông xem Đức Maria với ý nghĩ Mẹ đang nhìn mình tử nạn. Trong khi Đức Mẹ cảm nhận Con như đối tượng đau khổ của mình. Hai mẹ con tương tác lẫn nhau, an ủi lẫn nhau. Chúa không giữ riêng cho mình những điều nhân tính Ngài chịu đựng. Vì nhân tính là bởi Đức Maria. Vậy Đức Maria có quyền lợi trong ấy và Đức Giêsu không chối bỏ quyền lợi của Mẹ.

Ngài sẵn lòng để Mẹ mình trông thấy tất cả, cảm nghiệm tất cả và ném trái tất cả, tức nằm trên giường kiệt quệ, bị đánh sắt đâm thấu, gai nhọn xé nát, quần quai chịu đựng các cơn nghệt thở, các đợt chuột rút kinh hồn hành hạ tằm hình hài như tử. Ngài không chừa lại nỗi khổ nào cả. Mọi sự đều diễn lại trong Mẹ thân yêu. Ngài muốn như vậy, và do bản năng tự động Ngài khát khao như vậy.

Bản năng tự động ư? Chính thế, vì Ngài là Con duy nhất của Mẹ, giống như bất cứ phạm nhân nào khác. Trong giờ hấp hối, Đức Giêsu lại trở nên thơ bé. Chúng ta không cần dè dặt về vấn đề này, tức

gán cho Chúa Kitô những yếu đuối của kiếp phàm nhân mà chính Ngài đã bày tỏ trong vườn cây Dầu. Nếu Ngài đã cầu khẩn cùng các môn đệ giúp đỡ, thì tại sao từ chối nơi Đức Mẹ? Ngài quay mặt đầy máu me về phía Mẹ mình, gương mặt thứ nhất trong đời Ngài được hưởng nụ cười âu yếm: Chiếc đầu đầy gai nhọn khát khao được dựa lên vai Mẹ mà ngày xưa Ngài từng nũng nịu. Ngài mong ước lại được hôn lên má Đức Maria mà hơn ba mươi năm trước Ngài thường hôn khi đi xa về. Ôi Ngài khao khát những giây phút đó biết bao!

Trong quá khứ, nhiều lần Ngài đã quên mình là người lớn để có thể sà vào lòng Mẹ? Lúc này Ngài không ao ước nữa hay sao? Không tìm thấy nghỉ ngơi bên Mẹ nữa hay sao? Ở Betania Ngài đã từng lui tới để trốn tránh những giây phút căng thẳng sau một bài giảng gay cấn, tìm nghỉ ngơi sau một ngày làm việc hoặc tranh luận ráo riết? Hay những lúc đau lòng vì người Do thái cứng cổ? Chúc vị cao siêu của "Con loài người" không tương khắc với tính chất thơ ngây của tâm hồn con trẻ. Nó dai dẳng mãi trong những người cứng rắn nhất, ngay cả trong các anh hùng cái thế. Trong những lúc chịu đựng khổ đau nó càng bộc lộ rõ hơn.

Phần Đức Maria, tâm hồn Mẹ nôn nóng hơn biết bao được đón nhận Con vào lòng. Và Chúa cũng khát khao mau được ném mình vào lòng Mẹ. Chẳng mấy chốc nữa Ngài sẽ tắt thở, Ngài sẽ mặc cho đầu mình gục về phía Mẹ và thư giãn, ký thác toàn thân cho Mẹ săn sóc trong cái chết. Mẹ sẽ lo liệu cho nó y như lúc mới sinh ra. Đây là lúc hoàn toàn thuộc về Mẹ. Tâm thân cứng đờ, lạnh như đá sẽ là kỷ phần của Mẹ. Hai thân xác ấy, một nóng một lạnh, sẽ được sưởi ấm chỉ bằng một quả tim.

Chúng ta nên nhớ rằng mặc dù thống khổ của Đức Giêsu chẳng chi sánh bằng, nhưng xét về chiều dài, thì của Đức Maria lâu hơn. Đức Maria sẽ chịu đựng cái chết của Con nhiều giờ hơn trong khi Đấng chịu đóng đinh chỉ phải chịu đựng từng cơn hấp hối mở màn cho cái chết mà thôi. Mẹ sẽ nhận lấy nhất đòng đâm vào cạnh sườn Chúa. Những vết thương mà Mẹ thấm khô xem ra còn tươi tắn, và thực chất nó sống động trong trái tim Mẹ. Tâm thân cứng đờ Mẹ đặt trên đầu gối, chiếc đầu lâu vô hồn lẩn lóc như cục đá bên trái tim Mẹ, người đã ban cho nó sự sống. Tất cả đều gầy nên trong lòng Mẹ những nỗi quặn đau khôn tả. Sự sống lại lúc này vẫn còn xa vời, bị các mây đen che phủ. Mẹ còn phải chịu đựng một cái chết nữa, khi người ta mang xác Con đi chôn.

Sau này, Mẹ còn nhớ lại ký ức đau đớn ấy nhiều lần. Mẹ sẽ đi lang thang qua các phố xá của Giêrusalem tìm kiếm lại con đường Khổ nạn, quanh quẩn mãi những nơi Con ngã sấp xuống đất. Mừng tượng lại cái nhìn đưa mắt tại ngã tư đường hay ở cổng Ephraim, nhập bọn với các phụ nữ than khóc Chúa và được Chúa ban lời cuối cùng. Mẹ chậm chậm leo dốc Golgotha, mắt nhắm lại để xem thấy rõ hơn hình ảnh đau thương, bước chậm trong yên lặng để nghe cho tỏ hơn những lời xi vã. Cuối cùng ở chân giá gỗ, Mẹ đứng lặng hồi lâu để suy gẫm.

Rồi Mẹ chỉ còn sống để mên chuộng cái giá đã trả cho việc hy sinh, và dành trọn cuộc đời còn lại để mên yêu sự thống khổ của Chúa, ngõ hầu tăng trưởng trong lòng yêu mến đó. Và vì công trình của Chúa, Mẹ sẽ kéo dài nỗi đau lòng của mình mãi mãi. Nó sẽ đạt tới mức không đo lường được nữa vì Ngôi vị của Con. Bởi chưng mỗi dây máu mủ cột chặt Mẹ vào người Con duy nhất và thần linh.

Dĩ nhiên công trình của Ngài có vai trò ngay trong nỗi thống khổ hiện tại. Nếu Đức Maria không dâng hiến mình Cho Chúa và các thống khổ vì chính nghĩa mà Ngài vui lòng chết, thì hẳn Mẹ đã không hợp nhất với Đức Kitô. Thập tự chỉ là bàn thờ và bàn thờ thực sự phải là trái tim Mẹ, một loại bàn thờ thiêng liêng.

Đó chính là lý do để Mẹ được tạo dựng. Vì nếu Mẹ không dâng hiến lời xin vâng thuận theo ý Thiên Chúa thì làm thế nào có biến cố Nhập thể? Sự đồng ý của Mẹ là căn nguyên trực tiếp cho biến cố trọng đại này! Cho nên sự cộng tác trong công trình cứu chuộc là hiển nhiên. Vậy nếu Đức Giêsu là Adam mới, thì đương nhiên Đức Maria là Evà mới. Đức Mẹ hiểu rõ ơn gọi của mình. Chiếc gươm của tiên tri Simeon không phải đợi đến giờ tử nạn trên đồi Calvario. Và ngay cả trước Simeon đã có nỗi thống khổ ngọt ngào trong máng cỏ, trong lời truyền tin tinh tế và đầy tai họa.

Đức Maria đã mang trong lòng con trẻ Giêsu chịu đóng đinh. Một vài họa sĩ vẽ Đức Giêsu xuống lòng Trinh nữ Maria trong bầu ánh sáng như một bé thơ vác thập tự. Họ suy nghĩ đúng sự thật. Đức Maria đã sinh hạ cái chết để cho thế gian được sống. Sữa con trẻ uống mang điềm gỡ của mật đắng. Máng cỏ nghèo nàn là giá gỗ thứ nhất. Đức Giêsu đã không từ chối mặc khải cho Mẹ những sự kiện quái ác mà nét nhìn mến yêu bình thản của Ngài lúc này tỏ lộ.

Liệu sự thật giữa hai mẹ con luôn bình an và không cần kiểm chế? Đúng vậy, nhưng cộng với nét nghiêm nghị của các anh hùng. Những kẻ biết rõ sức nặng của định mệnh và cái giá khủng khiếp của vinh quang. Đức Giêsu luôn phải chết và Đức Maria luôn đồng ý vào sự hy sinh đó. Ngài chấp nhận vai trò của mình, góp phần vào mọi sự. Mẹ đã thiết lập thập tự trong ý chí trước khi trông thấy nó trên đồi Calvario. Mẹ đã mai táng con mình trong tinh thần từ lâu rồi.

Và lúc này Ngài không rút lại điều chi cả. Ngược lại Mẹ tăng thêm cường độ chấp nhận. Vậy nếu sự đau đớn của Đức Giêsu hoàn toàn tự nguyện thì nơi Đức Mẹ cũng vậy. Đức Maria cũng như Con Mẹ được quyền tuyên bố: "Mạng sống của Tôi không ai có thể lấy đi được, nhưng chỉ chính Tôi tự ý hy sinh mạng sống mình. Tôi có quyền hy sinh và có quyền lấy lại mạng sống" (Ga 10, 17). Linh hồn Chúa Giêsu là của Đức Mẹ, và Ngài hy sinh nó. Đó chính là giờ của Mẹ cũng như của Chúa Giêsu. Người nữ tỳ Thiên Chúa tiếp tục phục vụ ngay cả đến việc tử đạo. Mẹ không hiện diện trên núi Thabor, thì nay đến gần kề bên thập giá. Mẹ vắng mặt ở đám rước khải hoàn vào thành thánh thì nay hăm hở chạy tới bàn thờ. Vị nữ anh hùng của Stabat Mater chẳng phải chỉ là nữ thần Niobe thánh thiện mà còn là Evà mới. Cùng với Con yêu dấu, Đấng tạo dựng, Mẹ tái thiết nhân loại và cứu vớt linh hồn người ta bằng cách ban tặng thế gian Đấng Cứu Thế.

Stabat Mater Dolorosa,
Mẹ đứng dưới chân thánh giá Con yêu,
Tâm can nát tan Mẹ chết trăm chiều,
Gần bên Chúa trong giờ tử nạn.

* * *

Mặc dù nỗi đau đớn của Mẹ Maria là vô bờ, nhưng liệu niềm hạnh phúc nội tâm của Ngài có làm nhẹ bớt? Niềm bình an nội tại trong linh hồn Đức Mẹ cũng gây nên cho Mẹ an ủi lớn lao lắm chứ? Chúng ta buộc phải tin vào chân lý ấy nếu người ta tin rằng Mẹ kết hợp đầy đủ và trọn vẹn với Đức Kitô, và hiến dâng cho công việc của Ngài. Nhưng ai sẽ hướng dẫn chúng ta vào màu nhiệm sâu thẳm, vượt quá sức loài người này?

Sau đây tôi sẽ dành riêng một chương để bàn về hạnh phúc Thiên đàng của Đức Giêsu, ngay cả trong cuộc tử nạn. Bây giờ thì hãy tạm tin rằng Đức Maria chưa có Thiên đàng ấy. Nó là đặc ân của Đức Kitô xét theo cương vị là Con Thiên Chúa. Nhưng khi suy niệm về Thiên đàng? của Chúa Giêsu thì liệu Đức Mẹ có được chia phần chút ít không? Bởi vì chẳng có chi thuộc về Chúa Cứu Thế mà xa lạ với Đức Mẹ ở cương vị là đồng công? Trái tim Mẹ đã kết hợp với những ngát ngây màu nhiệm sâu thẳm khôn dò không thấu nơi Đức Kitô Giêsu!

Tương tự như vậy, mặc dầu tương lai bị hạn chế bởi chương trình cứu độ, để tôn trọng nỗi thống khổ của các vị, nhưng cả hai đều được biết tương lai. Sau cây thập tự, hai vị được xem thấy hoa quả của cây thánh giá và của khốn khổ. Vậy liệu đây không phải là một màu nhiệm của niềm vui để làm giảm nhẹ màu nhiệm khổ đau?

Khi đọc trong linh hồn của Con, Đức Maria đi xa hơn là cuộc Khổ nạn và khám phá ra một vùng ánh sáng. Nước mắt của Mẹ mang tính tiên tri. Đức Giêsu đã đổ nó vào trái tim Mẹ, thì cũng chia sẻ kiến thức về tương lai cho Mẹ. Đức mẹ biết điều ấy, Ngài chờ đợi và đau khổ của Ngài vì thế được hy vọng chế ngự bớt.

Đức Giêsu đã nói với hai Tông đồ: "Buồn sầu của chúng con sẽ trở thành niềm vui", thì chắc chắn Ngài yên ủi Đức Mẹ nhiều hơn nữa. Khi thống khổ của Mẹ qua đi, thế giới sẽ nhìn vào Đức Mẹ với lời tung hô vĩ đại chưa từng thấy. Nếu lúc này Stabat thay thế cho Magnificat thì ít lâu nữa Magnificat sẽ bùng lên thành bài ca tràn ngập vũ trụ và nhân loại chung lời nhảy mừng ngợi khen.

Đấng toàn năng đã làm những việc lạ lùng nơi Đức Maria, thì nhờ Mẹ, Ngài thực hiện những điều lớn hơn nữa: "Đẹp đẽ hơn mặt trăng, rực rỡ hơn mặt trời, oai hùng hơn đạo binh xếp hàng vào trận". Cùng với Con, Đức Maria sẽ thay đổi tận gốc vận mệnh các quốc gia và Calvario sẽ chỉ còn là ký ức xa xôi của quá khứ.

Như thế, chúng ta phải nghĩ đến Đức Mẹ như đang than khóc, đồng thời đang ngát ngây vượt xa những đau buồn hiện tại. Ngài như đang sống trong giấc mơ. Thực tại nhiều khi quá gồ ghề đến độ nó đẩy linh hồn vào xa xăm. Nhưng giấc mộng của Đức Maria không phải là ảo vọng đầy hình ảnh ma quái. Nó là cơn mơ sáng tạo, đúng hướng, là mộng mị thần linh được dựng lại và làm mới sau tội lỗi của nhân loại: Tức giấc mơ cứu chuộc. Và một đặc trưng của vận mệnh ấy sắp được tỏ lộ.

Khi Đức Giêsu nhìn xuống đám đông đang túm tụm quanh gai gỗ của mình, Ngài trông thấy Đức Mẹ và thánh Gioan. Có lẽ Ngài làm vài dấu hiệu con thảo đối với mẹ mình. Lòng đầy trĩu mến hai cá

nhân này và với tất cả những linh hồn liên kết với họ, Ngài coi họ như một biểu tượng tốt. Ngài hoà họ vào một trong bảy lời vàng ngọc cuối cùng, phá vỡ sự yên lặng sâu lắng trên thập tự.

Hình như ngài phải đè nén cảm xúc của mình khi nhìn thấy những linh hồn thân yêu. Ngài nói với họ bằng những lời tôn trọng, không gọi Đức Maria là mẹ, sợ rằng đánh vỡ trái tim bà. Ngài dùng lời nghiêm trang gần như vô tình, với ngầm ý chức vụ tương lai của Mẹ: "Hỡi bà kia, này Gioan là con bà", và thêm: "Gioan, đây là mẹ anh".

Hội Thánh luôn hiểu Gioan đứng làm đại diện cho toàn thể loài người. Chúa Giêsu ký thác Mẹ mình cho Gioan theo tính cách cá nhân và Đức mẹ cũng được Chúa phó thác cá nhân Gioan cho mình. Từ nay Gioan là thân cận của Chúa Giêsu và Đức Giêsu, gương mẫu của các người con, thay thế mình bằng Gioan. Tuy nhiên, sự kiện mang tính biểu tượng. Từ Con mình, Đức Maria nhận lấy toàn bộ nhân loại để chăm sóc, giữ gìn và khích lệ như những đứa con thân yêu. Loài người đón nhận Đức Mẹ như gia sản quý báu. Lời từ biệt dịu dàng và cảm động này của Đức Giêsu chứa đựng màu nhiệm cuối cùng của tình yêu.

Đây chưa phải là lúc nói rằng tất cả được gói ghém trong quà tặng đa nghĩa này. Chỉ nên nhớ rằng nếu nó là một đặc ân quý và dịu dàng nhất cho chúng ta, thì đối với Đức Mẹ nó là một bằng chứng rõ rệt và công khai về sự kiện Đức Maria cộng tác với Đức Giêsu trong công việc cứu rỗi. Chúa Giêsu yêu cầu Mẹ mình chấp nhận các "anh em" của Ngài. Lúc này Mẹ không chỉ nhìn vào thập tự, nắm mồ, ngay cả sống lại, lên trời, vinh hiển, nhưng còn vào sân khấu mà công việc cứu độ được thực hiện. Công việc đòi hỏi sự cộng tác dịu dàng và mãnh liệt của Mẹ.

Và Maria đã đồng ý. Mẹ chấp nhận vai trò. Mẹ không cần phân đôi mình ra, không cần phải gạt bỏ nước mắt, không cần bỏ mặc người con dấu yêu quần quai trong đau đớn để lãnh nhận gia sản mới. Bởi vì Mẹ thấy rõ mọi sự trong Con. Cho nên Mẹ lại dấn mình vào đại dương tình yêu, đại dương chứa đựng mọi màu nhiệm. Mẹ chấp nhận hiện trạng của Con cả trong hai lãnh vực: Ngôi vị Thiên Chúa và chức năng Cứu thế. Eva mới hợp nhất với Adam mới, dù là trong đau khổ hay trong hậu duệ của mình.

Sau khi đã trao xong di chúc và lời giao ước. Đức Giêsu lại rơi vào yên lặng và Đức Maria vào suy gẫm. Mẹ chẳng có thể nói lời phản kháng. Mẹ chẳng thốt được lên tiếng "không", và cũng chẳng "xin vâng" mà không cảm nghiệm kiệt sức. Sự thay thế một phạm nhân với một người con thần linh phải chăng là một nỗi vui mừng? Một đám đông vô định với Người con duy nhất là điều đáng làm? Đối với Mẹ hiện tại không có quyền che dấu tương lai, và tương lai cũng không được phép tước đoạt hiện tại. Vậy thì làm thế nào ngoài việc hiện ngang đứng thẳng cả linh hồn và xác như người nữ tỳ của Đức Chúa vẫn hằng tuân phục? *Stabat Mater Dolorosa!*

Ở Gabaon vào thời Đavít, bà Respha khôn khéo đã canh thức bên giàn giá gỗ mà hai trong các con trai trong trắng của bà đền thay tội lỗi cho toàn dân. Lúc ấy mới là đầu mùa gặt lúa mạch, muộn hơn

chút ít trong năm so với thời gian Khổ nạn của Chúa Giêsu. Bà Respha lấy tấm vải lông chiên trải ra trên tảng đá làm chỗ dựa đầu. Bà không chịu để các kên kên đến rửa xác các con bà (2V 21, 10).

Respha của đồi Golgotha không được tự do như vậy. Bà không thể giữ các kên kên khỏi hiện trường. Mẹ chịu đựng để thù ghét xé nát Con. Mẹ không thể từ chối dự phần, không phải vào tội ác, nhưng vào kế hoạch thương xót của ngôi Cha, ngôi Con và Thánh Thần.

Ở cương vị là hiền thê của Thần Khí tạo dựng, Đấng canh tân bản tính nhân loại, mẹ của Con Người mới, Adam mới, ái nữ của Chúa Cha, Đấng ban hiện hữu cho mọi loài, Đức Maria trợ giúp gia đình Ba Ngôi mà ơn gọi siêu nhiên đã thấu nhận Mẹ. Mẹ đang thực hiện một công việc thần linh, là trợ lý của Thượng Đế Tối Cao. Và chúng ta được phép tin rằng khi Đấng Cứu Thế thở hơi cuối cùng, trao lại linh hồn về tay Đức Chúa Cha, thì Đức Maria được Thần Khí hướng dẫn, cũng nói cùng với Con mình rằng: "Lạy Cha, Con xin phó linh hồn trong tay Cha".

CHƯƠNG 8

KẺ THÙ

Chúng ta đã xem xét về bạn bè của Đức Giêsu khi Ngài đang chịu đóng đinh trên giá gỗ. Họ xuất hiện trước mắt Ngài và trước mắt các tín hữu tương lai. Bây giờ đến những kẻ thù nghịch. Con số này rất đông. Nhưng lòng căm thù của họ chỉ đạt đến cực điểm trên ngọn đồi Golgotha. Cuộc Khổ Nạn chỉ là giai đoạn cuối cùng của một cuộc khủng hoảng về luân lý dai dẳng. Sự bùng nổ xảy ra do hai loại chất liệu tác động vào nhau. Lúc này là các kẻ thù, nếu chúng ta được phép gọi như vậy, và mức độ leo thang theo từng cấp bậc: Các binh lính, đám đông, Philatô, Hêrôđê, các lãnh đạo Do thái và Giuđa.

Binh lính trong cuộc khổ nạn của Chúa là các binh sĩ Roma, không phải đoàn kỵ binh (equites) của đội quân vinh hiển La Mã, mà là những kẻ đánh thuê thu thập từ các miền lân cận. Vì thế, có lẽ, không hoàn toàn sạch khỏi thành kiến và ảnh hưởng Do thái. Quan toàn quyền có đội cận vệ riêng để canh gác cá nhân ông và trợ giúp thi hành mệnh lệnh toà án. Đền Antonia cũng là công đường. Công đường gồm một trại lính, một đội cận vệ và các tay chân khác có nhiệm vụ thi hành án quyết.

Nhưng những người này, tuy tính tình man rợ và bất nhân trong việc hành quyết Đức Giêsu, nhưng không chịu trách nhiệm nhiều. Họ chỉ tuân theo mệnh lệnh. Họ nghĩ mình chẳng làm chi sai trái khi thi hành án lệnh đã được lãnh đạo Do thái và cấp trên Roma ban ra. Hai quyền lực này hoàn toàn lãnh trách nhiệm. Việc hành quyết thể xác chỉ được coi như sự cộng tác vô tội.

Vì thế lời của Chúa Cứu Thế trên thập tự: "Lạy Cha, xin tha thứ cho chúng vì làm không biết việc mình làm" phải được hiểu trước tiên chỉ về các binh lính, mặc dù xưa nay vẫn hiểu rộng đến các đối

tượng khác. Trong tình huống này lời tuyên bố từ cây thập giá mang ý nghĩa chính xác công lý đối với các binh lính. Đức Giêsu xin ơn tha thứ cho họ, vậy thì họ thực sự có lỗi không phải vì việc họ làm, nhưng vì kiểu cách họ thực hiện việc ấy. Đúng thật, họ không biết ý nghĩa của lệnh truyền, mà chỉ biết thi hành bổn phận. Nhưng họ đã làm quá mức ấn định. Do đó gây đau khổ cho nạn nhân quá nhiều.

Lỗi của họ là như vậy, sự hăng hái mà họ dùng để thực hiện kế hoạch của cấp trên Do thái mang tính dã man vì xúc phạm tội tệ đối với nạn nhân. Họ đã cộng thêm vào tội ác của kẻ khác tính thái quá của riêng mình. Do đó họ là kẻ đầu tiên cần đến ơn tha thứ cao cả.

Khi Đức Giêsu nhìn xuống các binh sĩ này. Ngài lại liên tưởng đến đôn Antonia, phòng 200 mét về phía bên trái thánh giá. Liệu Ngài có thể quên được nỗi nhục nhã phải chịu dưới bóng nghiêm nghị của nó? Trận đòn như từ vài giờ trước đây? Trận đòn tan da nát thịt? Trận đòn được làm mới lại khi người ta lột áo Ngài! Da thịt còn dính vào vải áo, lại chảy máu xối xả. Chúng ta có lý do để tin rằng hình phạt là quá mức cần thiết theo luật định. Tại sao? Nếu không phải do bản chất khát máu của con người? Và những binh lính này thả lỏng thú tính của lòng mình?

Liệu thú tính đó có bao gồm đam mê man rợ là đánh nạn nhân đến độ không còn cảm giác nữa? Những tua roi nhọn hoắt như răng cưa tha hồ xé nát thân Ngài? Những dây bằng kim loại làm bầm da tím thịt? Những đầu roi bọc chì đâm thấu tận xương? Đó là khổ hình mà luật pháp Roma dành cho các nô lệ tội phạm, trước khi đem đi đóng đinh. Đúng là một cái chết hãi hùng loài người nghĩ ra để trừ khử nhau. Cái chết dần dần, từ từ từng giai đoạn một.

Như vậy liệu đã đủ chưa? Đây là việc mở rộng cuộc hành hạ cho đến tử đạo rợn rùng. Sự tra tấn có tính toán này phải chẳng là tột đỉnh của man rợ? Nhưng binh lính còn tìm ra một trò chơi khác thêm vào cuộc hành xịch tội phạm. Người ta có thể nói sự đau đớn đã đến tột cùng của điều cần thiết, nhưng binh lính còn bày ra một kiểu hành hạ khác ác độc hơn: trò chơi nhạo báng, để thoả mãn lòng lang dạ thú không hề no đủ của họ khi nạn nhân chỉ còn thoi thóp.

Câu truyện diễn ra ở sân tiền đường nhà canh gác. Đức Giêsu đã trông thấy sân này trước đây và bây giờ sẽ ném tất cả sự cay đắng của nó trong cơn hấp hối của sự chết. Cái trò độc ác này hoàn toàn phát xuất từ bày tôi Philatô.

Có lẽ Đức Giêsu chịu đánh đòn công khai ở trước cửa toà án nơi gọi là Lithostratos hay gian phòng ngoài. Nơi đáng lý Ngài mặc lại áo choàng. Nhưng đội hành hình túm lấy dẫn đến tiền đường, lúc này là chiếc sân trong, cả một đội cận vệ tụ họp đến xem trò giải trí.

Ngài gọi mình là vua. Tốt lắm. Họ sẽ trang trí cho Ngài đúng bậc quân vương. Một đũa cời áo choàng ra, ném lên vai đang rướm máu của Ngài. Đó, tấm cẩm bào vương giả! Những đũa khác giật vội mấy cành gai ở bụi đậm gần đây, quấn thành chiếc vòng làm vương niệm. Tác giả Calmet nhận xét rằng lúc ấy là thời điểm các bụi gai ra hoa, vậy thì vương niệm chẳng khác nào một vòng hoa. Ôi

chao, trước mặt chúng Đức Giêsu đúng là ông vua vinh hiển và rạng rỡ. Nhưng còn vương trượng? Một cây sậy được rồi. Thế là người ta kiếm một cây sậy khô đầu đó nhét vào những ngón tay tan nát bị kẹp hoặc giả vào bàn tay phải đang run run vì đau!

Rồi binh lính phá lên cười khi ngắm nhìn quân vương trò hề. Họ giật lấy cây sậy quất tui bụi vào nạn nhân. Chiếc vương miện bằng gai đặt hờ trên đầu, bây giờ được ấn mạnh xuống, gai nhọn xuyên thẳng vào xương sọ, máu me ứa ra, coi rất thảm thương, nhưng lại là trò cười cho bọn lính độc ác. Chúng thay nhau vả mặt, đấm đá như các trẻ con hành hạ một con cóc vô phúc tìm được ở lề đường. Dầu sao thì tội phạm này cuối cùng cũng phải chết, nương tay làm chi? Đánh đấm cho hả dạ, xót thương để làm gì? Chúng khắc nhỏ vào mặt, thụi sau lưng, xếp hàng thay lượt nhau tìm những lời chế giễu sáng tạo nhất làm cho nạn nhân hết đường chống chế. Sự thực nạn nhân chẳng hề phản kháng: Phúc âm Gioan kể: "Họ đến gần và nói: Kính chào vua dân Do thái, rồi vả vào mặt Người" (19,3). Marcô thuật lại: "Chúng lấy cây Sậy đập vào đầu Người, khắc nhỏ vào Người, và quì gối bái lạy" (15,19). Nước giải và đấm đá là hương vị không thể thiếu của trò chơi nhạo báng này.

Người ta nói rằng lập trò nhạo báng này là chuyện bình thường của việc thi hành án. Các thí dụ chung ra ở Persia, ngay cả ở Palestine. Một số tác giả khác còn đi xa hơn cho là một nghi lễ trước khi đưa đi hành quyết. Ở điểm khả dĩ nhất thì là một tình huống nhẹ bót của xử tử. Nhưng đối với chúng ta, đây là cảnh tượng nhục nhã cao độ của cuộc khổ nạn.

Thập giá là chóp đỉnh của việc hành quyết, binh lính không cần nghĩ ra thứ gì ghê gớm hơn. Nhưng sự thù hận còn có tính tàn bạo riêng của nó. Cho dù nạn nhân đã đến mức hấp hối, thì nhạo báng vẫn còn đất dụng võ Phúc âm Luca kể: "Lính tráng cũng chế giễu Người, chúng lại gần đưa giấm cho Người uống và nói: Nếu ông là vua dân Do thái, thì cứu lấy mình đi" (23,36).

Ý nghĩ về vương quyền giả hiệu xem ra gây thích thú đặc biệt cho đám lính đánh thuê. Họ coi đức Giêsu như hoàng tử giả đò bị lột mặt nạ. Kẻ ngu dại muốn bước ra khỏi hàng ngũ thường dân và họ có nhiệm vụ phải đẩy về chỗ cũ. Đám đông cũng có những ý nghĩ tương tự vì bị ám ảnh bởi tư tưởng ngang bằng trên bình diện hạ đẳng. Họ áp dụng theo ý nghĩa riêng của mình lời Kinh Thánh tuyên bố: "Ai nâng mình lên sẽ bị hạ xuống".

Chẳng có chi trong cuộc Khổ Nạn mà bọn lính không biến thành trò cười, ngay cả việc cho Ngài chút nước giải khát. Xem ra họ muốn nói: "Mi nữa, là vua người Do thái cũng cần chút dễ chịu ư? Tại sao không dùng quyền năng để khỏi khát? (Lc 23,35).

Tuy vậy, cũng xin lưu ý, dầu sao cũng còn chút nhân đạo trong việc giúp Đức Kitô đỡ khát, nhưng sự chế giễu của họ vô hiệu hoá lòng nhân đạo ấy. Và chi tiết nhỏ nhặt này khiến lòng kính trọng của tín hữu bị xúc phạm.

Khát nước là một đòn tể hại mà Chúa chúng ta phải gánh chịu. Các binh lính biết điều ấy. Họ có sẵn thức uống trong tay. Ở Phương Đông nếu người ta phải chờ đợi lâu giờ ở một chỗ thì thể nào cũng

có bình nước giải khát. Việc canh chừng trên ngọn Golgotha nhất định là kéo dài hàng giờ hàng ngày, thậm chí hàng tuần. Khí hậu thì ngột ngạt. Thánh Gioan kể rằng: "Ở đây có một bình đầy giấm". Đúng ra là một bình nước uống pha loãng giấm, người Roma gọi là "posca" (thức uống), miếng bình được đập bằng miếng bọt biển. Quân lính sẽ lấy miếng bọt này cho Đức Giêsu uống.

Khi Chúa tỏ dấu khát nước, Ngài muốn đỡ khát nên đã thốt ra: "Ta khát". Quân lính không từ chối chia sẻ nước uống của họ, nhưng ý tưởng lại làm họ nực cười: "Chúng ta sắp cho vua Do thái một ly nước!" và họ khúc khích cười, tuy cử chỉ ấy là hợp lý.

Một sự kiện khác làm họ tăng thêm bụng cười. Uống xong Đức Giêsu kêu lớn tiếng: Eli, Eli, Lamma sabachtani? (Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, nhân sao Chúa bỏ tôi?) những người Do thái hiện diện hiểu rõ lời đó, không nhầm lẫn được. Vì là câu 1 của Thánh Vịnh 21 mà họ đọc hàng ngày. Nhưng họ giả vờ như nghe thấy Đức Giêsu gọi tên tiên tri Elia. Elia không thể nhầm lẫn với Eli hay Eloí. Họ cố ý chơi trò đố vắn, vì ý nghĩa trái ngược hẳn. Theo như niềm tin của người Do thái, thì Elia là tiền hô của Đấng Thiên Sai (Messia). Những ai có nguồn gốc thấp hèn mà lại giả đò Elia đến nâng mình lên rồi tỏ bày vinh quang thì thật là ngớ ngẩn. Do vậy câu nói của Đức Giêsu mang tính ngu xuẩn. Cho nên họ mỉa mai: "Coi đây Đấng Thiên Sai dờm đang cầu cứu Elia. Chắc chắn vị ngôn sứ vĩ đại sẽ đến cho mà xem".

Binh lính nghe vậy, một số hiểu được tiếng Aramia và thông suốt truyền thống Do thái nên ngộ ra ngụ ý của đám đông, họ chạy gần lại và một trận cười chế giễu nữa, một người trong họ lấy miếng bọt biển nhúng vào giấm posca buộc vào đầu cây sậy đưa lên miệng tội nhân. Cả đám nói to: "Hãy đợi xem Elia có đến cứu hẩn không?" (Mt 27,49) một người lính như thể đọc lại điệp khúc của các bạn, trả lời nhưng gời gắm vào đó ý nghĩa khác: "Kìa, hẩn kêu cứu ông Elia" (Mc 25,36). Như thể hẩn muốn bảo các bạn: "Chúng ta hãy cho phép ông Elia một thời gian, tức giúp đỡ tội phạm kéo dài sự sống thêm chút nữa".

Người ta giả định rằng người binh sĩ nói như vậy vì cần thiết của hoàn cảnh hay vì nhân đạo? Nhưng thực tế hẩn chạnh lòng trắc ẩn và cố gắng thúc giục ai đó cho nạn nhân uống. Thánh Mt và Mc ghi lại: "Lập tức, một người trong bọn chạy đi lấy miếng bọt biển, thấm đầy giấm, buộc vào đầu cây sậy, và đưa lên cho người uống". Chỉ lòng nhiệt thành khiến người ta "chạy", tính mỉa mai muốn kéo dài cực hình. Người ta giải thích rằng sở dĩ Chúa chấp nhận lòng tốt của người binh sĩ cho Ngài uống là vì hẩn là một tên trộm tốt lành nhưng nhát gan, hay ít nhất động lòng thương xót vì trước mắt hẩn là một cảnh đau đớn quá mức. Đức Kitô vốn trân trọng lòng tốt của kẻ khác dù rất bé nhỏ nên nhấp miếng bọt biển cùng niềm vui, vốn là một phần thưởng.

Hoạt động cuối cùng của các binh sĩ trước khi Đức Giêsu tắt thở là chia nhau y phục của Ngài. Đây không phải là một phát minh mới. Nó là thói tục đã có từ lâu đời. Vài năm sau, sắc lệnh của hoàng đế Hadrianô truyền rằng: Chiến lợi phẩm hợp pháp gồm y phục của tội nhân, các vật dụng riêng, tiền có trong túi lúc bị bắt giữ. Nhưng không phải vàng bạc, đá quý và thất lưng đất tiền.

Chúng ta cảm nghiệm rùng mình khi nghĩ rằng quân vô lại được phép vận y phục đã che phủ thân thể Thầy Chí Thánh. Tư tưởng giải thiêng làm chúng ta ghê sợ đến muốn nổi loạn. Nhưng những binh lính này đâu chịu trách nhiệm về việc này cũng như các hành động khác. Họ chẳng biết việc mình làm.

Những lời ấy từ cây thập hình có sức vang vọng bất tận trong linh hồn mỗi tín hữu, để diễn tả hoàn hảo Đức Kitô chịu đóng đinh cảm nghĩ về các lý hình của mình. Ngài không nguyên rủa họ như những phạm nhân khác thường làm. Nhưng dưới mắt Ngài họ chỉ là những dụng cụ Thiên Chúa Cha dùng trong cuộc khổ nạn của Ngài. Họ giống hết chiếc búa, chiếc đinh, sợi dây thừng, cây giá gỗ, ngoại trừ họ có một linh hồn mà Ngài yêu mến.

Không cần tháo gỡ gánh nặng đi cho họ, vì ơn ích siêu nhiên của cái chết cứu độ đã che chở họ. Ngài nhìn thấy họ như được bảo hộ trong thánh ý của Cha mình. Ngài gần như vui vẻ mừng cảm ơn họ vì đã kéo Ngài lên khỏi mặt đất, ngõ hầu Ngài cũng "kéo mọi sự lên cùng mình". Còn đối với cái "sáng kiến" của họ ở phòng canh gác của đồn Antonia, liệu Ngài có phải cảm ơn họ không? Vì đã cho thế gian một hình ảnh chân thật hơn Vêrônica mà nhân loại không thể quên?

Ecce Homo: Đây là người ấy. Chúng ta mắc nợ ai về tấm hình tuyệt vời này? Tấm hình vừa là Thiên Chúa vừa là anh em chúng ta, thể hiện nỗi thống khổ đầy công nghiệp? Thể hiện vương quyền tan biến vì tình yêu? Chắc chắn là bàn tay thiên thần của cuộc Khổ Nạn vẽ lên nó chứ không phải một nhóm binh sĩ đánh thuê. Lòng đạo đức của muôn thế hệ sẽ ghi khắc nó vào trái tim mình. Con mắt nghệ thuật cho dù là phàm tục cũng chưa bao giờ nhàm chán chiêm ngắm và ca tụng hình ảnh ấy. Một ngày nào đó trong tương lai vẻ cao siêu của nó sẽ làm tan biến hết tính ghê sợ còn đọng lại.

* * *

Đám người ô hợp trên đỉnh Calvario không hoàn toàn là thù địch. Nhưng ở đây chúng ta chỉ quan tâm đến nhóm hận thù mà thôi. Lúc này số đó đông áp đảo và luôn luôn như vậy khi người ta chỉ tính đến sự quan trọng của con số và cấp lãnh đạo ban hành mệnh lệnh ngày hôm đó.

Điều đáng ngạc nhiên là cấp lãnh đạo có khả năng điều động lực lượng khổng lồ chống lại đức Giêsu. Rất nhiều cá nhân đáng lý là thân hữu của Ngài vì các lý do khác nhau. Thí dụ ân huệ chữa lành, lời giảng dạy thức tỉnh lương tâm, lòng thương xót, nhân ái, phép lạ ngoạn mục, tình cảm triu mến, chống kết án bất công, chống lạm dụng chức vụ, hứa hẹn hạnh phúc. Ngay cả khi họ không tin, thì ít ra Ngài cũng nuôi dưỡng các mơ ước của dân tộc.

Vậy thì bất mãn là do đâu? Những lãnh đạo Do thái căm thù Đức Giêsu còn có thể hiểu được. Nhưng sự ghét bỏ của đám đông thì quả là một phép màu. Điều này chỉ vào giây phút cuối cùng của cuộc Khổ Nạn mới tỏ lộ, và rồi được thổi phồng do các tư tế.

Xin nhớ lại lúc khởi đầu sứ vụ, Đức Kitô đã áp dụng cho bản thân lời tiên tri Isaia: "Thần Khí Chúa đậu trên tôi, vì Người đã sức dầu cho tôi, sai tôi đem tin mừng cho người nghèo khổ, rao giảng sự giải phóng cho kẻ bị cầm tù, mở mắt cho người mù, trả tự do cho kẻ bị áp bức và công bố năm hồng ân cứu độ" (Lc 4,16-30).

Chương trình này đã khơi dậy lòng hồ hởi cao độ. Đúng là trong khi rao giảng, Đức Giêsu đã đưa ra vài lời khiển trách làm mất lòng một số người. Đúng là Ngài từng kinh nghiệm sự đổi thay của bản chất con người và trong dân riêng của mình. Nhưng xét về tổng thể thì đám đông đón nhận Ngài rất tốt.

Nếu như Ngài phàn nàn về sự tẻ nhạt, cứng lòng tin, ích kỷ, về những đòi hỏi vô lý, thì vẫn chưa gây nên tình cảm tức bực nơi thánh giá. Nhiều lần đám đông đã tung hô, muốn tôn Ngài lên làm vua. Người ta chào đón, tiếp đãi Ngài với lòng biết ơn. Ít bữa trước đây khi Ngài cho Lazarô trỗi dậy, tình yêu của đám đông xem ra đã đạt tới tột đỉnh. Họ chào mừng Ngài bằng những lời: "Một tiên tri vĩ đại xuất hiện giữa chúng ta. Thiên Chúa đã viếng thăm dân Ngài. Ông ta làm việc chi cũng tốt đẹp. Chẳng ai nói năng như người này. Ông là Elia, là Gioan Tẩy Giả đã phục sinh, hay một trong các ngôn sứ. Ông là Đấng Thiên Sai. Vạn tuế con vua Đavít. Chúc tụng Đấng nhân danh Thiên Chúa mà đến".

Ngay cả trong cuộc Khổ Nạn, ở dinh thự Philatô, thoạt kỳ thủy đám đông cũng không tỏ vẻ thù hằn và xem ra cấp lãnh đạo đền thờ chẳng thể hiệu triệu được họ. Nếu như không phải là Giuđa và cơ hội hấn gây nên, thì đám đông còn khuya mới tỏ dấu bất mãn. Chính cấp lãnh đạo đã nhận xét: "không nên làm vào chính ngày lễ, kéo gây náo động trong dân" (Mt 26,5).

Như vậy, đám đông tụ họp là vì lý do riêng rẽ của nó: Họ muốn nhà cầm quyền Roma thả cho họ một tên tù vào ngày lễ như thói tục, và họ đến để đòi quyền lợi ấy. Có lẽ là họ nghĩ đến Baraba, có lẽ Đức Giêsu vừa xuất hiện trước tòa án (Mc 15, 11-13).

Chẳng may cho sự lựa chọn của đám đông và cũng không may cho thói quen truyền thống, cấp lãnh đạo nâng tay trên cảm tính chung. Và họ có thời gian để làm việc này. Bởi lẽ giữa lúc Philatô gián đoạn tiến trình vì bà Claudia vợ quan xuất hiện tại tòa án và câu truyện giấc mơ giữa hai vợ chồng, thì các quan chức đền thờ đủ thời giờ để vận động quần chúng. Thêm vào đó là khoảng thời gian toàn quyền cho phép để suy nghĩ lựa chọn.

Philatô đưa ra hai phương án: "Ai trong hai phạm nhân các ngươi muốn ta tha cho các ngươi?" Ông vẫn hy vọng dân chúng theo chiều hướng của mình nên thêm: "Các ngươi muốn ta tha cho các ngươi vua người Do thái không?" (Mc 15,9). Nếu cứ để mặc cho đám đông thì có lẽ Chúa Giêsu được tha. Nhưng cấp lãnh đạo đã xen vào. Họ đã nắm được quyền điều khiển đám người ô hợp, bắt chấp sự phật ý của nó. Hơn nữa Philatô lại vừa chọc tức nó khi nói giỡn hai lần: "Vua dân Do thái".

Vua cái quái gì một tên phạm thượng. Philatô đã khiến họ phải nổi giận hơn là thương hại: Đấng Thiên Sai dõm bị xiềng trước mặt quan chức Roma! Đây là động lực thật của vấn đề. Ngày hôm qua họ còn hăng hái, mấy phút vừa đây nghi ngờ, và bây giờ bỗng nhiên đổi sang thù hận và giận dữ! Không bao giờ dám đồng chịu để mình bị vỡ mộng. Người làm họ thất vọng luôn bị trừng phạt nặng nề, có khi từ một anh hùng quốc gia xuống hàng vô danh tiểu tốt, kể cả tù tội. Cảm xúc của đám đông có thể đưa đến phản loạn. Nhiều gương mặt lịch sử đã bị thất sủng kiểu này.

Vậy xin hãy tưởng tượng hình ảnh Đức Giêsu trước mặt tổng trấn Philatô! Đã gây nên thất vọng cho đám đông Do thái biết bao! Aáy là chưa tính đến lời các thượng tế, luật sĩ, kinh sư tố cáo Ngài trước quan chức ngoại bang. Họ dễ dàng tin vào các lời bịa đặt đó. Đấng giải phóng tuyển dân lúc này coi như một tên sách động nổi loạn trước toà án Roma, lại chẳng làm sao biện minh các cáo buộc ấy. Đây là "gương mù thập giá" được báo trước. Chúng ta hiểu tại sao đám đông mặc kệ Ngài gánh chịu số phận.

Từ vỡ mộng đến khinh bỉ chỉ là bước nhỏ, từ khinh bỉ đến giận dữ không xa và dưới áp lực không ngừng của cấp lãnh đạo đền thờ đám đông dễ dàng trở thành bực tức. Một ai đó nhắc đến từ "thập tự" lập tức đám ô hợp bám ngay vào và hô lên vang trời: "Đóng đinh nó, đóng đinh nó vào thập giá". Hình phạt khổ giá không phải lạ đối với dân thành Giêrusalem, Palestin, Persia và các vùng cận đông. Nó thường được chỉ định cho những tên sách động bạo loạn, vì thế dân thành Giêrusalem lấy làm ngạc nhiên khi thấy tổng trấn lưỡng lự. Khi họ loại trừ, thì chẳng còn là chi, ngoài chi là một tên phạm tội nguy hiểm kẻ thù của đế quốc Roma! Philatô hỏi: "Ta sẽ làm gì với hắn?" câu trả lời lập tức: "Đóng đinh nó đi như ông đã từng làm đối với các phạm nhân khác". Câu chuyện chỉ đơn giản thế thôi.

Cấp lãnh đạo đền thờ đã đạt được mục tiêu. Sự thay đổi lập trường đã hoàn tất. Đám đông đang say máu đối tượng. Cảm tính man rợ chạy qua khắp mọi người. Các câu hỏi khác, các phản kháng chỉ như dầu đổ thêm vào lửa. Họ không ngừng hô lớn: "Đóng đinh nó đi, đóng đinh nó vào thập giá". Nhưng sự việc không ngừng tại đó, nó liên quan đến cả một dân tộc về trách nhiệm riêng của mình, và không chỉ hiện tại nhưng còn vươn tới tương lai: "Hãy để máu nó đổ trên chúng tôi và con cháu chúng tôi". Ghê gớm thật tội lỗi của loài người!

Lời yêu cầu đó sẽ được trả lời trong tương lai. Nhưng lúc này quả là một thảm kịch đối với Đấng đã muốn tụ họp tuyển dân vô ơn "Như gà mẹ ủ ấp con dưới cánh". Ngài đến với họ loan báo sứ điệp hạnh phúc. Nhưng họ phạm thượng và ghét bỏ Ngài. Nếu sứ điệp đó chỉ là một giấc mơ thì đó là giấc mộng an lành và họ đáp trả bằng cái chết độc ác nhất con người có thể nghĩ ra!

Từ nhiều thế kỷ, dân này đã khao khát mong chờ Ngài. Họ được thỏa lòng nhưng lại chẳng nhận ra Ngài là ai! Đấng phải đến đã đến mang theo tất cả mọi ơn lành. Nhưng tuyển dân coi khinh, trừ khử Ngài, tống cổ Ngài ra ngoài thành và giết đi. Ngài đâu được chết ở nội thành như các dân cư khác? Trong khi Ngài chết chúng còn xỉ vả nhạo báng. Ngay cả những kẻ không ở hiện trường để quan sát

Ngài chết, thì cũng ở trên các sân thượng vẫy tay và la hét như quân điên khùng. Và Đức Giêsu ở vị thế cao hơn tường thành, có thể trông thấy những kẻ thù địch, phản bội tình yêu của Ngài.

Trong khi binh lính dẫn Ngài qua cổng Ephraim, những người đã từng đợi ở đó vì nghe tin tức về cuộc hành quyết, lan ra từ đồn Antonia, những kẻ nghe được công thức tuyên án: "Người đầu chuẩn bị thập tự" chắc chắn sẽ gây náo động xôn xao. Bởi vì lúc này là thời điểm họ bày tỏ giận dữ của riêng mình chứ không phải theo yêu cầu hay ước mong của người khác. Sự hồ hởi man rợ sôi sục trong mỗi đầu óc, từ "khổ giá" luôn được nhắc lại trên mỗi môi miệng và từ "máu, xử tử" được nghe lẫn với những từ: "thằng Galilea đó, rabbi, tiên tri dõm, Messia giả hiệu" mỗi khi có trận cười chế giễu nổ ra.

Tùng bản năng man rợ của loài thú tàng ẩn trong con tim được đánh thức dậy. Các con tim phình to lên vì tức giận và hò reo vui mừng trước cái chết của Con Thiên Chúa. Đây sẽ là biểu hiện sống động của đoàn người tương lai thuộc muôn thế hệ thù địch và phản kháng đức Giêsu.

Nó là điềm gở, sự mù tối, chẳng bao lâu nữa sẽ xuất hiện cho dân cư Giêrusalem, hiện đang điên khùng vì vui sướng. Chẳng bao lâu nữa cảm giác rợn người vì khiếp sợ sẽ chạy qua mọi con phố. Trái tim sẽ nặng trĩu hơn chì. Những ai đòi hỏi cái chết của Đấng Cứu Thế sẽ đắm ngực khóc lóc. Đám đông thất thường này rồi sẽ phải đổi thay cảm xúc của mình. Nhưng vấn đề vẫn còn đó. Làm thế nào sự biến đổi mà chúng ta linh cảm sẽ xảy ra? Lời giải thích chung chung không làm thỏa mãn trí tuệ. Liệu nó có phải là một cuộc biến đổi tận đáy chiều sâu của sự việc?

Các nhà thần bí chủ trương rằng: Mỗi cuộc đổ vỡ về luân lý đều có những nguyên nhân ẩn tàng đi trước. Con người sa ngã vì họ bất toàn, cơ hội chỉ góp phần vào tảng đá cản trở. Trong hoàn cảnh này sự bất toàn của con người gồm sự kiện đám đông Do thái lúc ấy thiếu thốn một tinh thần quốc gia nghiêm túc, ăn rễ sâu vào ý nghĩa luân lý và tình cảm tôn giáo chân thật. Họ chỉ có khuynh hướng nghiêng về nghi lễ dị đoan và lòng tò mò thần bí!

Sự thành công của Đức Kitô trong dân chúng là nhờ vào sự thích thú và lòng hăng hái gây nên do các phép lạ, tính quyến rũ của các bài diễn từ, các lời chỉ trích giới cầm quyền làm họ thỏa mãn, vì nhìn thấy cấp lãnh đạo bực tức, vào tính mạnh mẽ tự phát của trí tưởng tượng xưa nay bị giam hãm do các giác mơ phù phiếm, hơn là vào sự gấn bó vững bền của xác tín đầy đủ.

Đám dân này chỉ bị choáng ngợp chứ không bị thuyết phục, tức chưa tâm phục khẩu phục hoàn toàn và họ đã bị thất vọng về những ước mơ vật chất mà không hề thích ứng với lý tưởng thay thế. Nếu Đức Giêsu là một thiên sai chính trị, ủng hộ hào nhoáng bề ngoài, một người ban phát ân huệ vật chất sờ mó được, như lật đổ ách nô lệ Roma, bãi bỏ thuế khóa, trả lại trật tự cũ cho dân tộc, lúc ấy Ngài mới được những dân "cứng cổ" này chấp nhận.

Nhưng mục tiêu và học thuyết của Đấng Cứu Thế không thuộc loại ấy. Đây là lý do tại sao ngay khi tuyên dân trông thấy mong ước ích kỷ của mình bị gạt sang bên, thì họ trở mặt chống lại Ngài. Lòng

hâm mộ trở thành thù địch. Điều Đức Kitô thất bại không làm theo ước mong của họ trở nên mối nguy hại cho Ngài. Đấng Thiên Sai trong giấc mơ của tuyên dân biến thành nạn nhân của Đấng Thiên Sai nực cười trước mắt quan trấn thủ. Đức Giêsu một lần đã từ chối không cho họ tôn lên làm vua, thì bây giờ bỗng thấy mình đội mào gai, cầm cây Sậy. Đời là như thế đó.

Tuy nhiên, hôm nay chúng ta không nên khắc khe với đám đông nhẹ dạ và tàn ác này. Bởi lẽ nhờ họ mà chúng ta có những ngày cuối cùng đầy ơn phúc của Đức Kitô. Có ý kiến cho rằng tuy đòi giết Chúa Cứu Thế, nhưng lúc ấy có thể Philatô không nhượng bộ Sanhedrim. Ý kiến này không vững chắc lắm. Đàng khác, trừ phi do lòng nhiệt thành của đám đông trong cuộc rước kiệu vào thành thánh và sự kiện nổi tiếng của Ngài, lập thành tường lũy che chở Ngài, bằng không Ngài đã rơi vào hoàn cảnh là nạn nhân của chính sứ vụ mình. Điều này là chắc chắn.

Bởi vì rất nhiều lần, sứ vụ của Ngài bị đe dọa cắt ngắn. Sở dĩ các cạm bẫy giăng ra cho Ngài đều thất bại, là vì những cảm tình viên và thánh giả ủng hộ Ngài. Danh tiếng của Ngài chính là đồn lũy bảo vệ. Còn nếu đám dân chúng giữ im lặng, thì liệu các lần trả lời khôn khéo và đầy thuyết phục có thể được thể thượng phong lúc đó không? Còn nữa khi Ngài đui các con buôn ra khỏi khuôn viên đền thờ, thì liệu các thế lực liên hệ chỉ đơn giản bằng lòng với câu chất vấn: "Ông lấy quyền hành nào mà làm điều này?" nếu không có đám đông ủng hộ, thì liệu quý vị đụng đến Đền thờ mà thoát khỏi trừng phạt? Kể cả để tẩy uế nó? Chưa hết liệu quý vị dám can thiệp vào thanh danh và đặc quyền đặc lợi của giai cấp lãnh đạo mà không có nguy cơ bị sát hại ngay tức thời? Lịch sử đã minh chứng nguy cơ là có thật.

Tuy nhiên trong việc này, cũng như các biến cố khác của cuộc Khổ Nạn, loài người chẳng hoàn toàn được tự do hành động theo ý mình, dù là thân thiện hay thù địch. Quân chúng, giống như binh lính, không chủ yếu chịu trách nhiệm về cái chết của đức Kitô. Hành động của con người có trách nhiệm riêng của nó và họ phải trả lời. Nhưng nhờ loài người và các hoạt động của nó mà Đức Chúa Trời điều khiển vũ trụ. Tất cả mọi sự xảy ra trên ngọn Calvario là theo thánh ý Thiên Chúa. Sự nổi loạn của con người nằm trong kế hoạch của Ngài. Lòng căm giận của đám đông biểu lộ tình yêu thương vô bờ bến của Đức Chúa Trời. Trong dòng chảy của các thế kỷ mà hiệu quả của cuộc Khổ Nạn được áp dụng, sự vật lộn của các trí khôn và sự đấu tranh của các lòng muốn chẳng qua là phản ánh của một trật tự bất di bất dịch? Các chương trình của vĩnh hằng được hoàn thành mỹ mãn. Sự ồn ào ở cổng thành Ephraim, và ở mọi thời đại, là của Thiên Chúa, tuy con người gây nên. Đây là chất liệu thứ hai của cuộc Khổ Nạn. Thật tuyệt vời!

* * *

Từ cây thập tự Đức Giêsu không thể nhìn thấy Philatô và Hêrôđê, chỉ trông thấy các dinh thự của họ. Đồn Antonia với những tháp canh uy nghi và lâu đài Hasmonea của Hêrôđê bạo chúa, ở phía tây nam cây khổ giá.

Đức Giêsu luôn khinh bỉ tên bạo chúa loạn luân, kẻ đã hạ sát người anh em họ của Ngài, thánh Gioan Tẩy Giả. Chúa gọi hắn là "con cáo" và thách thức ông ta chấm dứt công việc của Ngài trước thời hạn Ngài quyết định (Lc 13,32)?.

Khi Philatô gọi Ngài sang cho hắn để gỡ mình khỏi tình huống khó xử. Tên bạo chúa xem ra không tỏ thái độ cực cần hoặc lên kế hoạch xử trí với Đấng Cứu Thế. Thực chất hắn là một tay phù phiếm, hài lòng khi gặp Chúa, ngay cả rất vui mừng như Phúc âm thuật lại. Bởi lẽ, từ lâu đã khao khát trông thấy Chúa. Hắn đã nghe đồn nhiều điều về "Ông Giêsu thành Nazareth" (Lc 23,8).

Dầu sao hắn vẫn tập hợp lính gác, có lẽ vì có chút sợ hãi về sức mạnh bí hiểm nào đó. Hay hắn muốn chia sẻ quang cảnh thú vị với các binh sĩ? Ở bất cứ hoàn cảnh nào, điều chính yếu của bạo chúa là muốn xem vài "dấu lạ". Hắn muốn có một tù nhân khá hấp dẫn, giống như đám đông, một Messia vinh quang, ở ý nghĩa này, hắn giống như một thành viên của đám đông ô hợp. Thực tế, hắn là tay liên thoảng. Hắn khởi sự hỏi Chúa rất nhiều điều. Nhưng Đức Giêsu giữ im lặng.

Ồi sự im lặng! Nghiêm nghị như một quan tòa! Quan tòa áp đảo và đe dọa bạo chúa hỗn xược miền Galilea. Ông dạy bảo chúng ta biết tôn trọng sự thật. Vì lẽ Hêrôđê không phải là thẩm quyền tôn giáo, nên Đức Giêsu không có bổn phận giải trình sứ vụ của mình cho hắn. Sự thật chẳng hữu ích chi cho ông vua loạn luân này, vì ông ta không bao giờ thành thật. Phép lạ trước mặt hắn chỉ như một hồi lộ và là sự thử thách Thiên Chúa. Do đó Đức Giêsu không thêm nói với hắn nửa lời. Ngài cư xử khiêm tốn và chịu đựng, không tỏ dấu tích cực tham gia vào câu truyện.

Lúc này Hêrôđê khinh dể Ngài lần thứ hai, và Đức Giêsu cũng có thái độ tương tự. Hêrôđê căm ghét Đức Giêsu một cách ngấm ngấm - con hổ xám cây cựa mình sau bộ lông phù phiếm, nhưng hắn cố gắng che dấu, chỉ bày tỏ lòng khinh bỉ mà thôi, và nghĩ rằng như thế là đủ để chấm dứt cuộc thẩm vấn. Ông ta truyền lấy áo rục rở mặc cho đức Giêsu và trả về cho Philatô, ngụ ý người ngu dại thì mặc áo ấy. Àu choàng rục rở là y phục của hoàng tử mặc trong dịp lễ hội để biểu dương quyền lực.

Phúc âm nói rằng lúc ấy Philatô và Hêrôđê đang có mối hiềm khích. Như một người Galilea, Đức Giêsu là thân dân của bạo chúa. Nhưng Ngài bị bắt ở Giuđêa, nên thuộc quyền tài phán của Philatô. Do đó việc quan tổng trấn gọi Đức Giêsu sang Hêrôđê, không chỉ để tránh một tên tù khó xử nhưng còn là lời giao hòa. Bạo chúa cảm thấy hài lòng và trả lời nhún nhường cho viên thái thú Roma bằng một cử chỉ từ chối hàm chứa vinh dự. Ông ta đã xem xét vấn đề cách nào đó, rồi đáp lễ bằng một cử chỉ khen ngợi. Đây là lý do Phúc âm viết: Từ hôm ấy hai người trở nên bạn hữu.

Dĩ nhiên bạn thân thì hay đùa cợt. Nhưng Hêrôđê không dễ chấp nhận đùa cợt như vậy. Ông ta biết phải cân nhắc thế nào về "vinh dự" mà một kẻ ám đầu ban tặng. Chẳng qua chỉ là trò tiêu khiển để hai bên đùa bỡn với nhau. Trong khi Philatô, một chính trị gia kinh nghiệm, quyết định phải làm chi với tên tù này. Ông ta có quyền làm chi mặc ý.

Và như thế Đấng cứu vớt nhân loại lại trở nên một môn thể thao cho hai ông hoàng phù phiếm. Trong khi đám đông giân dữ cuộn cuộn như đoàn đồng ca cùng họ (Lc 23,8).

Vai trò của Philatô trong vụ việc, quan trọng hơn phần của Hêrôđê, và như vậy ông giữ vị trí nổi bật hơn trong tư tưởng của tín hữu, cũng như của đức Giêsu lúc ấy. Tuy nhiên, Đức Giêsu đối đáp với ông ta rất khoan nhượng. Thực ra người lính Roma này có một phần vụ tiền định trong kế hoạch của Thiên Chúa: Đức Giêsu nói với ông: "Quan chẳng có quyền chi trên tôi, nếu từ trời không ban cho" (Ga 19,11). Liên quan đến vấn đề này, tư tưởng gia Pascal viết: "Đức Giêsu không thể bị giết nếu không có hình thức công lý nào đó. Bởi vì chết trong tay công lý thì xấu hổ hơn chết vì đám đông ô hợp" (Le mystere de Jesus).

Người ta đã thông qua hai bản án. Nhưng chẳng bản nào có giá trị tử hình. Và mọi sự phải theo sát luật pháp để có thể tuyên bố Đức Giêsu phạm lỗi, và bị trừng phạt như một tội phạm. Bởi mục tiêu là Ngài phải thay thế cho nhân loại. Sự thay thế đầy thương xót này sẽ cứu vớt linh hồn người ta.

Tuy nhiên, trong trật tự thời gian của kế hoạch thần linh thì mỗi người vẫn phải chịu trách nhiệm riêng về hành động của mình. Cho nên Đấng Cứu Thế không xóa hẳn lỗi lầm cho Philatô. Ngài chỉ nói rằng: tội của quan không nặng nề bằng tội khác, tội đứng riêng ra một loại, đó là tội trao nộp Ngài, Giuđa đã làm điều đó cùng thế lực đền thờ (Ga 19,11).

Chúng ta trả lại công lý cho quan trấn thủ Philatô khi công nhận ông ta đã nhìn thấy rõ trò chơi của hội đồng Sanhedrim. Những lời đầu tiên họ thốt ra giải bày âm mưu đen tối của họ. Philatô hỏi: 'Các ông tố cáo người này về chuyện gì?' Họ cao ngạo trả lời: "Nếu hấn không làm điều xấu, chúng tôi hấn đã không nộp cho quan". Thái độ kiêu căng hỗn xược của Hội đồng Sanhedrim đã tỏ rõ có điều bất ổn trong hoàn cảnh. Thực ra mọi sự đã được quyết định xong xuôi, họ chỉ chờ đợi xác nhận chính thức của toàn quyền .

Philatô thấu hiểu hoàn cảnh, lúc này ông vận dụng tài khéo để tha bổng người tù. Nhưng cảm tính về công lý của ông ta không ăn rễ sâu. Sự ương ngạnh và bạo động sẽ thắng ông. Tuy muốn làm điều chính trực, nhưng lại không dám liều thân vì công lý, nên nhà chính trị già đời này cũng như những người khác cùng loại, thà nhượng bộ thì hơn. Ông chỉ bênh vực lẽ phải khi không phải trả giá chi cả. Ông sẵn sàng thỏa hiệp để đổi lấy an toàn cho bản thân, hay tin cậy của Hoàng đế Roma. Nhưng đó lại là tội ác khác.

So sánh các sự kiện trong Phúc âm chúng ta có bằng chứng cụ thể. Các thành viên hội đồng Sanhedrim khi được quan trấn thủ yêu cầu nói rõ tội phạm của tù nhân, thì họ đưa ra ba lời cáo buộc: phá hoại an ninh công cộng, tuyên truyền chống nộp thuế và tự xưng là vua. Philatô, vốn là một luật gia sành sỏi và nhà kinh doanh, liền tập trung vào nòng cốt của vấn đề, tức lời tố cáo thứ ba, vì hai cáo buộc trước đều lệ thuộc vào đó cả.

Philatô chần vắn Đức Giêsu. Và ông nhận được câu trả lời rằng vương quyền của tù nhân là một thứ bí nhiệm, tưởng tượng. Cho nên nhà nước không cần quan tâm. Do đó chính trị không buộc can thiệp. Ông ta tuyên bố trong quyền hạn của mình, không thấy bị cáo có tội. Và để củng cố quan điểm đó, ông bắt Đức Giêsu phải lên tiếng trước các thành viên của hội đồng, ngõ hầu làm cho họ bẽn lẽn và lệt mặt nạ âm mưu gian dối họ đang vận dụng.

Đức Giêsu chẳng nói một lời, Philatô ngạc nhiên. Ông ta đã cho tù nhân một cơ hội cứu vớt chiếc đầu mình. Nhưng Đức Giêsu đã sẵn lòng chấp nhận cái chết. Ngài không hề có ý định bảo vệ mình. Công việc của Ngài đã hoàn thành, chỉ còn đợi dấu ấn của Đức Chúa Cha. Yù tưởng tranh cãi về tôn giáo Do thái trước ông quan vô đạo không thích hợp lúc này. Ngài đã nói đủ để soi sáng lương tâm ngay lành và giúp nó tránh thông qua một bản án bất công. Đối với Ngài như thế là đủ, và do đó Ngài giữ im lặng.

Philatô khởi sự khâm phục Đức Kitô. Chẳng mấy bị cáo lại coi rẻ đời mình đến thế. Chẳng ai giữ thái độ cao thượng như vậy. Philatô muốn cứu mạng sống cho "người công chính", như viên sĩ quan của ông gọi ít giờ sau. Và chính miệng ông cũng thốt lên tương tự. Dầu sao thì ông vẫn muốn tha bị cáo này mà không gây căm phẫn hoặc tố cáo ông trước toà án vua thượng vị Caesar.

Philatô thân hành ra nói trước đám đông. Ông ngộ ra chìa khóa của cuộc tranh cãi nằm ở chỗ hội đồng Sanhedrim "ghen tương" sự nổi tiếng của Đức Giêsu và sự khuếch tán các tư tưởng của Ngài, đe dọa ảnh hưởng của họ. Đó là động thái khá lý thú, vì thực ra khó cho những kẻ tố cáo thú nhận ý đồ thật và chống lại lòng muốn của quần chúng.

Nhưng nếu như Philatô muốn thành công, thì điều tiên quyết là ông ta đừng thay đổi cảm tình hiện có của đám đông đối với bị cáo. Và Philatô cố gắng làm đúng như vậy. Trong giọng điệu khinh bỉ ra mặt đối với đám ô hợp Do thái ông cất tiếng: "Các người có muốn ta tha cho các người vua dân Do thái không?" nghĩa là: Ta sẽ làm chi với vua các người? Ta có nên đóng đinh "Vua" các người không? Tất cả những điều này được nói ra với giọng điệu khinh khi, và ông ta sẽ làm, nếu đám đông không trông thấy như thế! Một lời hiệu triệu nhắm vào tình cảm chung có thể cứu vãn được tình thế. Tính mĩa mai may ra làm cho khủng hoảng được tháo gỡ mau lẹ hơn.

Nhưng các thượng tế không để mất thời giờ. Họ chụp ngay cơ hội gián đoạn giữa lời hiệu triệu và cuộc tra hỏi bị cáo, cùng khi Philatô trò chuyện với vợ về giấc mơ, thì họ tích cực vận động lòng say mê của quần chúng. Họ đã khơi dậy tính phù phiếm của nó. Họ tố cáo Đức Giêsu về hàng ngàn việc xấu. Khi Philatô trở lại hiện trường hỏi đi hỏi lại: "Người này đã làm việc chi xấu?" chẳng còn ai ở trong thái độ lưỡng lự. Ngàn người như một đều căm ghét Đức Giêsu như thác vỡ bờ.

Việc gởi tù nhân sang cho Hêrôđê không cải thiện tình thế, ngược lại làm cho ngọn lửa thù hận thêm thời gian để bùng lên thành đám cháy lớn. Việc áp đặt hình phạt nhẹ hơn cũng không giúp ích được chi. Sự nhượng bộ này chỉ làm tan vỡ các cơ hội cuối cùng. Đám đông đã tỏ thái độ liều lĩnh và chiếm lĩnh tình thế ngày hôm ấy.

Thủ tục đánh đòn được thi hành. Nó có nghĩa là Đức Kitô đã bị bỏ rơi vì theo luật lệ, việc này là bước khởi đầu của hình phạt đóng đinh. Philatô thử bước cuối cùng để cố gắng cứu vãn tù nhân, tránh được một tội ác. Ông biết rõ binh lính của mình đã làm chi ở tiền đình toà án và tình trạng nửa sống nửa chết của tù nhân. Ông không khiển trách binh lính vì đó là việc thường xuyên, nhưng hy vọng nó sẽ giúp ông đạt mục tiêu. Ông lại ra nói với đám đông mang theo bị cáo; ông nói: "Hãy nhìn xem người này, vua của các người đó". Nhưng muộn mất rồi. Thật là một sai lầm khi người ta chỉ cho sư tử thấy máu. Đám đông lúc này vượt tầm kiểm soát. Họ gào lên, họ nại đến Caesar!.

Như thế là chấm dứt. Tiếng Caesar có uy quyền vô song. Nó mạnh mẽ hơn tiếng nói của lương tâm, nhất là lương tâm của quan thái thú Philatô. Bây giờ mọi sự đều chống lại Đức Giêsu ngoại trừ công lý. Nhưng công lý chẳng ăn nhằm gì đối với một tên quan lãng tử đầy tham vọng và yếu ớt ý chí, để hẳn có thể khinh thị liên minh ma quỷ, lúc này đã trở thành mối đe dọa cho địa vị của hắn.

Luca kể: "Ông Philatô quyết định chấp thuận điều họ yêu cầu"(23,24). Thay vì là quan tòa ông trở thành người thi hành án. Như vậy tuy chịu trách nhiệm về vụ án, ông đã từ bỏ quyền tài phán và trở nên kẻ đồng phạm vào tội ác. Nhưng ông tưởng mình có thể phủ nhận trách nhiệm bằng cử chỉ truyền lấy nước rửa tay và nói: "Ta vô tội trong việc đổ máu người công chính này. Mặc các người liệu lấy" (Mt 27,24).

Tuy nhiên, việc lèo lái của ông ta thành công một phần. Đám đông nhân danh toàn dân, đã nhận trách nhiệm về tội ác trên chính mình và con cháu về sau. Nhưng họ làm như vậy trách nhiệm vẫn không hoàn toàn thuộc về họ, mà chỉ chia sẻ thôi. Và nó không cất gánh nặng trách nhiệm khỏi vai thẩm phán. Vì không có ông đám đông chẳng thể làm chi nên trò trống.

Còn đối với việc rửa tay thì đó chỉ là phép màu của các bộ lạc bán khai. Người Roma và người Do thái, với một vài thay đổi trong ý nghĩa, đã dùng nó như cử chỉ rũ bỏ tội ác. Philatô tin vào bùa phép rẻ tiền này. Mê tín và hèn nhát thường song hành với nhau. Dầu sao vợ quan cũng có một chút an ủi. Ông ta không làm theo lời bà, nhưng cũng cho bà ấy chút hài lòng: "Em coi đấy, ta vô tội trong vấn đề này. Đám đông đã lãnh nhận mọi trách nhiệm".

Chúng ta không mở rộng tính đê tiện của hành vi như vậy, cũng không nhấn mạnh về tính chất nặng nề của bản án mà Đáng phát xét từ cây thập tự sẽ thông qua nhân danh công lý. Thực tế án quyết của Ngài sẽ đầy lòng thương xót và thương xót giả định tội lỗi. Thứ tội này ghê gớm đến độ Chúa chúng ta so sánh với tội khác để giảm nhẹ tính ghê sợ: "Kẻ đã trao nộp tôi cho quan phạm tội nặng hơn" (Ga 19,11).

* * *

Trước khi xem xét về trách nhiệm nặng nề vượt bậc ấy, và trước khi nhắc tới Giuđa, chúng ta phải kể đến trường hợp của hội đồng Sanhedrim và hai phe đồng phạm Phariseo và Saduceo.

Từ trên khổ giá Đức Giêsu trông thấy những người này. Họ có mặt để ngắm nhìn sự đau đớn của Ngài và thỏa mãn về thành công của bộ máy quyền lực đền thờ. Lòng tự trọng không ngăn cản họ trà trộn vào đám ô hợp, gồm bọn vô lại và binh lính thô lỗ, để mặt sát nạn nhân đang giãy chết.

Liệu say mê của con người dẫn họ xa đến đâu? Liệu đây phải là chỗ để những vị vọng coi mình quá huy hoàng để có mặt? Họ không sợ mất ảnh hưởng vì tỏ bày tính nết đê tiện của mình? Liệu cái chết không phải là nghiêm trọng đối với họ?

Tuy nhiên, cũng có điều chi đặc thù trong thái độ của các thành viên Sanhedrim khiến họ tách biệt khỏi đám đông. Sự mạ lị của họ không nhắm trực tiếp vào đức Giêsu, nhưng được trao đổi giữa họ với nhau.

Họ chẳng cần bận tâm bêu giểu thẳng Đức Giêsu. Người khác sẽ làm việc đó. Người khác mà họ sẽ mớm cho lời chửi rủa "Những kẻ qua đường, những khách tò mò, các binh sĩ tục tằn, hai người trộm cùng chịu đóng đinh." Đó chỉ là số ít tiêu biểu. Lúc này khi khác, vài kẻ trong họ trà trộn vào đám đông sách động bản hợp ca mà họ tổ chức (Lc 23,35): "Dân chúng đứng nhìn, còn các thủ lãnh thì buông lời cười nhạo: Hắn đã cứu người khác, thì cứu lấy mình đi?" và chính trong nhóm tuyển chọn của họ mà lòng ghét bỏ được truyền đi từ kẻ này sang người khác.

Thánh Marcô ghi nhận: "Các thượng tế và kinh sư cũng chế giễu Người như vậy, họ nói với nhau: hắn cứu được thiên hạ mà chẳng cứu nổi mình. Ông Kitô vua Israel, cứ xuống khỏi thập giá ngay bây giờ đi, để chúng ta thấy và tin" (Mc 15, 31, 37). Chúng ta có thể nói rằng họ chuyển can đảm cho nhau. Mỗi người đều cố gắng chứng minh mình tích cực trong nhóm và chứng tỏ cho kẻ khác thấy rõ điều ấy. Tóm lại họ hợp thành một hệ thống khuyến khích lẫn nhau.

Có thể rằng vài thành viên tỏ ra nghi ngờ và hối hận chút ít vì bước đi quá đáng. Chúng ta biết sự kiện này qua việc hội đồng Sanhedrim không hoàn toàn nhất trí. Thí dụ Giuse Arimathia đã "không tán thành quyết định và hành động của thượng Hội đồng" (Lc 23,51). Cho nên một sự phê chuẩn chung cuộc là cần thiết để cho bản án có hiệu lực.

Tuy nhiên, vẫn còn thời gian để duyệt lại bản án. Họ chẳng có thành kiến đâu. Hãy cho ông Giêsu một cơ hội. Với ông mọi sự đều có thể. Vậy thì bây giờ hãy xuống khỏi thập giá đi! Họ sẽ tin vào tài năng và vương quyền của ông. Hoặc cho họ xem thấy như thế và họ sẽ tin. Nhưng họ quên rằng chính Ngài đã ước mong thập giá và cho phép mình ghim vào đó.

Người ta có quyền cho rằng trong những câu nói trên của các tư tế có phần thú nhận quyền phép của Đức Giêsu. Thí dụ họ nói "Hắn đã cứu được người khác" dĩ nhiên họ có ý mỉa mai, nhưng trong mạch văn và các sự kiện trước đó có gợi ý lương tâm họ bất an vì những "dấu lạ" của Ngài. Những dấu lạ này suốt quãng đời rao giảng công khai, Đức Giêsu đã thực hiện khá nhiều. Họ đã chứng kiến các phép lạ, nhưng nhắm mắt lại không muốn nhìn. Họ đã trông thấy bệnh tật được chữa lành, kẻ

chết sống lại. Chính họ cũng đã đòi hỏi: "Hãy cho chúng tôi xem một dấu lạ từ trời" (Mt 16,1). Khi các phép lạ tăng dần, họ tiếp tục đòi hỏi: "Ông làm được dấu lạ nào?" (Ga 6,30).

Lòng tin lệch lạc luôn hành động kiểu này. Chẳng phép màu nào đầy đủ cả. Càng thỏa mãn người ta càng đòi hỏi thêm. Từ chối thẳng thừng sự trừng phạt bằng sự trì hoãn bất tận. Linh mục tội giáo Renan bắt buộc rằng phép lạ phải được thực hiện trước mắt ông ta và trước mặt các khoa học gia họp thành hội đồng thẩm định và lặp lại nhiều lần theo lệnh của ông ta để xét định? Như vậy, ông có ý khóa chặt mình khỏi xác tín vào khả năng thiêng liêng. Phép lạ không được phép làm áy náy lương tâm ông ta.

Sanhedrim Do thái đã chia sẻ trước quan điểm của Renan. Hãy nhìn vào Đấng Thiên Sai, bốn chiếc đinh khá chắc chắn và quý vị muốn chúng tôi chấp nhận các dấu lạ của ông ta ư? Nếu ông ta là thiên sai thật, thì ông dễ dàng khẳng định mình bằng chứng có hiển nhiên và chung cuộc này! Chà, kẻ phá huỷ đền thờ Thiên Chúa và trong ba ngày xây dựng lại, hãy cứu mình đi! Nếu ông ta thực sự là Con Thiên Chúa, hãy xuống khỏi giá gỗ để chúng ta tin. Hẳn tin cậy Đức Chúa, hãy để Ngài cứu thoát nếu Ngài yêu thương hẳn. Bởi lẽ hẳn nói: Ta là Con Thiên Chúa, thì cứ cứu mình đi, nếu thật là Kitô, kẻ Thiên Chúa tuyển chọn? Nếu ông là Đấng Kitô hãy cứu lấy mình và chúng ta nữa".

Câu cuối cùng này phát ra từ một trong các thập giá bên cạnh Đức Giêsu hòa điệu với những kẻ đang thét gào ở mặt đất, hoặc với lời thì thầm của các tư tế với nhau. Nhưng nguồn gốc vẫn là một. Mệnh lệnh mạ lị ném vào Đức Giêsu đang chịu khổ hình kèm theo lắc đầu, một cử chỉ Do thái bày tỏ mỉa mai cay độc và thích thú tàn nhẫn. Đây là hai trạng thái tình cảm nổi bật ở ngọn đồi Calvario. Túc chế giễu cách kiêu căng và muốn ngiên ngầu vì căm thù.

Đức Giêsu trên khổ giá không trả lời lúc này, trong khi còn hy vọng cứu sống. Những thách thức đối với Ngài không mới. Ngài đã nghe thấy như vậy ngay ở khởi đầu sứ vụ rao giảng, từ Satan mà người Do thái chỉ là thủ hạ. Hẳn cảm dỗ Ngài: "Nếu ông là Con Thiên Chúa, hãy gieo mình xuống đi" (Mt 4,6). Nhưng phép lạ ấy phục vụ mục tiêu nào? Lúc này nữa nếu Ngài giải thoát mình thì vì mục đích chi? Chỉ để tỏ ra rằng Ngài chẳng thể cứu rỗi nhân loại ư?

Ngài sẽ làm một phép lạ lớn lao hơn nhiều, khó khăn hơn là chỉ tụt xuống khỏi giá gỗ hoặc bước ra khỏi nắm mồ? Từ lâu rồi Ngài đã cạnh khốe dấu chỉ Giona cho kẻ thù mình nghe. Giona là một ngôn sứ người Do thái quen thuộc và phép lạ choáng ngợp con mắt tương lai đến nỗi các tông đồ coi mình như đón nhận một sứ mệnh đã đầy đủ là trở nên chứng nhân cho nó mà thôi.

Thật hữu ích nếu chúng ta tìm hiểu, như Philatô vừa làm, vào lý do của cuộc đối đầu giữa Chúa Giêsu và các lãnh đạo đền thờ, mà kết thúc là cây thập tự. Chúng ta vừa bàn đến những nguyên nhân cấp lãnh đạo tôn giáo chia sẻ với đám đông, mặc dầu kiến thức của lãnh đạo sâu sắc hơn, lực học của họ cũng tốt hơn, nhờ đó họ tránh được các sai lầm thô kệch mà đám đông mắc phải. Tuy nhiên họ còn có những ẩn ý khác mạnh mẽ hơn nhiều.

Để lượng giá cho đúng, chúng ta phải xem xét họ là ai? Cấp lãnh đạo, gọi cho đúng, thì gồm thượng hội đồng Sanhedrim đồng thời là tòa án, ban cố vấn và nghị viện. Họ chia thành phẩm trật, thứ nhất gồm thượng tế năm đó, các cựu thượng tế và họ hàng gần của họ, các gia trưởng của những gia đình tư tế lớn. Loại thứ hai: Tiến sỹ luật, những người có học. Loại thứ ba các kỳ mục, là những tư tế hoặc giáo dân thường, không thuộc về hai loại trên.

Sanhedrim tuyển chọn thành viên của mình ở hai đảng phái lớn trong dân lúc ấy. Nhưng không theo tỷ lệ ngang nhau. Hai đảng này hiện đang chia rẽ đất nước Do thái: Đảng Saducêo và đảng Pharisêo.

Đảng Pharisêo còn gọi là biệt phái hay biệt lập. Gọi như vậy vì họ nhiệt thành, muốn giữ lề luật tinh ròng, biện giải tinh tế và cơ hội chủ nghĩa (chờ lật đổ ách thống trị Roma). Họ cứng rắn trong chính trị đối nội và khinh miệt ngoại bang. Họ là kẻ thù lớn của đế quốc Roma. Họ trông mong Đảng Thiên Sai, nghiêng về tinh thần, tin vào thiên thần, hồn thiêng và bất tử.

Ngược lại, đảng Saducêo vật chất, giàu có và thiếu số. Họ không yếm thế, ưa tìm khoái lạc. Họ đại diện cho giới thượng lưu kiêu căng. Họ chỉ nhận 5 sách lề luật, gạt bỏ bình giải và tất cả mọi truyền thống của Pharisêo, chẳng quan tâm chi về Đảng Thiên Sai. Họ thích ứng với luật Roma. Chính sách của họ là sống hoà bình với ngoại bang. Như vậy bạn hữu của họ là Philatô, Hêrôđê, vua chúa La mã. Quần chúng khinh miệt phái Saducêo này. Trong khi có cảm tình với Pharisêo, bởi nhiều ấn tượng về lòng đạo đức bên ngoài và học thuyết cao siêu của đảng đó.

Người phú hộ trong các dụ ngôn xem ra là đại diện cho phe Saducêo, sau một cuộc sống hưởng thụ ích kỷ, ông bừng tỉnh dậy thấy mình ở một thế giới khác mà ông ta không tin có và vì thế không chuẩn bị chi cả.

Tuy thường phân rẽ nghiêm trọng, nhưng trong vụ án Đức Giêsu họ liên minh chặt chẽ vì một lợi ích chung hay vì một âm mưu lớn. Người Saducêo chống đối Đức Giêsu vì lý do chính trị. Họ cho rằng Ngài phá hoại ảnh hưởng của họ và đặt quốc gia vào nguy hiểm. Đây là thái độ của Caipha: "Các ông không hiểu gì cả. Các ông cũng chẳng nghĩ đến điều lợi cho các ông là: thà một người chết thay cho dân còn hơn là toàn dân bị tiêu diệt" (Ga 11,49). Người Saducêo không ưa thích những tranh luận về học thuyết, trừ phi nó liên quan đến nếp sống của họ.

Ngược lại về điểm thứ hai này người Pharisêo chống đối Chúa Giêsu. Họ tán công Ngài chủ yếu về lề luật Môsê mà trước mắt họ đang bị giáo lý của Chúa đe dọa. Họ là tín hữu tinh ròng và Đức Giêsu đang làm hư hỏng quần chúng. Họ có một truyền thống bất di dịch mà họ tuân theo hơn cả lề luật. Đức Giêsu lại chẳng màng chi đến truyền thống ấy. Hơn nữa Ngài chất vấn tính luân lý của các tập tục.

Thí dụ Ngài không tuân thủ sự thanh tẩy theo nghi thức, trà trộn với kẻ tội lỗi và các Publicanô chủ nhân các nét xấu công khai. Ngài và các môn đệ cũng không ăn chay, giữ ngày Sabbat theo luật

định. Nhóm Mười hai còn bút lúa trong ngày Sabbat. Đúng Ngài thuộc về Satan, là thủ hạ của Beelzebub, vị thần của dân Accaron.

Suốt cuộc sống công khai Đức Giêsu bị đảng Pharisêo chống đối mãnh liệt. Kẻ ôn hòa nhất cũng không thể thỏa hiệp với thái độ loan báo sứ điệp trẻ trung vĩnh hằng của Ngài vào thế giới tôn giáo bảo thủ hiện hành. Phần đông họ tấn công vũ bão về mọi mặt. Còn phe Saducêo đứng ngoài quan sát mà thôi, dù đôi khi cũng tham gia tích cực.

Và rõ ràng Đức Kitô cũng không nhẹ tay đối với họ. Giáo lý của Ngài không hề dung hòa với các tư tưởng của họ. Hành vi của Ngài không đếm xỉa đến các tập tục cổ truyền. Sự đối kháng mà Ngài vạch ra giữa luật mới và luật cũ chỉ gây thêm thù hận, và họ cũng không rút ra bài học từ những lời sau đây: "Ta đến không phải để phá huỷ nhưng để kiện toàn".

Ngài tuyên bố có quyền tha tội, coi mình như người chủ của ngày sabbat, cho phép người ta gọi mình là Mêssia, con vua Đavít, con Đức Chúa Trời và những tước hiệu phạm thượng tương tự. Nhưng nhất là nhiều lần Ngài xúc phạm nặng nề đến cấp lãnh đạo của dân riêng. Ngài đã sỉ nhục họ bằng những tố cáo đầy khinh khi đến nỗi người ta chỉ còn chờ đợi trả thù bằng thập tự.

Thí dụ Ngài tuyên bố: "Anh em phải cẩn thận, phải coi chừng men Pharisêo và Saducêo" (Mt 16,6) là những kẻ giả hình (Lc 12,1). Ngài mô tả họ như quân đạo đức giả. Dân ngoại và dĩ điểm sẽ vào nước trời trước họ. Ngài còn so sánh lời cầu nguyện khoe khoang của họ với lời ăn năn thống hối của người tội lỗi công khai. Một người ra về được tha thứ, người khác bị lên án. Ngài chế giễu cách ăn chay, mặc áo choàng, nối dài tua áo, đeo thẻ kinh mà lòng dạ xấu xa. Họ viết mười điều răn thành khẩu hiệu nhảy múa trước mắt, nhưng chẳng ảnh hưởng chi đến nếp sống hàng ngày. Tôn giáo là nguồn thu thập lợi tức, là quyền được ngồi chỗ nhất. Họ kinh doanh Nước Trời. Lòng yêu lẽ luật thực chất chỉ là hình thức điên cuồng, vụ chữ nghĩa, bề cong tinh thần. Họ tự coi là người canh công thiên đàng và bán vé, nhưng không vào và những ai muốn vào họ ngăn cản. Họ là "lãnh đạo mù của các kẻ đui", tất cả đương nhiên sẽ rơi xuống hố sâu.

Như vậy sau nhiều giai đoạn trong ba năm rao giảng. Đỉnh cao của hận thù, đã đến hồi kết thúc bằng ba ngày khổ nạn. Trong những ngày cuối cùng này, chúng ta được nghe Đức Giêsu gay gắt kết án cấp lãnh đạo đền thờ. Ngài nhắm thẳng vào những kẻ canh giữ nó: "Khốn cho các ngươi, hỡi các kinh sư và người Pharisêo giả hình! Các ngươi rửa sạch bên ngoài chén đĩa, nhưng bên trong thì đầy những chuyện cướp bóc và ăn chơi vô độ các ngươi giống như mồ mã tô vôi, bên ngoài có vẻ đẹp, nhưng bên trong thì đầy xương cốt người chết, và đủ mọi thứ ô uế đồ mưng xà, nòi rắn độc, các ngươi trốn đầu cho khỏi án phạt hỏa ngục?" (Mt 23,25,27,33).

Sau lời nguyện rửa là một cuộc thách thức mà không ai có thể lẫn lộn ý nghĩa: "Ngài nhắm thẳng vào cá nhân các thủ lĩnh tôn giáo đưa ra bằng chứng cha ông họ đã sát hại các tiên tri và bây giờ họ cộng tác vào tội ác ấy bằng cách xây dựng mồ mã cho các vị: "Các ngươi tự làm chứng rằng các ngươi đúng là con cháu của những kẻ giết các ngôn sứ, thì các ngươi đồ thêm đầy đầy đầu tội ác của tổ tiên các

người đi. Như vậy, máu của tất cả những người công chính đã đổ xuống đất, thì cũng đổ xuống đầu các người, từ máu của ông Abel, người công chính, đến máu của ông Dacaria, con ông Berecgia mà các người đã giết giữa đền thánh và bàn thờ. Tôi bảo thật các người: tất cả những tội ấy sẽ đổ xuống đầu thế hệ này" (Mt 23,31-32; 35-36).

Chúng ta có thể tưởng tượng rằng ngôn ngữ như vậy sẽ là bản án tử hình cho tác giả: Có lẽ từ đó chống đối của cấp lãnh đạo Do thái đã hình thành chính thức. Tiến trình luật pháp chỉ còn đợi thời gian. Đó là lý do từ nay về sau Phúc âm luôn nhắc đến Phariseô, Saducêo như đại diện của thượng hội đồng Sanhedrim, tức các thầy thượng tế cho Saducêo, và các kinh sư cho phe Phariseô. Kỳ mục, thuộc cả hai phe.

Ý kiến của phe thứ nhất ảnh hưởng nặng ký trên người Roma cầm quyền, bởi vì phe này ủng hộ ngoại bang, thêm vào đó họ giữ quyền lực tôn giáo. Mặc dù họ thường gặp rắc rối với phe Phariseô khi thi hành quyền lợi này. Phariseô nắm được lòng tôn trọng của quần chúng hơn. Do đó chúng ta dễ hiểu trước toà án Philatô, các thượng tế giữ vai trò then chốt. Sự bức tức của họ xấu xa nhất vì là sự tức giận phạm thượng và ích kỷ nhất.

Sự nổi giận của họ mãnh liệt đến độ xem ra không có hình phạt nào đủ dã man để thỏa mãn những tâm hồn như bản và cay đắng này, nòi rắn độc hôi thối này đều là những tên khát máu. Bộ mặt tô vẽ của chúng hằm hằm sát khí. Ba năm qua họ luôn tìm kiếm trừng phạt ông Giêsu: Chiến thắng của họ phải được ghi dấu bằng một khổ nạn không gọi được tên.

Cộng thêm vào phần thưởng Barabbas cho ngày lễ, họ còn đòi hỏi cái chi? Còn vận động quần chúng cho mục tiêu nào?

Có lý do mà sợ rằng hình ảnh "đóng đinh" trong tưởng tượng của chúng ta chưa tương xứng, hãy còn mờ nhạt. Hình ảnh quen thuộc của Chúa Cứu Thế chịu đóng đinh được khắc đẹp đẽ trên vàng bạc, ngọc trai, ngà voi, đồng chì. Những tác phẩm nghệ thuật cao, những ảnh vẩy đeo cổ làm cho người coi sợ hãi, chưa đủ để mô tả cơn giận dữ la hét: Đóng đinh nó đi. Đóng đinh nó vào thập giá!

Đối với quyền bính Roma, hình phạt thập giá là xấu hổ và tàn bạo nhất mà luật pháp áp dụng. Nó được dành riêng cho các nô lệ bên dưới phẩm giá con người. Đối với người Do thái, lẽ luật chẳng biết chi về hình phạt này. Họ ghê tởm nó như sáng kiến của dân ngoại và giận ghét những người nào mắc phải nó. Sự giận ghét lan đến cả gia đình, đến nỗi họ khinh bỉ gọi là thằng chịu đóng đinh. Nạn nhân phải lột hết quần áo cho thêm phần hổ thẹn. Chúng ta không thể nghĩ Chúa lại phải chịu hình phạt đó. Đáng mặc cảm bào bằng ánh sáng nay chịu trần truồng vì tội lỗi chúng ta. Nhưng sau vài giờ ngỡ ngàng và bối rối sẽ có bàn tay nào đó lấy vải bọc thân xác ấy với lòng kính cẩn. Luật pháp Do thái không cấm cản việc này. Thực tế tập tục vẫn cho phép như vậy. Chúng ta biết dưới chân thập tự có Đức Maria và mấy phụ nữ thánh thiện.

Nhưng cần chi phải hạ nhục thêm Đức Giêsu bằng hai thập tự nữa bên cạnh giá gỗ? Đáng lý giá gỗ phải là ngai tòa vinh hiển của Ngài. Baraba đã được ưu ái hơn vua cả trời đất. Và như thế Ngài bị liệt vào hàng các tội nhân. Một tên tội phạm không đủ để sỉ nhục Ngài nên phải cần đến hai. Hoặc giả đội hành quyết sắp xếp như vậy để đỡ tốn thời gian. Đức Giêsu bị coi rẻ đến mức ấy, chẳng còn chút phẩm giá nào trước mặt thế gian. Vì ai? Dầu sao tuy động cơ và người thực hiện thế nào đi chăng nữa thì sự phi báng Ngài vẫn là một.

Thập ác, xét như một thứ hình phạt, là phát minh của Satan chống lại Đức Giêsu. Có lẽ thiêu sống còn đỡ ghê gớm hơn. Đàng này nạn nhân bị ghim chặt vào cây gỗ nhờ bốn cây đinh sắt vuông. Mỗi cây dài phỏng hơn mười phân, đâm sâu các bàn chân, tay, nơi dày đặc dây thần kinh nhạy cảm và các mạch máu tươi. Những thần kinh chủ bị đau đớn nhiều nhất. Đớn đau truyền đi khắp thân thể.

Trái với tưởng tượng phổ thông cho rằng có cục gỗ đỡ móng, thực tế hai bàn chân Chúa bị đóng thẳng vào thân cây gỗ, đầu gối cong lên chút ít để gan bàn chân tiếp xúc bằng phẳng với thân cây. Như vậy gây nên chuột co rút khắp thân thể. Hơn nữa khi dựng thập tự lên, toàn sức nặng của thân xác dồn vào bốn vết thương ấy. Nếu như có cục gỗ đỡ nâng thì cũng chẳng thoải mái hơn vì đau đớn dồn hết vào các vết đinh đóng.

Ở vị trí bắt buộc của thân xác, người ta tự động uốn người ra khiến các cơ bắp căng thẳng thêm, mục tiêu là cố gắng thay đổi tư thế cũ của thân thể. Các bắp thịt co rút mạnh gây đau đớn toàn thân. Hậu quả là thêm những cơn đau đớn mới thay vì được dễ chịu hơn.

Nạn nhân cảm thấy kiệt sức rất nhanh sau những cố gắng như vậy, nhưng không làm sao hồi phục được. Càng bị treo lên càng kiệt quệ, nhưng không thể ngắt đi, hoặc rơi vào hôn mê, thứ thuốc an thần tự nhiên. Ở trường hợp bị đóng đinh, hôn mê không xảy ra vì các dây thần kinh liên tục bị kích thích, đau đớn liên tục gây cho trí óc căng thẳng. Thật là hình phạt quái ác mà loài người nghĩ ra để hành hạ nhau.

Lồng ngực bị co thắt đặc biệt ở tư thế luôn giang thẳng cánh tay. Các cơ bắp bả vai luôn ở vị trí căng hết cỡ làm cho nạn nhân muốn uốn người lên hơn để lấy thêm hơi thở, coi thật tội nghiệp. Chẳng có cái ác nào ghê gớm hơn. Nạn nhân chết dần dần vì thiếu dưỡng khí. Trái tim đập nhanh nhưng yếu ớt vì hoạt động quá sức. Máu không đủ tưới toàn thân. Buồng phổi dư thán khí, thiếu Ôxy và cơ thể tích lũy chất thải. Bài tiết tự động là phổ biến nơi những nạn nhân bị đóng đinh lâu giờ. Nếu nạn nhân cố nín nhịn thì các cơ bắp bị kích thích ghê gớm. Đầu óc co bóp mạnh truyền lệnh bài tiết, và gây nên cảm giác "triều thiên" ào so sánh với mào gai thật ngoài da đầu.

Thớ thịt và gân cổ chịu đựng tối đa sức nặng của cái sọ, buộc nạn nhân phải gục đầu về phía trước. Thân xác luôn ở vị thế treo tòng teng. Những cái lắc đầu phản xạ gây nên cho vòng gai nhọn xé nát da thịt. Tất cả những hiện tượng đó hợp lại thành những cơn co thắt thân thể không chịu đựng được. Tuy nhiên chẳng làm thế nào tự giải thoát.

Cũng không nên quên cái khát kinh hồn, cháy da cháy họng vì chảy máu nhiều và thiếu nước. Đây là mặt khác của cuộc hành hạ khổ giá. Đức Giêsu chẳng được uống chút giải khát nào từ bữa tiệc ly. Nói đúng từ lúc bị bắt vào nửa đêm cho đến lúc này, ba giờ chiều thứ sáu. Ngài chẳng được nhấp môi một giọt nước mát, lại mất máu nhiều. Các cơn sốt nóng sốt rét nối tiếp nhau triền miên, gồng mình chịu đòn vọt, mồ hôi máu vã ra như tắm mà không khát nước thì là phép lạ. Ngoài ra chân tay bị xiềng xích, bị bêu giếu từ nhà Caipha, Anna, Philatô, vai vác khổ hình đi quãng đường dài cả nửa cây số, leo dốc núi sọ. Hỏi ai có thể chịu đựng những nỗi khổ nhục ấy mà không khát nước? Ngài từ chối dùng thuốc an thần các phụ nữ Giêrusalem đưa cho theo thói quen. Thêm vào đó là khí hậu oi bức lúc ban trưa ở đất thánh.

Những cơn khát trên thập tự khiến miệng Ngài há hốc, thờ hỏn hển gây nên khô các màng nhầy cổ họng. Nội tạng bị kích thích nặng nề. Mạch máu toàn thân cạn dần, thiếu máu, thiếu chất dinh dưỡng, khô cạn sức lực là điều hiển nhiên.

Chúng ta có thể phỏng đoán thân thể Ngài không còn chảy máu được bao nhiêu. Các vết thương chân tay mình mảy vón dần lại và khô đi. Nhưng cảm giác vẫn không dễ chịu hơn. Bởi lẽ số máu còn lại không đủ lượng để làm tươi mát toàn thân. Có một loại chảy máu khác mà các thầy thuốc cổ điển gọi là chảy máu vì đau đớn. Tức sự cạn kiệt của thần kinh so sánh với cạn kiệt thể lý làm cho nạn nhân từ từ yếu đi như thể bị hành hạ cùng cực, rồi chết.

Đến đây chúng ta mừng tượng được tại sao người xưa coi thập giá như "chiếc giường kinh hoàng" và tại sao khi chiêm ngắm Đức Giêsu trên thánh giá thì nhiều nhà thần bí la toáng lên vì thương cảm. Trong hoàn cảnh này tình yêu rất nhiều "sáng kiến" để biểu lộ mình, ngõ hầu người được yêu cảm nghiệm những nỗi quặn đau của kẻ yêu mình, để họ kiên trung tuyệt đối với tình yêu.

Đây là trường hợp của tác giả bài "cờ vua cả" (Vexilla Regis) ông đã thấu triệt nỗi đau ấy và chêm vào bài mấy câu thơ thảm thiết cầu khẩn cùng thánh giá: "Rũ cành xuống hỡi cây cao bóng cả, giãn thớ ra cho thân cứng hóa mềm, như chiếc giường vừa trải nệm ấm êm, chờ vua cả đến đặt mình nằm xuống" (PVGK). Những lời trên phản ánh sự phản kháng của một trái tim yêu mến. Nó là câu đáp cho lời than vãn của Đấng chịu đóng đinh mà thánh vịnh 21 nói lên:

*(15) Tưởng mình như đã tan ra nước.
Toàn thân con xương cốt rã rời,
Con tim đau đớn bồi hồi,
Mềm như sáp chảy toi bời ruột gan.*

*(10) Nghe cổ họng khô ran như ngói
Lười với hàm dính lại cùng nhau,
Chón tử vong Chúa đặt vào,*

(17) *Quanh con bày chó đã bao chặt rồi
Bọn ác đó trong ngoài vây bủa,
Chúng đâm con thủng cả chân tay,*

(18) *Xương con đếm được vẫn dài,
Chúng đưa cặp mắt cứ hoài ngó xem*

(19) *Áo ngoài mặc chúng đem chia chác,
Còn áo trong cũng bắt thăm luôn.*

Những tư tế thượng phẩm ở đền thờ Giêrusalem có trái tim chó sói. Chúng chẳng bao giờ thương xót ai nên có hành động như vậy, mất hết tính người, như những bạo chúa ở Đông Phương, chặt đầu quân thù xong thì liếm lưỡi kiếm. Thánh vịnh 56 viết: "Nanh vuốt chúng là đầu tên mũi giáo, lưỡi thì sắc bén tựa gươm đao" (c.9) Thánh Augustinô thêm: "Tuy chân tay không cầm vũ khí, nhưng miệng lưỡi họ phóng ra những chiếc dao giết chết Đức Giêsu".

Thực tế đây là một cuộc trả thù đẫm máu. Đức Giêsu đã mạt sát họ không tiếc lời, đánh đòn họ bằng "tình yêu mạnh mẽ hơn sự chết", nhưng linh hồn họ chẳng phải chịu đựng chi cả. Ngài không thuộc về họ, cho nên họ trừ khử Ngài. Họ nghĩ rằng làm như vậy là cứu vãn quyền lợi đặc biệt của mình. Thực chất lời cuối cùng của Chúa chưa được nói ra, thì các quyền lợi thế gian đã chấm dứt, rơi vào cạn kiệt để rồi khi Ngài tắt thở là lúc nó tiêu vong vĩnh viễn.

Nhưng liệu chúng ta dám nghĩ rằng họ không được cứu rỗi vì tính cứng đầu cứng cổ? Liệu họ có bị loại trừ khỏi ơn ích thứ tha của Ngài? Không hẳn vậy: "Thưa Cha, cả những người này nữa, xin tha cho họ". Đức Kitô không bỏ rơi ai, vì ngay cả những lý hình đáng kính này, theo nghĩa nào đó, cũng chẳng biết việc mình làm. Họ không biết hết chiều dài, chiều rộng, chiều cao, chiều thấp của tội ác mình phạm. Mặc dù theo thâm tâm độc địa của họ, tội ác xem ra to lớn, nhưng họ chẳng hiểu thấu nó nặng nề đến đâu. Nó bao trùm toàn vũ trụ.

Liệu họ có nhìn thấy rõ cuộc sống và sự kết án của Đức Giêsu đối với họ như chúng ta ngày nay, sau hơn hai ngàn năm? Chúng ta được học hỏi về đời sống, cái chết, tình yêu, vinh quang của Ngài vậy mà vẫn đóng đinh Ngài. Thật khó cho họ, nếu không có ơn soi sáng để nhận ra sự thật, để tin vào Đức Giêsu, khi Ngài rao giảng ở đất Palestine, hơn là ngày nay Ngài tỏ hiện ra như vua vinh hiển và uy quyền.

Bằng chứng là tuy các thế lực đền thờ xem thấy các phép lạ Chúa Giêsu làm nhưng vẫn không nhận ra quyền năng của Ngài, chỉ vì đối với họ Thiên Chúa không thể ẩn dấu dưới hình dạng một người thợ mộc thấp hèn. Họ sống trong đức tin lệch lạc của truyền thống. Họ cần đức tin đúng đắn hơn để có thể dần thân tin kính. Như chúng ta, họ nghiêng về xác thịt cụ thể, nhưng lại không được mạc khải trợ giúp. Hơn nữa, định kiến nặng nề của họ ảnh hưởng lẫn nhau không có lối mở ra. Cho nên, chẳng ai dám xác định lương tâm họ sai lầm đến mức độ nào? Tội ác của họ ngay tình đến đâu?

Đức Giêsu là một nhà cách mạng, điều này rõ. Nhưng cuộc cách mạng của Ngài buộc người ta phải chấp nhận đơn giản, không bàn cãi, nghi ngờ và chấp nhận với một cái giá đắt đến độ gây nên phản kháng, chống đối, hận thù. Việc này cho người ta khả năng chạy tội. Nếu Đức Kitô, Đấng thấu suốt mọi tâm hồn, Đấng lượng định chính xác, sẽ không thất vọng khi nhận ra trong họ có lý do để xin Cha Ngài tha thứ, lý do mà chính Ngài cũng vì đó mà thứ tha cho họ.

* * *

Sau khi bàn bạc xong phần nổi về đám đông độc ác, thay đổi, hèn nhát, hỗn xược. Lúc này chúng ta đi vào phần chìm của tội ác, tức bí mật của tấn thảm kịch: "Giuđa". Hắn là hiện thân của màu nhiệm sự dữ. Tin Mừng luôn khẳng định Giuđa thuộc nhóm Mười hai. Thánh Gioan Kim Khẩu cho biết hắn người miền Kerioth, bằng không, chẳng ai biết chi về tung tích của hắn.

Kerioth thuộc xứ Giuđea. Như vậy gốc gác của Giuđa khác với các tông đồ còn lại, là người Galilea. Nhưng ông cũng được Đức Giêsu kêu mời trong trường hợp tương tự và đã nhập bọn ở chân núi sau khi Chúa cầu nguyện.

Dầu biết hết mọi sự, nhưng Chúa không khước từ Giuđa. Ngài chẳng nói: "Thôi đi, anh không bền vững đâu, cho nên chấp nhận anh là vô ích, có khi mang họa vào thân". Sự quan phòng thần linh luôn liên hệ trực tiếp với tự do của con người, không huỷ hoại nó, ngược lại tôn trọng để chúng ta tự do lựa chọn. Hình như tự do có khả năng trói buộc cánh tay của Đức Chúa Trời. Dù dưới sự quản trị của Thiên Chúa, linh hồn vẫn tự do hành động như thể độc lập, tựa như con cá tự do bơi lội trong ao, dù nó bị nước ao hạn chế. Con người vẫn lệ thuộc vào kế hoạch của Đức Chúa Trời như các thụ tạo khác.

Giuđa giữ vai trò khá quan trọng trong nhóm Mười hai. Hắn là thủ quỹ giữ tiền bạc người ta dâng cúng để mua lương thực cho nhóm và phân chia cho những kẻ nghèo khó. Như vậy hắn được Thầy và anh em đặc biệt tín nhiệm. Nhưng thánh sử Gioan phê phán một câu: Giuđa là tên ăn cắp.

Tuy nhiên tên ăn cắp gắn bó với Thầy không phải là chuyện bình thường, phải có chi đặc biệt. Thói thường nét xấu này nảy sinh từ nét xấu khác. Lòng tham của hắn đâu phải chỉ là tiền bạc, nó phát sinh từ đối tượng khác mà chúng ta sẽ khảo sát sau. Tham lam tiền bạc chỉ là biểu hiện nhỏ. Đọc kỹ Phúc âm, chúng ta nhận ra Đức Giêsu luôn nghi ngờ ách thống trị của tiền bạc. Sau này thánh Phaolô gọi là thờ ngẫu tượng. Chắc chắn Đức Giêsu chẳng để ai tham lam. Nhóm 12 vì thế chẳng có nhiều tiền của để nuôi dưỡng lòng tham của Giuđa. Phải có nội dung nào đó nơi Đấng sáng lập nước trời để Giuđa kỳ vọng vào. Dĩ nhiên tiền bạc vẫn là đáng kể. Bởi lẽ quyền bính đi liền với lợi lộc. Hắn theo Chúa lúc này, để chờ cơ hội thuận tiện đạt mục tiêu khác, khi Ngài tỏ hiện vinh quang.

Tuy Giuđa là con người tham vọng trần tục, giống như các tông đồ khác. Nhưng không bộc trực như Gioan, Giacôbê, những kẻ đã qua miệng mẹ để xin Đức Giêsu: "Tôi muốn Thầy ban cho các con tôi một đĩa ngồi bên tả, một đĩa ngồi bên hữu Thầy trong nước của Thầy". Hình như Giacôbê và Gioan

còn trẻ tuổi. Giuđa đã trưởng thành nên khôn khéo hơn. Ông ta muốn đoạt vị trí cách tinh xảo hơn trong hàng ngũ các tông đồ. Trước hết ông cần sự tín nhiệm của Thầy. Ông nhiệt thành với Thầy bao nhiêu tùy vào tình thế đòi hỏi, không cần nổi bật. Khi quyền lực của Thầy đủ lớn, triển khai ý đồ vẫn chưa muộn. Hẳn sẽ chọn lựa đường lối riêng để làm việc ấy và đạt mục tiêu.

Giuđa tin vào Đức Giêsu, trông thấy nơi Thầy khả năng dẫn mình tới danh vọng và lợi lộc. Ông ta phục vụ Chúa với tham vọng riêng. Hẳn đặt ván bài số phận chung với Đấng Thiên Sai. Mỗi cá nhân trong tuyến dân Do thái đều mong ước như vậy. Trường hợp của Giuđa không đi ra ngoài não trạng ấy. Ông góp sức với Thầy vì mục tiêu riêng.

Các tông đồ còn lại không khác Giuđa bao nhiêu. Họ áp ủ ảo tưởng tương tự. Nhưng khác ở chỗ họ thật tình yêu mến Thầy. Từ đầu lòng gắn bó của họ là quảng đại và nếu cần, vô vị lợi. Đối với Giuđa không thể như vậy. Ông cần một địa vị chứ không phải chỉ đơn giản yêu mến Thầy. Điều này tỏ rõ khi chứng kiến Magdala hoang phí dầu thơm trong nhà ông biệt phái Simon. Ông ta không nhận ra ý nghĩa và mục tiêu của việc ấy vì thiếu lòng yêu mến Thầy, ông đưa ra lời bình phẩm: "Tại sao lại phí phạm như vậy?".

Lời ấy biểu lộ chân tướng thật của Giuđa, quá tầm thường ti tiện, quá tham lam, thiếu tình bạn hữu, bên dưới lòng kính trọng Thầy, bên dưới cả tình huống chung của tục lệ Do thái. Người cao thượng không suy nghĩ như ông. Như vậy chúng ta đoán được sau này ông sẽ hành xử ra sao giữa nhóm Mười hai? Mục tiêu của nhóm này như Thầy chỉ bảo là cuộc sống thanh tao, lý tưởng cao siêu, luân lý tuyệt vời. Làm sao Giuđa chia sẻ? Khi mộng đã vỡ, phản bội là phần chắc chắn.

Các Phúc âm đều nhấn mạnh, Giuđa thuộc nhóm Mười hai. Nhưng lòng trí ông ta khác hẳn, không cùng tinh thần, không cùng mục tiêu. Nghĩa là không thuộc về nhóm, chỉ theo Thầy bề ngoài mà thôi, còn tình cảm, lý tưởng, ý chí là của riêng ông. Ông không cùng chí hướng với Thầy. Ông có mặt trong nhóm với ý đồ riêng, chỉ cá nhân ông biết, đó là ăn cướp nước trời. Nghề nghiệp của ông mà, cho nên thánh sử Gioan gọi ông là tên ăn cắp. Tưởng không ngoa. Ông muốn biến lời rao giảng của Đức Kitô thành nguồn lợi riêng. Lúc này ông hãy tạm bớt xén công quỹ và chờ đợi cơ hội cách kiên nhẫn.

Nhưng lòng kiên trì của những con người như vậy thường chầm dứt đột ngột. Bởi ông đang trông thấy sự nghiệp của Thầy và nhóm 12 tiến tới khúc quặt đổ vỡ. Thầy trò đã tiến gần đến Giêrusalem, tình hình càng lúc càng trở nên bi thảm và đường lối của Thầy không còn là lý tưởng của ông nữa. Bài giảng trên núi đã phân nào làm ông thất vọng. Lúc này lại liên tục nói đến tai họa gần kề. Chúng như những nhát gươm nhỏ đâm vào tham vọng của ông. Chúng ta có thể tưởng tượng nghe ông nói trong lòng: "Ta ngu xuẩn biết bao, tham gia vào một chương trình tiêu cực. Thầy hứa hẹn tương lai huy hoàng, nhưng tương lai chẳng thấy đâu, chỉ thấy đe dọa và phiền hà. Người ta bảo nên niêm phong số phận lại. Thôi xin từ giã ông Thầy ầm đầu, luôn đề cập đến đau khổ và chết chóc. Xin từ biệt vương quốc bánh vẽ của ông ta!"

Ở trên, chúng ta bàn đến dân Do thái thất vọng về Chúa Giêsu và thái độ thay đổi của họ. Sự phản bội của Giuđa sẽ góp phần đẩy nhanh tiến trình. Nghĩa là ông ta làm tệ hại hơn tình hình. Giuđa đi từ thất vọng đến cay đắng, từ không yêu mến đến bực bội, từ bực tức đến làm phản. Tâm lý của hần luôn bị dồn ép kích thích tư tưởng phản bội, nhưng làm sao đây? Thú nhận công khai thì xấu hổ và bị chê cười, kết cục là hần căm thù cộng đoàn nhỏ bé của Đức Giêsu.

Như vậy chúng ta hiểu ra câu trả lời cho nghi vấn nổi lên trong trí óc khi tìm biết lý do con quái vật trong người Giuđa, tại sao hần phản bội Thầy và các bạn về mặt tư tưởng? Linh mục M.Loisy nói: Giuđa khó mà chấp nhận con đường thú lỗi. Kẻ hèn nhát này làm thế nào đủ can đảm đối mặt với tình huống? Ông ta thà phản ứng bằng một hành vi bi ối, hơn lý luận ngay thẳng.

Đúng vậy, Giuđa không thể rời bỏ Thầy và các bạn mà không gây lộn xộn, khủng hoảng. Hần đã dẫn thân quá sâu đậm vào vòng trong của nhóm và đã hòa hiệp với hoàn cảnh quá lâu dài. Điều chi xảy ra nếu tự dưng tách rời khỏi nhóm không lời giải thích, khi ông đã mang danh là tông đồ của Đấng Mêssia? Ông không còn lý tưởng nữa, mà đã trở nên kẻ thù của cả hai Israel cũ và mới. Của Israel cũ khi mang danh tông đồ của Đức Giêsu, mới khi phản bội Ngài và các bạn. Cũ khi đối kháng với thượng tế, luật sĩ, Phariseô. Mới khi vỡ mộng toan tính chống lại Thầy mình và các bạn đồng liêu.

Lối thoát duy nhất cho hần mà hần có thể tìm ra là lật lọng. Nếu nhìn theo hướng đó, người ta nghĩ đây đúng là một cám dỗ ghê gớm. Nó hằng tấn công hần ngày đêm. Lấy một ví dụ cho dễ hiểu: cả hai đạo binh thù địch đối diện nhau lập thành mặt trận. Một binh sỹ muốn đào ngũ thì làm thế nào? Hần không thể đơn giản buông súng chạy sang bên kia giới tuyến. Phải tìm một lối thoát phức tạp hơn. Giuđa cũng vậy lối thoát của hần là bán đứng Thầy và các bạn, để tỏ ra nhiệt thành với giới tuyến mới. Sau khi đã phản bội Thầy và sát nhập vào hàng ngũ địch, hần phải chứng tỏ mình đầu hàng thực sự để xóa đi mọi nghi ngờ của phe địch, tức lấy lại uy tín bằng chứng cứ cụ thể.

Giuđa hành xử đúng tâm lý ấy. Các thế lực đèn thờ dứt khoát quyết định tiêu diệt Đức Giêsu. Giuđa biết rõ như vậy. Đức Giêsu cũng biết. Vấn đề đã minh bạch đủ, không còn lưỡng lự hoặc nghi ngờ. Chỉ đợi cơ hội là hành động. Thám tử đã sang cầu, ráo riết tìm nội công. Tại sao không nắm lấy cơ hội để dễ dàng đổi hàng ngũ? Nhờ đó hần sẽ dễ dàng gỡ mình ra khỏi hoàn cảnh bất đắc dĩ và lấy lại tương lai bằng cách liên minh với phe địch, đập đổ tan nát cái vương quốc tưởng tượng của ông Giêsu?

Xưa nay người ta vịn có 30 đồng tiền bạc để giải thích động cơ của Giuđa. Nhưng thiết nghĩ không đủ. Ba mươi đồng tiền bạc chẳng là chi, chỉ đáng giá một tên nô lệ, hay bình dầu thơm của Magđala mà Giuđa chỉ cho là tiền hoang phí. Vậy thì có đủ nặng ký để Giuđa đưa đến hậu quả vô lường?

Khó mà tin như vậy. Hơn nữa nếu bỏ tình cảm ra ngoài, thì Giuđa còn gặp một khó khăn khác. Tính mạng của hần bị đe dọa nếu không có con đường an toàn hơn. Đúng vậy, liệu kiên trì lâu la đến thế để phơi mình ra nguy hiểm vì 30 đồng? Không thể có chuyện như vậy. Ba mươi đồng chỉ là lý do phụ. Động cơ chính phải là tính nết nhỏ nhen trong bản lãnh con người Giuđa, vốn xưa nay tối tăm.

Trong một số người, ngay cả ở trường hợp bội phản vẫn còn dấu vết của kiêu căng. Người ta phải để ý lắm mới nhận ra. Nó tỏ lộ tất cả sự hèn hạ, nhưng dưới hình thức thông thường, đúng hơn tầm thường. Bản chất mưu mẹo của Giuđa xuất hiện lúc này giống như thời còn ngấm ngầm: Ty tiện, tham lam, thô lỗ. Khi nhận 30 đồng bạc, hắn suy tính tiêu dùng như thế nào cho hợp lý nhất.

Trong bữa tiệc ly ở phòng trên lầu, Đức Giêsu chằm miếng bánh trao cho Giuđa như ám hiệu nói lên bản lĩnh của hắn. Sử gia Gioan viết: "Nhận xong miếng bánh, Satan liền nhập vào Giuđa" (Ga 13,27). Thánh Gioan Kim Khẩu nhận xét: "Satan đi vào chỗ dành sẵn cho hắn". Đáng đáng kính Bêđa thêm: "Đây là lần thứ hai, lần đầu là khi Giuđa làm quyết định phản bội. Ngày hôm hắn đồng ý trao nộp Đức Giêsu thì Satan nhập vào linh hồn hắn như vào ngôi nhà tạm, lần này như nhà riêng của mình".

Liệu người ta được phép nói Satan đã ở trong linh hồn Giuđa từ lâu rồi? Bởi hơn một năm trước lúc nhân bánh lên nhiều, Đức Kitô ám chỉ Ngài là bánh trường sinh của nhân loại và những ai ăn bánh Ngài ban mới có sự sống muôn đời. Giuđa đã hé lộ ý nghĩ đen tối của mình. Ông đồng tình với đám đông, phản đối ngầm trong bụng: "Lời này chói tai quá, ai mà nghe được?". Bây giờ ngày 13 tháng Nisan hắn đứng dậy rời khỏi bàn tiệc Thánh Thể là lẽ đương nhiên. Thánh Gioan bình luận thêm: "Quả thật ngay từ đầu Đức Giêsu đã biết những kẻ nào không tin và kẻ nào sẽ nộp Người. Cho nên Ngài nói tiếp: Chẳng phải Thầy đã chọn anh em là nhóm Mười hai sao? Thế mà một trong anh em lại là qui" (Ga 6,65-71).

Như vậy chỉ ít là một năm, Đức Giêsu đã giữ trong nhóm Mười hai một môn đệ mà Ngài đã từng vạch mặt. Tuy nhiên vẫn đối xử bình thường như mọi người, không chút phân biệt, vẫn gọi hắn là "bạn hữu", vẫn soi rọi vào linh hồn hắn ánh sáng siêu nhiên, ban cho đầy đủ ân huệ và đặc quyền. Nhưng hắn không hề ăn năn.

Vào những ngày còn hăng hái Ngài đã sai từng hai môn đệ đi trước vào những làng mạc sửa soạn đường lối cho Ngài, ký thác cho họ bí mật nước trời tùy vào lượng định của Ngài để họ công bố cho thiên hạ. Ngay chiều hôm qua Ngài còn rửa chân cho Giuđa. Ngài hy vọng được lợi người môn đệ làm lạc bằng cử chỉ khiêm tốn cực kỳ. Nhưng Giuđa lại tự tách mình ra khỏi nhóm và tình yêu của Ngài, bất chấp lời mời gọi và đối xử dịu dàng. Cử chỉ làm chúng ta nhớ lại: "Cây lau bị giập, Ngài không hề bẻ gãy, tim đèn leo lét, chẳng nở giập tắt đi" (Is 42,3).

Thái độ của Đức Kitô đối với Giuđa hoàn toàn là của Thiên Chúa đối với từng linh hồn, từng nhóm người, từng cộng đoàn và hết thảy loài người không loại trừ một ai, lòng kiên trì lạ lùng cho tới giai đoạn tận cùng. Con người tự niêm phong số phận mình, quay lưng lại với lời mời gọi của Thiên Chúa. Địa ngục là như vậy.

Tuy kiên nhẫn với Giuđa, nhưng Đức Kitô không thụ động đợi chờ. Ngài đã nghiêm nghị cảnh cáo nhiều lần. Ngôn từ "qui" Ngài dùng một năm trước đó không nhẹ ký chút nào, dù nó chẳng xác định rõ một ai, nhưng là lời mời gọi Giuđa nghĩ lại và ăn năn. Hôm qua ngôn ngữ đau buồn không kém:

"Anh em đã sạch, nhưng không phải hết thảy". Một lời mời gọi khác: "Một người trong anh em sẽ phản bội Thầy". Chưa hết, còn lời ám chỉ nữa trong câu: "Đã hẳn, Con Người phải ra đi như đã ghi chép, nhưng khôn cho kẻ trao nộp Ngài" (Mt 26,24). Lòng Giuđa chai đá quá, còn chúng ta?

Đến giây phút cuối cùng Đức Giêsu vẫn lịch thiệp. Khi mười hai môn đệ ngỡ ngàng trước lời tiết lộ của đức Giêsu, họ hỏi nhau: "Ai trong nhóm lại toan làm điều ấy" (Lc 22,23) và từng người đều sợ cho bản thân và không dám nghi ngờ kẻ khác, thì giữa đức Giêsu và Giuđa không còn bí mật nữa. Tuy nhiên Ngài vẫn bình thản gọi Giuđa là "bạn" và cảnh cáo hẳn rằng ý đồ đã bị bại lộ. Phải chăng Thầy có ý ngăn cản không để hẳn hành động và đưa về con đường hối cải, thú nhận và chê ghét tội ác ghê gớm của mình? Dầu sao vẫn còn thời gian và cơ hội.

Cuối cùng Ngài phán bảo hẳn: "Việc chi bạn dự tính làm thì hãy làm mau đi". Nhưng thay vì ăn năn, quì xuống dưới chân Thầy xin lỗi, Giuđa đi vào đêm tối. Và dấu hiệu: "Hễ tôi hôn ai thì đó là người, các anh hãy bắt trói ngay" xem ra được dàn xếp trước vào lúc Giuđa rời phòng tiệc ly. Một sự phản bội trơ trẽn và cương quyết. Lòng người ghê gớm và tội tệ thật, chọn dấu hiệu yêu mến mà trao nộp Thầy. Chúng ta lấy bài học này mà răn bảo mình.

Phản bội vốn là nỗi đau đớn tinh thần của các bậc quân vương. Thời gian dài Đức Giêsu đã từng ném trái nó. Đêm nay Ngài lại được ném mùi vị đắng cay của nó. Chúng ta có thể mừng tượng hình thức cuối cùng của nó là Giuđa ôm hôn mặt Thầy. Thật quá cay độc và giả dối, đến nỗi ở các lần khác Đức Giêsu chỉ giữ im lặng, nhưng lần này Ngài phải bật lên lời bình phẩm: "Này bạn, bạn đến đây làm gì thì cứ làm đi" (Mt 26,50). Chúng ta có thể thêm "Việc chi phải giả dối". Đúng vậy Đức Giêsu nhìn thẳng vào mặt tên phản bội nói: "Giuđa ơi, bạn dùng cái hôn mà trao nộp Con Người sao?" (Lc 22,48).

Ôi hãy để con người phản trắc suy nghĩ về hành vi của mình trước lời nài nỉ của Thầy. Hãy coi xem ai nài nã anh ta? Hãy để tấm lòng chai đá của con người ấy tan chảy thành dòng suối nước mắt ăn năn như Magđala dưới chân Chúa. Hãy để trái tim lầm lạc ấy trở lại vị trí môn đệ Chúa như trước, dù là dưới chân thập tự mà ông đã dựng nên. Thánh giá cứu chuộc mà Đức Giêsu bằng lòng chịu ghim vào, treo lên, bị sỉ nhục, nhạo báng và chết vì linh hồn ông ta, ngõ hầu nhờ máu huyết của Ngài, máu chính ông làm đổ ra, ông được cứu vớt. Hãy thúc giục Giuđa hồi lại quyết định của mình vì còn thời gian. Người con hoang đàng ấy sẽ được nhận trở lại vào gia đình thánh thiện đang hình thành. Người cha của gia đình, sau ba ngày khổ nạn, sẽ phục sinh liên kết mọi thành viên vào thân thể màu nhiệm của mình. Giuđa sẽ được ăn thịt bê béo, mặc áo tốt nhất, sờ sờ vào tay, đi giày mới, và mạnh dạn nói lên: "Lạy Thầy chí thánh, thưa Cha yêu dấu. Con đã lỗi phạm đến Cha và với Trời, xin đối xử với con như tôi tớ vậy."

Nhưng đó chỉ là ước mơ. Thực tế, hẳn đóng chặt cửa lòng và thi hành kế hoạch. Lúc nhận ra hậu quả bằng con mắt thật thì đã quá muộn. Hẳn bị choáng ngợp bởi tính ghê gớm của tộc ác mình phạm.

Tội của hắn là lạm dụng lòng tín nhiệm của Thầy và đồng liêu suốt ba năm trường. Lúc này đáp trả bằng âm mưu bí ối, còn đẩy nhanh tiến độ, kết thúc cuộc đời Thầy, bạn thân của mình, bằng tạo cơ hội thuận tiện cho kẻ thù. Đúng lý họ còn đang lưỡng lự vì sợ dân chúng. Ông ta đã mở toang con đê chặn lòng căm ghét của quân địch, để nó được tự do hoành hành như dòng thác vỡ bờ. Lúc hắn rời căn phòng trên lầu, thì cái chết của Thầy khởi sự. Hắn đưa nốt nhạc lạc điệu vào bài diễn từ cuối cùng của Thầy. Thầy nói thương yêu, hắn nói hận thù. Hắn đứng dậy ra đi để trao nộp vị tôn sư đáng kính vào chôn tử vong. Sau khi đã ném vị tinh tế, ngọt ngào, cao siêu, quảng đại, bao dung nhất của tình yêu thần linh, hắn chọn cái hôn giả dối để chỉ điểm làm dấu hiệu cho mưu mẹo phản bội. Cái hôn vốn là biểu hiện của tình yêu. Ôi xưa nay lòng dạ con người vẫn thế.

Nhiều học giả Thánh Kinh so sánh Giuđa với Gio-ab, một tay cầm râu Amasa hôn, tay khác rút dao đâm vào sườn Amasa (2v 20,9) (người Do thái cổ và ngày nay người Ai-cập, Ba Tư có thói tục khi hôn thì cầm râu). Giuđa, không trực tiếp đâm Đức Giêsu, ông sợ làm việc đó, nhưng gián tiếp khi dẫn các vệ binh đền thờ đến bắt Thầy. Ông nói: "Các anh bắt lấy và dẫn đi cho cẩn thận" (Mc 14,44).

Mặt khác, làm như vậy ông công hiến cho nhân loại một ích lợi lớn lao không xiết kể. Ông đã tăng tốc công trình cứu rỗi nhanh chóng và hiệu quả hơn. Sự phản bội của Giuđa khuyến khích tín hữu đền bù tội lỗi và lãnh nhận kho tàng tình yêu. Một giáo phụ suy gẫm: "Đây là một cuộc trao đổi có lợi cho chúng ta: Giuđa bán Chúa, người Do thái mua và nhân loại được lợi Đấng Cứu Độ". Giáo phụ khác viết: "Bởi lẽ Giuđa rao bán Chúa, chúng ta hãy mua bằng giá trái tim mình".

Tuy nhiên, những tư tưởng đạo đức trên không thay đổi chi trong ý nghĩ và trách nhiệm của Giuđa. Công việc của hắn vẫn vậy. Đức Giêsu trước mặt Philatô cho biết đó là tội ác nghiêm trọng hơn tội của quan. bởi vì phạm thánh hơn và dứt khoát nhất. Lúc này Giuđa trông thấy thực tế đó và ghê tởm, nhưng quá muộn.

Khi Đức Giêsu bị kêu án tử hình, xem ra Giuđa Kerioth muốn rút lui khỏi công việc mình làm, nhưng vẫn không ăn năn theo ý nghĩa của từ đó. Ông chỉ muốn chối bỏ hậu quả của hành động. Số tiền trong túi đang thiêu đốt tâm hồn hắn. Lương tâm bị bóp nghẹt vì tham vọng của hắn là lời tố cáo ngấm ngấm chống lại hắn, vì đã trao nộp Thầy cho các thế lực đền thờ lúc này trở nên nổi ám ảnh không nguôi. Hắn trở lại với thượng tế nói: "Tôi đã phạm tội ác trao nộp người ngay lành, khiến người phải chết". Rồi mang trả ba mươi đồng tiền bạc với hy vọng họ buông tha cho Thầy". Nhưng vô ích, đời nào họ buông tha con mồi hằng mong ước loại trừ? Họ khinh bỉ nói với hắn: "Can gì đến chúng tôi? Mặc kệ anh" (Mt 27,3).

Thế là hắn thất vọng, ném số bạc vào đền thờ và đi thất cổ tự tử, thâm tâm không hề ăn năn. Tuyệt vọng là không tránh khỏi. Tâm lý chung của các đệ tử Giuđa là như vậy, sợ hãi và chạy trốn, ngay cả không gian vô hạn cũng không đủ chỗ cho họ trốn. Cho nên tự tử là giải pháp hay nhất. Hắn xa lánh đền thờ, thành thánh, thiên hạ và bản thân. Hắn chẳng còn chút hy vọng nào cho nên không thích sống nữa. Người ta lượm số tiền lên và mua một thửa ruộng gọi là ruộng giá máu (Haceldama) cho đến ngày nay. Nó vĩnh viễn làm biểu tượng cho tội ác của Giuđa.

Thật bất hạnh cho linh hồn khôn nạn ấy. Còn hy vọng chi khi cậy nhờ cùng các thượng tế thay vì Chúa Giêsu. Liệu họ có phương được cứu chữa hẳn? Đúng là ngu xuẩn khi tìm địa ngục chữa lành cho linh hồn mình? Địa ngục làm chi có bác ái? Chẳng có người cha nào ở đó mà đón mừng hẳn trở về! Liệu giữa bầy sói khát máu mà tìm được ơn cứu vớt? Căm thù và tàn nhẫn là được liệu băng bó trái tim bị tổn thương nặng nề ư? Bây giờ thiên hạ vẫn vậy.

Phúc âm kể rằng Giuđa ân hận nhưng không hối lỗi. Nghĩa là thay vì chạy đến người cha duy nhất đón nhận hẳn và làm cho hẳn an lành, thì hẳn tự mình giải quyết bằng cách cậy nhờ đối phương. Hẳn muốn rũ bỏ con quái vật nơi bản thân mà không gắn bó với Đức Kitô? Hẳn bất mãn với chính mình mà lại không tin nhiệm vào Thiên Chúa của niềm vui? Muốn uống nước trong lành để tẩy rửa linh hồn như bản mà lại khước từ nguồn mạch nước trường sinh. Cho nên không ai lấy làm ngạc nhiên khi chứng kiến hẳn treo cổ tòng teng bên vệ đường, vì hẳn quá cô đơn và sợ hãi. Nhưng đây lại là tội ác khác, tội cuối cùng của hẳn. Thánh Matthêu kể: "Giuđa ra đi thất cổ" (27,9).

Trong con mắt của Đức Giêsu Kitô mọi tội đều được tha thứ. Điều này tỏ rõ nơi người trộm lành. Khi nhận ra sự sống đang ở gần kề. Hẳn hối cải ăn năn và chạy đến sự sống đó bằng lòng đơn sơ chân thành. Hẳn mắng anh bạn phạm thượng: "Mày đang chịu chung một hình phạt, vậy mà cả Thiên Chúa mày cũng không sợ. Chúng ta phải chịu như thế này là đích đáng, vì xứng với việc đã làm, còn ông này, ông có làm gì xấu đâu? Rồi quay sang Đức Giêsu anh ta thưa: "Ông Giêsu ôi khi ông vào nước của ông, xin nhớ đến tôi" (Lc 23,40-42).

Giọng nói của anh trộm lành thân thiện như nói với bạn hữu trong đau khổ, bất hạnh, và Đức Giêsu cũng đang chịu đóng đinh như hẳn. Cho nên chúng ta được phép tưởng tượng: "Này ông bạn cùng cảnh ngộ, xin chấp nhận lòng thống hối của tôi và khiến tôi trở nên người anh em trong vinh quang nước Ngài".

Liệu trái tim dịu hiền của Đức Giêsu có thể từ chối một lời yêu cầu như vậy? Lời yêu cầu chứng tỏ lòng tin thác và đổi đời? Người Do thái đáng thương hại này chỉ nghĩ trong đầu về thứ vinh quang Nước Trời mà truyền thống vẫn tin Đấng Thiên Sai cung cấp. Nhưng sự tha thứ của Chúa Giêsu quá rộng rãi, quá dạt dào quảng đại nên Ngài nói với hẳn "hôm nay ngươi sẽ ở thiên đàng với Ta".

Đó là đường lối của Đấng Cứu Thế. Ngài chờ đợi chỉ có vậy và đáp ứng tức thời khi có dấu hiệu ăn năn. Ngài không cần đắn đo suy nghĩ. Ôi lòng thương hải hà của Thiên Chúa. Đức Giêsu thêm ngay một danh tánh mới vào di chúc hấp hối và trao sự giàu có Nước Trời cho ông đạo chích khét tiếng nhưng biết hối cải.

Dưới đây là bài học về Giuđa: Trong con mắt nhân lành của Vua Cứu Thế, chẳng có chi mà không được cứu rỗi, trừ thái độ dứt khoát chối từ. Bởi vì nó là phạm thượng tuyệt đỉnh. Nó chối bỏ Thiên Chúa nhân lành vô biên, nghĩa là bất tín nhiệm sâu thẳm vào lòng nhân lành của Đức Chúa Trời, một sự phản bội tàn nhẫn đối với tình yêu Chúa, một vắng bóng hoàn toàn tình yêu. Nó đồng hóa với hư vô.

Kết luận là: Giuđa không hề yêu mến Chúa Giêsu, cũng chẳng thương yêu ai. Hoàn toàn ích kỷ, do đó hoàn toàn cô đơn. Hắn không yêu thương Thầy nên dễ dàng bán Thầy, phản bội Thầy. Hắn không hề có tình yêu nên khi đã ném trả tiền, thì đi thất cổ tự tử. Hắn muốn chối từ tội ác vì nó cắn rứt lương tâm quá khủng khiếp. Chính miệng hắn thú ra: "Tôi đã trao nộp người vô tội". Hắn tự gớm ghét mình mà không ăn năn. Tự ghét mình có thể là phương thuốc hữu ích nếu biết liên kết với tình yêu Thiên Chúa. Nhưng cũng có thể là sát nhân khi đứng cô đơn. Nó có khả năng chữa lành và ngược lại, huỷ hoại ghê gớm không quyền lực nào ngăn cản nổi.

Giuđa sau khi thất bại, không hiểu biết trái tim Chúa Giêsu vì chẳng hề yêu mến Ngài, chỉ tính toán tư lợi, nên tự thân không tìm đâu ra trợ giúp. Hắn kêu cầu hỏa ngục và hỏa ngục khước từ. Hắn kết luận mình chẳng còn chỗ đứng giữa nhân loại, lạc lõng và cô đơn, tất yếu là treo cổ tự tử. Hắn tự huỷ hoại bản thân vì chẳng còn chút hy vọng. Sáng thứ sáu hôm ấy, thân xác hắn lơ lửng giữa trời và đất giống như Đức Kitô trên thập tự mấy giờ sau. Nhưng ý nghĩa khác nhau: Giuđa lạ lẫm với trời cao và trái đất khước từ hắn. Hắn tách trời và đất. Còn Đức Giêsu kết hợp trời đất thành một. Ngài thuộc về trời nhưng gắn bó với trái đất. Đây là đề tài chúng ta cần suy nghĩ nhiều hơn và áp dụng cho bản thân mình.

Bởi lẽ ơn cứu độ và tha thứ phát xuất từ thánh giá nhuộm đẫm khổ đau. Cho nên Đức Giêsu không hề nguyên rủa Giuđa, cũng chẳng ác cảm và hận thù. Ngài bỏ mặc Giuđa "đi vào chỗ của nó" như lời sách Công vụ. Câu văn nhẹ nhàng nhưng ý nghĩa đê mê sợ. Bởi Giuđa đã dứt khoát chọn lựa chốn ấy thay vì đồi Calvario.

Hữu hình hay bằng tâm trí, mười một tông đồ khác đều hiện diện dưới chân thánh giá. Tất cả đều cùng một tấm lòng. Nhưng Giuđa chẳng liên kết với họ giây phút nào, vì hắn có bao giờ liên kết đâu? Đức Giêsu không nhìn thấy hắn. Ngài buồn rầu quên bằng người môn đệ phản trắc. Gương mặt quặn đau nhưng thánh thiện của Ngài thôi không tìm kiếm nữa. Hắn đã cao chạy xa bay vào chỗ của hắn đời đời kiếp kiếp. Đức Giêsu không nhớ đến "đứa con của sự hư mất" nữa.

CHƯƠNG 9

NGÔI MỘ

Khi Đức Giêsu vác thập tự vượt qua cổng thành Ephraim là bước vào cuộc tử đạo thực thụ. Các vị tử đạo thường bị xô đẩy ra pháp trường. Lúc ấy điều trước nhất họ nhìn thấy là hàm sư tử, còn Đức Giêsu ngôi mộ của mình. Cái miệng của nó há hốc như lời ông Gióp: "Hơi thở tôi đã cạn, ngày đời tôi đã hết, một nắm mồ đang chờ đợi tôi" (17,1).

Tuy nhiên qua nó, Ngài nhìn thấy một viễn tượng huy hoàng. Ngài được quyền nói như Đavít tỏ phụ mình: "Vì Chúa chẳng bỏ mặc tôi trong cõi âm ty, không để kẻ hiểu trung này hư nát trong phần mộ.

Chúa sẽ dạy con đường về cõi sống. Trước thánh nhan, ôi vui sướng tràn trề. Ở bên Ngài hoan lạc chẳng hề vơi" (tv 15,10-11).

Có một biểu tượng đẹp đẽ về nấm mồ nói chung. Ngôi mộ của Chúa Giêsu chỉ cách thánh giá chừng vài chục mét. Đau khổ và sự chết là hai mặt của thực tại con người. Đau khổ hạ thấp con người. Sự chết tàn phá họ. Nhưng nơi Đức Kitô, hai mặt đó liên kết để nâng phẩm giá người ta lên. Để lên trời con người phải qua ba giai đoạn: Thập giá, nấm mồ và thiên đàng.

Người Do thái thường chọn khu vườn thuận tiện để lập nghĩa trang. Thường thì ở ven đô thị. Một nghĩa trang có rất nhiều mộ. Một số tồn tại cho đến hôm nay và chúng ta dễ dàng tìm thấy cũng như quan sát cách thức người thời xưa chôn cất xác chết. Số khác không còn nữa. Các lỗ đặt xác thường được đục thẳng vào sườn núi đá vôi. Người Israel cổ ít khi xây dựng, họ đào bới nhiều hơn. Như vậy công trình của họ có nhiều không gian và bền bỉ. Đây là lý do tại sao các nghĩa trang ở Palestine vững bền hơn các nhà cửa, lâu đài. Nhiều dấu tích cổ xưa bây giờ còn có thể tìm ra nhờ vào các hang hốc trong đá. Có những bậc thang dẫn lên các hang động.

Vào thời Chúa Giêsu kỹ nghệ đào bới đặc biệt phát triển. Điều này dễ hiểu và nhờ vậy chúng ta ngày nay còn tìm thấy dấu vết nhiều kiểu trang trí kỹ thuật La mã - Hy Lạp. Nhiều tiêu biểu còn có thể tìm ra ở thung lũng Giosaphat hoặc trong vùng Aboud, Tibneh và nhiều nơi khác. Các học giả kinh thánh có thể tham quan, học hỏi, tìm hiểu trên các mảnh vụn tư liệu sống động. Nó nói lên nơi chốn, kết cấu cổ xưa, tiện cho việc suy tư.

Bề ngoài của các mộ chí rất đa dạng, từ đơn giản như một lỗ chôn cho đến phức tạp nhiều tầng lớp, chung quanh có hào lũy và đôi khi có mái vòm. Giữa hai thái cực ấy, là kiểu cách trang trí: Vòng hoa, đường gờ, thập tự, cột giả, hoa lá, hình cuốn, trụ giả biểu lộ lòng kiêu căng, xa hoa, đạo đức hay khiêu thăm mỹ của chủ nhân.

Nhưng hầu hết các mộ mà đều có khu tiền sảnh. Đó là một khoảng đất trống trước mộ có mái che. Trước là hàng cột hay sân rộng, sự xếp đặt cuối cùng này về sau cần thiết khi lập mộ trên một triền núi khá dốc như ở Golgotha. Sân trước tiền sảnh là mảnh đất bằng, thuận tiện cho gia đình tụ họp hay một mình suy tư. Phía tường bên trong có cửa thấp dẫn vào lỗ chôn hoặc vào một phòng tiền đường ăn thông với gian phòng nữa hình vòm chứa ghế dài bằng đá, giá gỗ, kệ...

So sánh các chi tiết trong Phúc âm với khảo cổ, họa đồ, người ta có khả năng hình thành ý niệm chính xác về ngôi mộ Chúa Giêsu mà Giuse Arimathia đã đào, và tình trạng nguyên thủy của nó ra sao.

Đường đi xuống mộ là một rãnh hào, khá dài vì thế đất thấp dần. Chiều dài dần dần ngắn hơn khi chiều sâu gia tăng. Từ ngưỡng cửa mộ cho tới tiền đường thế đất thấp hơn, người ta lập những bậc bậc thang. Phía trước mặt là cánh cửa thấp dẫn đến phòng tắm niệm. Nghi thức này gồm: tắm rửa

xác, xác thuốc thơm và cầu nguyện. Lui xa hơn là một cánh cửa khác cũng thấp mở vào lỗ an táng. Lỗ là một cái hang vòm khung đục vào tường bên phải để đặt xác.

Chẳng hiểu bức tường đó còn dành để đục nhiều lỗ chôn khác nữa không, nhưng khả năng thì còn nhiều. Đây là điểm thuận lợi của hệ thống vì có thể thêm đến vô tận bằng cách tiếp tục khoét vào triền núi mà không làm thiệt hại chỗ chôn cũ.

Phần nền của lỗ hang được khoét trũng xuống một chút. Chiếc gối bằng đá đặt ở phía đầu, dấu vết này ngày nay vẫn còn. Người chết phải được dễ chịu để có thể yên giấc sâu. Cả hai gian phòng nhỏ đều thấp hơn cửa vào, để rằng nơi đặt xác ở độ sâu hơn. Phòng thứ nhất đặt một chiếc ghế dài bằng đá hình bán nguyệt và ở giữa có khoảng trống để đi lại xúc dầu. Phòng bên kia là lỗ hang chôn. Người ta đưa xác vào hang nhờ giá đỡ.

Còn việc đóng mở hệ thống mộ thì dễ dàng tưởng tượng. Khi các phụ nữ trên đường đi tới mộ, họ đã hỏi nhau: "Ai sẽ lăn tảng đá ra khỏi cửa mộ giúp chúng ta đây?" (Mc 16,3). Tảng đá các bà nói đến hình phiến đá cối xay, nặng cả tấn. Ngày nay vẫn thấy nơi các mộ vua chúa, các Hêrôđê, ở Abougoch Nablus và nhiều nơi khác. Tảng đá ở mộ các Hêrôđê còn nặng hơn. Tảng đá ở mộ thánh "lớn lắm" (Mc 16,4).

Xin tưởng tượng tiến trình mở, đóng mộ: Phía ngoài lối vào có khoét một cái rãnh, để nhận tảng đá khi nó được đẩy ra, đóng vào. Khi đóng tảng đá ăn khít vào tường cũng nhờ rãnh và đứng tại chỗ nhờ then cài. Khi mở người ta tháo then, sức nặng của tảng đá làm nó lăn ra. Nhưng trước đó, khi đóng, tảng đá đã được đẩy lên cao, cũng nhờ rãnh khoét vào tường. Cần hai đàn ông khoẻ mạnh mới làm được việc này vì để tháo các then cài người ta phải đẩy tảng đá lên cao một chút. Nó sẽ rơi trở lại dễ dàng. Chắc chắn các phụ nữ bất lực vì đá nặng và nguy hiểm bị thương. Ngoài ra họ không có thẩm quyền mở mộ một mình.

Mọi chuẩn bị nói trong Phúc âm về việc chôn táng Đức Giêsu là được làm đồng thời chiều thứ sáu vì ngày mai là Sabbath, mọi việc phần xác đều bị cấm. Việc Giuse Arimathia sửa soạn phòng xa là không có. Thực tế ông chẳng chuẩn bị chi cả ngoài nắm mồ có sẵn. Giả thuyết ông lo liệu trước cho việc phục sinh hoàn toàn là sản phẩm của tưởng tượng vô căn cứ. Thánh Gioan cho chúng ta hay họ buộc phải mau chóng vì ngày thứ bảy cận kề và ngôi mộ lại gần (19,42).

Như vậy ông Giuse Arimathia được điểm phúc biết bao! Ông hẳn hạnh giống như Simon người Cyrênê. Simon vác thập giá giúp Chúa còn Giuse mai táng. Mấy năm trước tiên sĩ Nicôđê mô đã đến phỏng vấn Chúa vào ban đêm (3,11) nay mua 100 cân dầu thơm và hương liệu xúc hang. Như thế ông lại được gặp Chúa nhưng là lần cuối cùng.

Tuy nhiên, việc xúc xác chiều thứ sáu là vội vàng. Cần một cuộc xúc trọng thể hơn theo tục lệ do những bàn tay đạo đức. Đến sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần các phụ nữ ra mộ thì gặp thiên thần xuất hiện báo cho họ biết về phép lạ phục sinh.

Trong tâm trí Đức Giêsu trên thập hình những điều này rõ ràng và trái tim Ngài xúc động biết bao. Lúc này Ngài không thấy ngôi mộ. Nhưng cảm nhận nó rất gần và Ngài biết rõ điều đó. Ngài suy nghĩ về tầm quan trọng của nó đối với công trình cứu chuộc. Ngài cần nó để nghỉ ngơi như một công nhân mệt nhọc và dự kiến cho các biến cố vào sáng thứ nhất của tuần lễ mới. Ở ngôi mộ này Ngài ban tặng sự sống để rồi lấy lại. Ngài đặt gánh nặng tình yêu xuống đó trong giây lát.

Khi phán "mọi sự đã hoàn tất", Đức Giêsu nghĩ ngay đến ngôi mộ. Lời ấy là bình luận về hiệu quả của thập giá, về chính thập giá và về con đường của nó trong tương lai. Con đường cho chúng ta hôm nay và mãi mãi về sau. Vì chiếc hang bằng đá này là chứng tá cho biến cố thuyết phục nhất, dấu chỉ rõ ràng nhất của biến cố phục sinh. Nó vừa là bằng cứ vừa là tặng phẩm cuối cùng của Ngài. Việc mai táng là kết thúc cuộc khổ nạn. Đối với kẻ thù, nó là việc săn đuổi cuối cùng. Đối với Đức Giêsu nó là hy sinh sau hết, là hoàn thành nhân đức hạ mình ra không. Khi chết chúng ta chẳng còn sự sống. Đó là cú ngã cuối cùng của một đời người. Nhưng nơi Đức Giêsu Ngài vẫn giữ sự sống và quyền năng vì Ngài là Thiên Chúa.

Ngài niêm dấu ấn trên công nghiệp của mình bằng ngôi mộ. Và bất chấp thù ghét, hội đồng Sanhedrin Do thái đã vô tình giúp đỡ Ngài làm điều ấy. Ngôi mộ này là biểu trưng cuối cùng của Phúc âm đầy màu sắc, là hình ảnh cuối cùng liên quan đến thực tế cao siêu của ơn cứu vớt. Với hình ảnh này lời rao giảng của Con Loài Người trở thành bất tử. Yùu nghĩa vĩnh hằng của sứ điệp Ngài không tranh cãi được nữa. Lúc này và mãi mãi về sau các môn đồ của Nước Trời chẳng thể ngủ yên, kể cả lịch sử loài người. Mầm sống phục sinh đã được cấy vào nhân loại. Cây sự sống lại trở hoa lần nữa. Từ đó, chỉ còn một biến cố vĩ đại duy nhất trong dòng chảy của các thời đại, là biến cố khởi sự và kết thúc ở ngôi mộ đá thiêng liêng.

Biến cố này không chỉ liên quan đến loài người, tuy khổ nạn nhằm mục tiêu cứu rỗi, nhưng còn là một nền thờ phượng đúng nghĩa, Đức Giêsu đạt đến cực điểm của việc thờ phụng Thiên Chúa khi người ta tháo xác Ngài khỏi giá gỗ, đặt vào lòng Đức Maria và đem đi mai táng.

Ngài phải hạ mình xuống sâu đến mức độ ấy để tôn vinh Thiên Chúa Cha, nêu gương cho nhân loại. Ngài đi đến tận cùng của khiêm tốn để ban tặng vinh hiển cao siêu nhất mà tình yêu có khả năng thực hiện. Đây là chân lý không ai chối cãi được. Việc hạ mình xuống tận đáy của hư vô để ngợi khen Thiên Chúa Cha, Ngài hiến dâng lên Cha công việc cao quý nhất của tạo dựng là công trình cứu độ.

Ban sáng phục sinh giải bày quyền năng của Đấng "làm mau lẹ kẻ chết và kêu gọi những chi chưa hiện hữu". Sự khôn ngoan của kế hoạch Đức Kitô được tỏ rõ rục rờ. Tình yêu thúc bách khôn ngoan sẽ được đáp trả bằng yêu mến tương xứng. Nó sẽ biểu lộ mình thực chất là chi? Là một tình yêu ở đỉnh cao nhất của thực tại: Tình yêu thần linh là mẫu mực cho mọi thứ tình yêu - tình yêu cứu vớt.

* * *

Ý niệm "lễ tế hy sinh" không được làm chúng ta bỏ qua mong đợi vinh quang. Trái lại, trong tâm khảm Đức Kitô chính niềm mong chờ này ban ý nghĩa đích thực cho ngôi mộ của Ngài và hết thảy ngôi mộ khác.

Vì Đức Kitô là Thiên Chúa của mọi thời đại, trên thập tự Ngài đã trông thấy từng diễn biến của thời gian. Ngài kinh nghiệm vui thích của tương lai, mà các tiên tri reo mừng, Ngài thấy rõ các việc xảy ra trong "ngày mai". Tất cả qua nội dung của cuốn "sách hằng sống".

Ngài chết và được mai táng trong mồ, dầu thơm và hương liệu khuếch tán vị ngọt ngào ra khắp vũ trụ, các phụ nữ im lặng canh thức, các thiên thần đứng gác mộ. Cận vệ đền thờ nghĩ rằng dấu niêm phong của lãnh đạo Do Thái có khả năng thách thức được quyền phép Đức Giêsu. Nhưng sáng sớm ngày thứ nhất đầu tuần mới, tảng đá cửa mồ vỡ nát ra. Mặt trời công chính đã phục sinh. Những lời thì thầm kín đáo truyền đi từ cửa miệng này đến lỗ tai người khác, trước hết từ thiên thần báo tin, rồi đến các phụ nữ đến các tông đồ. Phêrô và Gioan chạy bán sống bán chết băng qua con đường còn hoang vắng buổi sáng sớm, vừa sợ vừa run. Tin vui làm ám áp cõi lòng đang buồn phiền vì mất mát quá to lớn, đã lau khô đôi mắt họ. Màu nhiệm sự sống qua cái chết mà Thầy từng rao giảng thực sự được khai trương. Hai môn đồ đi làng Emmaus vào lúc chiều tà hôm ấy, chiếc thuyền câu sau cùong còn chòng chành ở bến cảng. Các thiên thần cúi xuống nhìn lỗ huyệt trống, dây các phép thắt chéo ngang trước ngực, buồn thảm đang cuốn gói nhường chỗ cho niềm vui đến. Bấy lời trắng chối không thể dập tắt hoan hỷ, Giáo Hội được hình thành. Chẳng bao lâu nữa tin mừng được công bố long trọng trong Giáo Hội ấy. Hai cánh tay giang rộng trên đà ngang giá gỗ sẽ biểu trưng cho cử chỉ Ngài sai các môn đệ đi rao giảng khắp tứ phương thiên hạ. Còn niềm vui nào bằng? Còn an ủi nào lớn hơn?

Surrexit Christus, Spes mea: niềm hy vọng của tôi là Đức Kitô phục sinh. Nắm mồ là hy vọng của thế giới và đặc biệt của Đức Giêsu trên ngọn Calvario. Vậy thì hãy suy tưởng đến Ngài, Đấng chẳng hề quên nhân tính nơi mình, mặc dầu loài người có lẽ quên. Ngài bằng lòng chịu đựng đau khổ và chẳng bao giờ không ước ao khổ đau. Ngài tình nguyện ẵm lấy cái chết, nhưng không sao lãng tương lai. Khi khổ đau chấm dứt là lúc kết thúc công trình cứu độ. Thánh vịnh 29 ca hát: "Lệ có rơi khi màn đêm buông xuống, hùng đông về đã vang tiếng hò reo" (29,6). Chiều tà băng qua màn đêm để gặp gỡ ngày mới.

Đối với nhân loại, mộ chí là ngục tù tăm tối, ở đó con người bị bỏ quên cho đến thiên thu. Tuy linh hồn bay đi chốn khác, nhưng thân xác thối rữa tại chỗ, và chẳng ai nhớ đến chúng ta nữa, coi như chưa hề tồn tại trên trái đất. Về phần Đức Kitô thì không phải vậy. Ngôi mộ chỉ là giai đoạn chuyển tiếp. Nó giống như lối đi ngầm dưới mặt đất, sẽ mở lên một vòm trời vinh quang. Ngài dùng nó như cánh cửa mở vào miền đất tử thần và từ đó biến nó thành ngõ mở vào cõi thiên thu, nhờ Đức Giêsu từ đây về sau nắm mồ giam giữ chúng ta một thời gian và Ngài sẽ thỏa mãn khát vọng sống muôn đời của mỗi người vì Ngài đã an nghỉ trong mồ chỉ là khoảng khắc.

Hai ngày nữa nắm mồ bằng đá nặng nề của Ngài sẽ vỡ tan như vỏ trứng. Hai ngày nữa chiếc hang lạnh lẽo, chật hẹp, tối tăm sẽ mở tung ra như cánh hoa hồng hay đôi môi thắm tươi của nụ cười thiếu nữ, đầy sức sống và bình an: Sự sống thần linh xuất hiện.

Pascal nhận xét rằng: "Đức Giêsu không thực hiện phép lạ nào trong mồ". Điều đó đúng, nhưng phép lạ xảy ra ngay sau mồ. Nó là phục sinh và đời sống diệu kỳ sau cái chết. Thần khí Ngài trở lại cho nhân loại là căn nguyên của phép lạ ấy. Nó sẽ hoạt động khắp vũ trụ:

Cờ vua cả tung bay phát phới/ *Vexilla regis prodeunt*,
Thánh giá Ngài chói lợi oai phong/ *Fulget crucis mysterium*.

Phải chăng đây là sự kiện: "Người gánh vác quyền bính trên vai?" (Is 9,5). Phải chăng: "Vương quyền" trên đôi vai nặng trĩu thánh giá? Thập tự đã cất cánh bay cao như chim phượng hoàng tung hoành từ đông sang tây, từ nam chí bắc? Nơi đâu nó chiếu sáng, nơi ấy linh hồn được nghỉ ngơi và Đức Kitô nhận lấy vương quốc của mình.

Nếu lịch sử là khoa học các biến cố có tương lai, thì Đức Kitô phải được quyền thống trị toàn bộ lịch sử. Ngay khi Ngài trở dậy từ cõi chết thì các điều kỳ diệu nối tiếp nhau xuất hiện trong lịch sử. Sau trình thuật thương khó thì đến Công vụ các tông đồ. Sau phục sinh thì đến nhiệt tâm rao giảng Tin Mừng của các phụ nữ nhân chứng và các tông đồ, cùng với đức tin của những kẻ làm được niềm thiêng dầu lạ và của những kẻ thụ ơn. Bóng của Phêrô giãi trên các bệnh nhân có năng lực chữa lành. Các tầng trời mở ra trên đầu Stephanô khi ông chịu ném đá. Tiếng sét kinh hồn khiến Saulô trở lại trên đường đi Đamát. Cuộc chinh phục tin hữu khởi sự chậm chạp nhưng vĩ đại, dần dần lan rộng ra và được Thần Khí củng cố. Các cộng đồng tôn thờ Đức Kitô được thiết lập và hiệp thông khăng khít với nhau. Sự hiệp nhất lòng tin được làm giàu có bởi giáo lý tông truyền và củng cố nhờ ơn thánh. Quyền bính dân sự nổi giận phản ứng lại, bách hại và nhường bước. Thế giới qui phục đức tin Kitô giáo cho đến thế kỷ thứ tư thì chậm lại. Nhưng các nền văn minh đã được gọi là Kitô giáo.

Theo sau là nhiều cuộc thăng trầm do chia rẽ nội bộ. Bởi tự do của con người là bất khả kiểm chế. Người ta từng chứng kiến tự do ấy có thể đảo ngược hiệu quả của công trình cứu độ, bất chấp ước nguyện hiệp nhất của Đức Kitô. Tuy nhiên nếu xét về mặt tích cực thì phải nói sự phát triển bao giờ cũng mạnh mẽ hơn thay vì than van về khía cạnh tiêu cực, điều do tội lỗi gây ra.

Và cũng không nên quên rằng dưới con mắt quan sát không thành kiến thì Kitô giáo và văn minh nhân loại là đồng nghĩa. Ở đâu có ánh sáng Đức Kitô soi rọi ở đấy man rợ đầy lùi. Ở đâu Đức Kitô bị khinh chê ở đấy văn minh tàn lụi đi. Văn minh và ánh sáng tiến bước cùng với Đức Giêsu. Lịch sử chứng minh rõ ràng như thế. Nhưng lịch sử vẫn có hai mặt: Ân sủng và tội lỗi. Trong vườn cây Dầu Đức Giêsu đã trông thấy hai mặt đó. Lúc ấy Ngài chỉ kinh nghiệm mặt đen tối, còn trên thập tự, nhìn qua nắm mồ, Ngài thấy bộ mặt vui tươi của ân sủng.

* * *

Lòng độc ác dai dẳng của những kẻ bách hại Ngài, việc can thiệp bỉ ổi với Philatô để cắt đặt vệ binh canh gác nghiêm ngặt nắm mồ Ngài, sự hối lộ trắng trợn khi vệ binh báo tin biến cố sống lại và lừa đảo khôn khéo nhà cầm quyền cùng quần chúng là những điều sau cùng Đức Giêsu xem thấy trên thập tự. Chúng là những hình dạng khác của nắm mồ. Đức Giêsu trông thấy trước tất cả. Tuy chúng đều qua đi sau ngày Sabbat. Nhưng chúng ta ưa thích giới hạn ý nghĩ của Ngài vào những kẻ Ngài mến yêu. Ngài chẳng hề quên những khốn cùng, đau buồn, thất vọng, nghi nan, lưỡng lự của họ. Đặc biệt Ngài nhìn thấy trước niềm vui mừng lớn lao mà họ sắp được hưởng.

Các người thân yêu của Đức Giêsu nghĩ rằng họ mất Ngài mãi mãi, như Đức Maria và thánh Giuse mất trong đền thờ, rồi lại tìm thấy ngôi giữa các tiến sĩ luật trò chuyện. Ngài cũng đặt ra một kết thúc cho cuộc chuyện trò với tử thần. Và Ngài sẽ hội ngộ màu nhiệm với các người thân yêu.

Trên đồi Golgotha Ngài có rất ít bạn hữu và đa số là phụ nữ. Nơi ngôi mộ cũng chẳng được bao nhiêu nhân chứng và cũng lại là đàn bà. Trước khi rời nghĩa trang các phụ nữ đã có ý nhìn xem nơi người ta đặt xác Đức Kitô, Thầy dấu yêu của họ, hầu hết ngày hưu lễ trở lại xúc dầu thơm theo đúng nghi lễ. Họ im lặng canh thức và mua hương liệu chuẩn bị. Khi ngày Sabbat chấm dứt vào rạng sáng đầu tuần họ vội vã chạy ra mộ để thi hành cử chỉ thương yêu cuối cùng đối với Thầy, thay cho loài người.

Họ hết sức sửng sờ khi thấy cửa mộ mở toang, hai thiên sứ mặc áo trắng canh gác mồ, một phía đầu, một phía chân, nhưng không thấy xác Thầy nằm đấy. Họ nghĩ lại mất Thầy lần nữa. Họ hối hả chạy về báo tin cho nhóm Mười hai. Tuy tư tưởng phép lạ không mới mẻ gì đối với họ, nó luôn phảng phất trong tâm trí và hy vọng của nhóm Mười hai, nhưng lúc này vì bối rối nên không nhớ đến nữa. Mãi đến lúc Thầy hiện ra nhiều lần họ mới dám tin là thật. Ành sáng huy hoàng của sự phục sinh chiếu rải rức rờ trong tâm trí mỗi người.

Đến đây ta phải nghĩ đến Maria Magđala nhiều nhất. Vì câu truyện này liên quan đến người em của cô: Ông Lazarô và bữa tiệc ở nhà ông biệt phái Simon. Mới đây là trên ngọn đồi Calvario.

Cùng với các phụ nữ khác, Maria Magđala hiện diện ở đó. Những Maria khác trùng tên với cô đều được dấu kín trong trái tim cực thánh của Thầy. Mặc dù ánh sáng thiên sứ, mặc dù lời loan báo của họ, thì sự việc khá rõ ràng đối với trái tim đang lo âu. Nếu như sự việc xảy ra với những người khác thì họ ít bồn chồn hơn, nhưng đối với cô thiếu nữ thôn dã đa cảm này thì chỉ rõ có một điều: "Người ta đã lấy mất xác của Đức Chúa tôi rồi, và tôi không biết họ để Thầy ở đâu?" (Ga 20,13).

Các nhà phân tâm giải thích như sau: hiện thời cô ta như một cái xác vô hồn, đang phải đối mặt với một tội ác thứ hai. Tội ác thứ nhất là giết Thầy. Tội ác thứ hai là tước đoạt thân xác Thầy mà cô coi như kho tàng tình yêu, trái tim cô hằng ấp ủ. Cô nhìn sự cố nhưng không thấy chi cả, có nghe nhưng không hiểu, hiện diện nhưng lòng trí không ở đấy. Trái tim cô đang bám sát vào Thầy Chí Thánh, Thiên Chúa của cô. Đó là tâm trạng khi cất tiếng hỏi người làm vườn: "Xin ông cho biết ông đã để Người ở đâu?"

Giọng cô xem ra có chút bần gất pha chua xót. Cô bật lên những lời nóng nảy lòng không chút sợ hãi. Người ta chỉ sợ sệt khi yêu mến. Nhưng lúc này tình yêu của cô bị thu hút vào đối tượng mà người ta mang đi rồi, nên cô không cần chi nữa. Đối với Magđala trên mặt đất này chẳng còn chi ngoài người tình mà cô đã mất.

Vì thế Đức Giêsu mạc khải sự hiện diện của mình bằng cách gọi tên cô: Maria. Giọng nói quen thuộc làm cô nhận ra liền. Cô đã từng nghe giọng nói ấy nhiều lần. Nó ngọt ngào và êm dịu như bạn hữu thường gọi tên nhau. Cô không thể nhầm lẫn với ai được nữa. Đây là tâm lý thông thường, giữa đám đông người, chúng ta vẫn không thể nhầm giọng nói của bạn bè với giọng nói người lạ. Vậy khi nghe người làm vườn cất tiếng gọi tên Maria cô nhận ra đích thị là Thầy dù hình dạng có khác. Nhiều lần Thầy gọi cô bằng giọng ấy làm sao cô có thể nhầm lẫn. Ngài gọi không những bằng môi miệng, nhưng cả bằng trái tim. Đức Giêsu mạc khải chính mình theo cách ấy, trường hợp của Gioan bên bờ hồ Tiberia cũng vậy. Cho nên, Magđala chẳng thể làm gì khác ngoài tiếng đáp lại: Rabboni - Lạy Thầy.

Lòng đầy háo hức và mừng rỡ cô muốn chạy ngay lại ôm chân người làm vườn. Nhưng Ngài giơ tay ngăn cản. Ngài dè dặt trong giây phút linh thiêng, bởi vì nó ở giữa sự sống và sự chết, trái đất và thiên đàng. Tình yêu đã hiện hình nguyên dạng, lời vĩnh hằng đã được trao đổi, nhưng thực tại còn vướng mắc. Đáng kêu gọi mọi sinh linh vào cõi đời đời, đã gọi tên cô là kẻ Ngài yêu thương. Nhưng cô chỉ dám đáp lại: Rabboni. Tại sao?

Đây là bài suy gẫm cho các tín hữu. Maria Magđala dạy chúng ta rằng: Nước mắt và tình yêu có sức mạnh vô song. Nước mắt của cô mang lại ơn tha thứ. Tình yêu lòng khiêm tốn. Nước mắt đem lại sự sống cho người em, tham dự thắm sâu vào cuộc khổ nạn của Chúa, niềm vui khôn tả của vinh hiển nắm mồ. Tình yêu khiến cô thấu triệt ý nghĩa công việc của Thầy. Cô trở nên người đầu tiên đón nhận sứ vụ loan báo tin vui, là tông đồ của các tông đồ. Đặc ân của tình yêu là như vậy. Chân lý này sẽ mãi mãi trong dòng chảy của lịch sử giáo hội. Tình yêu giữ vai trò độc tôn trong sứ vụ rao giảng Tin Mừng, quan trọng hơn quyền bính, năng lực và học vấn.

Tuỳ theo mức độ, những chi Maria Magđala kinh nghiệm, thì tất cả những ai đồng chí hướng với cô đều được chia sẻ, kể cả sứ vụ của cô. Như vậy, các phụ nữ trong nhóm cũng mật thiết liên hệ với vô. Nhưng qua các Tin Mừng người ta khó mà xác định những nội dung nào riêng cho Magđala, những điều chi chung cho cả nhóm đạo đức. Dĩ nhiên, các tông đồ có vai trò đặc biệt: "Phêrô con có yêu mến Thầy không?" Như người ta dự đoán, các ông nổi bật trong các biến cố quyết định và quan trọng. Tuy nhiên tất cả đều có phần nhiệm vụ phải chu toàn. Bởi lẽ, các con tim đều trở dậy cùng với Thầy. Tuy nhiên chúng ta vẫn chứng kiến các môn đệ đều cảm thấy ngỡ ngàng, là lạ, do dự vì sự bất toàn của đức tin còn giao động.

Liệu trong nhóm có ai hoàn thiện tuyệt đối? Có đấy và chỉ một. Đó là trinh nữ Maria, mẹ Đức Giêsu. Mẹ đã ném trái niềm vui được lại người con yêu dấu, đến mức độ tràn đầy màu nhiệm, sau khi đã can đảm nêu gương nhẫn nhục vâng theo thánh ý Thiên Chúa Cha suốt thời kỳ thử thách. Mẹ đã trở

dậy trong sự nghiệp đồng công, như Con Mẹ trong khổ nạn, như Maria Magđala trong đau buồn, như các tông đồ trong sợ hãi và hy vọng.

Nếu Tin Mừng im lặng về Đức Maria, thì không phải là lãng quên Mẹ nhưng là chẳng biết nói làm sao cho cân xứng. Một cảm xúc tinh tế sẽ khiến chúng ta choáng váng trước màu nhiệm quá dịu dàng. Lời nói chẳng thể mô tả hết vẻ diệu kỳ của nó. Sự im lặng của các sách Tin Mừng về đức Maria không có nghĩa lãng quên Mẹ Chúa Giêsu, nhưng chỉ có dụng ý nhấn mạnh về sự vĩ đại của Ngài.

CHƯƠNG 10

THIÊN ĐÀNG

Trong cái nhìn của Đức Giêsu trên thập tự, loài người và muôn vật không tách rời khỏi môi trường tự nhiên của chúng. Cũng chẳng lìa xa bầu khí thiêng liêng bao trùm địa cầu. Đức Kitô ngắm nhìn chúng sống trong môi trường ấy. Đối với Ngài thiên đàng ở khắp mọi nơi, bao bọc tất cả xâm nhập tất cả. Ngài bị linh hồn mình nâng lên cao, hơn là bị giá gỗ nhắc lên. Ở thiên đàng Ngài nhìn thấy các đối tượng mà tâm trí Ngài suy gẫm. Ngài từ thiên giới đến và nay lại trở về chốn ấy. Chính lúc Ngài ngược mắt lên trời mà người ta nghe tiếng Ngài kêu: "Lạy Cha xin tha cho chúng...". Đó là câu nói đầu tiên trên thập giá. Tuy nhiên chúng ta không nên lẫn lộn bầu trời cao xanh với thiên đàng thiêng liêng. Các tầng trời chỉ là biểu tượng thiên đàng siêu nhiên. Ở đây chúng ta muốn nhấn mạnh tính đặc trưng của các tầng mây. Trí khôn loài người tất yếu liên hệ nó với thực tại của lãnh vực tinh thần.

Như vậy, đối với chúng ta, loài hay chết, vòm trời đầy trăng sao, mây mưa là thiên đàng hay thiên giới. Toàn bộ vật chất đều đóng khung trong cái vòm bao la ấy. Nó xem ra vĩnh cửu, thống trị muôn loài muôn vật gồm cả số phận con người giàu nghèo, sinh tử, nghề nghiệp, tai họa, hên xui. Nó vận hành như một chúa tể, và không ngừng chiếu sáng không gian. Các ao ước của cuộc sống trần gian cũng bắt nguồn từ chốn cao thăm, cho nên trong tâm thức loài người, các tầng trời tự nhiên giữ vai trò không thể thay thế, nhất là khi người ta nghĩ đến các thái cực của cuộc đời. Nơi Đức Kitô cũng tương tự. Do đó khi muốn tìm kiếm điều chi cao siêu, thánh thiện, tôn nghiêm người ta đều ngược mắt lên trời. Lúc gặp khốn cùng cũng giơ hai tay lên trời kêu cứu, muốn chứng minh điều chi là thật, người ta xin trời chứng giám. Lúc yêu thương, giận ghét trời là quan tòa phân xử. Khi muốn chung điển hình cho những cần thiết người ta chỉ lên trời làm gương mẫu. Nếu ai đó muốn khích lệ, ủi an, trợ giúp thiên hạ, đều nhân danh trời xanh mà làm.

Đức Giêsu khi sống kiếp phàm nhân cũng dùng những đường lối tự nhiên ấy mà tỏ lộ chân lý siêu nhiên cho nhân loại, để loài người nắm bắt được. Nghĩa là Ngài liên kết mình với hiện tượng tự nhiên mà dạy dỗ các bài học luân lý. Các biến cố mà Ngài quản trị. Chính thiên cung xanh thăm mà

các linh hồn tuyển chọn ao ước được lên, từ tiên tri Êlia bằng xe ngựa lửa tới Enóc, Đức Maria, và chính Ngài cũng được đưa lên trời kiệu ấy. Rồi từ thiên cung con người sẽ ngự đến có các thiên thần thổi loa hô tống. Giavê Đức Chúa đã từng phán dạy bằng sấm chớp sáng lòa, mây mưa che phủ. Vương quốc của Giavê là miền cực lạc. Lều trại là mặt trời, gió bão là sứ giả, bình mình là tiền hô liếc nhìn, các kẻ theo Ngài sẽ nghe trên thình không lời ngợi khen Giavê đấng tạo hóa.

Một vài lần Kinh thánh gọi bầu trời là "phòng trên lầu" của Đấng Chí Tôn. Đức Giêsu và tác giả các Sách Thánh lo lắng rằng óc tưởng tượng của chúng ta đừng làm mất ý nghĩa này về vương quốc cao vời.

Loài người sẽ ra sao? Nếu người ta quên rằng trên thiên đàng có một người cha hằng săn sóc nhân loại? Người cha ấy chăm lo cho từng người? Rằng ánh sáng thiêng liêng bày tỏ sự hiện diện của Ngài, rằng bầu trời và luật lệ thiên nhiên mạc khải sự quan phòng thần linh, rằng ngôi đền vũ trụ là để thờ phượng, ngợi khen vị thượng khách không trông thấy được, rằng vị thượng khách cũng cư ngụ trong mỗi linh hồn. Thất bại trong việc này là bất trung lớn nhất của nhân loại. Chính bởi vì lòng bất trung này tức quay lưng lại với Thiên Chúa mà con người không hiểu được sứ điệp của thiên nhiên và suy luận phạm thượng về Ngài. Mọi sự sẽ trở nên rõ ràng nếu người ta hỏi cái, trở về với Thiên Chúa toàn năng, nguyên thủy của vạn vật.

Câu diễn tả của Đức Giêsu "Lạy Cha là Chúa trời đất" cũng nằm trong nội dung vừa nêu. Ngài nhắc nhở thánh giả chức vị làm "Cha" của Đức Chúa Trời, đồng thời tính chất thánh thiêng, chói ngợp của vũ trụ xét theo chiều kích tôn giáo. Bởi vì vũ trụ là "cầm bào" mặc bên ngoài của Thiên Chúa cao siêu. Thánh Phêrô trong khoảnh khắc Chúa "biến hình, đổi dạng" đã cảm nghiệm ý nghĩa ấy nên gọi nó là "vinh quang tột đỉnh".

Chỉ như vậy chúng ta mới trở nên quen thân với quang cảnh khủng khiếp của vũ trụ và tránh được sai lầm thờ lạy nó như thần linh. Nhiều sắc dân trên thế giới đã mắc phải điều đáng tiếc này. Đối với chúng ta những sự kiện hãi hùng của vũ trụ chỉ còn là nguồn mạch giải bày quyền năng Thiên Chúa. Về mệnh mông, bao la, bát ngát, của không gian không làm chúng ta sợ hãi nữa. Về thình lặng ngàn đời chẳng làm ai lo lắng. Không gian dù vô biên khi so sánh tính nhỏ bé của thân phận loài người chỉ khiến linh hồn luôn bình an, hoan lạc. Vì tất cả đều dạy dỗ, giáo huấn và bảo đảm an tâm Thiên Chúa ban cho nhân loại.

Tôi bị mất hút vào vũ trụ bao la, nhưng tôi lại tìm thấy mình trong Thiên Chúa. Tôi chẳng bao giờ lạc lõng trong cung lòng vĩ đại của Ngài, mặc dù ngoài kia là hư vô. Cánh tay vô hình nâng đỡ các chân trời. Tôi cảm nghiệm hạnh phúc được sống cuộc sống Chúa Ba Ngôi quyền năng vô biên. Đáng tuy xa vời nhưng đồng thời rất gần cận và thân thiết. Đáng chẳng miêng lưỡi nào mô tả được nhưng lại có hồn thiêng và thân xác cụ thể như tôi: Ipsius genus sumus (chúng ta là dòng dõi Ngài). Vậy thì việc chi phải sợ? Mỗi khi chiều xuống tôi cứ mở cửa linh hồn tôi vào đêm tối mệnh mông và đêm tối nếu không nói với tôi về Thiên Chúa, thì già dổi và bất nhân biết mấy!

Cho nên điều tối quan trọng là chúng ta phải liên kết màu nhiệm hồn thiêng với thiên đàng, đặc biệt là thiên đàng của Đức Kitô ở dưới chân thập tự, cây gỗ hòa giải mọi thái cực của thế giới và kiếp sống con người. Không gian mệnh mông chẳng ai đo lường được. Cũng chẳng ai đo lường và hiểu thấu được nó khuấy động lòng người đến mức độ nào? Chúng ta chẳng làm sao với tới các ngôi sao nhưng cũng chẳng làm thế nào thâm nhập được vào chiều sâu của tồn tại. Hai thái cực vô cùng ấy vượt quá kinh nghiệm giới hạn của chúng ta. Tuy cả hai thu hút chúng ta không thể cưỡng lại được, nhưng vẫn cách xa chúng ta một trời một vực.

Chúng ta làm được chi trên cõi cao xanh mà không có Thiên Chúa? Và không ơn thánh thì thâm nhập thế nào được chiều sâu của cõi lòng mình? Tuy vậy chúng ta cảm nghiệm rằng hai lãnh vực vô cùng này kết hợp chặt chẽ với nhau, và Thiên Chúa, Đấng ngự trong chúng ta nhưng lại rất xa chúng ta tôi luyện toàn bộ thiên nhiên vào một mối duy nhất. Cho nên nếu chúng ta đi tới Đức Chúa trời và dâng mình cho Ngài, chúng ta có khả năng hòa giải mọi tồn tại, tồn tại riêng và tồn tại của Đấng Chí Tôn, mà các thụ tạo đều lệ thuộc vào.

Nhân loại chẳng còn phải nghi nan Đức Giêsu thể hiện toàn thể lý tưởng này nơi bản thân và hoàn thành đến mức tuyệt đỉnh. Nếu "Cha đã trao mọi sự vào tay Con" thì điều xác quyết vừa nói là chính xác với trọn vẹn ý nghĩa của thực tế. Đức Giêsu hoàn toàn ý thức về ngôi vị mình và tin tưởng tuyệt đối vào những việc mình làm qua những sự kiện kể trên. Cái nhìn không sai lầm của Ngài về Thiên Chúa, thiên đàng, linh hồn, thiên cung vật chất mà thụ tạo phản ánh, về thực chất vũ trụ, về chính bản thân Ngài nơi từng tạo vật tìm được tính thống nhất cho mình, là chân lý minh nhiên.

Ở đây người ta có thể giả thiết nếu tất cả những xác quyết trên đều viễn vông thì chúng ta bào chữa mình ra sao? Phải chăng những giải trình trên đều dẫn đến vô ích? Ai có thẩm quyền mô tả tâm trạng Đức Giêsu khi Ngài ngược mắt nhìn trời? Tuy nhiên, dầu sao đi nữa thì việc cố gắng nghiên cứu điều bất khả có khi lại là tốt! Cố gắng của chúng ta có khi thất bại, nhưng việc tiếp cận với vấn đề sinh hiệu quả tốt cho đời sống thiêng liêng. Vậy chúng ta bàn những điều chắc chắn trước đã. Xin luôn nhớ rằng: thực tế phong phú hơn nhiều so với các ngôn từ và ngôn từ tuy quá đơn sơ, nhưng cũng chứa đựng ý nghĩa súc tích và hòa hợp. Đó là từ "thiên đàng".

* * *

Chắc chắn bất cứ linh hồn nào cũng yêu thích vẻ đẹp của thiên nhiên. Đức Giêsu cũng vậy: Vòm trời xanh ngát, những lọn mây trắng lững lờ trôi, đêm thâu nhiệm màu, phong cảnh luôn thay đổi gam màu tùy vào phản chiếu của ánh sáng, ban mai rực rỡ, buổi chiều huy hoàng, vạn vật cảm ứng theo, lúc sáng lúc tối, khi lung linh lúc bất động. Con Loài Người, đấng ngự giữa mọi sự, không thể làm ngơ.

Thật thú vị khi mừng tượng Đức Giêsu, ở giữa các vẻ đẹp ấy chiêm ngắm nó như một nhà thần bí thánh thiện, diễn tả nó tự nhiên như một thi nhân tài ba. Xin đọc các dụ ngôn tự khắc rõ. Chúng tuy ngắn ngủi, ngôn ngữ kiệm ước, tư tưởng kiềm chế nhưng đủ để người ta suy diễn những nội dung ẩn

dầu. Cái nhìn của trí óc Ngài không hề bị địa cầu vật chất hạn chế, kể luôn không gian với ngàn vạn mặt trời của nó. Nhưng dầu sao môi trường trực tiếp nơi hạ giới với các thụ tạo khả giác giống như Ngài, cùng các đối tượng khác, những thức ăn cho óc tưởng tượng, những ký ức về quá khứ, hiện tại vẫn là nội dung chủ yếu nổi lên trong tâm khảm loài người của Ngài.

Đức Giêsu đưa đôi mắt triu mến liếc nhìn phần này của thiên đàng mà người ta gọi là địa cầu. Xét theo phần xác, Ngài là con của nó. Nó cung cấp các nhu cầu cho Ngài khi còn tại thế, làm sao Ngài không triu mến dầu yêu ? Khi ngược mắt cầu xin cùng Chúa Cha, nguồn mạch mọi ơn lành, làm sao Ngài không ước mong cho nó tất những ân huệ cần thiết, tựa như Ngài đã đón nhận từ nó những nhu cầu nó dâng lên Ngài? Thiên nhiên quyến rũ Đức Kitô. Nó khiến Ngài ngây ngất như chính Ngài tỏ lộ: "Hãy ngắm xem bông huệ ngoài đồng mọc lên như thế nào, chúng không canh cửi, làm lụng... thế mà Thầy bảo thật anh em: Ngay cả Vua Salômôn trong vinh hiển tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy" (Mt 6,28).

Cùng với các môn đệ trong đền thờ, Ngài sốt sắng đọc Thánh vịnh: "Ngắm tầng trời tay Chúa sáng tạo, muôn trăng sao Chúa đã an bài: (Tv 8,4). Lời rao giảng của Ngài chứa đầy hình ảnh đồng nội, thiên nhiên, núi đồi: mùa gặt, sân đập lúa, vườn nho, cây vả, cối xay, tổ ong, đàn cừu, tháp canh, nhà cửa, oliva, bồn ép nho, chim câu, con sẻ, chó má, bánh ăn, gà con khiếp sợ điều hâu, gà mẹ ủ ấp con... tựa như Ngài sợ hãi cho số phận loài người trước bày quý dữ. Sứ điệp Ngài trao cho chúng ta gói ghém trong những biểu tượng, dụ ngôn, so sánh, của các hình ảnh trần thế. Ngài tự động chọn toàn những điều quen thuộc, thân thương, gần gũi, đẹp đẽ. Ngôn ngữ của Ngài đầy mơ mộng mà thi sĩ mọi thời đại thường sử dụng để dệt lên những áng thơ hay. Ai bảo Ngài không yêu mến trần gian?

Tuy nhiên, xin đừng quên. Ngài không phải là nhà thẩm mỹ đơn thuần như thiên hạ. Nhưng là một mô phạm siêu nhiên. Ngài sử dụng ngôn ngữ loài người để chuyển tải sự thật thiêng liêng và thúc đẩy người ta hành động tốt đẹp, toàn vẹn. Sự thật phải có những đầy tớ trai gái để hầu hạ nó. Ngài không có quan niệm nghệ thuật vì nghệ thuật. Nhưng dùng chúng theo mức độ chúng phục vụ lợi ích các linh hồn.

Sự thật là, chẳng bao giờ các ấn tượng chung về thế giới rời bỏ tâm trí Ngài, vì thế khi lià thế gian mà về cùng Chúa Cha, Ngài vẫn để lại dấu ấn tư tưởng Ngài trên nhân loại. Thiên nhiên sẽ mang ý nghĩa phong phú hơn, tinh thần hơn, sống động hơn, thờ kính hơn, khi thẩm đượm dấu ấn của Ngài, tức văn minh Kitô giáo.

Không ai có khả năng cảm nghiệm Thiên Chúa trong vũ trụ và vũ trụ trong Đức Chúa Trời hơn linh hồn thánh thiện của người tin theo Chúa Kitô? Được liên kết với bản giao hưởng thần linh (Ba ngôi vị trong một bản tính và một bản tính trong ba ngôi vị) liệu Đức Giêsu không hoàn toàn hòa hợp với bản nhạc tạo dựng? Và với tư cách "Con Loài Người" liệu Ngài không cảm nghiệm địa cầu là nhà mình ở sao? Ngài đã đảm nhận toàn bộ nhân loại vào ngôi vị mình, liệu Ngài không mang trong mình cái "ý tưởng" tạo nên vạn vật? Sách Khải huyền viết: "Ngài là khởi nguyên mọi loài Thiên Chúa dựng nên" (3,14). Ngài cũng là kết liễu của việc tạo dựng. Cho nên muôn loài muôn vật đều

mang hình ảnh Ngài. Tất cả ý nghĩ, quyền lực của thiên nhiên đều hướng về Ngài. Vậy liệu Ngài có thể thổi yêu mến di sản này? Di sản là tấm gương soi vĩ đại hình ảnh Ngài? Sản phẩm của "ý tưởng" vô biên này? Thế giới này, bàn thờ an nghỉ của Thiên Chúa này?

Đối với dân ngoại về đẹp thiên nhiên chỉ đầu độc tinh thần hoặc làm mê mẩn tâm hồn họ. Nhưng đối với đức Kitô nó bồi bổ và nâng cao tư duy lên cùng Cha Ngài, ngược lại việc tôn thờ Cha Ngài chỉ khiến Ngài càng nhớ đến tạo vật, trong khi những nhà thần bí hẹp hòi lại quên bằng thế giới và cảnh vật chung quanh.

Nhờ đó Ngài hiểu thấu đặc tính hài hòa của vũ trụ mà thánh ý Thiên Chúa đã dựng nên. Từ đó, Ngài rút ra những bài học cho nhân loại như kín múc từ nguồn mạch vô tận. Nói cách khác, Ngài áp dụng thánh ý Thiên Chúa vào cuộc sống cụ thể của chúng ta, lập nên những lời khuyên, huấn giáo và ơn thánh. Ngài trộn lẫn thiên đàng với địa cầu, thiên nhiên với tinh thần, thời gian và vĩnh hằng. Đức Kitô như vậy, liên kết hai thái cực vật chất và thiêng liêng lại với nhau, bởi vì Ngài thuộc về cả hai lãnh vực, là công dân của cả hai vương quốc.

Chúng tôi vừa minh chứng, Đức Kitô khi ngắm vẻ đẹp thiên nhiên, trí tuệ của Ngài không hề bị thế giới hữu hình hạn chế. Cái ngược nhìn của Ngài lên bầu trời xanh không bị thu hẹp lại như con mắt chúng ta. Thiên cung thẳm của các tầng khí quyển, đối với Ngài là tổng hợp của hai thế giới tự nhiên và siêu nhiên, bên ngoài hai thế giới này là không gian bao la các hành tinh khác bơi lội. Chúng xuyên qua không gian ấy và cũng bị không gian ấy xâm nhập. Một dòng chảy của thụ tạo lạ lùng mà trí khôn con người không sao nắm bắt được, giác quan dĩ nhiên là mù tịt. Đại dương mênh mông thực tế vươn tới đâu? Làn sóng hòa hợp của nó tài tình đến cỡ nào? Bến bờ của nó ở đâu? Chẳng ai biết được. Riêng Đức Kitô, Ngài biết vì Ngài luôn kết hợp với Đức Chúa Cha, xét theo tư cách là Ngôi Lời, và là đấng trung gian giữa siêu nhiên và tự nhiên: Ngài ấn định các vì sao và đặt tên cho từng ngôi một (Tv 146,4).

Hơn nữa, cái nhìn của Ngài vào thế giới vi mô cũng rất lạ lùng, thế giới nhỏ bé cũng mênh mông, bao la như thế giới vĩ mô, Đức Giêsu chiêm ngưỡng tận thẳm sâu của mọi hữu thể, của linh hồn loài người và các biến cố. Pascal tin rằng các nguyên tử cũng là những vì sao như trên bầu trời, trên đầu mọi người và cũng mênh mông không kém.

Vậy thì bao la này chồng chất lên bao la khác, bao la của thế giới vĩ mô chồng lên thế giới vi mô. Suy nghĩ về nó gây nên sợ hãi cho trí tuệ loài người. Họ cảm thấy mình quá nhỏ bé gàn như hư vô. Nhưng Đức Giêsu lại là quan tòa phán xét, đồng thời là nhân chứng cho các thế giới đó. Luật lệ của chúng nằm trong tay Ngài. Ngài cũng là lẽ luật của muôn loài muôn vật. Ngài thông minh, trí tuệ, và khôn ngoan nhất mực trong khi nhân loại mù tịt về tính bao la của cả hai thế giới. Đức Giêsu chẳng hề bị hạn chế bởi thế giới nào cả. Ngài thông biết mọi sự thiêng liêng cũng như vật chất. Mọi hạn chế đều bị loại khỏi tâm thức Ngài khi chiêm ngắm tạo vật. Ngài không có yếu đuối về trí tuệ như chúng ta. Ngài thấu triệt từ cực điểm này sang cực điểm khác của các biến cố, từ trời cao cho đến vực thẳm, từ thiên thần cho đến loài người, từ hữu hình cho đến vô hình. Cái nhìn của Ngài toàn

năng giống như quyền phép vậy. Ngài đồng bản tính với Đức Chúa Cha cho nên cũng hạnh phúc như Đức Chúa Cha. Ngài thở hơi như Đấng Tạo Hóa. Hơi thở ấy làm cho đất đai nảy mầm sự sống, thức tỉnh ruộng đồng trở hoa sinh trái.

* * *

Trên thập tự, liệu người ta dám quả quyết nét nhìn đó bị mây đen che phủ? Và thiên đàng thối rạn vỡ trong tâm hồn Đấng đã bị ghim chặt vào đó? Chẳng ai dám nói như vậy vì như thế là phạm thượng. Chúng ta đã từng quả quyết về thượng trí của Ngài ngay cả lúc sắp lìa đời, và về trận lụt hồng thủy trí tuệ của Đức Giêsu sắp sinh thì kiêu như nó cố gắng lấp đầy khoảng trống do thần chết gây ra. Trên ngọn đồi Canvê, cũng như trong vườn Giethsemani, tất cả quá khứ, hiện tại, tương lai, các ấn tượng siêu nhiên và tự nhiên đều được nhớ lại trong linh hồn Đức Kitô và thay vì mờ nhạt đi, chúng lại rõ ràng, sống động hơn bao giờ hết.

Do đó, người ta được phép nói rằng trời đất huy động một lực lượng hùng mạnh chống lại tội ác của loài người, chứ không phải chỉ riêng Đức Giêsu đang giãy chết. Thiên nhiên là tôi tớ trung thành của Đấng Toàn Năng.

Ở nhà ông Simon Ngài đã vui lòng đón nhận dầu thơm của Maria Magđala như kẻ đưa tin trước đám tang của mình, thì chắc chắn hương hoa của vũ trụ trong mùa xuân này do muôn vạn bông huệ gộp thành trên đồng nội Giêricô cũng thổi về cuộn quanh cây giá gỗ và cùng mang một ý nghĩa như dầu thơm Magđala và cũng được Ngài ưu ái.

Ngôi Lời nhập thể trân trọng tất cả, đánh giá cao tất cả và đón nhận tất cả lời tung hô của mảnh đất đá xám Palestine, của mọi nơi có con người cư ngụ, của toàn thể vũ trụ đưa đón Ngài lúc hấp hối. Giống như khi còn sống Ngài đã đón nhận chúng, đã chúc lành cho sự tuân phục của chúng. Bầu trời thăm thẳm, núi đồi hùng vĩ, muôn cây cối xanh tươi, muôn chim réo rắt, muôn bướm tung tăng dâng lên Ngài đang chịu đau khổ, âm thanh, màu sắc. Ngài đang chết dần chết mòn vì tội lỗi nhân loại. Chỉ có loài người là gian ác.

Vậy phải thừa nhận rằng thập tự là khía cạnh đen tối duy nhất trong nét nhìn của Ngài. Tuy nhiên xét theo mặt khác nó mang lại ơn phúc cho chúng ta. Chính thập ác gây nên cái nhìn đen tối ấy, nhưng cũng chính do thập tự mà chúng ta được cứu chuộc! Ngài đến thế gian là để đón nhận nó. Bây giờ trên thập giá Ngài trở về cùng Đức Chúa Cha vào buổi chiều đại họa này. Ngài sẽ vượt qua bóng tối của đêm nay để vươn tới bình minh rực rỡ, cả về nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.

Do đó, Đức Giêsu vẫn chiêm ngắm vẻ đẹp của thiên nhiên ngay cả khi giãy chết, Ngài không gạt chúng ra ngoài tầm con mắt. Không có oán hận hay chúc dữ trong đau đớn của mình. Đau khổ này là vinh quang, bình an, huy hoàng, vui mừng nội tâm, bên ngoài vẻ đẹp vũ trụ bao bọc Ngài. Ngài chết vào giữa mùa xuân, có chim muông bay lượn, có tiếng cu gáy vang trời đưa tiếng thở dài của Ngài đi xa, có hoa lá đón chào, én liệng làm vòng hoa. Từ cõi lòng Ngài chào mừng Galilea, Giudea, cánh

đồng xanh tươi Samari, miền đất kết nối Galilea với Giudea, chào mừng địa cầu mà ba viên ngọc ấy tọa lạc. Ngài ngược mắt nhìn không khoáng không mênh mông bao la xa hơn các mảnh đất mà Ngài từng qua lại. Khoảng cách làm chóa mắt Ngài. Đám mây xám chẳng bao lâu nữa sẽ lớn dần, lan rộng thành tấm màn sương mỏng phủ lên vạn vật. Ngài nhìn hoa cỏ của ngọn Golgotha một lần nữa như già từ chúng. Lúc vác thập tự leo lên thì chúng còn màu đỏ, vàng thẫm dưới ánh mặt trời chiều gay gắt, bây giờ đang tàn úa, cụm lại vây tròn chung quanh giá gỗ. Đàng xa kia trên sân thượng, trên các mái nhà bằng đất là vô số mòng gà đại, cúc nhụy hình sao màu trắng đỏ, điểm trung tâm bằng vàng ròng, đang trải rộng bát ngát trước mặt Ngài. Đúng là cảnh thiên đàng tự nhiên trong tầm nhìn của Đấng Cứu Thế.

Bởi vì, đối với Đức Kitô, mọi sự diễn ra trước mắt đều là thiên đàng, là công trình của Cha, nên thiên đàng ở khắp mọi nơi. Thiên nhiên bề mặt cũng như chiều sâu, trên cao cũng như vực thẳm, trải rộng hay thu gọn, hiện hữu cũng như bản chất đều là thiên đàng. Các thuộc tính của nó có nguồn gốc nơi Đức Giêsu, và phản ánh quyền năng Ngài. Chẳng ai nhìn thấy chúng tốt hơn Con Thiên Chúa nhập thể. Chung quanh giá gỗ chỗ nào cũng là thiên đàng và Đức Giêsu thấy rõ mọi sự chìm trong đại dương của sự bao la, nhưng không hề biến mất, gồm tóm trong kế hoạch của Thiên Chúa nhưng không bị lãng quên.

* * *

Có một khía cạnh của cái nhìn toàn năng này cần được xem xét riêng lẻ. Nó chỉ khác với các nội dung đã bàn ở bề mặt hay ít ra về thiết kế cuộc sống. Nhưng trước mắt chúng ta nó nổi bật và đòi hỏi suy nghĩ kỹ hơn. Việc này quả táo bạo nếu muốn tìm hiểu sâu xa vì nó là một màu nhiệm, không ai hiểu thấu: Riêng phần tôi, tôi chỉ muốn thờ lạy và thiết lập hàng rào cung kính chung quanh cung thánh thình lạng của Ngài. Nhưng cần một vài lời mô tả khiêm tốn.

Đức Giêsu cầu nguyện và việc cầu nguyện trên thập tự chỉ là nối tiếp Ngài cầu nguyện suốt đời, chẳng bao giờ Ngài ngưng nghỉ. Phúc âm kể rõ: "Ngài ngược mắt lên trời cầu nguyện". Nếu bầu trời đầy trăng sao là thiên đàng, toàn thể vũ trụ, hồn thiêng, Đức Chúa Trời, là thiên đàng, thì Ngài nối kết tất cả trong lời cầu nguyện, chúng hợp nhất trong ý nghĩ Ngài. Ý nghĩ hiệp thông với Thiên Chúa ở nghĩa đầy đủ nhất của từ hiệp thông, tức một cái nhìn cao siêu không biên giới về thiên đàng.

Nếp sống liên tục cầu nguyện của Đức Giêsu là sự thể hiện hoàn toàn mệnh lệnh Ngài truyền cho các môn đệ: "Anh em hãy cầu nguyện luôn". Nó cũng nói lên khát vọng của Ngài hướng về Đức Chúa Cha, như Thánh Phaolô nói: "Với những tiếng rên xiết khôn tả". Tâm hồn ngài luôn cháy bỏng lòng nhiệt thành và dâng lên Cha Ngài từng nhịp đập của con tim.

Lời hàng ngày Ngài nói, là cầu nguyện. Sự thình lạng thường xuyên của Ngài là cầu nguyện. Toàn bộ tồn tại của Ngài là cầu nguyện dưới hai hình thức, im lặng và thành lời mà Ngài có ý dạy dỗ chúng ta. Căn bản của cuộc đời là cầu nguyện. Mọi hoạt động dù nhỏ nhất và khó quan sát được

cũng là cầu nguyện và thờ phượng vừa trọng thể vừa hoàn hảo. Khi dâng hiến mình cho Thiên Chúa vì nhân loại, là lúc Ngài cầu nguyện sống động nhất.

Tuy nhiên, bởi phải sống cuộc đời phàm nhân và muốn nên gương mẫu cho mọi người noi theo, Ngài chẳng bỏ qua các hành vi chóng qua và khả thị, vì mục tiêu thánh hóa và thăng tiến cuộc sống phàm trần. Nghĩa là Ngài cầu nguyện theo giờ giấc lẽ luật sắp đặt. Ba lần trong một ngày Đức Giêsu cầu nguyện trong Đền thờ Giêrusalem hay tại các hội quán khác của người Do thái. Ngoài ra, về buổi chiều Ngài cầu nguyện lâu giờ hơn. Nhiều lần ở ngoài trời nơi thanh vắng, đặc biệt trên đỉnh cao các núi đồi. Kiểu cầu nguyện ở đỉnh cao Ngài thường liên kết rõ ràng với cái nhìn hướng về thiên cung, như Ngài cầu nguyện hôm nay ở đỉnh Calvario trên thập giá.

Chẳng hiểu vô tình hay hữu ý, các Phúc âm vẽ lên cho chúng ta bức tranh lạ lùng và sinh động về đường lối cầu nguyện này: Một mình trên ngọn núi cao, Đức Giêsu hướng mắt lên trời, phủ phục, chắp tay cầu nguyện với toàn thân, đặc biệt với linh hồn Ngài, trong khi bầu trời xanh cùng các ngôi sao đồng thanh hợp tiếng.

Lúc màn đêm buông xuống che phủ cảnh vật trần gian là khi Ngài cảm thấy mệt mỏi vì giảng dạy, vì hoạt động bận rộn, nên cần nghỉ ngơi lấy lại sức lực và bồi dưỡng tâm linh. Ngài lia xa các môn đệ, để mặc họ bên tảng đá to, hoặc dưới tàn cây cổ thụ nào đó, lánh đi một nơi vắng vẻ riêng, hay leo lên núi đồi gần đấy và trên chỗ cao, Ngài mở linh hồn ra cùng Thiên Chúa trong thinh lặng vĩnh hằng.

Đêm tối đối với Ngài vừa có tính giải thoát vừa là lời mời gọi thiêng liêng. Ngài xa lia con đường phàm trần để hoàn toàn hướng về Thiên Chúa Cha. Vì trước mặt Đấng Tối Cao đầy nhân ái, mọi tạo vật đều có quyền đặt gánh nặng xuống và nghỉ ngơi. Lúc màn đêm buông xuống là không gian địa cầu được trải rộng. Thờ giới vật chất được tan chảy thành bóng tối, nhường thiên đàng cho các linh hồn thánh thiện. Người ta tự do nâng tâm hồn lên không trung bao la đầy đặc trắng sao lấp lánh. Chúng soi bước thánh thiện cho chúng ta cảm tạ Thiên Chúa. Mọi cảnh vật đều như lời mời gọi linh hồn bay cao, mở rộng hơn. Khi ấy nguyện ngắm là nhu cầu không thể lãng quên. Đối với đức Giêsu Ngài vốn chiêm miện liên tục, thì đêm tối là lúc tự do hơn, ngọt ngào hơn. Nó mang đến cho Ngài mừng rỡ và bình an khôn tả, nên Ngài ưa thích lưu lại trong bóng đêm tĩnh mịch. Đọc kỹ Tin mừng người ta có cảm giác như vậy.

Đôi khi Ngài cầu nguyện suốt đêm thâu. Sao mai tự nhiên nhiều lần còn bắt gặp ngôi sao thần linh này tinh thức ca tụng Thiên Chúa Cha. Theo sách Khải huyền thì lúc ấy biểu tượng gặp gỡ thực tại. Ành sáng hồng tươi của ngôi sao tiền hô ngày mới hòa nhập cùng ánh sáng siêu nhiên của Đấng quen ví mình như ánh sáng cho trần gian. Quả là một cơ hội kỳ diệu và hạnh phúc, thiên nhiên ít khi có được.

Đức Giêsu phóng tầm con mắt ra không gian bao la của vũ trụ. Tôi mừng tượng Ngài cất lớn tiếng xướng lên bài ca: "Ngợi khen" của Thánh vịnh 148 (Laudate Dominum de caelis) làm sống động và

ban ý nghĩa cho thanh lặng ngàn thu. Hòa điệu với Ngài là muôn loài muôn vật, cú mèo và chó sói, chim muông và hoang dã:

*"Ca tụng Chúa đi từ cõi trời cao thăm.
Ca tụng Người trên chốn cao xanh
Ca tụng Chúa đi, mọi sứ thần của Chúa
Ca tụng Người hồi toàn thể thiên binh
Ca tụng Chúa đi, này vầng ô bóng nguyệt.
Ca tụng Người muôn tinh tú rạng soi.
Ca tụng Chúa đi, hồi cửu trùng cao vút.
Cả khối nước phía trên bầu trời.
Nào ca tụng Thánh danh Đức Chúa" (1-5).*

Ở cương vị nhạc trưởng, Đức Giêsu dẫn đầu và điều khiển ca đoàn không lồ vũ trụ. Ngài vang lên những lời ngợi khen như bóng chim, nhẹ lướt trong gió sớm. Từ ngọn núi cầu nguyện Ngài tung lời ca ngợi ra bốn hướng tựa như từ trung tâm sự sống. Ngài ban linh hồn cho các vật vô tri vô giác để chúng ca khen Đức Chúa Trời. Ngài chính là linh hồn cầu nguyện của vũ hoàn dâng lên Đức Chúa Cha, tạo hóa của mình.

Thực chất lời cầu xin của Đức Giêsu chỉ là tiếp tục sự phụng thờ Chúa tể vạn vật. Bởi vì cho muôn loài muôn vật Ngài xin Chúa Cha bánh ăn hàng ngày: tức sức khỏe phần xác, chân lý cho trí tuệ, tình yêu cho con tim, tự do cho ý chí, bạn hữu cho mọi mảnh đời. Ngài tha thiết xin thành đạt cho mọi sinh linh vì hoa quả của thành đạt là niềm vui.

Ngài cầu xin và biết rằng chắc chắn Ngài sẽ được nhận lời và ân điển sẽ được ban cho những linh hồn xứng đáng. Không một thụ tạo nào có thể giới hạn hiệu quả và quyền lực của lời Ngài van xin. Cũng như chẳng ai thu hẹp được quyền năng hành động của Ngài, ngoại trừ khiếm khuyết nơi chính thụ nhân. Hấn tự ý xa lìa ân huệ của Ngài bởi ưa chuộng tội lỗi hơn.

Tuy nhiên sự bất toàn nơi loài người không hề hạn chế lòng quảng đại của Đức Kitô, ngay cả giảm bớt nó. Lòng rộng rãi ấy là từ Thiên Chúa ban cho Ngài. Bởi Ngài đã tuyên bố rõ: Thiên Chúa đã đặt mọi sự vào tay mình. Nếu vô phúc cho ai tự động rút lui khỏi lòng hào hiệp của Đức Giêsu, thì Ngài đủ quyền năng biến bất hạnh ấy thành sự bù đắp sinh lợi ích cho kẻ khác, do sự từ chối ngu xuẩn của đương sự. Phụng vụ hát trong bài ca: Mừng vui lên (Exultet) của lễ Phục sinh "Ôi tội hồng phúc vì đã ban cho nhân loại Đấng Cứu Thế". Và như thần học đã phát biểu thành công thức: "Ơn thánh của Đức Kitô là vô cùng". Nó là nguồn mạch mọi ân huệ cho loài người. Đồng thời là bể chứa Thiên Chúa đổ lòng quảng đại vào, không hạn chế.

Làm sao người giải thích được hai sự kiện xem ra ngược nhau này? Làm thế nào thánh giá vừa có khả năng ban ơn thánh vô hạn lại vừa là bể chứa ơn thánh bất tận? Có hai từ ngữ giải trình màu nhiệm ấy! Nếu người ta hiểu cho đúng. Từ thứ nhất là tình yêu, từ thứ hai là hiến tế.

Sự thật tâm lý là, chẳng bao giờ trong cuộc đời Chúa Cứu Thế cầu nguyện tha thiết cho bằng khi chịu treo trên giá gỗ. Chẳng khi nào Ngài tỏ bày lòng yêu mến hơn khi dâng mình làm hiến lễ hy sinh. Như vậy tình yêu tạo nên giá trị cho việc thờ phượng và hiệu quả cho lời cầu xin của Đức Giêsu. Giữa hai người có điều kiện y hệt nhau, kẻ nào yêu mến nhiều, người ấy tôn vinh Thiên Chúa nhiều hơn và cũng lãnh nhận ân điển nhiều hơn. Đây là trường hợp của Đức Giêsu Kitô. Lòng Ngài yêu mến Đức Chúa Cha là vô địch, không người phàm nào sánh kịp. Nó là linh hồn của việc Ngài thờ phượng Đức Chúa Cha. Nhưng chẳng bao giờ Ngài minh chứng tình yêu ấy cho bằng lúc chịu treo trên thập giá, vâng lời Đức Chúa Cha mà hy sinh cứu vớt nhân loại, chịu khổ hình vượt mức tự nhiên: "Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của kẻ thí mạng sống vì bạn hữu" (Ga 15,13).

Như vậy thập tự là cung thánh vĩ đại của cầu nguyện, là bàn thờ, là mặt nhật khổng lồ, là nhà tạm đầu tiên của nhân loại. Thật hữu ích khi còn bé chúng ta được cha mẹ, ông bà, người lớn dạy cho biết làm dấu thánh giá trên mình trước và sau các công việc quan trọng. Nếu hiểu cặn kẽ việc mình làm thì chúng ta muốn nói rằng: "Lạy Thiên Chúa của con, con thờ lạy Ngài nhờ cây thánh giá và nhờ Đức Giêsu chịu treo trên đó. Cùng với thánh giá và cùng với Đấng đang chịu đóng đinh vào đó, trong tinh thần khiêm tốn, tin tưởng và phó thác, trong tinh thần vâng lời và hy sinh của Đức Kitô Xin Chúa khăng ban cho chúng con tất cả mọi điều cần thiết để sống xứng đáng chức vị làm con Chúa và yêu mến tha nhân. Chúng con nguyện xin nhân danh thánh giá, Đấng chịu treo trên đó Nhân danh công nghiệp của Ngài mà chúng con kết hiệp cuộc sống chúng con như lời Thánh Phaolô khuyên dạy".

Sự thinh lặng suốt những đêm ròng mà Đức Giêsu liên kết với Đức Chúa Cha, làm thành bản giao hưởng của kinh "Lạy Cha" mà Ngài dạy dỗ các tông đồ bằng lời nói. Chính Ngài làm gương cho nhân loại bằng kinh đó. Trên đỉnh các ngọn núi Ngài yên lặng chiêm ngắm ngất trí hơn là bằng ngôn từ. Tâm hồn Ngài hoàn toàn bị thu hút vào cầu nguyện lâu giờ, suy niệm bản tính cao sang của Đức Chúa Trời. Đời sống của Ngài chìm sâu vào chính nguồn mạch sự sống và sự thánh thiện. Các động mạch căng tròn, hơi thở hỗn hển, tim đập nhanh, trí khôn tràn ngập niềm vui, ý chí trọn vẹn vâng lời, toàn thân phủ phục thờ lạy và thinh lặng.

Các thần học gia đồng ý: Ngài là nền phượng tự sống động, lời cầu nguyện liên lý. Điều đó là sự thật hiển nhiên. Toàn bộ con người Ngài, linh hồn và thể xác là một hành động thờ phượng tuyệt hảo, đáng nêu gương cho tín hữu. Để cầu xin Ngài chỉ cần nói: "Này con đây" là đủ, vì chính bản thân Ngài luôn là lời nài nỉ van xin Đức Chúa Cha thương xót nhân loại, anh chị em của Ngài. Tương tự như Gioan tiền hô xưng mình là tiếng kêu trong hoang địa. Chúa Giêsu còn thực chất hơn tiếng kêu đó. Ngài là Ngôi Lời, là nội dung của tiếng kêu. Cho nên cả khi không mở miệng nói ra, sự hiện hữu của Ngài đã đầy đủ ý nghĩa. Ngài hiện diện bằng yêu mến. Sự thật này cứu vớt chúng ta. Ngài tôn vinh Thiên Chúa Cha bằng tình yêu, bằng chính hiện hữu của mình. Thiên Chúa là Đấng chẳng miêng lưỡi nào ca tụng cho đủ.

Điều này được tăng cường và có thêm sức mạnh khi Đức Kitô bị treo lên. Lúc ấy nó là một bằng chứng hiển nhiên, con mắt loài người có thể xem thấy được. Và sự thinh lặng của Ngài kết nối bấy

lời vàng ngọc thành một chuỗi cầu nguyện hy sinh. Tự nó đã nói lên ý nghĩa hùng hồn để loài người suy gẫm và noi gương. Bất cứ lời giải thích nào thêm vào cũng là thừa thãi. Nó thách thức trí não loài người suy nghĩ sâu xa hơn. Một vài nhà thần bí đã được mặc khải vài nội dung về nó.

Nơi Đức Giêsu, sự im lặng trên thập hình là hương hoa của việc thờ phượng Đức Chúa Cha. Thinh lặng khi gói ghém tình yêu mến, thì chẳng có chi hoành tráng hơn, vì nó tương đương với hết mọi kêu xin bằng lời mà Đức Giêsu thốt ra trong suốt cuộc sống dương gian. Nó bao gồm luôn các lời cầu xin của cả nhân loại và từng người chúng ta. Vì nó tập trung hết mọi ước muốn mà nhân loại có thể bày tỏ trước tôn nhan Thiên Chúa; ước muốn cứu rỗi, ước muốn thứ tha, ước muốn hạnh phúc muôn đời, ước muốn được sống mãi mãi.vv... Từ kho tàng thánh thiện này mà Hội Thánh kín múc mỗi khi cầu nguyện, ngợi khen, hoạt động trên khắp thế giới mọi nơi, mọi lúc. Nó vang vọng lại cuộc sống Đức Kitô như dòng thác vô cùng mạnh mẽ.

* * *

Khi Đức Giêsu ngược mắt lên trời. Liệu chúng ta được phép nghĩ rằng Ngài không cần mở đôi mắt để suy niệm về thiên đàng? Cũng không cần mở mắt linh hồn nghĩ về đối tượng nào khác ngoài bản thân mình! Vì chính linh hồn Ngài đang hưởng thiên đàng. Bản chất Ngài là thiên đàng.

Lúc này chúng ta không thể mô tả nỗi tâm lý lạ lùng của Ngài liên quan đến màu nhiệm Ngôi hiệp và hậu quả của màu nhiệm ấy. Muốn giải thích thiên đàng nơi Đức Giêsu người ta phải duyệt lại toàn bộ học thuyết của Giáo Hội về nhập thể. Một công việc quá đồ sộ. Tuy nhiên, chúng ta phải đã động đến việc này, nếu không, chẳng làm thế nào hiểu được chút ít.

Đức Giêsu vừa là Thiên Chúa vừa là người thật. Ngài vừa rất gần cận với cuộc sống nhân loại, nhưng lại vừa là phúc nhân vui hưởng thiên đàng. Ngôi Hai đã đảm nhận nhân tính như thánh Phanxicô Salesio nhận xét. Vậy chúng ta chẳng bao giờ nắm bắt được trọn vẹn ý nghĩa của màu nhiệm "ngôi hiệp". Nhưng may mắn thay công việc cứu rỗi của chúng ta không đòi hỏi phải thấu hiểu nó. Nên không cần phải nghiên cứu sâu xa hơn.

Thực tế, Đức Giêsu là một màu nhiệm sống động bằng xương bằng thịt. Bản chất của Ngài không truyền thông cho ai được. Chúng ta không đã thông được bản chất ấy. Sách Khải huyền viết: "Người mang một danh hiệu vượt trên mình, ngoài Người ra không ai biết được danh hiệu ấy" (11,12). Ngài thấu hiểu tên của mình chỉ bằng trực giác, không cần lý luận, không ai chia sẻ. Tên đó Gioan gọi là Ngôi Lời (13,16). Ngài vừa là con loài người, vừa là Ngôi Hai Thiên Chúa, là vua các vua, Chúa các chúa. Nhưng đây cũng là tên của một nhân vật hay chết như chúng ta.

Hệ luận thứ nhất là, trên địa cầu này, bất cứ Ngài làm, nói, nghĩ gì đều không biểu lộ hết Đức Giêsu là chi! Hệ luận thứ hai là: xét như một ngôi vị, định mệnh và sứ vụ Ngài nơi nhân loại không phải là toàn bộ định mệnh và sứ vụ của Ngài. Nó rộng lớn hơn nhiều. Sự kiện Thiên Chúa ở trong Ngài và Ngài ở trong Thiên Chúa khiến cuộc sống nơi Ngài có chiều kích cao hơn vô cùng, nhưng đồng thời

Ngài vẫn là khách lữ hành nơi trần gian và là đại sứ của Thiên Chúa cho nhân loại. Tuy nhiên, tính lữ hành ấy khác chúng ta. Ngài không có điểm đến và chẳng cần đi đâu cả. Mọi nơi đều là nhà của Ngài.

Vậy thì bản tính loài người nơi Đức Kitô chỉ là xưởng làm việc của Ngôi Hai nhập thể. Trái đất là điểm tựa cho công trình của Ngài. Thế gian được ban cho Ngài, nên Ngài thông truyền công nghiệp cho thế gian qua một cổng rất hẹp. Bằng cổng này Thiên Chúa với tới nhân loại và nhân loại vươn lên Thiên Chúa.

Những nội dung còn lại hoàn toàn là mầu nhiệm bí ẩn, siêu việt không ai hiểu thấu. Trạng thái thường xuyên của đức Giêsu là ngất trí. Linh hồn Ngài tràn ngập vui mừng đời đời, bởi biết mình là Con Thiên Chúa, là bản tính thần linh, là Ngôi Hai. Toàn năng, toàn thiện là tồn tại của Ngài. Ngài luôn hiện hữu trong trạng thái ngất ngất mà các nhà thần bí gọi là phóng mình ra ngoài. Đối với Ngài sự thanh thần chiếm hữu chính bản thân. Ngài hằng cư ngụ trong Thiên Chúa, nơi sức nặng nề của xác thịt nhân loại không hề ảnh hưởng. Sự tồn tại của Ngài trên trái đất khả thị giống như vì sao đổi ngôi. Nó bay từ đêm tối lóe sáng trên bầu trời, rồi lại trở về bóng tối mà không ai biết đi đâu. Xét chung nơi những linh hồn thánh thiện, phần thưởng của họ là chính sự thánh thiện của mình. Tất nhiên do Thiên Chúa ban. Tâm hồn thánh thiện lớn nhất trong vũ trụ có sự thánh thiện tự thân. Nó là nguồn mạch thánh thiện không ai hiểu được. Từ đây tuôn chảy cho Đức Giêsu và cho mọi người.

Trong các diễn từ của mình, Đức Giêsu chỉ đề cập phớt qua đến những mầu nhiệm không nói ra được. Nhưng chính từ hậu trường ẩn dấu ấy Ngài mặc khải một năng lực tạo dựng và một sức mạnh xâm nhập tạo vật. Ngài mở rộng tay tỏ lộ các mầu nhiệm. Ngài nói năng như "Đấng có thẩm quyền chứ không như kinh sư và biệt phái". Ngài được soi sáng bằng ánh sáng riêng của mình và đi qua đêm tối của chúng ta như có đội vòng hào quang. Ngài xem thấy rất rõ và liên tục những điều chúng ta chỉ thoáng qua bằng đức tin. Khi nhìn rõ như vậy, Ngài diễn tả nó thâm thúy, vững chắc. Vì làm chủ nó, nên Ngài tính toán nó bằng sự thông biết vô biên của Ngôi Lời đã tạo dựng nên nó và phát biểu nó ra.

Chính từ thiên đàng nội tâm mà Đức Kitô chiếu tỏa ánh sáng cho thế gian và từ chiều sâu của trái tim mà Ngài gửi Thánh Thần đến ngự giữa nhân loại. Cho nên thiên nhiên cũng như loài người đều nằm dưới ảnh hưởng ban sự sống của Ngài. Ngài là thủ cấp của vũ trụ và nhân loại: Thánh Phalô viết "Đức Giêsu là trưởng tử của những kẻ chết sống lại". Đồng thời xét như Thiên Chúa Ngài là tạo hóa, là đấng quan phòng. Ngài không những là ánh sáng soi rọi các linh hồn mà còn là ánh sáng của các thế giới. Muôn loài muôn vật đều được Ngài duy trì và nuôi dưỡng. Trong quyền năng Ngài mà trăng sao được tồn tại. Từ nguồn mạch sự sống của Ngài mà mọi cuộc đời được phát sinh và nảy nở lan tràn như trận lụt hồng thủy. Ngược lại xét theo nhân tính Ngài thán phục cảnh trí thiên nhiên. Chúng nuôi dưỡng tư tưởng và trí tưởng tượng của Ngài, mặc dù bằng quyền năng Thiên Chúa, Ngài tác tạo chúng, ban cho chúng mọi ơn lành. Ngài là sự khôn ngoan mà Kinh thánh nói: "Hằng nhảy múa vui mừng trước mặt tạo hóa". Ngài vừa là đối tượng tạo dựng vừa là quyền năng tác tạo muôn loài muôn vật.

Liệu chúng ta được phép nói rằng theo ý nghĩa nào đó, nơi mỗi người đều có thiên đàng lương thể này? Nghĩa là vừa có tính thần linh vừa mang tính loài người, có xương có thịt. Một đàng là đời đời, đàng khác là chóng qua. Chúng ta cũng có đức sáng trong con người mình, thí dụ ơn thánh, là sự tham dự vào Lời đã được đổ vào lòng mỗi người. Trong khi Thiên Chúa chiếu rọi ánh sáng trên chúng ta nhờ mạc khải và thiên nhiên, thì đồng thời Ngài trở dạy từ chiều sâu của tồn tại chúng ta cho tới mức độ mà ý tưởng thánh thiện nhất của chúng ta được nảy sinh, cho tới mức độ ơn thánh tự biểu lộ. Thiên Chúa lại gặp gỡ chính mình. Thiên đàng nội tâm được ban cho kiểu đó, một thứ thiên đàng mà chân lý là các trăng sao, một thiên đàng mà sự thiện ngự trị, một thiên đàng luôn rạng rỡ bất chấp những tối tăm của chúng ta.

Do đó, điều thật rõ ràng là sự thình lạng của Đức Giêsu liên kết với cô tịch trên thánh giá bất kể những xáo trộn bề ngoài của đám đông có mặt. Sự thình lạng chúng ta vừa mô tả tự nhiên đối với Ngài hơn là lời cầu nguyện. Linh hồn Ngài lúc ấy ngập tràn trong suy tư và sung mãn lời nói đến nỗi "Nếu viết lại từng điều một, thì tôi thiết nghĩ: cả thế giới cũng không đủ chỗ chứa hết các sách viết ra" (Ga 21,25). Linh hồn Ngài liên kết mọi linh hồn, với các thực tại hữu hình và vô hình. Nhưng nhìn theo góc cạnh khác, nó luôn luôn cô đơn.

Vì giữa cuộc sống ồn ào của nhân loại, Đức Giêsu vẫn giữ tinh thần thanh cao như chiều nay trên ngọn đồi Calvario. Ngày tháng vẫn trôi đi, nhưng cuộc đời Chúa Giêsu vẫn một niềm kiên nhẫn và chịu đựng đơn điệu. Thăm sâu cõi lòng Ngài là thanh thản lạ lùng, Ngài hành động, suy tưởng, yêu mến tự chủ vậy mà vẫn được tự do. Luôn luôn được mạc khải từ thiên tính. Ngài hằng được nghe những bản nhạc từ thiên cung. Ngài là mẫu mực tuyệt trần theo lời Thánh Phaolô tông đồ: "Quê hương chúng ta ở trên trời" (Philip 3,20).

Sâu thẳm vượt khỏi mọi đo lường thăm dò, vây quanh bằng cô tịch và thình lạng, chiêm hữu và thấu suốt mình, linh hồn Đức Kitô là một vực thẳm của hạnh phúc. Niềm vui như thác lũ tràn ngập tâm hồn Ngài. Ngài chẳng bao giờ không hân hoan. Linh hồn Ngài hạnh phúc muôn đời. Tuy đau đớn xảy đến và nắm giữ linh hồn đó trong giây lát cứu chuộc, nhất là về phần giác quan tinh tế, như bất cứ người phạm đa cảm khác, nhưng xa hơn nữa là miền đất bao la của niềm vui ngự trị.

Như vậy, trong Đức Giêsu có hai loại sự sống: tạm thời và vĩnh viễn. Tạm thời đi từ máng cỏ đến thánh giá và nấm mồ. Nhưng vĩnh viễn bên hữu Thiên Chúa Cha thì không thay đổi. Cả hai loại đều là thị kiến phước lộc, nhưng chúng tôi luyện nhau như thể chỉ có một. Đối với Đức Giêsu sự sống sau cái chết không phải là hoàn toàn mới. Nó chỉ là sự nối tiếp. Đức Giêsu được sống lại và vinh hiển trong thân xác của mình. Nhưng linh hồn Ngài liên tiếp thi hành sứ mệnh và đàm thoại với Đức Chúa Cha không ngừng. Triều thiên vinh hiển của công nghiệp không khiến Ngài thay đổi nhiều. Mặc dù phải nhuốm bụi trần và đau đớn bong da cháy thịt, nhưng Ngài vẫn ngự trong vinh quang. Ngài luôn diện kiến mặt đối mặt với Thiên Chúa Cha. Ngài còn phải tìm hiểu gì hơn nữa? Ngoài việc cuối cùng thân xác sẽ chia sẻ hiển vinh với linh hồn.

Nơi cuộc sống tạm bợ này, xem ra Ngài bị chia đôi. Ngài là đại dương của thanh thần và bình an giữa những ngọn sóng thét gào, bão táp vui dập trong cuộc thương khó, và "buồn rầu của tử thần bao bọc chung quanh". Nhưng giữa hai trạng thái đối nghịch này, một nền hòa hợp đã được báo trước, và được thể hiện trọn vẹn trong biến cố thăng thiên.

Như vậy, có thể liên kết hai trạng thái ngược chiều lại với nhau không? Xin lưu ý mỗi trạng thái tranh thủ lần át toàn bộ sinh hoạt của linh hồn: Đau khổ là tất cả, trừ tính chất vĩnh viễn, liên kết với phúc lộc đời đời. Niềm vui thiên đàng với cây thập tự? Thế nào đi nữa thì thực tế đã xảy ra rồi nơi Đức Giêsu. Chúng ta phải liên kết chúng với nhau thôi. Nhưng làm thế nào? Chân lý Ngôi hiệp là câu trả lời. Theo định luật thần linh. Ngôi hiệp bao gồm thị kiến phước lộc. Đau khổ là phương tiện Thiên Chúa chỉ định cho công cuộc cứu vớt. Như thế chỉ quyền năng Đấng Tối Cao mới thực hiện được sự hòa hợp này. Tạo hóa đã liên kết với thụ tạo, vậy thì chúng ta phải chấp nhận chân lý là Ngài không khước từ nhiệm vụ của mình và không tỏ ra mình bất lực trong việc giải quyết khó khăn mà Ngài đã gây nên.

* * *

Nhưng chẳng phải như thế là tất cả. Ở nơi mà rất nhiều màu nhiệm làm chúng ta bối rối, các thần học gia còn tìm thấy một điều bí ẩn nữa. Đó là lời nói của Đức Giêsu trên thập tự: "Lạy Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa của con, tại sao Chúa bỏ con". Một vài tác giả không coi đó là tiếng kêu của tuyệt vọng, như chúng ta thường hiểu. Họ gán cho nó một ý nghĩa quá đau xót đến nỗi cuộc hấp hối trong Vườn Cây Dầu đêm hôm trước chẳng thấm thía vào đâu nếu so sánh với tình trạng linh hồn kêu lên tiếng ấy. Họ nhìn xem đây là cực điểm của nỗi kiệt quệ nơi con người.

Tuy nhiên phải công nhận rằng lời giải thích này không được các biến cố hỗ trợ. Thực tế, lời Chúa Giêsu thốt ra là câu trích của Thánh vịnh 22. Nó là những lời mở đầu: "Lạy Chúa con thờ, muôn lạy Chúa. Ngài nở lòng ruồng bỏ con sao. Dù con thảm thiết kêu gào, nhưng ơn cứu độ nơi nao xa vời? Cho nên người ta tự nhiên giả định ý kiến lời tiếp tục cầu nguyện thâm thĩ của Chúa Giêsu chứ không phải tiếng kêu thảm thiết.

Thánh vịnh 22 mang tính tiên tri và nó liên quan lạ lùng đến cuộc Khổ Nạn của Đức Giêsu. Cuối thánh vịnh là cái nhìn lạc quan về vinh hiển với hy vọng lớn về hiệu quả của các khổ đau: "Hỡi những ai kính sợ Đức Chúa, hãy ca tụng người đi... Bởi vì Chúa chẳng coi thường, chẳng khinh miệt kẻ nghèo hèn khốn khó, cũng không đành ngoảnh mặt làm ngơ, nhưng đã thương nghe lời cầu cứu" (c. 24-25). Cho nên không có lý do nào bắt buộc chúng ta xác định rằng tiếng kêu của Đức Giêsu chỉ là lời cầu cứu đơn giản, hay lời xướng thánh vịnh, hoặc nếu muốn, tóm lược của thánh vịnh mà phải thừa nhận Đức Giêsu cầu nguyện bằng toàn bộ thánh vịnh cách thâm thĩ.

Có nhiều nhà thần học tìm thấy lối giải thích trên vẫn còn đơn sơ và nông cạn. Họ nghi ngờ rằng trong lời kêu cứu của Đức Giêsu có điều chi vượt xa hơn. Hoĩ nghĩ Đức Giêsu còn tìm thấy cận bã

khác trong chén đắng của mình. Ngài đã kinh qua tất cả những nỗi đau đớn ghê hồn loài người giáng xuống thân xác Ngài. Nhưng Ngài còn cảm nghiệm nỗi hành hạ khác từ tay Thiên Chúa.

Niềm hy vọng vào Chúa Cha từ xưa đến nay vẫn nâng đỡ Ngài. Nhưng lúc này Ngài mất nó. Cha Ngài vốn là nguồn an ủi của Ngài để chống lại sự tàn nhẫn và khước từ của loài người. Nhưng lúc này Cha Ngài xem ra dấu mặt đi hoặc đứng đưng đưng ngoài cuộc. Địa cầu chối bỏ Ngài thì còn thiên đàng. Nhưng bây giờ thiên đàng cũng biến mất hoặc bị che khuất bởi cái nhìn nội tâm của Ngài giống như bầu trời bị màn đêm che phủ, chẳng còn nơi nương tựa tinh thần nào nữa. Thế là Ngài phải nếm mùi địa ngục. Ngài phải kinh nghiệm nó dưới cả hai hình thức: Aùn phạt đời đời. Từ đó Ngài cứu vớt nhân loại khỏi nỗi thất vọng hư mất và nỗi đau đớn của hình phạt giác quan. Hình phạt hư mất được diễn tả bằng sự kiện bị Chúa Cha ruồng bỏ và Ngài hoàn toàn cô đơn. Hình phạt thứ hai đau đớn giác quan là cây thập giá. Chỉ khi ấy chúng ta mới nói được cuộc Khổ Nạn của Đức Giêsu là trọn vẹn và công trình cứu độ được hoàn thành. Mức độ đau khổ sẽ dâng cao đến chóp đỉnh rồi dịu dần đi. Bằng không trong linh hồn Ngài vẫn còn một đồn lũy chưa bị tấn công.

Hãy coi sự thật là như vậy đi, và nếu được hãy xé nát trái tim mình ra khi suy tưởng rằng Chúa Cứu Chuộc của chúng ta đành chịu mất thiên đàng ngõ hầu thắng lại thiên đàng cho nhân loại. Hãy giả dụ rằng Ngài mất nó trong khi vẫn giữ nó nơi trái tim, ở ý nghĩa rằng Ngài không còn kinh nghiệm được nó nữa, rằng Ngài đứng trước mặt một Thiên Chúa sắt đá, không hề tháo gỡ gánh nặng cho ai. Hoặc tệ hơn, Cha Ngài hoàn toàn dấu mặt. Ngõ hầu tuy vẫn là Con Thiên Chúa và vẫn ở thiên đàng, nhưng Ngài chịu đựng tất cả mọi hành hạ của hỏa ngục.

Thánh Anselmô viết: " Ngài xem ra quên mình là Thiên Chúa". Có một cản trở ghê sợ nào đó nổi dậy giữa nhân tính và thiên tính nơi Ngài. Ngài cảm nghiệm một lời chúc dữ giáng xuống thân phận mình. Lời chúc dữ đó là của chúng ta mà Ngài đã gánh lấy cùng tội lỗi của nhân loại. Như vậy vị đắng Ngài phải chịu đựng quả là vô cùng. Vô cùng như Tình Yêu dấu mặt đi, vô cùng như sự thiện xem ra đã mất, vô cùng như hạnh phúc rời bỏ linh hồn để tan thành mây khói.

Nhưng Ngài vẫn mến yêu và tình yêu này làm nhẹ bớt nỗi sợ hãi các đau đớn. Mặc dù sự thiện tối cao xem ra vượt khỏi tầm tay, nhưng Ngài vẫn một lòng gắn bó với Sự Thiện Tối Cao ấy bằng một tình yêu nồng cháy đến độ tối tăm không còn chỗ trong trái tim Ngài nữa. Liệu người ta có thể tin được Đức Giêsu cảm thấy tuyệt vọng? Khi mà Ngài khát khao với tất cả ý chí khi thi hành ý muốn của Chúa Cha mà Ngài yêu dấu? Thánh nữ Thérèse thật đúng lý khi định nghĩa hỏa ngục như nơi chốn không còn tình yêu. Vậy cái logic tất yếu là nơi đâu có tình yêu, nơi đấy là thiên đàng. Tuy nhiên thiên đàng này của Đức Giêsu gồm tóm luôn đau khổ đến cùng cực để cứu chuộc loài người. Mặt trời tinh thần của chúng ta đã chết. Lúc này Ngài là miền đất không có ánh sáng, băng giá che phủ khắp mọi nơi, dòng suối ủi an giữa Cha Ngài và Ngài đã ngừng chảy. Trái tim của Cha Ngài đã rời khỏi Ngài. Xin hãy tưởng tượng nỗi đau của Con Thiên Chúa khi cảm thấy Cha Ngài không hiện diện nữa! Xót xa biết chừng nào!

* * *

"Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa của con, nhân sao Ngài bỏ con!". Sự từ bỏ tạm thời và bề ngoài này xảy ra giữa hai thời kỳ tin cậy và bình an trên ngọn đồi Calvario, tương tự như cơn hấp hối giữa lúc tâm sự ở phòng trên lầu và lòng dũng cảm khi bị bắt, cũng giống như lần vấp ngã giữa hai bước đi. Đức Giêsu lấy lại thanh thân sau thử thách đó. Thiên đàng lại mở ra cho Ngài và cánh tay Thiên Chúa lại đón nhận Ngài. Giống như thánh Stephanô sau này, Đức Giêsu lại trông thấy bầu trời rộng mở và Ngài bước vào thiên đàng bằng con mắt linh hồn mình.

* * *

Một thiên đàng khác, và đây là thiên đàng cuối cùng chúng ta bàn tới, là thiên đàng Ngài mua được bằng giá máu của mình. Lần này thay vì chỉ chiêm ngắm hay được ban cho, nó là thiên đàng của Ngài và của chúng ta nữa. Đây là viễn tượng chiến thắng mà đôi mắt nhìn lên cao vào không gian bắt tận qua chiếc màng mỏng biểu tượng bằng máu.

Phải chăng bầu trời xanh trên cao không ám chỉ thiên đàng cho chúng ta? Nó là một trạng thái xa xôi tinh thần so với tình trạng hiện thời của mỗi người? Giống như tự do và bình an có nghĩa là nơi phiêu diêu cực lạc, gọi nôm na là tiên cảnh bỗng lai! Đức Kitô đã từng hứa thiên đàng này cho chúng ta mà Ngài gọi là Nước Trời. Trong bữa tiệc ly Ngài nói với các môn đệ: "Thầy đi để dọn chỗ cho anh em". Lúc ấy Ngài đã nghĩ đến biển cố thăng thiên. Sự lên trời này xem ra là định vị một chỗ ngồi màu nhiệm trên các tầng mây xanh khi Ngài ngự lên vinh hiển.

Đấng thiết lập trung gian giữa Thiên Chúa và nhân loại, chắc chắn đủ khả năng để nối kết chúng lại. Đấng mang trong mình thiên đàng, chắc chắn sẽ mở nó ra cho chúng ta vào. Ngay cả giờ phút này trên Thánh giá Ngài đã gõ cửa rồi. Chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ buộc nó mở ra. Phải chăng đây là điều Ngài nói với tên trộm lành: "Hôm nay anh sẽ ở trên thiên đàng với Ta"?. (Lc 23,43).

Trước khi bình minh ló dạng trên ngọn Golgotha thì còn một màn sương sớm che phủ. Khi ngôi sao mai còn lấp lánh yếu ớt sau màn sương ấy thì chẳng còn mấy chốc nữa Vàng Ô rực rỡ chói dậy tung mình khỏi bóng tối, giải phóng mình ra khỏi bàn tay tử thần. Chính Ngài, Đức Giêsu Kitô là mặt trời không bao giờ lặn, là ánh sáng chỗi lên từ trái đất, thanh thân chiếu soi con mắt nhân loại (bản công bố Phục sinh Exultet). Cho nên thiên đàng mà Mặt trời Công Chính sẽ vào, và nhân loại cũng sẽ vào đang diễn ra trước mắt Đấng chịu đóng đinh. Ngài nhìn thăm sâu vào thiên đàng ấy bằng con mắt tinh thần mà không sao lãng công việc trước mắt. Vì mục tiêu và đối tượng của công việc này là một tương lai khổng lồ. Ngài thị sát "thành trì" trên không trung của Ngài. Các đẳng thiên thần là triều thiên của thành trì ấy giống như cô dâu trang sức bằng lọn tóc xinh đẹp và thơm tho (thánh thi lễ cung hiến nhà thờ), thành trì của đàn cầm và chén vàng, của hương thơm và kèn đồng, của cành lá và áo choàng trắng, của triều thiên và ca hát. Đây là thành trì "nơi Thiên Chúa sẽ lau khô nước mắt họ. Sẽ không còn sự chết, sẽ không có tang tóc, than van và đau khổ nữa. Vì những điều cũ đã qua đi". (Kh 21,4).

Đức Giêsu liếc mắt nhìn, cái nhìn ấy xem ra muốn nói: Hỡi các người, đây là đường lối của chúng ta: Ta đi trước và các người sẽ theo sau. Triều thiên là chắc chắn. "Ai thắng Ta sẽ cho ngự bên Ta trên ngai của Ta, cũng như Ta đã thắng và ngự bên Cha Ta trên ngai của Ngài"(Kh 3,21). "Hãy sát cánh cùng Ta để được thắng trận lớn, bởi vì chẳng có chiến thắng nào không đòi hỏi hy sinh. Chúng ta hãy chịu khó vì chiến thắng giả định cái chết thánh thiện. Chúng ta hãy chịu đựng cái chết và chuẩn bị cùng Ta để chết thánh thiện. Bây giờ phúc cho ai được chết trong Đức Chúa".

Thần khí trả lời: "Phúc thay những ai chết mà được chết trong Chúa, họ sẽ được nghỉ ngơi, không còn nhọc nhằn nữa, vì các việc họ làm vẫn theo họ" (Kh 14, 13).

LỜI BẠT

Thần chết chậm chạp tới gần. Đức Giêsu nhấp miếng mật đắng cuối cùng của cuộc đời Ngài. Miếng này nhắc nhở tất cả những lần Ngài uống trước. Đau đớn gia tăng khiến Ngài cảm nghiệm ngọn lửa sức sống bùng lên trong thân thể. Công trình đã hoàn tất, cây trái chỉ còn việc lớn lên. Ngài đã hoàn thành bổn phận. Hậu quả của nó trong muôn thế hệ về sau không cần đến sự hiện diện khả thị của Ngài nữa. Thực tế, các hậu quả đó đã lập được rồi. Ngài nói như trong nhà tiệc ly: "Thầy ra đi thì ích lợi cho anh em hơn" (Ga 16,7).

Nơi Ngài, Kinh thánh đã nên trọn vẹn. Mọi điều Ngài phải làm thì đã được thực hiện rồi. Ngài đã chịu đau khổ như Thánh Ý Đức Chúa Trời. Ngài tập trung tất cả những điều ấy trong trí khôn, và diễn tả trong một lời nói như thể bảo rằng hỡi tử thần bây giờ được phép tiến đến với Chủ người. Mọi sự đã hoàn tất.

Sự thực, đối với Đức Giêsu, mọi sự đã hoàn thành và như vậy đối với nhân loại nữa. Loài người chẳng thể đòi hỏi gì hơn. Đức Giêsu, đáng lập kế hoạch để ban tặng cho chúng ta hơn là chúng ta dám mơ ước, chẳng còn chi để ban hơn nữa. Ngài đã phục hồi mọi sự trong mình. Thánh giá của Ngài muôn đời sẽ đứng thẳng giữa trời và đất, mang lại phúc lành cho nhân loại, xua tan mọi bóng đen tội lỗi. Ngài còn ước mong chi nữa? Hoặc còn chi để chu toàn?

Những điềm gỡ cuối cùng xuất hiện khi giờ thứ chín điểm. Bóng đêm trên ngọn đồi Golgotha kéo về dần. Núi Gareb phủ một màu tang, như tấm vải đen che chiếc quan tài. Màn đêm dày đặc báo hiệu ánh sáng ngày mới đang tiến đến gần.

Địa cầu rung chuyển. Các dãy mồ mả xô xao. Người chết hiện về đường phố Giêrusalem. Màn trong đền thờ xé ra làm đôi từ trên xuống dưới và bị gió cuốn đi. Có lẽ bởi cơn gió nóng, ẩm ướt, khá mạnh từ sa mạc Libăng thổi qua Địa trung hải, thường xảy ra vào thời tiết ấy. Đây là bức màn thứ nhất phân chia tiền đường với nơi thánh. Để lộ những bí ẩn về Chúa Giêsu và các màu nhiệm Ngài đã giảng dạy. Cơn gió chỉ để lại màu nhiệm vĩ đại nhất sau bức màn che nơi cực thánh.

Đó là biểu hiện của Đức Chúa Trời. Nếu như Ngài thường dùng các dấu chỉ tự nhiên để mặc khải siêu nhiên, thì đây là ví dụ khác về tính hòa hợp nhịp nhàng của công việc Ngài làm. Ngài công bố lòng thương xót không lồ của Thiên Chúa qua ngôn ngữ các biến cố.

Thành thánh Giêrusalem co cụm các mái vòm của mình lại dưới đám mây đen đầy đe dọa như gà mẹ của dụ ngôn thu thập đàn con. Dưới lưỡi gươm của người Rôma thành thánh khát máu nằm đầy như một xác chết, sẵn sàng để chịu phá hủy.

Thiên nhiên chẳng còn ánh sáng, trái tim đóng kín của con người chỉ đầy tối tăm. Duy tình mến của đám phụ nữ đạo đức là bay lên cùng Đấng Cứu Thế đang chịu khổ hình. Duy chỉ có tình yêu của Ngài bao trùm thế giới.

Cô Maria Magdala vẫn đang nức nở khóc. Xa hơn nữa là các phụ nữ thánh thiện đứng nhìn. Có mấy môn đệ giữ thình lặng. Gioan nâng đỡ người Mẹ mới của mình. Tim Mẹ tan nát nhưng vẫn đứng hiên ngang, thâu ngời nhưng gục ngã bất cứ lúc nào. Nếu như các tảng đá còn vỡ ra, hướng hồ trái tim Đức Maria.?

Đức Giêsu kiệt sức, mặc cho chút hơi còn lại cạn dần dần, Ngài há hốc miệng hợp lấy hơi thở. Con khát cháy bỏng vẫn đang nuốt chửng ngài. Nhưng còn cơn khát khác nữa chủ yếu là tinh thần. Ngài khát trái đất và trái đất, mặc dầu không ý thức, cũng khát Ngài kinh khủng. Liệu Ngài không ước ao đôi môi khô héo khốn nạn của mình một lần nữa hôn lên mặt đất mà Ngài đã từng yêu mến? Liệu Ngài không khát khao ngay cả trong nhục nhã hôm nay và cho đến mãi mãi về sau, đưa chiếc má dụ dàng cho tên phản bội hôn một lần nữa? Câu trả lời chắc chắn là có. Tấm thân cạn máu của Ngài đã sẵn sàng cho nắm mồ và linh hồn cực thánh cho Đức Chúa Cha.

Bây giờ phong cảnh thiên nhiên trước đôi mắt của Ngài phai nhạt đi. Núi Moab đã biến mất từ lúc nào vào bóng tối. Các đường viền của dãy Olivetê và các triền dốc của Sion mờ dần vào đêm đen. Ngôi nhà tiệc ly, dinh thự Hêrôđê, đền thờ, đồn Antonia, các tường thành, cổng Ephraim, ngọn đồi Golgotha chìm dần vào bóng đêm. Thảm hoa chân hạc bạc phai màu tím thẫm, những giọt máu đọng trên mí mắt Cực thánh đã vón khô lại dưới vòng gai quái ác. Nhưng Đức Giêsu vẫn hoàn toàn tỉnh táo! Chẳng ai có quyền lấy sự sống khỏi Ngài. Chỉ một mình Ngài tự ý thí mạng sống. Ngài đặt nó vào vòng tay yêu thương của Đức Chúa Cha:

"Lạy Cha con xin phó linh hồn con trong tay Cha".

Mọi sự đều ở trong tay Đức Chúa Trời. Nhưng bàn tay ấy chỉ muốn đón nhận mọi sự từ một nền tự do mà Ngài liên kết với quyền năng của mình. Tự do của Đức Kitô biến Ngài thành nền tôn kính vương giả. Cử chỉ cuối cùng này giống hết cử chỉ đầu tiên: "Này con xin đến". Đây là điểm then chốt, là kết thúc của toàn bộ cuộc đời Chúa Cứu Thế. Vì nó là cử chỉ tín thác và mến yêu, hợp nhất và từng phục. Loài người phải học cử chỉ chia sẻ ấy. Bởi nó được thực hiện cho chúng ta và vì chúng

ta. Những linh hồn được tuyển chọn của muôn thế hệ, muôn thời đại, muôn thế giới sẽ gặt hái hoa trái của nó.

Bây giờ chẳng còn chi phải làm trên địa cầu này nữa. Ngài sẵn sàng phó thác sự sống mình, sẵn sàng gục đầu trên lồng ngực ngõ hầu mao gai sắc nhọn trở thành vòng hào quang cho trái tim Ngài. Chẳng còn chi nhiều hơn để ngắm nhìn. Cái liếc cuối cùng của Đấng Cứu Chuộc, lúc này gặp gỡ màu nhiệm vĩ đại và cao siêu hơn hết thảy:

Đức Giêsu khép lại đôi mắt.